Est. 1969
Bien Hoa
TTC SUGAR



21 THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU &
3 VÙNG NGUYÊN LIỆU NƯỚC ĐÔNG DƯƠNG

GIA TĂNG TẦM ẢNH HƯỞNG NHÂN RỘNG CHUỖI GIÁ TRỊ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2018/19

CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

Trụ sở chính

| Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tây Ninh
| (0276) 37 53 250

Văn phòng thương mại

| Tầng 11, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM
| (028) 39 99 88 11
| ttcs@ttcsugar.com.vn

| **www.ttcsugar.com.vn**



TTC SUGAR

NHỮNG THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

ASEAN	:	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
ATIGA	:	Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN
B2B	:	Khách hàng Doanh nghiệp
B2C	:	Khách hàng Tiêu dùng
BCTC	:	Báo cáo tài chính
BCTN	:	Báo cáo thường niên
BĐH	:	Ban Điều hành
BKS	:	Ban Kiểm soát
BLĐ	:	Ban Lãnh đạo
BLQ	:	Bên liên quan
CAGR	:	Tốc độ tăng trưởng kép hàng năm
CBNV	:	Cán bộ nhân viên
CBTT	:	Công bố thông tin
CCS	:	Chữ Đường
CĐ	:	Cổ đông
CPƯĐ	:	Cổ phiếu ưu đãi
CT	:	Chủ tịch
CTCK	:	Công ty chứng khoán
CTCP	:	Công ty Cổ phần
DTT	:	Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng Cổ đông
Đường RE	:	Đường Tinh luyện
Đường RS	:	Đường Kính trắng
ĐVT	:	Đơn vị tính
EBIT	:	Lợi nhuận trước lãi vay và thuế
EBITDA	:	Lợi nhuận trước lãi vay, thuế và khấu hao
ESOP	:	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn của người lao động
GRI	:	Sáng kiến báo cáo toàn cầu
GT	:	Kênh Truyền thống
HĐKD	:	Hoạt động kinh doanh
HĐQT	:	Hội đồng Quản trị
HORECA	:	Kênh bán hàng thông qua Khách sạn - Nhà Hàng - Đơn vị kinh doanh dịch vụ ăn uống
HOSE	:	Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
HTK	:	Hàng tồn kho
IFC	:	Công ty Tài chính Quốc tế
KA	:	Khách hàng trọng yếu
KSNB	:	Kiểm soát nội bộ
KTNB	:	Kiểm toán nội bộ
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	:	Lợi nhuận trước thuế
LYKCĐ	:	Lấy ý kiến Cổ đông
MNC	:	Khách hàng Công nghiệp lớn
MT	:	Kênh hiện đại
NĐ	:	Niên độ
NĐT	:	Nhà đầu tư
P/E	:	Hệ số giá trên Lợi nhuận của cổ phiếu
PTBV	:	Phát triển bền vững
QCƯX	:	Quy chế Ứng xử
QCVN	:	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia
QHSE	:	Chất lượng - Sức khỏe - An toàn - Môi trường
QH NĐT	:	Quan hệ Nhà đầu tư
QLRR/QTRR	:	Quản lý rủi ro/ Quản trị rủi ro
QTCT	:	Quản trị Công ty
QTDN	:	Quản trị Doanh nghiệp
QTNB	:	Quản trị nội bộ
R&D	:	Nghiên cứu và Phát triển
SGDCK	:	Sở giao dịch Chứng khoán
SME	:	Kênh Tiểu thủ Công nghiệp
SPKPH	:	Sản phẩm không phù hợp
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
TBKT	:	Tiểu ban Kiểm toán
TGĐ	:	Tổng Giám đốc
TNHH MTV	:	Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
TTCA	:	TTC Attapeu
TTC Biên Hòa/ SBT/ Công ty	:	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa
TTCK	:	Thị trường chứng khoán
TTS	:	Tổng tài sản
TV	:	Thành viên
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VCSH	:	Vốn Chủ sở hữu
VĐL	:	Vốn Điều lệ
VNL	:	Vùng nguyên liệu

Nội dung

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TTC BIÊN HÒA
NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2018-2019



THÔNG ĐIỆP GỬI CỔ ĐÔNG
Trách nhiệm người dẫn đầu

06 Những sự kiện nổi bật dành cho Cổ đông và Nhà Đầu tư
07 Điểm nhấn tài chính
12 Thông điệp Hội đồng Quản trị
18 Quản trị Công ty
56 Chiến lược phát triển
66 Hoạt động Thị trường vốn và Quan hệ Nhà Đầu tư
74 Báo cáo Ban Tổng Giám đốc
86 Báo cáo Tài chính Kiểm toán
152 Cam kết tính trung thực và hợp lý của Báo cáo thường niên, Báo cáo Phát triển bền vững tóm tắt



HƯỚNG ĐẾN TỪNG KHÁCH HÀNG
Hiện thực hóa mục tiêu

156 Những sự kiện nổi bật dành cho Khách hàng
157 Những con số nổi bật
160 Chuỗi giá trị Cây Mía
182 Hoạt động R&D và Cảm nhận của Khách hàng về sản phẩm mới
186 Đảm bảo chất lượng và Đánh giá của Khách hàng về chất lượng sản phẩm



ĐỒNG HÀNH NGƯỜI NÔNG DÂN
Xây dựng Nông nghiệp xanh

196 Những sự kiện nổi bật dành cho Người Nông dân
197 Những con số nổi bật
198 Chặng đường phát triển
210 Vùng nguyên liệu xuyên biên giới
212 Đầu tư phát triển công nghệ và Tình hình triển khai các Dự án
216 Người Nông dân - Trên mỗi chặng đường



GẮN KẾT CÙNG CỘNG ĐỒNG
Vững bước đến tương lai

220 Những sự kiện nổi bật dành cho Cộng đồng - Xã hội
221 Cam kết Phát triển bền vững từ Chủ tịch Hội đồng Quản trị
222 17 mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc
224 Bộ Quy chế ứng xử
226 Tuân thủ pháp luật
232 Gắn kết Bên liên quan
240 Chủ đề Kinh tế
246 Chủ đề Xã hội
254 Chủ đề Môi trường
270 Thông tin liên hệ các Bên liên quan

THÔNG ĐIỆP GỬI CỔ ĐÔNG

TOP 50

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN XUẤT SẮC THẾ GIỚI

9

ETFS VÀ CÁC RỔ CHỈ SỐ UY TÍN TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

NẮM GIỮ **19,2** TRIỆU CỔ PHIẾU SBT

394 TRIỆU USD

GIÁ TRỊ VỐN HÓA

649 TỶ ĐỒNG

DEG MUA CỔ PHẦN ƯU ĐÃI SBT



TRÁCH NHIỆM NGƯỜI DẪN ĐẦU

Với vị thế là Doanh nghiệp dẫn đầu Ngành Mía Đường Việt Nam, TTC Biên Hòa không chỉ là Đơn vị tiên phong đưa Đường Organic xuất khẩu sang thị trường Châu Âu tại 6 Quốc gia thông qua ED&F MAN - Anh Quốc là Đối tác chiến lược; mà còn là Doanh nghiệp Mía Đường duy nhất thực hiện thương vụ huy động vốn mang tầm quốc tế với DEG - Quỹ Đầu tư do Chính phủ Đức sở hữu.

NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT DÀNH CHO CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

THÁNG 7 2018

SBT tiếp tục trong Rổ VN30 kỳ tháng 7/2018:
Cổ phiếu Ngành Mía Đường duy nhất

SBT thuộc Top 20 Chỉ số PTBV - VNSI:
Cùng các thương hiệu uy tín VIC, VNM, NVL, PNJ, DHG...

Hoàn thành kế hoạch NĐ 17-18:
DTT tăng 129%, LNST tăng 89% so cùng kỳ

THÁNG 8 2018

Diễn đàn M&A lần 10:
TTC Biên Hòa - "Thương vụ hợp nhất doanh nghiệp tiêu biểu",
"Thương vụ mua lại tiêu biểu"

Công ty Chứng khoán Đại Việt - DVSC - Giá mục tiêu SBT 18.847 đồng - Nắm giữ:
Tăng 16% so giá thị trường

Công ty Chứng khoán Phú Hưng - PHS - Giá mục tiêu SBT 25.137 đồng - Mua:
Tăng 31% so giá thị trường

THÁNG 9 2018

Công ty Chứng khoán Bảo Việt - BVSC
- Giá mục tiêu SBT 19.885 đồng - Trung lập:
Tăng 6% so giá thị trường

THÁNG 10 2018

Quý 1 NĐ 18-19:
DTT 2.523 tỷ đồng, tăng 62% cùng kỳ

Công ty Chứng khoán FPT - FPTS - Giá mục tiêu SBT 23.330 đồng - Nắm giữ:
Tăng 12% so giá thị trường

Công ty Chứng khoán TP. HCM - HSC - Giá mục tiêu SBT 21.724 đồng - Nắm giữ:
Tăng 6% so giá thị trường

Khối ngoại mua ròng SBT:
3 tuần đầu tháng, 6 triệu cổ phiếu, 120 tỷ đồng

THÁNG 11 2018

Kế hoạch NĐ 18-19:
DTT 11.545 tỷ đồng, tăng 12% cùng kỳ

Tổ chức nước ngoài là CĐ lớn:
5,7% lượng cổ phiếu đang lưu hành

Morning Star - Giá mục tiêu SBT 27.416 đồng:
Tăng 23% so giá thị trường

THÁNG 12 2018

Thông báo chào bán riêng lẻ:
CPƯĐ cổ tức cho NĐT chiến lược Châu Âu

Chi trả cổ tức:
Tạm ứng 4% bằng tiền mặt NĐ 17-18

Công ty Chứng khoán TP. HCM - HSC - Giá mục tiêu 21.724 đồng - Nắm giữ:
Tăng 10% so giá thị trường

THÁNG 1 2019

SBT tiếp tục trong Rổ VN30 kỳ tháng 1/2019:
Cổ phiếu Ngành Mía Đường duy nhất

Chi trả cổ tức:
6% bằng cổ phiếu NĐ 16-17

Quý 2 NĐ 18 -19:
Sản lượng Đường tăng 11% cùng kỳ, nợ vay giảm 11% so đầu NĐ

THÁNG 2 2019

Top 50 BCTN xuất sắc nhất thế giới - Hiệp hội Truyền thông
Chuyên nghiệp Hoa Kỳ - LACP:
Doanh nghiệp Việt Nam duy nhất

THÁNG 3 2019

Vietnam Access Day - Công ty Chứng khoán Bản Việt - VCSC:
Gặp gỡ 10 Định chế Tài chính Châu Mỹ, Châu Á

Morning Star - Giá mục tiêu SBT 20.321 đồng:
Tăng 3% so giá thị trường

THÁNG 4 2019

Quý 3 NĐ 18-19:
LNST 284 tỷ đồng, tăng 106% cùng kỳ

THÁNG 5 2019

Citi-SSI Vietnam C-Suite Corporate Day - Công ty Chứng khoán SSI - SSI:
Gặp gỡ 5 Định chế Tài chính Châu Âu, Châu Á

THÁNG 6 2019

HSC Emerging Vietnam - Công ty Chứng khoán TP. HCM - HSC:
Gặp gỡ 14 Định chế Tài chính Châu Âu, Châu Á

Chi trả cổ tức:
4% bằng tiền NĐ 17-18

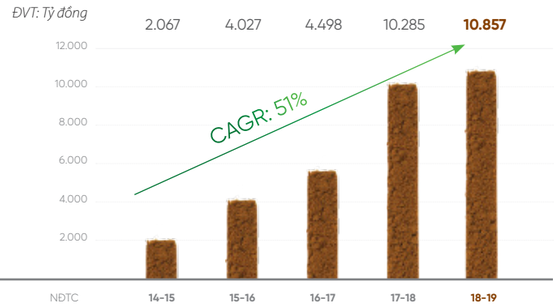
NHỮNG CON SỐ TÀI CHÍNH TIÊU BIỂU

CHỈ SỐ VỀ LỢI NHUẬN

LỢI NHUẬN TƯƠNG LAI ĐẾN TỪ THỊ PHẦN HIỆN TẠI

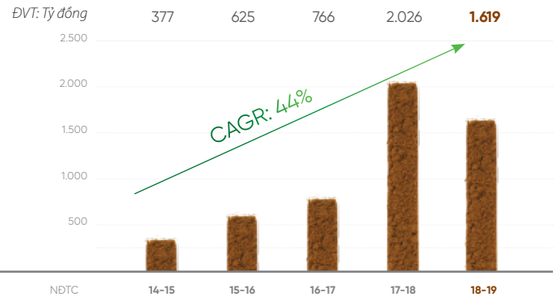
DOANH THU THUẦN

10.857 TỶ ĐỒNG



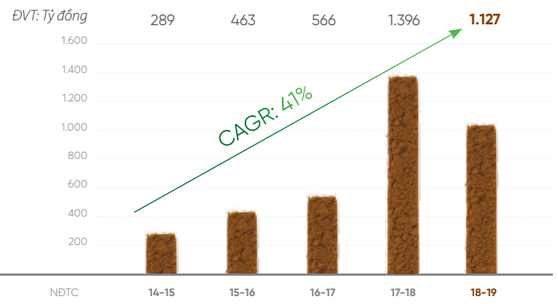
THU NHẬP TRƯỚC THUẾ, LÃI VAY VÀ KHẤU HAO - EBITDA

1.619 TỶ ĐỒNG



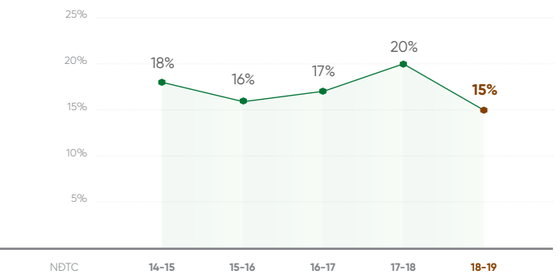
THU NHẬP TRƯỚC THUẾ VÀ LÃI VAY - EBIT

1.127 TỶ ĐỒNG



BIÊN EBITDA

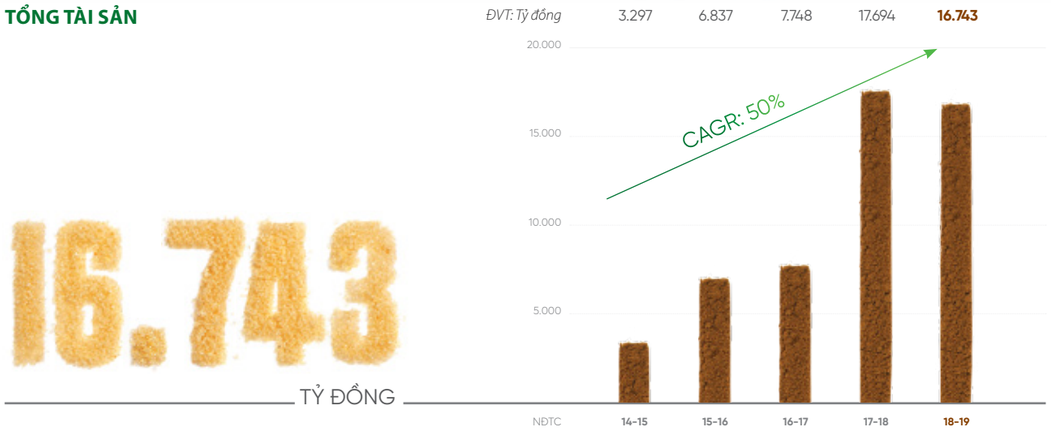
15%



NHỮNG CON SỐ TÀI CHÍNH TIÊU BIỂU (TIẾP THEO)

CHỈ SỐ VỀ TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

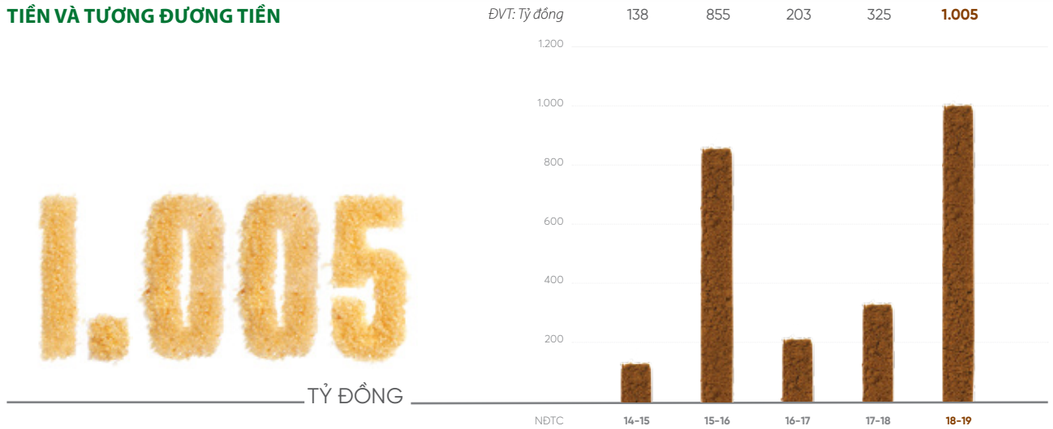
TỔNG TÀI SẢN



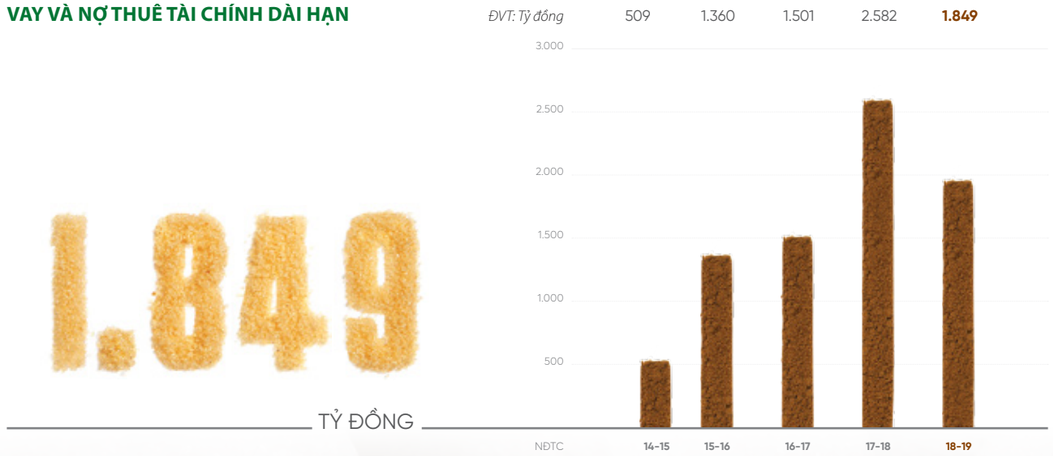
VỐN CHỦ SỞ HỮU



TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN



VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN



TÓM TẮT TÀI CHÍNH NIÊN ĐỘ 14-15 ĐẾN 18-19

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN	ĐVT	14-15	15-16	16-17	17-18	18-19
Chỉ số Thanh khoản						
Tỷ số thanh toán Hiện hành	Lần	2,2	1,5	1,4	1,1	1,1
Tỷ số thanh toán Nhanh	Lần	1,3	1,0	0,8	0,7	0,8
Chỉ số Cấu trúc vốn						
Nợ vay/Tổng tài sản	Lần	0,36	0,57	0,56	0,58	0,55
Nợ vay/Vốn Chủ sở hữu	Lần	0,61	1,44	1,42	1,69	1,57
Chỉ số Hoạt động						
Hiệu suất sử dụng tài sản	Lần	0,62	0,79	0,62	0,81	0,63
Ngày bình quân vòng quay Hàng tồn kho	Ngày	135	111	152	121	123
Chỉ số Khả năng sinh lời						
Biên EBITDA	%	18	16	17	20	15
Biên EBIT	%	14	11	13	14	10
Biên Lợi nhuận gộp	%	13	15	13	13	8

KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ đồng)	14-15	15-16	16-17	17-18	18-19	Tăng/Giảm cùng kỳ (%)	CAGR 14-15 – 18-19 (%)
Doanh thu thuần	**2.067**	**4.027**	**4.498**	**10.285**	**10.857**	***6***	***51***
Lợi nhuận gộp	259	605	556	1.326	872	*-34*	***35***
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	200	304	301	539	319	*-41*	***12***
Lợi nhuận trước thuế	208	310	310	682	422	*-38*	***19***
Lợi nhuận sau thuế	**189**	**294**	**287**	**545**	**259**	***-52***	***8***
EBIT	289	463	566	1.396	1.127	*-19*	***41***
EBITDA	377	625	766	2.026	1.619	*-20*	***44***

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tỷ đồng)	14-15	15-16	16-17	17-18	18-19	Tăng/Giảm cùng kỳ (%)	CAGR 14-15 – 18-19 (%)
Tài sản ngắn hạn	**1.891**	**4.216**	**4.415**	**9.813**	**9.794**	***0***	***51***
Tiền và tài sản tương đương tiền	138	856	203	325	1.005	*209*	*64*
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7	46	112	614	768	*25*	*224*
Khoản phải thu ngắn hạn	961	1.931	2.068	4.715	5.036	*7*	*51*
Hàng tồn kho	749	1.333	1.958	3.972	2.781	*-30*	*39*
Tài sản ngắn hạn khác	36	50	74	187	204	*9*	*54*
Tài sản dài hạn	**1.405**	**2.620**	**3.333**	**7.881**	**6.949**	***-12***	***49***
Khoản phải thu dài hạn	49	194	247	544	146	*-73*	*31*
Tài sản cố định	533	1.555	1.442	4.698	4.352	*-7*	*69*
Bất động sản đầu tư	-	-	131	181	157	*-13*	*100*
Tài sản dài hạn dở dang	171	125	79	134	679	*407*	*41*
Đầu tư tài chính dài hạn	612	686	1.373	637	125	*-80*	*-33*
Tài sản dài hạn khác	40	60	61	1.687	1.490	*-12*	*147*
Tổng Tài sản	**3.296**	**6.836**	**7.748**	**17.694**	**16.743**	***-5***	***50***
Nợ phải trả	**1.374**	**4.134**	**4.687**	**11.596**	**10.924**	***-6***	***68***
Nợ ngắn hạn	866	2.775	3.164	8.902	8.966	*1*	*79*
Nợ vay ngắn hạn	*668*	*2.520*	*2.850*	*7.703*	*7.284*	*-5*	*82*
Nợ dài hạn	508	1.359	1.523	2.694	1.958	*-27*	*40*
Nợ vay dài hạn	*508*	*1.359*	*1.501*	*2.582*	*1.849*	*-28*	*38*
Vốn Chủ sở hữu	**1.922**	**2.702**	**3.061**	**6.098**	**5.819**	***-5***	***32***
Tổng Nguồn vốn	**3.296**	**6.836**	**7.748**	**17.694**	**16.743**	***-5***	***50***

Nguồn: BCTC hợp nhất Kiểm toán NĐ 14-15 đến 18-19

THÔNG ĐIỆP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỒ SƠ NĂNG LỰC



Ông **Phạm Hồng Dương**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 1974

Thời điểm được bổ nhiệm: Tháng 2/2015
Thời gian đảm nhiệm vị trí CT HĐQT: *4 năm 4 tháng*
Trách nhiệm quyền hạn: Người đại diện Pháp luật và phát ngôn chính thức của Công ty, CT Tiểu ban Chiến lược - chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược trung dài hạn, CT Tiểu ban Nhân sự - chịu trách nhiệm chung về chiến lược Nhân sự cấp cao, bao gồm cơ cấu và chính sách
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty Mẹ - Con): *Không*
Tỷ lệ sở hữu cổ phần SBT có quyền biểu quyết:
2.740.597 cổ phần, chiếm 0,47% VĐL

Thành tựu nổi bật

Nghiên cứu sinh chuyên Ngành Kinh tế Nông nghiệp, Đại học Kasetsart - Thái Lan; Thạc sĩ Quản trị Sản xuất - Đại học Khoa học Ứng dụng Ludwigshafen - Đức; Kỹ sư Hóa - Đại học Bách khoa TP. HCM, Ông là một trong những Nhân sự được đào tạo bài bản về chuyên môn và trưởng thành từ lò đào tạo Công ty Bourbon Tây Ninh. Hiểu được những vấn đề nội tại khiến Ngành Mía Đường Việt Nam kém phát triển tập trung ở khâu canh tác nuôi trồng, Ông cũng đã dành thời gian nghiên cứu chuyên biệt về Kinh tế Nông nghiệp tại Trường Đại học Kasetsart Thái Lan. Ông Dương đảm nhiệm vị trí TV HĐQT các Công ty Đường Biên Hòa, Bao bì Thành Thành Công, Mía Đường Nhiệt điện Gia Lai và trở thành CT HĐQT Công ty Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh. Đến 2015, Ông chính thức là CT HĐQT TTC Biên Hòa.

Với trình độ chuyên môn cao và am hiểu về hoạt động sản xuất của các nhà máy Đường, Ông đã dẫn dắt thành công nhiều dự án nâng công suất và cải tiến công nghệ tinh luyện, điển hình là Nhà máy Đường Biên Hòa - Ninh Hòa từ một Nhà máy sản xuất thuần Đường RS với công suất 60.000 tấn/năm vào thời điểm năm 2011 có thể lên đến 100.000 tấn Đường RE năm 2017. Sau khi sáp nhập thành công CTCP Đường Biên Hòa - BHS năm 2017, Ông đã đích thân dẫn dắt Tiểu ban Chiến lược, xây dựng các đề án phát triển sản phẩm Cạnh Đường - Sau Đường, cũng như xác định con đường phát triển Nông nghiệp, kiên định tập trung vào các sản phẩm hữu cơ xanh - sạch, đưa TTC Biên Hòa trở thành Nhà sản xuất Đường lớn nhất trong Khu vực Đông Dương. Để hoạt động Quản trị và Điều hành xuyên suốt, hiệu quả, Ông đã định hướng BĐH áp dụng phần mềm FRM cho việc quản lý Nông nghiệp bao gồm cả VNL Đầu tư của Nông dân và VNL Nông trường.

Với 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Mía Đường, Ông được đề cử giữ những vị trí quan trọng không chỉ trong Ngành Đường Việt Nam mà trên thế giới. Từ năm 2017 đến nay, Ông là Phó CT Hiệp hội Mía Đường Việt Nam, TV Liên Minh Đường Asean (ASA) và TV Hiệp hội Công nghệ Mía Đường Quốc tế (ISSCT).



Bà **Đặng Huỳnh Ức My**
Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành

Năm sinh: 1981

Thời điểm được bổ nhiệm TV HĐQT: Tháng 1/2012
Thời gian đảm nhiệm vị trí TV HĐQT: *7 năm 5 tháng*
Trách nhiệm quyền hạn: Tham mưu HĐQT về Chiến lược Tài chính và Công nghệ thông tin
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty Mẹ - Con):
CT HĐQT kiêm TGĐ CTCP Xuất Nhập Khẩu Bến Tre
Tỷ lệ sở hữu cổ phần SBT có quyền biểu quyết:
68.394.826 cổ phần, chiếm 11,66% VĐL

Thành tựu nổi bật

Nhận thấy Việt Nam là một Đất nước Nông nghiệp và giá trị của Ngành này còn rất nhiều tiềm năng bởi đây là nền tảng để phát triển lĩnh vực Nông nghiệp thông minh, sau thời gian học tập về chuyên ngành Tài chính tại nước ngoài, Bà tiếp tục con đường học tập và tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế Nông nghiệp tại Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM và từ đó dành nhiều tâm huyết cho Mía Đường. Bà còn tham gia Khóa Đào tạo CEO chuyên nghiệp tại PACE và gần đây là Chương trình Đào tạo chuyên biệt về QTDN - OPM của Harvard Bussiness School.

Từ những ngày đầu tiên tiếp quản Nhà máy Bourbon Tây Ninh của Pháp sau khi Tập đoàn Bourbon quyết định thoái vốn hoàn toàn tại Việt Nam, năm 2006, Bà My với kinh nghiệm quản lý tài chính chuyên sâu trong vai trò TGĐ Công ty Đầu tư Thành Thành Công đã chuyển sang đảm nhiệm vị trí CT HĐQT Công ty Bourbon Tây Ninh và đưa ra những quyết sách tăng vốn ngoạn mục lên 1.485 tỷ đồng năm 2014 và lên 2.531 tỷ đồng năm 2016, làm tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ về quy mô sản xuất và HĐKD của Công ty. Sau đó, Bà My trở thành TV HĐQT Công ty Thành Thành Công - Tây Ninh và sau sáp nhập đến nay là TV HĐQT TTC Biên Hòa.

Xuất thân từ gia đình Doanh nhân nổi tiếng họ Đặng có truyền thống kinh doanh hơn 40 năm và đặc biệt là 30 năm trong Ngành Mía Đường Việt Nam, Bà My cùng 15 năm kinh nghiệm tích lũy, đã vận dụng khéo léo thế mạnh, chuyên môn và sự kiên định để đưa TTC Biên Hòa vượt qua những thăng trầm của Ngành Mía Đường Việt Nam, đạt những thành tựu tăng trưởng ấn tượng về thị phần, hiệu quả kinh doanh. Những quyết sách của Bà đã đưa thương hiệu TTC Biên Hòa vươn tầm quốc tế từ sản phẩm dịch vụ có mặt tại 21 Quốc gia đến phát triển mạnh thị trường vốn trong đó nổi bật là kêu gọi thành công NĐT chiến lược nước ngoài DEG trở thành CĐ của TTC Biên Hòa để hiện thực hóa câu chuyện tái cơ cấu tài chính vì mục tiêu PTBV.



Ông **Lê Ngọc Thông**
Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành

Năm sinh: 1972

Thời điểm được bổ nhiệm: Tháng 11/2018
Thời gian đảm nhiệm vị trí TV HĐQT: *7 tháng*
Trách nhiệm quyền hạn: Tham mưu HĐQT về Chiến lược kinh doanh và Hoạt động Marketing
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty Mẹ - Con): *Không*
Tỷ lệ sở hữu cổ phần SBT có quyền biểu quyết:
108.128 cổ phần, chiếm 0,02% VĐL

Thành tựu nổi bật

Với chuyên môn Cử nhân Kinh tế, trước khi trở thành TV HĐQT của Thành Thành Công - Biên Hòa năm 2018, Ông đã trải qua nhiều vị trí Quản trị, Điều hành các ngành nghề khác nhau như Phó CT HĐQT CTCP Giáo dục Thành Thành Công; TV HĐQT CTCP Xuất Nhập khẩu Bến Tre; TGĐ CTCP Du lịch Thắng Lợi và GĐ Kinh doanh Tiếp thị các Tập đoàn Tiêu dùng nhanh như Unilever, Phú Thái.

Với kinh nghiệm chuyên sâu về Kinh doanh và Tiếp thị, Ông Thông đã có thời gian giữ chức vụ Phó TGĐ Kinh doanh CTCP Đường Biên Hòa và là người đặt nền móng cho hệ thống phân phối Kênh Tiêu dùng B2C với sản phẩm Đường túi. Thành công vượt bậc khi sản lượng bán hàng của Công ty đã gia tăng từ chỉ xấp xỉ 5.000 tấn các năm trước 2014 lên hơn 30.000 tấn đến năm 2015 với tiêu chí *"Đường Biên Hòa - Luôn được nghĩ đến đầu tiên"*.

Quá trình tham gia vào TV HĐQT từ cuối năm 2018 của Ông Thông là một bước chuẩn bị quan trọng cho chiến lược mở rộng thị trường, đón đầu ATIGA của TTC Biên Hòa. Cùng với đội ngũ tư vấn của Deloitte Châu Á, Ông đã hoàn thiện bộ chiến lược trung hạn của Công ty đến NĐ 21-22 để chuẩn bị cho câu chuyện hội nhập môi trường kinh doanh quốc tế.



Bà **Nguyễn Thuỳ Vân**
Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành

Năm sinh: 1980

Thời điểm được bổ nhiệm: Tháng 11/2017
Thời gian đảm nhiệm vị trí TV HĐQT độc lập: *1 năm 7 tháng*
Trách nhiệm quyền hạn: Trưởng TBKT - Chịu trách nhiệm về hiệu quả giám sát hoạt động Quản trị cũng như QLRR của HĐQT
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty Mẹ - Con): *Không*
Tỷ lệ sở hữu cổ phần SBT có quyền biểu quyết:
1.382.154 cổ phần, chiếm 0,24% VĐL

Thành tựu nổi bật

Với trình độ chuyên môn là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh và Chứng nhận Cao học Ban Kiểm toán - Viện TV HĐQT Việt Nam, Bà có nhiều năm kinh nghiệm quản lý và giám sát tài chính tại các Công ty Vinamit, Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín, Kho vận Thiên Sơn. Bà bắt đầu tham gia Ngành Đường ở vị trí Trưởng BKS Công ty Mía Đường TTC - Tây Ninh, Trưởng BKS Công ty Đường Biên Hòa và chính thức trở thành TV HĐQT Thành Thành Công - Biên Hòa từ năm 2017.

Với 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Mía Đường, Tài chính và Kế toán Kiểm toán, Bà Vân với vai trò Trưởng TBKT đã cùng đội ngũ TV HĐQT độc lập tạo dựng nền móng vững chắc cho hoạt động KTNB bao gồm Kiểm toán tuân thủ, Kiểm toán hoạt động và Kiểm toán BCTC, đặc biệt là các chiến lược QTRR đi kèm. Bà cũng là người đồng hành phụ trách xây dựng, khuyến khích áp dụng và giám sát thực hiện những nguyên tắc QTCT của OECD và tiêu chuẩn Thẻ điểm QTCT Khu vực Asean - ASEAN SCORECARD để đưa hoạt động QTCT của Công ty ngày càng tiệm cận với chuẩn mực quốc tế, phù hợp với yêu cầu của DEG khi tham gia trở thành NĐT chiến lược của TTC Biên Hòa.

HỒ SƠ NĂNG LỰC (TIẾP THEO)



Ông **See Beow Tean**
Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Năm sinh: 1953

Thời điểm được bổ nhiệm: Tháng 11/2017
Thời gian đảm nhiệm vị trí TV HĐQT độc lập: *1 năm 7 tháng*
Trách nhiệm quyền hạn: TV TBKT - Thực hiện giám sát hoạt động Quản trị của HĐQT, Phó Tiểu ban Chiến lược - Tham mưu HĐQT về chiến lược phát triển tại các thị trường quốc tế
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty Mẹ - Con): *Không*
Tỷ lệ sở hữu cổ phần SBT có quyền biểu quyết: 0%

Thành tựu nổi bật

Tốt nghiệp loại ưu Trường Han Chiang School, Malaysia, từng nắm giữ vị trí TV của Liên minh Đường Asian (ASA), Ông là một trong những TV độc lập tư vấn cho chiến lược Xuất Nhập Khẩu của TTC Biên Hòa, tiếp cận các thị trường lớn như Mỹ, Anh và Singapore. Với kinh nghiệm hơn 45 năm trong Ngành hàng "Commodity", Ông đã tham gia thị trường mua bán Đường tương lai từ những năm 1975 tại Malaysia và sau đó là Singapore, giữ nhiều vị trí quan trọng như GĐ Kinh doanh tại ED&F Man, GĐ Hoạt động tại Windsor & Brook Trading Pte và Trưởng Bộ phận Kinh doanh Ngành Đường tại Wilmar.

Trở thành TV HĐQT TTC Biên Hòa từ 2017 đến nay, Ông tham gia thực hiện giám sát, soát xét các vấn đề trọng yếu, đưa ra các kiến nghị giải pháp hỗ trợ HĐQT trong việc xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến QTCT, KSNB, QTRR và KTNB. Ngoài ra, với tư cách là TV Tiểu ban Chiến lược, Ông đã đề ra những chiến lược khả thi về kế hoạch thâm nhập, khai thác thị trường Xuất khẩu ngách, cũng như tham mưu về định hướng giao dịch hàng hoá tương lai trên các sàn thương mại quốc tế.



Ông **Henry Chung**
Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Năm sinh: 1974

Thời điểm được bổ nhiệm: Tháng 10/2016
Thời gian đảm nhiệm vị trí TV HĐQT độc lập: *2 năm 8 tháng*
Trách nhiệm quyền hạn: TV TBKT - Thực hiện giám sát hoạt động Quản trị của HĐQT, Phó Ban thường trực Tiểu ban Nhân sự - Tham mưu HĐQT về chiến lược phát triển và đào tạo Nhân sự kế thừa, Nhân sự cấp cao
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty Mẹ - Con): *Không*
Tỷ lệ sở hữu cổ phần SBT có quyền biểu quyết:
397.632 cổ phần, chiếm 0,07% VĐL

Thành tựu nổi bật

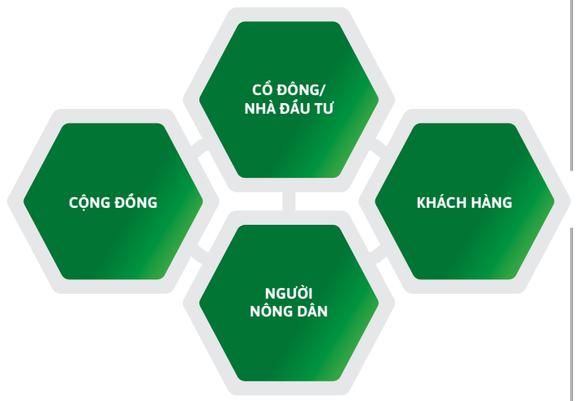
Với kinh nghiệm chuyên môn về Kinh tế và Tài chính tại các tổ chức quốc tế tại Mỹ, Ông từng tham gia Lãnh đạo Công ty Đường Biên Hòa, là TV HĐQT Công ty Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh. Từ năm 2016 đến nay, Ông đảm nhiệm vị trí TV HĐQT độc lập cho TTC Biên Hòa, đồng thời kiêm vị trí TV TBKT và TV Tiểu ban Nhân sự bắt đầu từ năm 2018.

Với 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính và Mía Đường, Ông đã hỗ trợ HĐQT thực hiện soát xét các vấn đề trọng yếu, đưa ra các kiến nghị giải pháp trong việc xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến Xung đột lợi ích và giao dịch với các BLQ, Hiệu quả và trách nhiệm giải trình của Ban TGĐ thông qua giám sát các hoạt động điều hành một cách độc lập, Đảm bảo tính trung thực hợp lý của BCTC và Nâng cao chất lượng hoạt động KTNB.

Với tư cách là TV Tiểu ban Nhân sự, Ông còn tham mưu về chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao hướng đến các tiêu chuẩn PTBV cũng như kiến nghị về hoạt động kiểm soát rủi ro đặc biệt cho hoạt động đầu tư phát triển tại nước ngoài của Công ty.

THƯ GỬI CỔ ĐÔNG

> Trở thành người tiên phong trong hoạt động xuất khẩu, TTC Biên Hòa đã cạnh tranh với những ông lớn Mía Đường trên thế giới để đưa những Dòng sản phẩm cao cấp, mới lạ và phù hợp thị hiếu người dùng đến 21 Quốc gia. Để được sự chấp thuận của những thị trường khó tính như Mỹ, Châu Âu và Singapore, TTC Biên Hòa đã phải vượt qua hàng loạt các cuộc kiểm tra nghiêm ngặt về chất lượng sản phẩm.



50%
THỊ PHẦN MỤC TIÊU TẠI VIỆT NAM

DỰ KIẾN TIẾP TỤC MỞ RỘNG
TRÊN TOÀN KHU VỰC ĐÔNG DƯƠNG
70.000
HA VÙNG NGUYÊN LIỆU

Kính gửi Quý Cổ đông, Nhà đầu tư, Người Nông dân Quý Khách hàng và các Đối tác

TTC Biên Hòa đã khép lại NĐ 18-19 với những kết quả tương đối khả quan trên nhiều khía cạnh hoạt động trong bối cảnh Ngành Đường thế giới nói chung và Ngành Đường Việt Nam nói riêng vẫn chưa có nhiều chuyển biến tích cực do tính chất chu kỳ Ngành. Chúng tôi hiểu được với vị thế là Doanh nghiệp số 1 của Ngành Đường Việt Nam, TTC Biên Hòa phải đối mặt được với những khó khăn, thách thức này và mạnh mẽ vượt qua để chứng minh thương hiệu Đường Biên Hòa đã xây dựng trong 50 năm qua. Với sự nỗ lực không ngừng của Ban TGĐ và đội ngũ CBNV, cộng hưởng từ chiến lược hợp lý của HĐQT đã đưa Công ty vượt qua biến động của NĐ 18-19, tiếp tục giữ vững vị thế dẫn đầu trên nhiều phương diện.

Niên độ 18-19, với chiến lược *"Gia tăng tầm ảnh hưởng, nhân rộng Chuỗi Giá trị"*, VNL của TTC Biên Hòa đã chính thức đạt quy mô hoạt động trên toàn Khu vực Đông Dương với 65.000 ha, dự kiến tiếp tục mở rộng lên đến 70.000 ha; riêng tại Việt Nam, VNL của Công ty chiếm khoảng 27% VNL cả nước. Tổng sản lượng Đường tiêu thụ đạt gần 749.000 tấn, tiếp tục tăng 31% so với cùng kỳ. Trở thành người tiên phong trong hoạt động xuất khẩu, TTC Biên Hòa đã cạnh tranh với những ông lớn Mía Đường trên thế giới để đưa những Dòng sản phẩm cao cấp, mới lạ và phù hợp thị hiếu người dùng đến 21 Quốc gia. Để được sự chấp thuận của những thị trường khó tính như Mỹ, Châu Âu và Singapore, TTC Biên Hòa đã phải vượt qua hàng loạt các cuộc kiểm tra nghiêm ngặt về chất lượng sản phẩm. Những nỗ lực này đã được ghi nhận bởi cộng đồng quốc tế với nhiều giải thưởng giá trị để ghi nhận sự nỗ lực trong hành trình PTBV như *"Doanh nghiệp hoạt động vì Cộng đồng tốt nhất Châu Á - Best CSR Practices Award"* và *"Thương hiệu gia vị xuất sắc của năm - Best spices brand of the year"* của Hiệp hội các nhà Marketing Châu Á - CMO Asia trao tặng vào tháng 8/2018.

Niên độ 18-19, TTC Biên Hòa đã mạnh dạn thay đổi, cải tiến chuẩn mực Quản trị thông qua việc chủ động áp dụng các nguyên tắc của Bộ Tiêu chuẩn Quản trị Quốc tế - Corporate Goverance của IFC, Thẻ điểm QTCT của Khu vực Asean - ASEAN SCORECARD. Điểm sáng trong NĐ qua là việc huy động thành công 649 tỷ đồng từ DEG - Quỹ Đầu tư của Chính phủ Đức đã giải ngân vào tháng 9/2019. Đây là một trong những minh chứng cho sự tin tưởng

THƯ GỬI CỔ ĐÔNG (TIẾP THEO)

của những NĐT lớn trên thế giới vào triển vọng của Ngành Đường trong dài hạn. SBT tiếp tục là Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Nông nghiệp duy nhất tại Việt Nam duy trì vị thế trong VN 30 - Top 30 Công ty niêm yết lớn nhất Việt Nam qua nhiều kỳ rà soát và cũng được nhiều Quỹ ETFs quốc tế uy tín tiếp tục nắm giữ và mua ròng. BCTN 17-18 vừa qua cũng là niềm tự hào của BLĐ khi TTC Biên Hòa là Doanh nghiệp Việt Nam duy nhất nhận được Giải thưởng quốc tế *"Top 50 BCTN xuất sắc nhất thế giới - Vison Awards - Top 100 Reports Worldwide"*, cùng những Thương hiệu danh tiếng toàn cầu như Deloitte, BMW, Coca-Cola, Citigroup... Cũng trong NĐ này, TTC Biên Hòa đã đưa vào sử dụng Hệ thống Quản lý tài chính kế toán AX của Microsoft với nhiều tính năng vượt trội so với hệ thống cũ, tích hợp thân thiện với các phần mềm đã triển khai trước đó về Quản lý bán hàng CRM và Quản lý Nông nghiệp FRM.

> "Chiến lược phát triển trong giai đoạn tới của TTC Biên Hòa là tập trung đẩy mạnh thị phần, đa dạng hoá Chuỗi Giá trị Cây Mía để giảm giá thành, đầu tư phát triển Nông nghiệp công nghệ cao, hợp tác cùng những tên tuổi lớn của Châu Á để phát triển Chuỗi sản phẩm Nông nghiệp. Với mục tiêu vươn tới 50% thị phần nội địa vào Niên độ 20-21, chúng tôi tập trung vào các sản phẩm mang lại giá trị gia tăng vượt trội, hướng tới sản phẩm bảo vệ sức khoẻ để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường."

Kênh Xuất khẩu được xem là một kênh tiềm năng với nhiều cơ hội trên thị trường quốc tế, đặt mục tiêu tốc độ tăng trưởng vào khoảng 15%/năm trên cơ sở SBT đã ký kết hợp tác chiến lược với ED&F Man, 1 trong 3 Công ty Kinh doanh Đường lớn nhất thế giới, bao tiêu toàn bộ Đường Organic mà Công ty đã và đang xuất sang thị trường Châu Âu. Với thổ nhưỡng của VNL và công suất dây chuyền của Nhà máy TTCA tự tin sẽ là nơi cung cấp chính sản lượng Đường Organic.

Năm qua, Công ty cũng đã triển khai cùng với đối tác trong lĩnh vực công nghệ đến từ Đức để thử nghiệm sử dụng công nghệ vệ tinh vào việc quản lý đồng ruộng, giúp cho việc canh tác chính xác, quản lý thu hoạch được tốt hơn, tăng chất lượng Mía và giảm các chi phí vận hành, logistic. Dự kiến các công nghệ này sẽ được chúng tôi chính thức đưa vào áp dụng tại tất cả các nhà máy trong và ngoài nước NĐ 20-21, đóng góp vào xu hướng phát triển Nông nghiệp thông minh tại Việt Nam.

Ngoài việc áp dụng thành công cơ giới hóa vào Ngành Mía Đường, TTC Biên Hòa còn mong muốn đưa cơ giới hóa vào cây trồng khác của Ngành Nông nghiệp qua việc trở thành nhà phân phối của John Deere tại Việt Nam. John Deere được biết đến là nhà sản xuất và cung cấp thiết bị Nông nghiệp của Mỹ lớn nhất thế giới. Hiện tại, TTC Biên Hòa đã thiết lập được hệ thống phân phối tại 3 Khu vực Tây Ninh, Ninh Hòa, Gia Lai và vừa được mở rộng ra Khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long tại An Giang để cung cấp thiết bị, máy móc cơ giới cho bà con Nông dân. Đây là mảng đầu tư rất tiềm năng, dự kiến sẽ đóng góp tương đối vào tổng DT của TTC Biên Hòa trong các NĐ sắp tới.

Cũng nằm trong chiến lược tối đa hóa giá trị Cây Mía, mục tiêu của TTC Biên Hòa là trở thành Công ty hàng đầu về Phân bón hữu cơ với lợi thế sẵn có từ nguồn nguyên liệu Phụ phẩm từ Mía Đường rất dồi dào.



Hiện tổng nhu cầu Phân hữu cơ vi sinh của Việt Nam khoảng 13 triệu tấn, trong khi sản xuất chỉ đáp ứng 30%. Phân hữu cơ vi sinh đang được Nhà nước khuyến khích sử dụng vì tốt cho đất, bảo vệ Môi trường nên tiềm năng phát triển của sản phẩm Phân hữu cơ vi sinh đang rất cao. Đầu năm 2019, TTC Biên Hòa đã hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động nhà máy sản xuất Phân hữu cơ vi sinh theo chuẩn Organic với công suất 50.000 tấn/năm tại Tây Ninh.

Niên độ 19-20 sẽ tiếp tục là một năm với nhiều áp lực, thách thức đối với Ngành Mía Đường cũng như TTC Biên Hòa khi ATIGA dự kiến áp dụng từ ngày 1/1/2020, mặt hàng Đường từ các nước trong khối ASEAN vào Việt Nam sẽ được xóa bỏ hạn ngạch nhập khẩu, thuế suất áp dụng ở mức 5%, khi đó các nhà máy Đường phải chuẩn bị cho một mặt bằng cạnh tranh. Với trách nhiệm của HĐQT từ chiến lược kinh doanh rõ ràng và sự chuẩn bị kỹ lưỡng của Ban TGĐ trong suốt nhiều năm qua sẽ là niềm tin để chúng tôi tự tin cho hành trình hội nhập của TTC Biên Hòa.

Chúng tôi gửi lời cảm ơn chân thành đến BĐH và toàn thể CBNV đã nỗ lực, cống hiến. Chúng tôi cũng tri ân sự tin tưởng, hợp tác và đồng hành của Quý CĐ, NĐT Khách hàng, Người Nông dân và các Đối tác.

Trân trọng;

Hội đồng Quản trị
TTC Biên Hòa

NHU CẦU
PHÂN HỮU CƠ VI SINH

13 TRIỆU TẤN

CÔNG SUẤT NHÀ MÁY PHÂN HỮU CƠ
TTC BIÊN HÒA

50.000 TẤN/NĂM

> "Cũng nằm trong chiến lược tối đa hóa giá trị Cây Mía, mục tiêu của TTC Biên Hòa là trở thành Công ty hàng đầu về Phân bón hữu cơ với lợi thế sẵn có từ nguồn nguyên liệu Phụ phẩm từ Mía Đường rất dồi dào."

QUẢN TRỊ CÔNG TY - HƯỚNG THEO CHUẨN MỰC QUỐC TẾ



> Thị trường vốn Việt Nam năm qua đón nhận nhiều tin vui khi liên tiếp được 2 Quỹ Chỉ số uy tín nhất thế giới nâng hạng và nâng tỷ trọng. Việt Nam hiện đang nằm trong danh sách theo dõi nâng hạng từ Thị trường Cận biên (Frontier Market) lên Thị trường Mới nổi loại 2 (Secondary Emerging Market) của FTSE Russell và nâng tỷ trọng của thị trường Việt Nam trong Rổ Chỉ số các Thị trường cận biên của MSCI.

Để tiếp tục phát triển TTCK như là trọng tâm của nền kinh tế Việt Nam, UBCKNN đã phối hợp cùng Công ty Tài chính Quốc tế - IFC công bố Bộ Nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam vào tháng 8/2019. Bên cạnh việc tuân thủ quy định Pháp luật hiện hành, QTCT tại TTC Biên Hòa đang được HĐQT từng bước tích hợp và áp dụng linh hoạt các chuẩn mực cao hơn yêu cầu tối thiểu, các thông lệ tốt trên thị trường được đúc kết từ các Bộ Nguyên tắc QTCT đang áp dụng trên thế giới; sao cho phù hợp với bối cảnh hoạt động tại Việt Nam cũng như lĩnh vực kinh doanh Mía Đường trong giai đoạn nhiều khó khăn vừa qua. HĐQT quy định rõ việc phân chia trách nhiệm và quyền lợi đi kèm giữa các TV HĐQT cũng như với Ban TGĐ nhằm đảm bảo sự tham gia hiệu quả của HĐQT đối với việc định hướng chiến lược và giám sát công tác quản lý cũng như trách nhiệm giải trình của HĐQT đối với Công ty và CĐ. Mục tiêu cuối cùng là tạo ra nhiều nhất có thể những cơ hội quý giá để Công ty tiếp cận và tối ưu hóa được thị trường vốn đặc biệt là phát triển mạnh nguồn vốn quốc tế.



Các Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty mà TTC Biên Hòa đang tham chiếu để áp dụng

BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY G20/OECD 2015

- Đảm bảo cơ sở cho khuôn khổ QTCT hiệu quả
- Quyền của CĐ, đối xử c ông bằng với CĐ và các chức năng sở hữu cơ bản
- Các NĐT tổ chức, TTCK và các trung gian khác
- Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan trong QTCT
- CBTT và tính minh bạch
- Trách nhiệm của HĐQT

NGHỊ ĐỊNH 71/2017/NĐ-CP HƯỚNG DẪN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG 2017

- Đảm bảo cơ cấu Quản trị hợp lý
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT
- Đảm bảo quyền lợi của CĐ và các BLQ
- Đảm bảo đối xử công bằng giữa những CĐ
- Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty

THÔNG TƯ 75/2017/TT-BTC 2017

- Điều lệ mẫu
- Mẫu quy chế nội bộ về Quản trị Công ty

THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY ASEAN

- Quyền của Cổ đông
- Đối xử bình đẳng với Cổ đông
- Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan
- Công bố thông tin và minh bạch
- Trách nhiệm của HĐQT

BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THÔNG LỆ TỐT NHẤT DÀNH CHO CÔNG TY ĐẠI CHÚNG TẠI VIỆT NAM 2019

- Trách nhiệm của HĐQT
- Môi trường kiểm soát
- CBTT và minh bạch
- Quyền của CĐ
- Quan hệ với các BLQ.

Nguồn: TTC Biên Hòa tổng hợp

Thực tế áp dụng bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng Việt Nam tại TTC Biên Hòa

Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty Tháng 8/2019	TTC Biên Hòa					
	Điều lệ	Quy chế Quản trị nội bộ	Quy chế Hội đồng Quản trị	Quy chế Tiểu ban Kiểm toán	Quy chế Tiểu ban Nhân sự	Bộ Quy chế ứng xử
Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị						
Thiết lập rõ vai trò trách nhiệm và cam kết của Hội đồng Quản trị	x	x	x			
Thiết lập Hội đồng Quản trị có năng lực và chuyên nghiệp		x	x	x	x	
Đảm bảo vai trò hoạt động hiệu quả và tính độc lập của Hội đồng Quản trị		x	x	x		
Thành lập các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị	x	x	x	x	x	
Đảm bảo hoạt động hiệu quả của Hội đồng Quản trị	x	x	x	x	x	
Thiết lập và duy trì văn hóa đạo đức của Công ty	x	x				x
Môi trường kiểm soát						
Thiết lập cơ chế Quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát vững mạnh		x	x	x		
Công bố thông tin và minh bạch						
Tăng cường hoạt động công bố thông tin	x	x	x			
Các quyền của Cổ đông						
Thiết lập khuôn khổ để thực hiện hiệu quả quyền của Cổ đông	x	x	x			x
Quan hệ với các Bên có quyền lợi liên quan						
Tăng cường tham gia hiệu quả của các Bên có quyền lợi liên quan	x	x	x			x

Nguồn: TTC Biên Hòa

QUẢN TRỊ CÔNG TY - HƯỚNG THEO CHUẨN MỰC QUỐC TẾ (TIẾP THEO)

Bắt đầu từ tháng 11/2017, TTC Biên Hòa đã thay đổi mô hình Quản trị thành mô hình 1 cấp bao gồm ĐHĐCĐ, HĐQT và các Tiểu ban trực thuộc HĐQT gồm TBKT, Tiểu ban Chiến lược, Tiểu ban Nhân sự, Ban TGĐ và các Khối/Phòng ban trực thuộc. ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả các CĐ có quyền biểu quyết, được quyết định những vấn đề quy định theo Luật và Điều lệ Công ty. Kể từ khi chính thức trở thành CTCP vào năm 2007, TTC Biên Hòa tuân thủ các quy định về việc bảo vệ quyền lợi của CĐ, NĐT và các BLQ bao gồm CBTT và minh bạch, các Quyền của CĐ, Quan hệ với các Bên có quyền lợi liên quan thông qua hàng loạt Quy trình, Báo cáo, Trang Web và Bộ QCƯX.

Các chỉ tiêu mà TTC Biên Hòa áp dụng	Quy trình Công bố thông tin	Quy trình tương tác Đối tác đầu tư	Trang Web	Báo cáo thường niên	Báo cáo Phát triển bền vững	Quy chế Hội đồng Quản trị	Quy chế Tiểu ban Kiểm toán	Bộ Quy chế ứng xử
1. Công bố thông tin và minh bạch - Tăng cường hoạt động Công bố thông tin của Công ty								
HĐQT cần phải thiết lập các nguyên tắc và quy trình để CBTT cho CĐ và các BLQ khác và giám sát việc thực hiện các nguyên tắc và quy trình này	x	x						
Để thúc đẩy tiếp cận hiệu quả và tối ưu về chi phí đối với các thông tin liên quan, HĐQT cần phải bảo đảm có được sự tiếp cận dễ dàng và không phân biệt đối xử với những thông tin đã được công bố bằng cách sử dụng các công cụ truyền thông đa dạng		x	x	x	x			
HĐQT cần phải bảo đảm việc công bố các thông tin phi tài chính, bao gồm báo cáo về Môi trường và Xã hội				x	x			
HĐQT cần phải bảo đảm thù lao của các TV HĐQT và BĐH được công bố công khai nhằm đáp ứng yêu cầu của CĐ liên quan đến thù lao, hiệu quả hoạt động và tạo ra giá trị				x				
2. Các quyền của Cổ đông - Thiết lập khuôn khổ để thực hiện hiệu quả quyền của Cổ đông								
HĐQT cần phải thiết lập và công bố các chính sách bảo vệ quyền của CĐ và giám sát việc thực hiện các chính sách này				x		x	x	x
HĐQT cần phải tổ chức họp ĐHĐCĐ hiệu quả	x		x	x		x	x	
HĐQT cần phải xây dựng và thực hiện chính sách cổ tức công bằng và nhất quán						x		
Đối xử bình đẳng đối với tất cả các CĐ	x		x	x			x	
3. Quan hệ với các Bên có quyền lợi liên quan - Tăng cường tham gia hiệu quả của các Bên có quyền lợi liên quan								
HĐQT cần phải đảm bảo thiết lập các quy tắc để bảo vệ và thúc đẩy sự tham gia của các BLQ	x		x	x	x	x	x	x
HĐQT cần phải đảm bảo và giám sát các cuộc đối thoại phù hợp giữa Công ty và các BLQ				x	x	x		x

Nguồn: TTC Biên Hòa

Mô hình QTCT của TTC Biên Hòa hiện nay đã không còn BKS do được thay thế bằng TBTK trực thuộc HĐQT bắt đầu hoạt động từ tháng 5/2018, các TV HĐQT không điều hành và độc lập đóng vai trò quản lý TBKT để thực hiện giám sát HĐQT một cách độc lập. Việc thành lập các Tiểu ban trực thuộc HĐQT khác như Tiểu ban Chiến lược, Tiểu ban Nhân sự hoạt động từ tháng 4 và tháng 5/2018 đã tăng cường hiệu quả hoạt động của HĐQT bằng cách cho phép các chuyên gia - tức các TV HĐQT có chuyên môn trong từng lĩnh vực cụ thể đưa ra các khuyến nghị sâu sắc, tham mưu cho HĐQT liên quan đến Chiến lược và Nhân sự, 2 mục tiêu quan trọng nhất là nền tảng cho sự phát triển ổn định trong trung và dài hạn của Công ty.

Các chỉ tiêu mà TTC Biên Hòa áp dụng	Báo cáo thường niên	Quy chế Hội đồng Quản trị	Quy chế Tiểu ban Kiểm toán	Quy chế Tiểu ban Nhân sự	Bộ Quy chế ứng xử
Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị - Thành lập các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị					
HĐQT cần phải thành lập TBKT và bảo đảm để Tiểu ban này có đủ nguồn lực và thẩm quyền. TBKT phải bảo đảm các KSNB phù hợp được duy trì và Công ty tuân thủ mọi luật pháp và quy định liên quan	x	x	x		x
HĐQT cần phải thành lập Tiểu ban QLRR (*) có năng lực để bảo đảm các rủi ro tiềm ẩn trong HĐKD của Công ty được quản lý phù hợp	x	x	x		x
HĐQT cần phải thành lập Tiểu ban QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng để tăng cường hiệu quả của khung QTCT và bảo đảm rằng chính sách và hoạt động bổ nhiệm và lương thưởng của Công ty hỗ trợ được việc bổ nhiệm, phát triển, thu hút và giữ chân các TV HĐQT và BĐH tài năng	x	x		x	

(*) Tại TTC Biên Hoà, các vấn đề về QLRR được giao cho TBKT thực hiện

Nguồn: TTC Biên Hòa

Với định hướng xây dựng HĐQT "cân bằng", mặc dù gặp phải các nguyên nhân khách quan trong thực tế nên chưa thể xây dựng ma trận kỹ năng phù hợp với Nguyên tắc "Thiết lập một HĐQT có năng lực và chuyên nghiệp" theo Bộ Nguyên tắc QTCT tốt nhất, tuy nhiên TTC Biên Hòa luôn nỗ lực để đạt được sự đa dạng về giới tính, tuổi tác, chuyên môn, kỹ năng, kinh nghiệm và phẩm chất Lãnh đạo… Trong quyết sách từng chủ trương của Công ty, HĐQT hoạt động theo nguyên tắc bỏ phiếu biểu quyết, mỗi TV HĐQT có 1 phiếu biểu quyết trừ các vấn đề mà TV đó có lợi ích liên quan. Trên cơ sở đó, hoạt động của HĐQT trở nên sâu sát, chi tiết hơn nhưng vẫn đảm bảo góc nhìn toàn diện.

Sự đa dạng trong cơ cấu Thành viên Hội đồng Quản trị của TTC Biên Hòa

- **100%** Thành viên Hội đồng Quản trị là Thành viên không điều hành
- **100%** Thành viên Hội đồng Quản trị không đồng thời là Thành viên Hội đồng Quản trị của quá 5 công ty khác
- **100%** Thành viên Hội đồng Quản trị có kinh nghiệm từ 15 năm trở lên trong Ngành Mía Đường
- **83+%** Thành viên Hội đồng Quản trị có trình độ Thạc sỹ và Cử nhân trở lên
- **83+%** Thành viên Hội đồng Quản trị thuộc thế hệ 7x và 8x
- **33+%** Thành viên Hội đồng Quản trị là Thành viên độc lập
- **33+%** Thành viên Hội đồng Quản trị là người nước ngoài
- **33+%** Thành viên Hội đồng Quản trị là nữ giới
- **6** Thành viên Hội đồng Quản trị với kiến thức chuyên môn đa dạng từ các chuyên ngành Kinh tế, Nông nghiệp, Tài chính, Quản trị, Kinh doanh, Kiểm toán

QUẢN TRỊ CÔNG TY - HƯỚNG THEO CHUẨN MỰC QUỐC TẾ (TIẾP THEO)

Theo Adrian Cadbury "Vai trò của HĐQT là xây dựng công ty của ngày mai từ những gì của ngày hôm nay". NĐ 18-19, quy mô HĐQT của Công ty vẫn duy trì 6 TV do ĐHĐCĐ bầu chọn, trên cơ sở ý thức trách nhiệm và cam kết thực hiện trong suốt nhiệm kỳ 5 năm:

- Hiểu đầy đủ về QTCT và chính sách đạo đức;
- Hiểu đầy đủ vai trò và trách nhiệm của HĐQT;
- Tổ chức công việc của HĐQT và các Tiểu ban trực thuộc hiệu quả;
- Bảo đảm sự khách quan trong phân tích để thúc đẩy lợi ích dài hạn của Công ty và lên tiếng về các quan ngại;
- Cam kết dành thời gian cho vị trí được giao;
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trung thành, cẩn trọng với Công ty;
- Đóng góp tối đa kiến thức và năng lực cho sự phát triển của Công ty;
- Có thể giải quyết đầy đủ những vấn đề quan trọng;
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp thảo luận của HĐQT;
- Thực hiện thảo luận một cách hiệu quả, có tính xây dựng;
- Ra quyết định nhanh chóng, hợp lý.

Bên cạnh các Tiểu ban chuyên trách, HĐQT cũng đã bổ nhiệm Thư ký HĐQT đồng thời là người Phụ trách QTCT với nhiệm kỳ tối đa 5 năm. Với kiến thức chuyên ngành Luật và kinh nghiệm 5 năm trong công tác Thư ký và làm việc trong lĩnh vực Mía Đường, Thư ký HĐQT đã hỗ trợ tăng cường hiệu quả của HĐQT thông qua việc xây dựng kế hoạch công việc trong năm của HĐQT, sắp xếp, hỗ trợ và đưa ra chương trình họp HĐQT rõ ràng, thông tin kịp thời. Ngoài ra, Thư ký HĐQT còn hỗ trợ, xác định và đề xuất các phương án cải thiện quy trình và hoạt động Công ty, duy trì thông tin liên lạc giữa các bộ phận Quản trị, đảm bảo tuân thủ các yêu cầu pháp lý, CBTT, quy định và chính sách nội bộ của Công ty khi có những thay đổi về chính sách hoặc Nhân sự. Đối với quan hệ với CĐ và các BLQ, Thư ký HĐQT cùng Bộ phận QH NĐT đóng vai trò là người quản lý các vấn đề liên quan đến họp ĐHĐCĐ thường niên, LYKCĐ bằng văn bản, là đầu mối liên lạc với các BLQ và tham gia giải quyết các vấn đề về QTCT. Vai trò và chức năng của Thư ký HĐQT hiện đang đáp ứng theo yêu cầu của Bộ Nguyên tắc QTCT tốt nhất.

BĐH của Công ty hiện cũng thể hiện được tính đa dạng trong kinh nghiệm, chuyên môn, tuổi tác, giới tính để đảm bảo được sự vận dụng, ra quyết định linh hoạt trong công tác quản lý, cùng Công ty vượt khó trong NĐ vừa qua.

100% Thành viên Ban Tổng Giám đốc có kinh nghiệm từ 10 năm trở lên trong Ngành Mía Đường

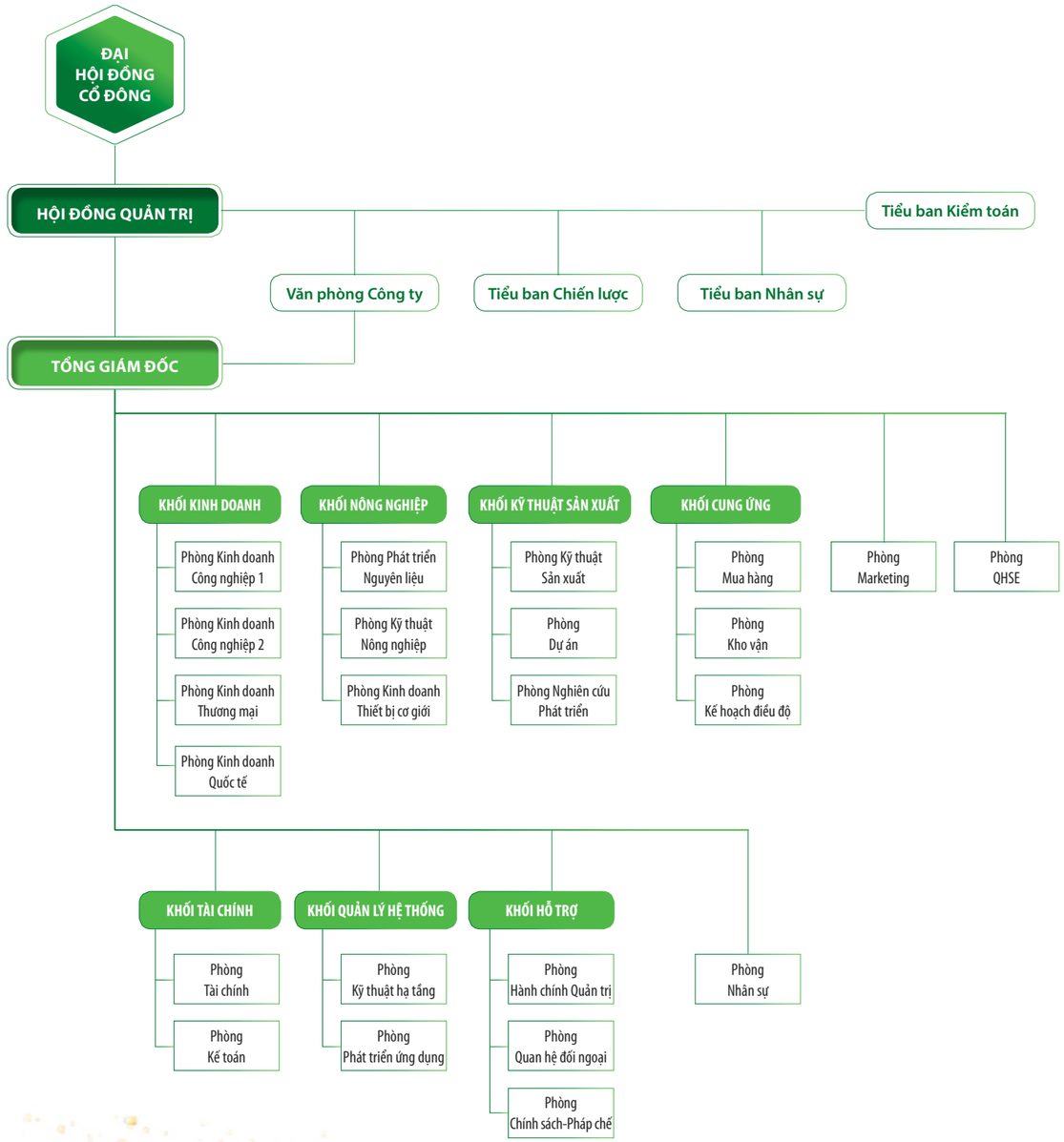
100% Thành viên Ban Tổng Giám đốc có trình độ Cử nhân

80% Thành viên Ban Tổng Giám đốc thuộc thế hệ 7x và 8x

20% Thành viên Ban Tổng Giám đốc là nữ giới

5 Thành viên Ban Tổng Giám đốc với kiến thức chuyên môn đa dạng từ các chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, Kinh tế, Kỹ sư Hoá thực phẩm, Tài chính Kinh doanh

Sơ đồ tổ chức theo mô hình Quản trị Công ty hiện đại mà TTC Biên Hòa đang áp dụng



QUẢN TRỊ CÔNG TY - HƯỚNG THEO CHUẨN MỰC QUỐC TẾ (TIẾP THEO)



Mục tiêu PTBV - SDG hay còn được gọi là Mục tiêu toàn cầu, được thiết kế nhằm chấm dứt đói nghèo, bảo vệ hành tinh và đảm bảo tất cả mọi người được hưởng hòa bình và thịnh vượng vào năm 2030 ở mỗi Quốc gia Thành viên Liên hiệp quốc.

Các SDG dựa trên 6 chủ đề:

1. Nhân phẩm
2. Con người
3. Hành tinh
4. Quan hệ đối tác
5. Công lý
6. Thịnh vượng

Năm 2017, Chính phủ Việt Nam đã bản địa hóa các mục tiêu thông qua việc phối hợp với Liên hiệp quốc để xây dựng một kế hoạch chiến lược chung nhằm lồng ghép SDG với Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011-2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 2016-2010, xác định sự tập trung vào 4 lĩnh vực chính *(1) Đầu tư vào con người (2) Đảm bảo khả năng thích ứng với khí hậu và Môi trường bền vững (3) Thịnh vượng và hợp tác (4) Thúc đẩy công lý, hòa bình và phát triển toàn diện.* Trong Báo cáo đánh giá thường niên lần thứ 4 về tiến độ thực hiện SDG do Mạng lưới Giải pháp PTBV của Liên Hiệp Quốc và Quỹ Bertelsmann Stiftung của Đức công bố năm 2019, 162 Nước và Vùng lãnh thổ được xếp hạng theo thứ tự từ cao xuống thấp dựa trên thang điểm từ 0 kém nhất đến 100 tốt nhất. Với 71,1 điểm, Việt Nam đứng ở vị trí thứ 54, tăng 3 bậc so với năm 2018, cao hơn điểm trung bình của Khu vực Đông Nam Á là 65,7 điểm.

Với tầm nhìn xây dựng doanh nghiệp PTBV, định hướng chiến lược trở thành Công ty Nông nghiệp hàng đầu Việt Nam và xa hơn nữa là Khu vực Đông Dương, mọi hoạt động của TTC Biên Hòa đều được HĐQT hướng tới tăng trưởng kinh tế dài hạn đồng hành cùng phát triển Cộng đồng Xã hội, góp phần hoàn thành mục tiêu chung "Doanh nghiệp là trung tâm của mục tiêu PTBV và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia". NĐ 18-19 đã đánh dấu những nỗ lực của TTC Biên Hòa trong việc tích cực hoàn thiện năng lực Quản trị, hoàn thành các cam kết liên quan đến Môi trường - Xã hội nhằm đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe của các NĐT chiến lược đến từ các nền kinh tế phát triển khi quyết định rót vốn vào Công ty.

Trong quá trình làm việc với Đối tác chiến lược DEG - Tổ chức Tài chính phát triển do Chính phủ Đức sở hữu, Công ty đã được công nhận là hình mẫu của khoản đầu tư "2x Investment" do đáp ứng đủ các điều kiện theo tiêu chí Kinh doanh và Lãnh đạo của Chương trình "2x Challenge":

1. Tỷ lệ sở hữu của phụ nữ ở Công ty;
2. Tỷ trọng sở hữu cổ phiếu của phụ nữ trong Ban Quản lý cấp cao;
3. Tỷ trọng sở hữu cổ phiếu của phụ nữ trong HĐQT.

Đây là chương trình nhằm mục tiêu huy động được 3 tỷ USD từ các nước thuộc G7 và các định chế tài chính khác vào năm 2020; qua đó tạo điều kiện cho nữ giới ở các quốc gia đang phát triển có cơ hội được tham gia Lãnh đạo, phát triển nghề nghiệp, nâng cao chất lượng việc làm, hỗ trợ doanh nghiệp, giúp tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong nền kinh tế.

Đây cũng đang là xu hướng trên thế giới khi Thủ tướng Nhật Shinzo Abe đang tìm cách tăng số phụ nữ trong lực lượng lao động. Hiện tại, chỉ 4,1% phụ nữ Nhật giữ chức vụ Lãnh đạo tại các công ty niêm yết và tỷ lệ này rất thấp so với 25% tại Mỹ. Kathlyn Collins - Nhà phân tích tại Matthews Asia cho biết NĐT sẽ nhìn vào sự đa dạng giới trong cấu trúc Quản trị để định giá Công ty và điều này đặc biệt đúng với các công ty Hàng Tiêu dùng khi họ cần các Lãnh đạo phù hợp và theo sát nhu cầu Khách hàng. Gần đây, điển hình là Ông Tadashi Yanai - Nhà sáng lập Fast Retailing - Công ty mẹ Uniqlo cho rằng 1 nữ TGĐ là lựa chọn tốt cho Hãng bán lẻ thời trang lớn nhất Châu Á này và Ông cho biết Ông muốn tăng tỷ lệ Lãnh đạo nữ lên hơn 50% trong cơ cấu so với hơn 30% vào năm 2018. Tại TTC Biên Hòa, gần 34% TV HĐQT là nữ đạt tiêu chuẩn về số lượng và vượt tỷ lệ 30% theo yêu cầu. HĐQT tiếp tục đặt mục tiêu gia tăng TV HĐQT là nữ để tối ưu hoá lợi ích của sự đa dạng về giới trong HĐQT theo Bộ Nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất dành cho các công ty đại chúng ở Việt Nam. Tỷ lệ nữ trong HĐQT của Công ty cũng cao hơn mức bình quân 14,4% ở ASEAN theo nghiên cứu của IFC và mức bình quân 15,5% trên toàn cầu theo nghiên cứu của MSCI.

Hoàn thành được thương vụ bán vốn cho CĐ Chiến lược DEG, bên cạnh các cam kết chặt chẽ về chỉ số Tài chính như cấu trúc vốn, hệ số thanh khoản, chi trả cổ tức, khả năng sinh lời… Công ty còn phải đáp ứng và tuân thủ các tiêu chuẩn Phi tài chính khác. Trong quá trình đàm phán, DEG thực hiện thẩm định toàn bộ những thông tin Phi tài chính liên quan đến Quản trị, chuẩn mực CBTT, Môi trường, Xã hội, cũng như sự đánh giá độc lập từ một bên thứ 3 về các yếu tố này theo chuẩn mực của DEG… Định kỳ, Công ty phải có kế hoạch xây dựng, thực hiện và hoạt động theo những tiêu chuẩn về Môi trường và Xã hội của Địa phương; Bộ Tiêu chuẩn hoạt động Môi trường và Xã hội của IFC; Tiêu chuẩn Lao động cơ bản của Tổ chức Lao động Thế giới… Để hiện thực hóa các mục tiêu PTBV, NĐ 18-19 vừa qua, HĐQT cũng đã thành lập các Ban hỗ trợ để triển khai các công việc trọng tâm như Ban Phụ trách PTBV Môi trường - Xã hội, Ban Phát triển đầu tư dự án Kinh doanh sản phẩm Sau Đường.

Niên độ vừa qua, hoạt động QTCT được chú trọng vì một nền tảng bền vững, chắc chắn cho những định hướng lâu dài, Công ty đã thực hiện đầu tư nghiêm túc cho cả 2 dịch vụ Kiểm toán và Phi kiểm toán với chi phí khoảng 19 tỷ đồng trong đó chi phí Phi kiểm toán chiếm 84%. Dịch vụ Phi kiểm toán bao gồm Tư vấn chiến lược, Định giá Doanh nghiệp, Phí dịch vụ tư vấn đánh giá AUP và Báo cáo Profora các Doanh nghiệp Mía Đường, Phí dịch vụ IFRS, Phí dịch vụ xây dựng cấu trúc chi phí chuẩn cho các sản phẩm trong quá trình SXKD và Phí dịch vụ đào tạo.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC HOẠT ĐỘNG TRỌNG YẾU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NIÊN ĐỘ 18-19

Việc ra quyết định của HĐQT trong NĐ vừa qua linh hoạt với tình hình kinh tế vĩ mô cũng như biến động phức tạp của Ngành, nhưng vẫn đảm bảo các Quy chế đã quy định để vận hành hệ thống Quản trị bao gồm Điều lệ, Quy chế QTCT, Quy chế hoạt động HĐQT và các Tiểu ban cũng như tuân thủ tuyệt đối Bộ QCUX, để hoàn thành tốt nhất trong khả năng những Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ. Mặc dù còn một số chỉ tiêu chưa thực hiện trọn vẹn như cam kết với ĐHĐCĐ, tuy nhiên HĐQT đã cùng nhau đoàn kết, nỗ lực để giữ vững thương hiệu TTC Biên Hòa, gia tăng thị phần trong và ngoài nước, nhằm xây dựng nền móng vững vàng cho việc hoàn thành các mục tiêu tiếp theo của NĐ 19-20 cũng như định hướng chiến lược đến NĐ 20-21.

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Làm việc trong Niên độ	Cổ phần 30/6/2019	Trách nhiệm	Những việc thực hiện được trong Niên độ	Thù lao (Triệu đồng)
1	**Ông Phạm Hồng Dương**	CT	01/07/2018-30/06/2019	2.740.597 0,47%	» Người đại diện Pháp luật » Người phát ngôn » CT Tiểu ban Chiến lược » CT Tiểu ban Nhân sự » CT Ban Phát triển đầu tư dự án kinh doanh ngoài Đường » CT Ban Phụ trách PTBV Môi trường - Xã hội	» Cung cấp thông tin chính thống ra công chúng » Xây dựng chiến lược phát triển trung dài hạn » Xây dựng chiến lược lựa chọn, định hướng: • Phát triển VNL, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng giống Mía • Cải tiến công nghệ sản xuất Mía Đường • Nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới trong từng thời kỳ • Nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng, an toàn lao động người lao động, bảo vệ Môi trường cho Cộng đồng Xã hội » Chịu trách nhiệm chung về chiến lược Nhân sự cấp cao, bao gồm cơ cấu, chính sách	390
2	**Bà Đặng Huỳnh Ức My**	TV HĐQT không điều hành	01/07/2018-30/06/2019	68.394.826 11,66%	Tham mưu HĐQT về Chiến lược Tài chính và Công nghệ thông tin	» Đồng hành xây dựng, tham mưu chiến lược phát triển của Công ty và Công ty con » Xây dựng, cải tiến, giám sát việc thực hiện mô hình QTCT theo chuẩn mực và thông lệ tốt trên thế giới » Quan hệ CĐ và NĐT, chiến lược thị trường vốn quốc tế » Quản trị vốn góp và hoạt động của các Công ty con, Công ty liên kết » Tham mưu xây dựng: • Hệ thống QTRR tài chính, Quản trị chi phí giá thành, chi phí quản lý • Hệ thống quản lý và hạ tầng Công nghệ thông tin, đảm bảo Quản trị về Rủi ro công nghệ trên toàn hệ thống	1.300
3	**Ông Lê Ngọc Thông**	TV HĐQT không điều hành	15/11/2018-27/05/2019	108.125 0,02%	Tham mưu HĐQT về Chiến lược kinh doanh và Hoạt động Marketing	» Chỉ đạo triển khai và giám sát chiến lược kinh doanh » Xây dựng chiến lược điều độ kế hoạch sản xuất, cung ứng, kho vận, logistic trên toàn hệ thống » Quản trị hoạt động mua sắm sản phẩm, máy móc, thiết bị có giá trị thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT	270
4	**Bà Nguyễn Thùy Vân**	TV HĐQT không điều hành	01/07/2018-30/06/2019	1.382.154 0,24%	» Trưởng TBKT » Phụ trách QTRR	» Giám sát và đưa ra ý kiến độc lập về hoạt động Quản trị của HĐQT » Quản trị, kiểm soát các hoạt động tài chính của Công ty » Tổ chức, giám sát hoạt động của TBKT » Quản trị tiến độ các dự án, giám sát việc tổ chức hoạt động của các Ban Quản lý dự án » Giám sát QLRR toàn Công ty	390
5	**Ông See Beow Tean**	TV HĐQT độc lập	01/07/2018-30/04/2019	0	» TV TBKT » Phó Tiểu ban Chiến lược	» Giám sát hoạt động Quản trị của HĐQT » Tham mưu HĐQT về chiến lược phát triển tại các thị trường quốc tế » Định hướng kinh doanh, chiến lược phát triển sản phẩm, Marketing của Công ty tại thị trường nước ngoài	300
6	**Ông Henry Chung**	TV HĐQT độc lập	01/07/2018-30/06/2019	397.632 0,07%	» TV TBKT » Phó Ban thường trực Tiểu ban Nhân sự	» Giám sát hoạt động Quản trị của HĐQT » Tham mưu HĐQT về chiến lược phát triển, đào tạo Nhân sự kế thừa, Nhân sự cấp cao » Xây dựng tổ chức bộ máy Nhân sự, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, chính sách đối với các cấp Quản lý » Tư vấn, đào tạo và bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ Lãnh đạo và Quản lý của Công ty	390
7	**Bà Đinh Thị Ngọc Thảo**	Thư ký Công ty	01/07/2018-30/06/2019	0	Phụ trách kết nối hoạt động QTCT	» Xây dựng kế hoạch công việc trong năm của HĐQT » Cải thiện quy trình và hoạt động Công ty, duy trì thông tin liên lạc giữa các bộ phận Quản trị » Là đầu mối liên lạc với các BLQ và tham gia giải quyết các vấn đề về QTCT	130

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÁC HOẠT ĐỘNG TRỌNG YẾU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NIÊN ĐỘ 18-19 (TIẾP THEO)

Trong Niên độ 18-19, Công ty thực hiện 1 lần LYKCĐ bằng văn bản tháng 10/2018 thông qua 6 Nghị Quyết và 1 lần ĐHĐCĐ thường niên tháng 11/2018 thông qua 9 Nghị Quyết. 15 vấn đề được thông qua trong năm đều được hoàn thành theo đúng cam kết với CĐ, NĐT trừ Nghị quyết về Kế hoạch SXKD chưa thể hoàn thành 100% do những khó khăn chung của Ngành Đường thế giới và trong nước thời gian qua.

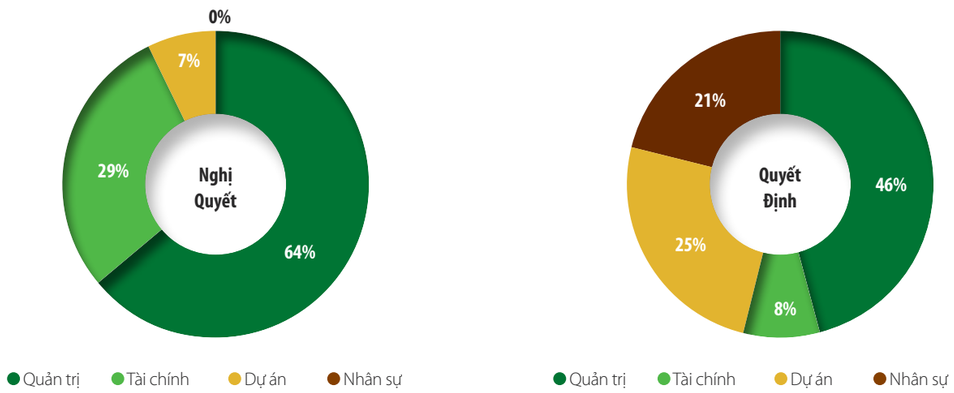
STT	Nghị Quyết	Nội dung	Thực hiện
I	**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 17-18**		
1	**Báo cáo tài chính 17-18 đã được Kiểm toán**	» BCTC riêng NĐ 17-18 » BCTC hợp nhất NĐ 17-18	Hoàn thành
2	**Lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập Báo cáo Tài chính 18-19**	» Trong số các Công ty Kiểm toán được Bộ Tài chính và UBCKNN chấp nhận	
3	**Chủ trương ký kết các hợp đồng, giao dịch có liên quan của Công ty**	» Ký kết các hợp đồng, giao dịch » Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh	
4	**Đơn từ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị**	» TV HĐQT Nguyễn Thị Hoa	
5	**Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế**	» TV HĐQT Lê Ngọc Thông	
6	**Thông qua phân phối Lợi nhuận 17-18**	» Quỹ Đầu tư phát triển: 10% LNST » Quỹ Công tác Xã hội: 2% LNST » Quỹ Khen thưởng, phúc lợi: 10% LNST » Kinh phí hoạt động HĐQT 18-19: 4 tỷ đồng » Cổ tức 16-17 cổ phiếu: 6% » Cổ tức NĐ 17-18 tiền mặt: 8%	
7	**Kế hoạch Phân phối Lợi nhuận 18-19**	» Quỹ Đầu tư phát triển: 10% LNST » Quỹ Công tác Xã hội: 2% LNST » Quỹ Khen thưởng, phúc lợi: 10% LNST » Kinh phí hoạt động HĐQT NĐ 18-19: 4 tỷ đồng » Cổ tức NĐ 18-19: 6%-10%	Đang thực hiện
8	**Thù lao của Hội đồng Quản trị 18-19**	» 6 tỷ đồng	3,17 tỷ đồng
9	**Kế hoạch Sản xuất kinh doanh 18-19**	» Sản lượng Đường tiêu thụ: 846.733 tấn » Tổng DT hợp nhất: 11.545 tỷ đồng » LNTT: 680 tỷ đồng	» Sản lượng Đường tiêu thụ: ~ 749.000 tấn » DTT hợp nhất: 10.857 tỷ đồng » LNTT: 422 tỷ đồng
II	**LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN**		
1	**Bổ sung Điều lệ Công ty**	» Khoản 3, Điều 5 » Điều 29	Hoàn thành
2	**Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, thành lập các Tiểu ban hỗ trợ Hội đồng Quản trị**	» Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về QTCT » Thành lập: TBKT, Tiểu ban Chiến lược, Tiểu ban Nhân sự	
3	**Điều chỉnh ngành nghề kinh doanh**	Điều chỉnh một số chi tiết trong hoạt động bán lẻ, lương thực, thực phẩm, đồ uống	
4	**Phát hành cổ phiếu chia cổ tức Niên độ 16-17, tạm ứng cổ tức Niên độ 17-18 tiền mặt**	» Cổ tức NĐ 16-17 bằng cổ phiếu: 6% » Tạm ứng cổ tức tiền mặt NĐ 17-18: 4%	
5	**Phát hành Cổ phiếu ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi**	» Chào bán riêng lẻ » Số lượng: Dưới 10% VĐL tại thời điểm chào bán » Thời gian ưu đãi cổ tức: 6,5 năm	
6	**Phê duyệt Cổ đông hiện hữu và Người có liên quan nhận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty**	Bà Đặng Huỳnh Ức My nâng tỷ lệ sở hữu lên tối đa 55% VĐL mà không thực hiện chào mua công khai	Đang thực hiện

> "Theo quy định của Pháp luật và đảm bảo cao nhất quyền lợi của Cổ đông, Công ty sẽ thực hiện họp Đại hội đồng Cổ đông Niên độ 18-19 vào tháng 10/2019 để tiếp tục thông qua những vấn đề cần xin ý kiến của Đại hội đồng Cổ đông cho kế hoạch sản xuất kinh doanh Niên độ 19-20. Công ty dự kiến sẽ thông qua 8 vấn đề liên quan đến hoạt động Quản trị và Tài chính."

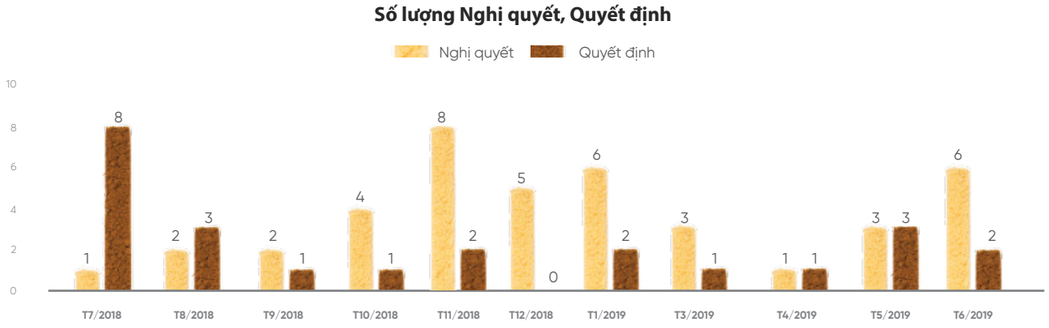
STT	Vấn đề	Nội dung
1	Báo cáo tài chính đã được Kiểm toán Niên độ 18-19	» BCTC riêng NĐ 18-19 » BCTC hợp nhất NĐ 18-19
2	Phương án phân phối Lợi nhuận Niên độ 18-19	» Quỹ Công tác Xã hội, khen thưởng, phúc lợi: 5% LNST » Kinh phí hoạt động HĐQT NĐ 18-19: 10 tỷ đồng » Cổ tức NĐ 18-19: 5% tiền mặt hoặc/và cổ phiếu
3	Kế hoạch Sản xuất kinh doanh Niên độ 19-20	» Tổng DT hợp nhất: 10.930 tỷ đồng » LNTT: 430 tỷ đồng
4	Kế hoạch Phân phối Lợi nhuận Niên độ 19-20	» Quỹ Đầu tư phát triển: 5% LNST » Quỹ Khen thưởng, phúc lợi: 5% LNST » Quỹ Công tác Xã hội: 2% LNST » Kinh phí hoạt động HĐQT NĐ 19-20: 10 tỷ đồng » Cổ tức NĐ 19-20: 4-6%
5	Thù lao của Hội đồng Quản trị và Thư ký Công ty 19-20	10 tỷ đồng
6	Lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính 19-20	Trong số các Công ty Kiểm toán được Bộ Tài chính và UBCKNN chấp nhận
7	Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị	TV HĐQT Võ Tòng Xuân
8	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty	» Số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến: 30.417.595 cổ phiếu » Thời gian chào bán dự kiến: Trong NĐ 19-20

Thông qua các cuộc họp định kỳ, bất thường bằng nhiều hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến, HĐQT với sự tham mưu của các Tiểu ban đã hỗ trợ BĐH kịp thời ứng phó với những biến động của thị trường vĩ mô và Ngành. Từ 1/7/2018 đến 30/6/2019, HĐQT và các Tiểu ban hỗ trợ đã tiến hành 60 cuộc họp, trong đó HĐQT là 48 cuộc họp, chiếm 80%, TBKT 3 cuộc họp, 5%, Tiểu ban Chiến lược 5 cuộc họp, 8% và TB Nhân sự 4 cuộc họp, 7%. Đối với các cuộc họp HĐQT, có 4/6 TV tham dự 100%, 2 TV còn lại tham dự 75%-77% do từ nhiệm trước nhiệm kỳ. Các cuộc họp HĐQT nhằm triển khai chi tiết 15 vấn đề đã xin ý kiến ĐHĐCĐ thông qua việc ban hành 41 Nghị quyết, 24 Quyết định trong đó 57% liên quan đến QTCT, 22% Tài chính, 14% Dự án và 7% Nhân sự. Mọi quyết định của HĐQT đều được cân nhắc một cách cẩn trọng, tuân thủ Pháp luật hiện hành, đảm bảo tính khách quan, minh bạch trên cơ sở quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của từng TV đã được quy định trong Quy chế hoạt động cũng như tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của CĐ, NĐT và các các BLQ.

Cơ cấu Nghị quyết, Quyết định



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÁC HOẠT ĐỘNG TRỌNG YẾU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NIÊN ĐỘ 18-19 (TIẾP THEO)



Nguồn: TTC Biên Hòa

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cuộc họp					Khóa Đào tạo tham gia
			Hội đồng Quản trị	Tiểu ban Kiểm toán	Tiểu ban Chiến lược	Tiểu ban Nhân sự	Lý do vắng mặt	
1	Ông Phạm Hồng Dương	» CT HĐQT » CT Tiểu ban Chiến lược » CT Tiểu ban Nhân sự	48/48	Không thuộc	5/5	4/4	Đầy đủ	1. Đào tạo Khung Chính sách Môi trường và Xã hội (*) - *Viện Công nghệ Châu Á - 9 đến 11/5/2019* 2. Đào tạo Báo cáo PTBV (**) - *GRI - 20 đến 21/6/2019*
2	Bà Đặng Huỳnh Ức My	TV HĐQT	48/48	Không thuộc	Không thuộc	Không thuộc	Đầy đủ	1. Đào tạo Chứng nhận TV HĐQT (***) - *VIOD - 10 đến 12/1/2019* 2. Đào tạo Khung Chính sách Môi trường và Xã hội (*) - *Viện Công nghệ Châu Á - 9 đến 11/5/2019*
3	Ông Lê Ngọc Thông	» TV HĐQT » TV Tiểu ban Chiến lược	37/48	Không thuộc	5/5	Không thuộc	Công tác	1. Đào tạo Khung Chính sách Môi trường và Xã hội (*) - *Viện Công nghệ Châu Á - 9 đến 11/5/2019*
4	Bà Nguyễn Thùy Vân	» TV HĐQT » Trưởng TBKT	48/48	3/3	Không thuộc	Không thuộc	Đầy đủ	1. Audit Committee Master Program (****) - *Viện QTCT Việt Nam - 30 đến 31/5/2018* 2. Đào tạo Khung Chính sách Môi trường và Xã hội (*) - *Viện Công nghệ Châu Á - 9 đến 11/5/2019*
5	Ông See Beow Tean	» TV HĐQT độc lập » TV TBKT » Phó TB Chiến lược	36/48	3/3	5/5	Không thuộc	Công tác	Cư trú ở nước ngoài
6	Ông Henry Chung	» TV HĐQT độc lập » TV TBKT » Phó ban thường trực Tiểu ban Nhân sự	48/48	3/3	Không thuộc	4/4	Đầy đủ	Cư trú ở nước ngoài

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Niên độ 18-19, ngoài việc giám sát chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch kinh doanh mà Ban TGĐ triển khai sao cho đảm bảo tốt nhất lợi ích CĐ và NĐT, đáp ứng nhu cầu đa dạng của Khách hàng trong thị trường đầy tính cạnh tranh nhưng phải cân bằng được lợi ích cho Cộng đồng Xã hội, đặc biệt là nỗ lực chia sẻ cùng Người Nông dân trên từng cánh đồng Mía trong giai đoạn khó khăn; HĐQT vẫn tiên quyết triển khai những chiến lược xuyên suốt trong giai đoạn tiền hội nhập. Công ty liên tục ra mắt các sản phẩm mới trong Chuỗi Giá trị Cây Mía để đón đầu thị trường trên cơ sở cải thiện các phương án tổ chức hoạt động để nâng cao năng suất, hỗ trợ xuyên suốt và tối ưu hóa hoạt động cho các Công ty con, Công ty liên kết; mở rộng các VNL chuẩn bị cho chiến lược nguồn thu đa dạng trong những năm tiếp theo để giảm thiểu rủi ro từ biến động Ngành Đường. Để những mục tiêu trên có thể hoàn thành, HĐQT đã nghiêm túc cải thiện mô hình Quản trị theo chuẩn mực cao hơn. Tái cấu trúc bộ máy để tối ưu hóa hoạt động giám sát và QTRR, đảm bảo đạo đức kinh doanh để tạo niềm tin cho thị trường, chính là nền tảng trong việc cạnh tranh thu hút vốn trên thị trường vốn quốc tế từ đó có thêm tiềm lực để tái cơ cấu hệ thống tài chính. HĐQT đã nỗ lực tiếp xúc, thương lượng và hoàn thành thương vụ bán vốn cho NĐT nước ngoài đến từ Đức - DEG 28 triệu USD nhằm gia tăng năng lực tài chính, tạo lòng tin cho CĐ và NĐT.

Vì mục tiêu phát triển thị trường tài chính và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, từ năm 2022 đến 2025, các công ty niêm yết được khuyến khích áp dụng chuẩn mực BCTC quốc tế IFRS và sau năm 2025 là yêu cầu bắt buộc.

> “Hội đồng Quản trị TTC Biên Hòa đã chủ động làm việc với Kiểm toán độc lập cho quy trình hạch toán kế toán theo chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế IFRS, kỳ vọng áp dụng tiêu chuẩn này trước năm 2022. Đồng hành cùng Hội đồng Quản trị trong năm qua là Đơn vị tư vấn chuyên nghiệp IFC hỗ trợ cải thiện, nâng cao chất lượng, năng lực, tính giải trình và Công bố thông tin hướng đến các chuẩn mực quốc tế về chứng khoán.”

Niên độ vừa qua, HĐQT chủ động xây dựng và áp dụng quy trình QTRR về truyền thông để có kế hoạch ứng phó kịp thời và phù hợp với mọi tình huống, tránh tối đa những thông tin hành lang không chính xác làm hoang mang CĐ, NĐT và các BLQ, ảnh hưởng không tốt đến hoạt động của Công ty.

Để hiện thực hóa HĐKD thành DT, LN và dòng tiền, đáp ứng nhu cầu chính đáng của CĐ, NĐT, HĐQT đã làm việc xuyên suốt với Deloitte để xây dựng chiến lược phát triển ngắn trung và dài hạn cũng như chiến lược giá, đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty những năm tiếp theo là đủ lớn, đủ mạnh, đủ sự tự tin để cạnh tranh được với các nền Mía Đường lớn trong Khu vực sau hội nhập. Chi phí Phi Kiểm toán trong NĐ qua, theo đó tăng mạnh so với cùng kỳ, khoảng 16 tỷ đồng và chiếm khoảng 84% tổng chi phí Kiểm toán và Phi Kiểm toán.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TIỂU BAN KIỂM TOÁN

Tiểu ban Kiểm toán là mô hình được Công ty áp dụng kể từ ngày 20/11/2017 sau khi được ĐHĐCĐ phê duyệt. Tháng 5/2018, TBKT được bổ sung Nhân sự từ 1 lên 3 TV HĐQT với các TV không điều hành và độc lập đã khắc phục đáng kể những vấn đề bất cập trước đây của mô hình BKS.

TBKT được cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin để từ đó chủ động trong các công tác kiểm soát và tối thiểu hoá các rủi ro có thể xảy ra, cũng như hỗ trợ HĐQT và BĐH đưa ra những phương án xử lý, chấn chỉnh phù hợp khi phát hiện sai phạm theo đúng Bộ QCUX.

Trong NĐ 18-19, TBKT đã thực hiện tốt các công việc như thực hiện kiểm tra tính tuân thủ Pháp luật và các quy định nội bộ của toàn hệ thống; đồng hành, đẩy mạnh công tác tiền kiểm đặc biệt trong các hoạt động chính về Nông nghiệp, Dự án; đảm bảo tính trung thực hợp lý của BCTC góp phần hoàn thành thương vụ chào bán CPƯĐ cho Quỹ Đầu tư của Chính phủ Đức và nâng cao chất lượng hoạt động KSNB. Chi phí dịch vụ Kiểm toán của Kiểm toán độc lập trong năm qua gần 3 tỷ đồng bao gồm chi phí Kiểm toán BCTC theo hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS và BC Kiểm toán vốn, tuy nhiên chỉ chiếm khoảng 16% trong tổng chi phí Kiểm toán và Phi Kiểm toán.

Trong năm qua, giao dịch của Người nội bộ và Người có liên quan đã làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu SBT của nhóm này từ 7,94% tương đương 44,2 triệu cổ phiếu ngày 1/7/2018 lên 16,12% tương đương 94,6 triệu cổ phiếu ngày 30/6/2019, chủ yếu do mua ròng và trả cổ tức 6% bằng cổ phiếu. Giao dịch của CĐ lớn trong NĐ vừa qua cũng làm tăng tỷ lệ sở hữu SBT từ 38,81% lên 40,30% tương đương 216,2 triệu lên 236,4 triệu cổ phiếu.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TIỂU BAN CHIẾN LƯỢC

> “Công ty thành lập Tiểu ban Chiến lược với 3 Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành và độc lập đã hỗ trợ công tác xây dựng Chiến lược và giám sát thực thi Chiến lược hiệu quả hơn khi có sự phân công cụ thể cho từng Thành viên Hội đồng Quản trị và hợp tác, phản biện sát sao với Nhà Tư vấn Deloitte Châu Á.”

Công tác xây dựng Chiến lược và theo dõi, giám sát việc thực thi Chiến lược là hoạt động tối quan trọng trong năm qua tại TTC Biên Hòa. Từ năm 2018, Công ty thành lập Tiểu ban Chiến lược với 3 TV HĐQT không điều hành và độc lập đã hỗ trợ công tác xây dựng Chiến lược và giám sát thực thi Chiến lược hiệu quả hơn khi có sự phân công cụ thể cho từng TV HĐQT và hợp tác, phản biện sát sao với Nhà Tư vấn Deloitte Châu Á. Từ đó, công tác định hướng cũng như các quyết định trong các hoạt động tài chính, dự án, kinh doanh… luôn được cân nhắc và điều chỉnh phù hợp với tầm nhìn và mục tiêu mà TTC Biên Hòa đang hướng tới. Trong NĐ 18-19, TB Chiến lược đã thực hiện tốt nhiệm vụ được giao đặc biệt là hoạt động trọng tâm hoàn thiện Chiến lược giá sản phẩm cho thị trường Ngành Đường đến năm 2021.

Khái niệm của Phát triển không phải chỉ bao gồm tăng trưởng kinh tế mà còn gắn liền những mục tiêu khác liên quan Môi trường, Xã hội, chất lượng cuộc sống. Mục tiêu của phát triển dường như đã có sự thay đổi khi có nhận định “Phát triển con người là mục đích, tăng trưởng kinh tế là phương tiện”, theo Báo cáo Phát triển con người năm 1996 của Ngân hàng Thế giới. Chính vì vậy, trong năm qua, 2 Ban mới đã được HĐQT thành lập, thể hiện rõ mong muốn và quyết tâm đi theo con đường PTBV, hoà chung với mục tiêu của thế giới.

Tên Ban	Ngày thành lập	Trưởng ban	Chức năng và nhiệm vụ	Thành tựu
Ban Phát triển đầu tư dự án kinh doanh ngoài Đường	19/4/2019	CT HĐQT	» Nghiên cứu thị trường, xây dựng chiến lược kinh doanh » Lập dự án cũng như tổ chức thực thi chiến lược phát triển các hoạt động kinh doanh sản phẩm khác: Trồng cây ăn quả, chăn nuôi, phân hữu cơ vi sinh...	Hoàn thành xây dựng phương án kinh doanh và tìm kiếm đối tác trong lĩnh vực trồng cây ăn quả, chăn nuôi và phân hữu cơ vi sinh. Các dự án này đang trong quá trình xin giấy phép để thực hiện
Ban Phụ trách Phát triển bền vững Môi trường - Xã hội	26/3/2019	CT HĐQT	» Xây dựng chiến lược, định hướng và triển khai thực hiện chiến lược PTBV Môi trường - Xã hội » Quyết định các bộ tiêu chuẩn cần tuân thủ áp dụng » Thực hiện kế hoạch khắc phục từng thời kỳ nhằm đạt được tiêu chuẩn yêu cầu » Tham mưu và báo cáo trực tiếp cho HĐQT về các tác động Môi trường - Xã hội	Hoàn thành kế hoạch khắc phục các tiêu chuẩn Môi trường - Xã hội theo Bộ tiêu chuẩn Môi trường - Xã Hội của IFC theo đúng cam kết với NĐT.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TIỂU BAN NHÂN SỰ

Với TV HĐQT không điều hành, độc lập và GĐ Nhân sự, tuy chỉ mới thành lập nhưng trong vòng 1 năm qua đã có nhiều nỗ lực trong công tác tham mưu cho HĐQT về việc tuyển chọn, bổ nhiệm, quy hoạch, bồi dưỡng, tưởng thưởng những vị trí cán bộ Quản lý cao cấp để ổn định bộ máy Nhân sự đảm bảo các chiến lược đặt ra được hoàn thành ở mức độ cao nhất. Năm qua, Tiểu ban đã hỗ trợ HĐQT thực hiện tốt công tác tinh gọn bộ máy sau M&A, tăng năng suất lao động qua các Quy chế tiền lương, Quy chế thi đua khen thưởng cho các Cán bộ có trách nhiệm cao nhất trong từng khâu hoạt động. Đồng thời, đứng trước nhu cầu lớn về Nhân sự cấp cao, Tiểu ban đã có nhiều nỗ lực trong công tác tìm kiếm, chuẩn bị nguồn Nhân sự dự phòng, xây dựng đội ngũ kế thừa thông qua việc tích cực tìm kiếm các ứng viên HĐQT độc lập có chuyên môn trong Ngành Nông nghiệp, những tên tuổi lớn trên thị trường tài chính. Thậm chí việc tìm kiếm các ứng viên HĐQT độc lập tại Viện TV HĐQT độc lập VIOD do HOSE và IFC thành lập cũng được thực thi một cách nghiêm túc, để đảm bảo tính chuyên nghiệp trong công tác giám sát, QT một cách độc lập, không xung đột lợi ích, đảm bảo yêu cầu ngày một cao hơn từ CĐ chiến lược DEG.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Niên độ 18-19, bên cạnh việc định kỳ cung cấp thông tin định kỳ, bất thường, theo yêu cầu của HĐQT nhằm phục vụ cho công tác chỉ đạo, giám sát của HĐQT, Ban TGĐ cũng thường xuyên trao đổi với HĐQT để xử lý kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh trong bối cảnh Ngành Đường có nhiều biến động. Mặc dù cục diện của Ngành Đường thế giới và trong nước đang ở giai đoạn dư thừa trong nhiều NĐ liên tiếp khiến giá Đường giảm sâu nhất trong 7 năm qua nhưng Ban TGĐ đã thích nghi, nỗ lực và linh động trong công tác điều hành và tuân thủ các định hướng, chỉ đạo chiến lược của HĐQT, ghi nhận những thành quả nhất định trong năm, tuy chưa hoàn thành tất cả các chỉ tiêu được giao.

STT	Mục tiêu	Thành quả
1	**Thực thi chiến lược chung: Tăng Doanh thu, giảm Chi phí, tái cơ cấu Tài chính**	» DTT hợp nhất NĐ 18-19: 10.857 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ » Tỷ lệ Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp trên DTT được kiểm soát tốt: Lần lượt 3,7% và 4,1%, thấp hơn kế hoạch » Quản lý tốt định mức và chi phí chế luyện » Thực hiện tốt công tác bảo trì, dự báo » Tối ưu hóa chi phí vận chuyển, xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, chủ động đồng hành cùng Khách hàng » Thực hiện phương án phát hành Trái phiếu, kế hoạch sử dụng vốn từ việc phát hành CPƯĐ » Phê duyệt hợp đồng về quản lý, bồi dưỡng và khai thác tài sản
2	**Tiếp tục phát triển đa dạng hóa sản phẩm Đường hướng đến việc đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng**	» Sản lượng Đường tiêu thụ: Gần 749.000 tấn » Chuyển từ việc cung cấp mặt hàng tiêu dùng đơn thuần trở thành sản phẩm tốt, có lợi cho sức khỏe, Biên LN cao » Các sản phẩm đặc trưng cho tiêu chí “Xanh-Sạch-Tốt cho sức khỏe”: Đường Hữu cơ, Đường Ăn kiêng, Đường phèn cao cấp… » Góp phần làm giảm nạn Đường lậu, thay thế bằng các sản phẩm phù hợp
3	**Tổ chức nghiên cứu thị trường, thực hiện dự án đầu tư các sản phẩm Cạnh Đường, Sau Đường nhằm tối đa hóa Chuỗi Giá trị**	» 5 sản phẩm hiện hữu, đóng góp 16% DTT » 2 sản phẩm dự kiến ra mắt thị trường trong tháng 7, 10/2019 » 3 sản phẩm đang lập kế hoạch và 1 sản phẩm đã có kế hoạch thực hiện
4	**Triển khai các dự án đầu tư nhằm tối ưu hóa chi phí sản xuất**	» Hội đồng Khoa học Nông nghiệp đã hoàn thành cẩm nang canh tác Mía: Hướng dẫn chi tiết cày ngầm, tưới, cơ giới hóa hiệu quả, canh tác giới hạn, thiết kế đồng ruộng…, dự kiến sử dụng trong NĐ 19-20 » Đưa vào sử dụng các Dự án Công nghệ thông tin: Quản lý Nông nghiệp FRM, Quản lý bán hàng CRM-DMS, Phần mềm tích hợp ERP, Hệ thống Báo cáo Quản trị BI » Đầu tư các giải pháp tiết kiệm hơi, Đa dạng hoá phương thức giao hàng bằng bao bì Big bag, Hoàn thiện đầu tư hệ thống Robot tự động hóa bốc xếp bao 50 kg, Năng lượng mặt trời, Sấy bã mía công suất 110 tấn/h
5	**Tạo hành lang pháp lý cho công tác điều hành hoạt động được thông suốt, minh bạch, rõ ràng và tuân thủ các quy chế, quy định Công ty**	» Hoàn thiện công tác phân công, phân nhiệm » Hoàn thành hệ thống văn bản lập quy » Triển khai xây dựng và ban hành kế hoạch Nhân sự kế thừa cho cấp Quản lý » Khuyến khích và phát triển các hình thức đào tạo nhằm nâng cao trình độ, năng lực của CBNV » Xây dựng chính sách khen thưởng kịp thời nhằm động viên tinh thần CBNV.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Cơ cấu thu nhập, thời gian đảm nhiệm chức vụ, các khóa học tham gia của Ban Tổng Giám đốc và Cán bộ Quản lý khác về Tài chính

STT	Họ tên	Chức vụ	Thu nhập		Bắt đầu đảm nhiệm	Các Khóa học
			Lương	Thưởng		
A	**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**					
1	Nguyễn Thanh Ngữ	TGĐ	66%	34%	01/11/2014	1. Đào tạo Khung Chính sách Môi trường và Xã hội (*) - *Viện Công nghệ Châu Á - 9 đến 11/5/2019*
2	Dương Thị Tô Châu	Phó TGĐ	62%	38%	15/10/2014	1. Đào tạo Khung Chính sách Môi trường và Xã hội (*) - *Viện Công nghệ Châu Á - 9 đến 11/5/2019* 2. Đào tạo Chương trình Quản lý sự thay đổi (*****) - *Corporate Training Solution, Pace và CTCP Đầu tư Thành Thành Công - 26 đến 27/9/2018*
3	Nguyễn Quốc Việt	Phó TGĐ	57%	43%	05/11/2016	
4	Lê Quang Hải	Phó TGĐ	63%	37%	05/12/2017	
5	Trần Quốc Thảo	Phó TGĐ	62%	38%	13/02/2018	1. Đào tạo Khung Chính sách Môi trường và Xã hội (*) - *Viện Công nghệ Châu Á - 9 đến 11/5/2019*
B	**CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VỀ TÀI CHÍNH**					
1	Đoàn Vũ Uyên Duyên	GĐ Tài chính	71%	29%	05/09/2018	1. Đào tạo Khung Chính sách Môi trường và Xã hội (*) - *Viện Công nghệ Châu Á - 9 đến 11/5/2019* 2. Đào tạo Chương trình Quản lý sự thay đổi (*****) - *Corporate Training Solution, Pace và CTCP Đầu tư Thành Thành Công - 26 đến 27/9/2018*
2	Lê Phát Tín	Kế toán trưởng	66%	34%	16/01/2015	1. Đào tạo Khung Chính sách Môi trường và Xã hội (*) - *Viện Công nghệ Châu Á - 9 đến 11/5/2019*

(*): Nâng cao năng lực cho đội ngũ GĐ Điều hành các Công ty thành viên thuộc Tổng Công ty Ngành Nông nghiệp về các tiêu chuẩn Môi trường và Xã hội, Báo cáo PTBV và trách nhiệm Xã hội của Doanh nghiệp

(**): Hướng dẫn cho học viên tham gia hiểu về ý nghĩa của Bộ chỉ số PTBV GRI, Hướng dẫn cách thu thập và xử lý số liệu, Cách sử dụng hệ thống thu thập và thống kế số liệu liên quan đến PTBV của GRI để lập Báo cáo

(***): Trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết của TV HĐQT để cải thiện hiệu quả công việc, Thúc đẩy sự chuyên nghiệp của HĐQT, Nâng cao đạo đức kinh doanh và tính minh bạch, Thiết lập mạng lưới các TV HĐQT độc lập, Xây dựng mạng lưới kết nối các Lãnh đạo doanh nghiệp với các bên có quyền lợi liên quan và giúp doanh nghiệp cải thiện niềm tin của NĐT

(****): QTCT và vai trò của HĐQT, Xu hướng QTCT ở Việt Nam và cập nhật về khuôn khổ pháp lý, Cơ bản về TBKT, QTRR và KSNB, PTBV về Môi trường và Xã hội, Sự vận động của TBKT, QCUX, Quy tắc đạo đức và tính liêm khiết, BCTC và Kiểm toán độc lập, KSNB và tuân thủ

(*****): Hiểu rõ bản chất của sự thay đổi và sự cần thiết của quản lý sự thay đổi, Nắm vững hệ thống quản lý và công cụ hoàn chỉnh về quản lý sự thay đổi, Nâng cao năng lực quản lý và thúc đẩy tinh thần làm việc của nhân viên.



BÁO CÁO CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Ông **See Beow Tean**

Chức danh

» TV HĐQT độc lập
Bổ nhiệm: 20/11/2017

» TV TBKT
Bổ nhiệm: 15/5/2018

» Phó Tiểu ban Chiến lược
Bổ nhiệm: 20/4/2018

Quyền hạn, trách nhiệm

» Hỗ trợ HĐQT thực hiện giám sát, soát xét các vấn đề trọng yếu liên quan đến hoạt động Kiểm toán

» Đưa ra các kiến nghị giải pháp hỗ trợ HĐQT xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến QTCT, KSNB, QTRR và KTNB

» Đề ra những chiến lược khả thi về kế hoạch thâm nhập, khai thác thị trường xuất khẩu ngách

» Tham mưu về định hướng giao dịch hàng hóa tương lai trên các sàn thương mại quốc tế.

Ông **Henry Chung**

Chức danh

» TV HĐQT độc lập
Bổ nhiệm: 31/10/2016

» TV TBKT
Bổ nhiệm: 15/5/2018

» Phó Ban thường trực Tiểu ban Nhân sự
Bổ nhiệm: 29/5/2018

Quyền hạn, trách nhiệm

» Hỗ trợ HĐQT thực hiện giám sát, soát xét các vấn đề trọng yếu liên quan đến hoạt động Kiểm toán

» Đưa ra các kiến nghị giải pháp hỗ trợ HĐQT xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến Xung đột lợi ích và giao dịch với các BLQ, Hiệu quả và trách nhiệm giải trình của Ban TGĐ thông qua giám sát các hoạt động điều hành một cách độc lập

» Đảm bảo tính trung thực hợp lý của BCTC

» Nâng cao chất lượng hoạt động KTNB

» Tham mưu về chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao hướng đến các tiêu chuẩn PTBV

» Kiến nghị hoạt động kiểm soát rủi ro đặc biệt cho chiến lược đầu tư phát triển tại nước ngoài của Công ty.

Theo quy định tại Điều 13, Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về QTCT áp dụng đối với công ty đại chúng ngày 6/6/2017, từ ĐHĐCĐ thường niên NĐ 16-17 diễn ra vào ngày 20/11/2017, TTC Biên Hòa đã nâng số lượng TV HĐQT độc lập lên 2/6, chiếm hơn 33% số TV HĐQT nhằm thúc đẩy nhận định độc lập của tất cả TV HĐQT và sự liêm chính của hệ thống Quản trị. Bên cạnh các yêu cầu về tính độc lập mà Pháp luật đã quy định, các TV độc lập của TTC Biên Hòa hiện đa dạng về chuyên môn và kinh nghiệm trong nước cũng như quốc tế. Liên quan trực tiếp tới lĩnh vực hoạt động của Công ty như Bán lẻ toàn cầu và Mía Đường là Ông See Beow Tean. Đặc biệt, để đảm bảo tiêu chuẩn tối thiểu 1 TV HĐQT độc lập có chuyên môn và kinh nghiệm về tài chính tham gia và lãnh đạo TBKT, Ông Henry Chung với 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính và Mía Đường đã trở thành TV TBKT từ 15/5/2018.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NIÊN ĐỘ 18-19

Hội đồng Quản trị đã tổ chức một cách có trách nhiệm 48 cuộc họp để đưa ra các quyết định mang tính chất định hướng, chỉ đạo HĐKD theo đúng chiến lược phát triển của Công ty. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức kịp thời nhằm đưa ra các quyết sách phù hợp trong những hoạt động chính sau:

» Hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy Quản trị của Công ty theo tư vấn của IFC

» Quyết định kế hoạch phát triển SXKD và ngân sách NĐ 18-19

» Giám sát việc thực thi chiến lược chung giai đoạn 17-18 và 20-21

» Xem xét và tiếp tục đào sâu trong xây dựng chiến lược giá sản phẩm

» Định hướng các công tác M&A để tái cấu trúc tài chính và nâng cao năng lực cạnh tranh

» Quyết định các dự án đầu tư và dự án R&D theo định hướng chiến lược

» Quyết định chính sách đầu tư đối với Người Nông dân trồng Mía.

Hội đồng Quản trị đã ban hành 41 Nghị quyết và 24 Quyết định trong phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền của mình, cũng như đúng với trình tự và thủ tục của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, đảm bảo phù hợp với thực tiễn kinh doanh, đáp ứng được yêu cầu Quản trị và nhu cầu phát triển. Các Quyết định của HĐQT được đánh giá là kịp thời để định hướng, chỉ đạo cho BĐH trong HĐKD của NĐ 18-19 không được sự hỗ trợ của các điều kiện vĩ mô Ngành.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ 19-20 CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính và Mía Đường, Ông Henry Chung dự kiến sẽ tiếp tục đồng hành cùng TTC Biên Hòa với vai trò là TV HĐQT độc lập, TV Tiểu ban Kiểm toán và Phó Tiểu ban Chiến lược. Ông sẽ đặc biệt tập trung vào rà soát KSNB về tài chính, hệ thống KSNB và QLRR; rà soát giao dịch với các BLQ; giám sát đảm bảo Công ty tuân thủ mọi quy định pháp luật của như các yêu cầu nội bộ.

Ngày 29/4/2019, Ông See Beow Tean đã nộp đơn từ nhiệm chức danh TV HĐQT vì lý do cá nhân, TTC Biên Hòa đã thực hiện LYKCĐ văn bản để phê duyệt việc từ nhiệm này vào ngày 1/7/2019 và ngày 12/7/2019, Ông Hoàng Mạnh Tiến đã được bầu trở thành TV độc lập thay thế. Ông Tiến sinh năm 1962, tốt nghiệp ngành Cử nhân Luật và có hơn 20 năm kinh nghiệm trong công tác KTNB từ lĩnh vực ngân hàng đến kinh doanh, sản xuất và dịch vụ.

Sau khi DEG chính thức mua CPUĐ và trở thành CĐ chiến lược nước ngoài của SBT, yêu cầu về chuẩn mực QTCT sẽ phải tiếp tục được cải thiện để đáp ứng



những tiêu chuẩn khắt khe mà DEG yêu cầu trong suốt quá trình thẩm định (Due Diligence) cho đến suốt quãng đường hợp tác giữa 2 Bên. Ông Tiến theo đó sẽ hỗ trợ HĐQT trong việc giám sát tính trung thực của BCTC và mọi công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính; giám sát bộ phận KTNB; xây dựng, thực hiện chính sách tuyển dụng, giới thiệu, theo dõi, đánh giá sự độc lập, khách quan, hiệu quả của Công ty Kiểm toán đặc biệt là các dịch vụ và chi phí Phi Kiểm toán.

Việc hội nhập ATIGA vào 1/1/2020 sẽ là giai đoạn quan trọng, cần sự đóng góp nhiều hơn nữa của các TV HĐQT độc lập để hỗ trợ HĐQT hoàn thiện mô hình Quản trị theo chuẩn mực, định hướng hoạt động hợp lý cho Ban TGĐ trong giai đoạn giao thời. Các TV HĐQT sẽ phải tiếp tục đảm bảo được việc ra quyết định độc lập về các vấn đề, giám sát khách quan phù hợp với hoạt động của BĐH đặc biệt là ngăn ngừa xung đột lợi ích và cân bằng các nhu cầu có tính cạnh tranh với nhau.

BÁO CÁO CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO TIỂU BAN KIỂM TOÁN

"Từ Niên độ 17-18, thực hiện kế hoạch cải thiện Quản trị Công ty theo thông lệ quốc tế, TTC Biên Hòa đã thành lập các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị để (1) Tăng tính hiệu quả của Hội đồng Quản trị khi cho phép các chuyên gia, tức là các Thành viên Hội đồng Quản trị tập trung vào các lĩnh vực cụ thể, từ đó đưa ra các khuyến nghị sâu sắc hơn cho Hội đồng Quản trị; (2) Phát triển chuyên môn cụ thể của từng Thành viên Hội đồng Quản trị về những mảng hoạt động khác nhau của Công ty; (3) Cải thiện sự khách quan và độc lập trong đánh giá của Hội đồng Quản trị với tình hình Quản trị và Điều hành."

GIỚI THIỆU TIỂU BAN KIỂM TOÁN

Họ và Tên	Chức danh Hội đồng Quản trị	Chức danh Tiểu ban Kiểm toán	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu trên Vốn điều lệ	Quyền và nhiệm vụ
Bà Nguyễn Thùy Vân	TV HĐQT không điều hành	Trưởng Tiểu ban	15/5/2018	0,24%	» Lập chương trình hành động của TBKT » Chỉ đạo các TV TBKT thực hiện các quyền và nhiệm vụ của TBKT » Chỉ đạo Phòng KTNB triển khai thực hiện theo chức năng và nhiệm vụ
Ông See Beow Tean	TV HĐQT độc lập	Thành viên	15/5/2018(*)	0%	» Thực hiện nhiệm vụ do Trưởng TBKT phân công » Chịu trách nhiệm trước pháp luật, ĐHĐCĐ, HĐQT về việc xác định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty
Ông Henry Chung	TV HĐQT độc lập	Thành viên	15/5/2018	0,07%	
Tổng cộng				**0,31%**	

(*) Ngày 29/4/2019, Ông See Beow Tean đã nộp đơn từ nhiệm chức danh TV HĐQT.
TTC Biên Hòa đã LYKCĐ bằng văn bản để phê duyệt việc từ nhiệm này của Ông See Beow Tean vào ngày 1/7/2019.

HOẠT ĐỘNG CỦA TIỂU BAN KIỂM TOÁN

Từ ngày 20/11/2017, sau khi được ĐHĐCĐ chính thức phê duyệt mô hình Quản trị mới, TTC Biên Hòa áp dụng mô hình TBKT trực thuộc HĐQT, thay thế cho BKS trước đây. Mục tiêu hoạt động của TBKT là thực hiện soát xét các vấn đề trọng yếu, đưa ra các kiến nghị giải pháp hỗ trợ HĐQT trong việc xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến: *(1) QTCT, (2) BCTC, BCTN và CBTT, (3) KSNB và QTRR, (4) KTNB, (5) Kiểm toán độc lập, (6) Xung đột lợi ích và giao dịch với các BLQ, (7) Hiệu quả và trách nhiệm giải trình của Ban TGĐ.*

Tiểu ban Kiểm toán hiện nay có 3 TV đều là HĐQT không điều hành, trong đó 2 TV là TV HĐQT độc lập nhằm đảm bảo việc thực hiện chức năng giám sát, kiểm soát một cách độc lập và minh bạch. Cơ cấu TBKT của TTC Biên Hòa đang hướng theo chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là văn minh Quản trị liên quan đến bình đẳng giới, trân trọng chính đáng tài năng và đóng góp của phụ nữ trong hệ thống Quản trị cũng như Điều hành. CĐ chiến lược đến từ Châu Âu cũng đánh giá cao các chuẩn mực quốc tế về QTCT cũng như tính tương tác giữa các vấn đề Môi trường, Xã hội và Quản trị tại Công ty. TTC Biên Hòa hiện cũng đã được CĐ chiến lược này chọn làm mô hình tiêu biểu cho Chương trình "2X Challenge". Đối với TBKT, nổi bật là việc đề cao nữ quyền trong Giám sát Quản trị khi Trưởng TBKT của Công ty hiện là TV HĐQT không điều hành nữ, chuyên môn Kế toán Kiểm toán. 2 TV còn lại có chuyên môn và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán và Mía Đường.

"Tính đến hết Niên độ 18-19, Tiểu ban Kiểm toán đã tổ chức 3 cuộc họp trực tiếp với sự tham gia đầy đủ của các Thành viên. Các cuộc họp nhằm trao đổi các công việc đã thực hiện, đánh giá các hoạt động của Công ty để đưa ra nhận định các rủi ro có thể phát sinh và cảnh báo kịp thời cho Hội đồng Quản trị. Ngoài ra, Tiểu ban Kiểm toán cũng rất linh hoạt khi chủ động thực hiện các cuộc họp hội ý nhanh thông qua email, các cuộc gọi hội nghị trực tiếp để xử lý các vấn đề phát sinh đột xuất."



NGÀY HỌP 15 THÁNG 10 2018

Thảo luận về các công việc đã thực hiện trong Quý 1

- LYKCĐ bằng văn bản và công tác lập báo cáo của TBKT trước ĐHĐCĐ NĐ 17-18 được tổ chức vào tháng 11/2018
- Xem xét và đánh giá các nội dung trong Báo cáo của Phòng KTNB
- Xem xét và đánh giá về kết quả hoạt động tài chính Quý 1 NĐ 18-19
- Các hoạt động chuẩn bị vụ thu hoạch và đầu tư vụ trồng 18-19, công tác bảo trì bảo dưỡng nhà máy
- Đưa ra kế hoạch kiểm tra, giám sát và các đề xuất cải thiện cho hoạt động KSNB NĐ 18-19
- Lập và triển khai kế hoạch giám sát việc thực hiện BCTC Quý, Bán niên, Năm cho NĐ 18-19

Các công việc dự kiến thực hiện trong Quý 2

NGÀY HỌP 21 THÁNG 01 2019

Thảo luận về các công việc đã thực hiện trong Quý 2

- Tham dự và thực hiện Báo cáo của TBKT trong ĐHĐCĐ NĐ 17-18
- Nội dung trình bày về hoạt động của TBKT, Báo cáo Cam kết tính trung thực hợp lý của các thông tin trên BCTN NĐ 17-18
- Xem xét và đánh giá các nội dung Báo cáo giao ban của Phòng KTNB tháng 10, 11, 12/2018
- Xem xét và đánh giá về dự thảo kết quả hoạt động tài chính riêng Quý 2 NĐ 18-19
- Kế hoạch giám sát các hoạt động chuẩn bị vào vụ ép Mía NĐ 18-19

Các công việc dự kiến thực hiện trong Quý 3

NGÀY HỌP 23 THÁNG 04 2019

Thảo luận về các công việc đã thực hiện trong Quý 3

- Giám sát hoạt động Quản trị, Điều hành của HĐQT và Ban TGĐ thông qua việc tham dự các cuộc họp của HĐQT
- Các vấn đề liên quan đến kế hoạch tăng VĐL, sửa đổi Điều lệ của Công ty
- Xem xét và đánh giá các nội dung Báo cáo giao ban của Phòng KTNB trong các tháng 1, 2, 3/2019
- Kiểm tra, đánh giá và đưa ra các giải pháp cải thiện hiệu quả hoạt động của TBKT cho NĐ mới
- Kiểm soát, giám sát và đánh giá việc thực hiện soát xét BCTC Bán niên của Đơn vị Kiểm toán độc lập E&Y
- Đánh giá về dịch vụ Kiểm toán làm cơ sở cho việc đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập cho NĐ 19-20

Các công việc dự kiến thực hiện trong Quý 4.

BÁO CÁO CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BÁO CÁO TIỂU BAN KIỂM TOÁN (TIẾP THEO)

CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA TIỂU BAN KIỂM TOÁN TRONG NIÊN ĐỘ

1 Thực hiện kiểm tra tính tuân thủ Pháp luật và các quy định nội bộ

- Giám sát, kiểm tra việc tuân thủ các quy định Pháp luật
- Định kỳ kiểm tra việc chấp hành chế độ kế toán, hạch toán của Công ty theo các Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Nhà nước về việc CBTT tài chính, thông tin giao dịch liên kết
- Kiểm tra, giám sát, đẩy mạnh tính hữu hiệu của hoạt động tiền kiểm đảm bảo các Đơn vị/Phòng/Ban tuân thủ tiến độ thực hiện các chủ trương và kế hoạch hành động
- Theo dõi, giám sát tiến độ khắc phục, hoàn thiện của các Đơn vị/Phòng/Ban để phúc tra và báo cáo kết quả thực hiện
- Tăng cường công tác rà soát văn bản lập quy, yêu cầu cập nhật kịp thời
- Giám sát chặt chẽ công tác đào tạo, hướng dẫn văn bản lập quy

2 Đồng hành, đẩy mạnh công tác tiền kiểm đặc biệt trong các hoạt động chính về Nông nghiệp, Dự án

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động thu hoạch và vận chuyển Mía tại các Nông trường, Mía đầu tư
- Kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án đang triển khai
- Nhắc nhở về việc thực hiện tốt các quy chuẩn thu hoạch để Mía về nhà máy đạt chất lượng
- Kiểm tra, giám sát công tác thực hiện, lập, lưu trữ các hồ sơ của dự án đầy đủ
- Nhắc nhở tuân thủ việc giải ngân vốn đầu tư đúng tiến độ, đúng mục đích, đúng đối tượng
- Thực hiện thẩm tra các báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án nhằm đảm bảo báo cáo được lập và trình bày trung thực và hợp lý theo đúng quy chế, quy trình và các quy định có liên quan
- Định kỳ đánh giá sinh trưởng Mía nhận đầu tư để đảm bảo hiệu quả đầu tư
- Thường xuyên kiểm tra hoạt động cơ giới trong công tác trồng, chăm sóc Mía tại các nông trường để đánh giá hoạt động quản lý sử dụng nhiên liệu, hoạt động quyết toán nhiên liệu đảm bảo phải tuân theo quy chuẩn, sử dụng nhiên liệu hiệu quả, có sự quản lý

3 Đảm bảo tính trung thực hợp lý của Báo cáo tài chính

- Chủ động giám sát chất lượng và cập nhật kịp thời các kết quả Kiểm toán BCTC
- Triển khai công tác thẩm định BCTC Quý, Bán niên và kết thúc NĐ theo kế hoạch hành động
- Kiến nghị khắc phục các sai sót, điều chỉnh và cảnh báo rủi ro (nếu có) trong quá trình hạch toán kế toán, tạo lập hồ sơ, lưu trữ chứng từ nhằm đảm bảo tính trung thực, hợp lý của các Báo cáo khi phát hành

4 Nâng cao chất lượng hoạt động Kiểm soát nội bộ

- Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo nội bộ nâng cao năng lực của Nhân sự KTNB
- Thực hiện các chương trình đào tạo cập nhật kiến thức và công tác phối hợp với các ngành trong các chương trình kế hoạch hành động của các Khối/Phòng/Ban:
  - "Chuyển đổi áp dụng IFRS" 23/3/2018 - *Deloitte*
  - "QTCT niêm yết hướng đến PTBV" 19/5/2018 - *Đại học Bách Khoa và Trung tâm nghiên cứu và hỗ trợ đào tạo doanh nghiệp*
  - Tập huấn Thuế định kỳ tháng - *Luật sư Trần Xoa*

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ 19-20

KIỂM TOÁN TUÂN THỦ	KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG	KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Đảm bảo tuân thủ thực hiện theo quy định của các văn bản lập quy, triển khai thực hiện chủ trương theo các Nghị Quyết/ Quyết Định của ĐHĐCĐ và HĐQT	Nhận diện, khuyến nghị kịp thời các rủi ro trong hoạt động của Công ty	Đảm bảo số liệu tài chính được hạch toán theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam nhằm đảm bảo tính trung thực, hợp lý của các BCTC khi phát hành
Đảm bảo Công ty tuân thủ các quy định Pháp luật	Nhận diện, khuyến nghị kịp thời những rủi ro, bất cập trong hệ thống quản lý	Đảm bảo việc phát hiện các sai sót, sai phạm trọng yếu trong các nghiệp vụ kế toán tài chính được phát hiện kịp thời và đề xuất các giải pháp, kiến nghị khắc phục
Đảm bảo các Đơn vị/Phòng/ Ban của Công ty tuân thủ các kế hoạch hành động đã được phê duyệt	Hệ thống KSNB ngày càng hoàn chỉnh và phù hợp với sự thay đổi mô hình tổ chức hoạt động tại Công ty	Nhận diện kịp thời các rủi ro có thể xảy ra đối với các hoạt động tài chính để từ đó có thể tham mưu các giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo các chỉ số tài chính nằm trong khả năng kiểm soát

DANH SÁCH CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA TTC BIÊN HÒA TRONG 5 NIÊN ĐỘ GẦN NHẤT

Niên độ 2013-2014	Niên độ 2014-2015	Niên độ 2015-2016	Niên độ 2016-2017	Niên độ 2017-2018
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn KPMG Việt Nam	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn KPMG Việt Nam	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Ý kiến Kiểm toán: Trung thực và hợp lý

BÁO CÁO CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

BÁO CÁO CÁC TIỂU BAN KHÁC TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

"Nhằm tăng cường hiệu quả và ra quyết định nhanh chóng trên nguyên tắc tránh nhiệm, cẩn trọng, TTC Biên Hòa đã thành lập các Tiểu ban khác trực thuộc Hội đồng Quản trị bao gồm Tiểu ban Chiến lược và Tiểu ban Nhân sự, bên cạnh Tiểu ban Kiểm toán."

GIỚI THIỆU TIỂU BAN CHIẾN LƯỢC

Cơ cấu của Tiểu ban Chiến lược từng bước theo đúng chuẩn mực QTCT của Khu vực khi bao gồm 3 TV, trong đó Trưởng ban là CT HĐQT, 2 Phó ban là TV HĐQT độc lập và TV HĐQT không điều hành. CT HĐQT kiêm nhiệm Trưởng Tiểu ban Nhân sự.

STT	Họ tên	Ngày bổ nhiệm	Ngày thôi nhiệm	Chức danh	Vị trí	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu trên Vốn điều lệ
1	Ông Phạm Hồng Dương	20/4/2018	Đương nhiệm	CT HĐQT	Trưởng ban	0,47%
2	Ông See Beow Tean	20/4/2018	1/7/2019	» TV HĐQT độc lập » TV TBKT	Phó ban	0%
3	Ông Lê Ngọc Thông	20/4/2019	1/7/2019	TV HĐQT không điều hành	Phó ban	0,02%
Tổng cộng						**0,49%**

GIỚI THIỆU TIỂU BAN NHÂN SỰ

Cơ cấu của Tiểu ban Nhân sự cũng đảm bảo hướng đến các thông lệ tốt trên thị trường khi Trưởng Tiểu ban là CT HĐQT, Phó ban là TV HĐQT độc lập và TV là GĐ Nhân sự. CT HĐQT kiêm nhiệm Trưởng Tiểu ban Chiến lược.

STT	Họ tên	Ngày bổ nhiệm	Ngày thôi nhiệm	Chức danh	Vị trí	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu trên Vốn điều lệ
1	Ông Phạm Hồng Dương	29/5/2018	Đương nhiệm	CT HĐQT	Trưởng ban	0,47%
2	Ông Henry Chung	29/5/2018	Đương nhiệm	» TV HĐQT độc lập » TV TBKT	Phó ban thường trực	0,07%
3	Bà Lê Hà Thị Mai Thảo	28/1/2019	Đương nhiệm	GĐ Nhân sự	TV	0,004%
4	Huỳnh Ngọc Sinh	29/5/2018	28/1/2019	Trưởng phòng Nhân sự	TV	-
Tổng cộng						**0,544%**

CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG NIÊN ĐỘ 18-19

	TIỂU BAN CHIẾN LƯỢC	TIỂU BAN NHÂN SỰ
Thành lập	» 20/4/2018: Quyết định số 15/2018/QĐ-HĐQT thành lập Tiểu ban Chiến lược, Tổ chức và Quản trị » 28/1/2019: Quyết định số 2/2019/QĐ-HĐQT cập nhật thông tin TV Tiểu ban Chiến lược	» 29/5/2018: Nghị quyết số 11/2018/BB-HĐQT thành lập Tiểu ban Nhân sự » 28/1/2019: Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐQT điều chỉnh TV Tiểu ban Nhân sự trực thuộc HĐQT
Chức năng nhiệm vụ	» Phê duyệt tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu dài hạn » Đưa ra các phương án quản trị hữu hiệu để Công ty đạt được mục tiêu chiến lược dài hạn » Định hướng về PTBV, phát triển có trách nhiệm » Giám sát việc lập, triển khai và thực thi chiến lược » Phụ trách xây dựng chính sách giao dịch các BLQ » Phụ trách xây dựng hệ thống Báo cáo quản trị, quản lý	» Đề xuất tiêu chí và quy trình đánh giá về phẩm chất, năng lực của TV HĐQT, TGĐ và Cán bộ cấp cao » Xây dựng chương trình đào tạo cho TV HĐQT, TGĐ và Cán bộ cấp cao » Tham mưu cơ cấu Nhân sự của các đơn vị cho HĐQT và chuẩn bị nguồn nhân lực các vị trí Lãnh đạo cấp cao » Hỗ trợ thiết lập cơ cấu, chính sách lương thưởng để thu hút, duy trì và thúc đẩy hoạt động của các TV trong bộ máy Quản trị và Điều hành đem lại hiệu quả cao
Hoạt động Niên độ 18 - 19	» Phối hợp cùng đơn vị tư vấn Công ty TNHH Deloitte Consulting Việt Nam thực hiện lập chiến lược giá: Thời gian thực hiện rà soát chiến lược từ ngày 12/12/2018 - 31/3/2019 » Theo dõi và giám sát việc thực thi các chiến lược đề ra » Phối hợp với Ban Phát triển dự án đầu tư để xây dựng chiến lược các sản phẩm Sau Đường như cây ăn quả, phân hữu cơ vi sinh	» Phê duyệt chủ trương triển khai thực hiện đánh giá sức khỏe doanh nghiệp » Phê duyệt chủ trương về việc xây dựng từ điển năng lực » Thảo luận về các tiêu chuẩn và các vấn đề liên quan văn hóa doanh nghiệp để kịp thời cập nhật điều chỉnh các chính sách liên quan » Tham mưu cơ cấu Nhân sự của HĐQT » Tìm kiếm và giới thiệu Nhân sự TV HĐQT và TV HĐQT độc lập » Định hướng, phân tích và xây dựng chiến lược Nhân sự.



BÁO CÁO CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG NIÊN ĐỘ 18-19 (TIẾP THEO)

	TIỂU BAN CHIẾN LƯỢC	TIỂU BAN NHÂN SỰ
Các cuộc họp Niên độ 18 - 19	» 12/12/2018: Họp triển khai dự án xây dựng chiến lược giá » 4/1/2019: Họp thảo luận về chiến lược » 25/1/2019: Họp thảo luận về chiến lược » 27/2/2019: Họp thảo luận về chiến lược » 19/3/2019: Họp thống nhất nội dung chiến lược giá Kết quả đạt được: Xây dựng chiến lược giá bán từng loại sản phẩm của TTC Biên Hòa, với sự tư vấn của đối tác Deloitte Asia và đã hoàn thành dự án đúng tiến độ	» 10/7/2018: Họp định kỳ Quý I NĐ 18-19: Họp định hướng, phân tích và xây dựng chiến lược Nhân sự » 24/11/2018: Họp định kỳ Quý II NĐ 18-19: Họp định hướng, phân tích và xây dựng chiến lược Nhân sự » 15/2/2019: Họp định kỳ Quý III NĐ 18-19: Họp về vấn đề liên quan văn hóa doanh nghiệp » 5/5/2019: Họp định kỳ Quý IV NĐ 18-19: Họp về chủ trương cơ cấu Nhân sự
Kế hoạch Niên độ 19-20	» Xây dựng chiến lược phát triển » Tiếp tục triển khai chi tiết chiến lược phát triển, hoạt động của từng bộ phận chức năng (kinh doanh, tài chính, chuỗi cung ứng...) như đã phê duyệt » Phối hợp triển khai thực hiện dự án với Ban Phát triển đầu tư các sản phẩm nhằm phát huy Chuỗi Giá trị Cây Mía: Cây ăn trái, Phân bón hữu cơ vi sinh, máy móc thiết bị Nông nghiệp » Giám sát việc thực thi chiến lược toàn Ngành	» Xây dựng kế hoạch đào tạo Nhân sự cấp cao » Tổ chức tìm kiếm, xây dựng lộ trình phát triển và lộ trình Nhân sự cấp cao kế thừa » Giám sát thực thi đánh giá sức khỏe doanh nghiệp.

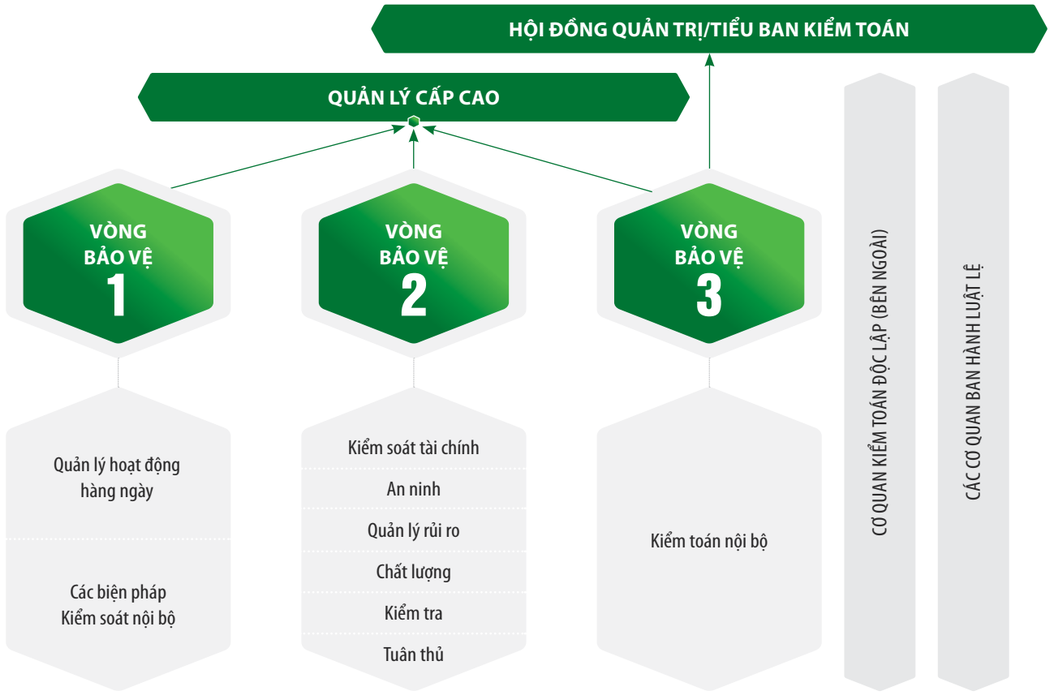
QUẢN TRỊ RỦI RO

NGUYÊN TẮC "3 VÒNG BẢO VỆ" TRONG QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI TTC BIÊN HÒA

"Quản trị rủi ro luôn là một trong những cấu phần quan trọng của Quản trị Công ty theo chuẩn mực quốc tế và cấu trúc Quản trị rủi ro là nền tảng của các hoạt động quản lý trong Công ty thông qua các nguyên tắc thiết lập cơ chế Quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát vững mạnh."

Hội đồng Quản trị TTC Biên Hòa đã chính thức thành lập Bộ phận kiểm soát thông qua TBKT có chức năng và nhiệm vụ quản trị kiểm soát và giám sát rủi ro. Mặc dù chưa thành lập 1 Tiểu ban riêng về QLRR báo cáo trực tiếp cho HĐQT nhưng trong thời gian qua, các Tiểu ban của HĐQT vẫn phối hợp nhịp nhàng trong việc giám sát việc thực thi chiến lược của Ban TGĐ và quản trị các rủi ro có liên quan để kịp thời điều chỉnh chiến lược trong các trường hợp vượt mức khẩu vị rủi ro theo nhận định của HĐQT.

Để đảm bảo tính hiệu quả của khung QLRR, TTC Biên Hòa đã áp dụng nguyên tắc "3 Vòng bảo vệ". HĐQT và Ban TGĐ đảm bảo được các bộ phận chức năng liên quan được thiết lập đầy đủ và hiệu quả, tăng cường sự cộng hưởng và trao đổi giữa giám sát và bảo đảm.



Ngày 16/5/2018, TTC Biên Hòa đã ban hành Quyết định về Quy trình QLRR dựa trên những thông lệ quốc tế để kịp thời nhận diện rủi ro và khai thác các cơ hội, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, phân định trách nhiệm rõ ràng nhằm hướng dẫn việc QLRR một cách phù hợp và toàn diện, các thủ tục giúp cung cấp thông tin về cách xác định, phân tích, đánh giá và xử lý rủi ro. TTC Biên Hòa đang từng bước hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức thực hiện "Vòng bảo vệ 1" và "Vòng bảo vệ 3" và đang trong giai đoạn củng cố hiệu quả "Vòng bảo vệ 2".

QUẢN TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)

Việc phân công trách nhiệm cụ thể của các đơn vị trong Quản lý rủi ro bao gồm:

Đơn vị	Trách nhiệm
Hội đồng Quản trị	» Đưa ra định hướng về tính chất của rủi ro và cách hành xử đối với từng rủi ro cụ thể ảnh hưởng đến chiến lược của Công ty » Giám sát tổng thể hoạt động QLRR
Tiểu ban Kiểm toán	» Giám sát xây dựng, triển khai mô hình, chính sách QLRR » Giám sát các hồ sơ rủi ro của Công ty » Báo cáo trực tiếp các rủi ro phát sinh cho HĐQT
Phòng Kiểm toán nội bộ	» Giám sát độc lập đối với các rủi ro được lựa chọn và giám sát các hoạt động của Ban TGĐ trong việc phòng ngừa các rủi ro theo chỉ đạo của HĐQT » Giám sát các hệ thống, quy trình QLRR
Ban Điều hành	» Chịu trách nhiệm triển khai QLRR » Quản lý, giám sát hồ sơ rủi ro » Đóng vai trò tiên phong trong việc nhận biết rủi ro, lập kế hoạch giảm thiểu/dự phòng rủi ro » Phân tích rủi ro trước khi đưa ra các quyết định quan trọng
Phòng Chính sách Pháp chế	» Phối hợp với các Phòng ban thực hiện thẩm định các văn bản lập quy về công tác QLRR » Đảm bảo phù hợp với pháp luật, phù hợp với các nguyên tắc kiểm soát
Đơn vị Quản lý hệ thống	» Xây dựng, triển khai, quản lý các ứng dụng thuộc hệ thống Công nghệ thông tin » Đảm bảo hệ thống QLRR được vận hành tốt
Các Đơn vị Phòng ban chức năng	» Tuân thủ chính sách QLRR » Đảm bảo các rủi ro trong đơn vị được xác định và giảm thiểu » Chịu trách nhiệm cho các rủi ro trong các hoạt động của đơn vị
Cán bộ nhân viên	» QLRR trong các hoạt động nghiệp vụ thuộc trách nhiệm của mình

Để việc Quản trị rủi ro được toàn diện và đầy đủ, TTC Biên Hòa luôn hướng đến khắc phục, bổ sung và thực thi các thông lệ quốc tế

» Xây dựng chiến lược QTRR phù hợp với mục tiêu của Công ty, định hướng xây dựng các cấu phần khác của khung QTRR
» Chính sách, thủ tục, báo cáo được văn bản hóa và theo các kênh báo cáo trong doanh nghiệp
» Các công cụ QTRR được sử dụng để phát hiện, tổng hợp, đánh giá và giảm thiểu rủi ro
» Hệ thống Công nghệ thông tin hỗ trợ và tự động hóa hoạt động QTRR.

CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU VÀ PHƯƠNG THỨC QUẢN TRỊ LIÊN TỤC TẠI TTC BIÊN HÒA

"Để phòng ngừa hiệu quả các rủi ro có thể phát sinh nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục, các biện pháp cụ thể được TTC Biên Hòa đề ra với từng nhóm rủi ro trọng yếu có khả năng xảy ra và được phân chia theo từng lĩnh vực cụ thể."

Rủi ro	Mô tả	Biện pháp thực hiện
Kế hoạch chiến lược	Kế hoạch phát triển trung và dài hạn không phù hợp	» Thuê đội ngũ tư vấn của Deloitte Châu Á để hoàn thiện chiến lược trung hạn » Chiến lược được HĐQT theo dõi để điều chỉnh kịp thời khi có sự thay đổi lớn có thể ảnh hưởng đến chiến lược đã đề ra
Hoạt động tài chính	» Biến động tỷ giá hối đoái » Biến động lãi suất » Khó khăn trong thanh khoản	» Lập kế hoạch về nhu cầu thanh toán, nhu cầu ngoại tệ » Theo dõi, phân tích biến động thị trường vốn để có sự cân đối nhu cầu và điều chỉnh phù hợp » Cân đối cơ cấu nợ vay ngắn và dài hạn » Quản lý chặt chẽ dòng tiền nhằm đảm bảo duy trì khả năng thanh khoản
Vùng nguyên liệu	» Nguy cơ không đủ nguyên liệu đầu vào cho sản xuất » Thời tiết hạn hán gây ảnh hưởng đến phát triển Cây Mía » Thoái hóa giống » Phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật làm thoái hóa đất » Thiếu công nhân lao động thời vụ	» Xây dựng nhiều chính sách hỗ trợ để Người Nông dân tiếp tục giữ lại cánh đồng Mía » Chủ động mở rộng diện tích các nông trường » Trung tâm Nghiên cứu, Hội đồng Khoa học luôn quan tâm đến công tác phục tráng giống, các biện pháp canh tác để tăng cường khả năng giữ nước của đất » Sản xuất phân hữu cơ, sử dụng phân hữu cơ để thay thế dần cho phân hóa học » Thả ong mắt đỏ để trừ sâu, thay thế dần việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật » Xây dựng các chính sách khuyến khích Người Nông dân, hỗ trợ Người Nông dân thực hiện cơ giới hóa trong công tác trồng, chăm sóc, thu hoạch để ứng phó với tình trạng thiếu công nhân thời vụ
Hoạt động sản xuất	» Ô nhiễm Môi trường do nước thải, khí thải » Thiếu lao động » Chất lượng sản phẩm không đảm bảo yêu cầu	» Đầu tư hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo nước thải ra Môi trường không gây ô nhiễm » Đầu tư hệ thống quan trắc khí thải, nước thải để phát hiện, xử lý kịp thời dấu hiệu vượt mức quy định » Tận dụng tối đa Bã Mía để thay thế cho nguồn nhiên liệu hóa thạch » Nghiên cứu, sử dụng các nhiên liệu hóa thạch ít gây ô nhiễm hơn » Đầu tư mạnh vào nguồn Năng lượng tái tạo - Điện Mặt trời » Ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương » Hỗ trợ tối đa về phương tiện đưa đón, chỗ ở cho các lao động từ địa phương khác đến » Chính sách đào tạo liên tục để đảm bảo nguồn Nhân sự kế thừa ở các cấp độ » Thiết lập Phòng QHSE thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm, tiếp nhận các thông phản hồi của Khách hàng để xác định nguyên nhân, có hướng xử lý phù hợp » Sản phẩm mới được đội R&D thử nghiệm nhiều lần, đảm bảo đạt các tiêu chuẩn chất lượng trước khi đưa vào sản xuất hàng loạt
Hoạt động kinh doanh	» Khách hàng mua sản phẩm của đơn vị khác » Mất lợi thế cạnh tranh » Không thích nghi kịp thời với sự thay đổi của Môi trường kinh tế xã hội, ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh	» Đa dạng hóa sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm tự nhiên, Hữu cơ - Organic, hướng đến đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng, gia tăng giá trị sản phẩm » Nhận diện, phân tích kịp thời các thay đổi của đối thủ cạnh tranh, môi trường kinh doanh, mối quan tâm, thị hiếu Khách hàng » Xây dựng các chương trình hành động kịp thời, đảm bảo duy trì lợi thế cạnh tranh » Thích nghi nhanh với môi trường thay đổi, đáp ứng được nhu cầu ngày càng đa dạng của Khách hàng
Chính trị	Thay đổi môi trường chính trị tại các nước mà Công ty đầu tư, giao dịch ảnh hưởng đến hoạt động SXKD	» Cập nhật thông tin thường xuyên tình hình chính trị tại các quốc gia này » Có các quyết định điều chỉnh kịp thời trong hoạt động đầu tư cũng như hoạt động xuất nhập khẩu.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THẺ ĐIỂM ASEAN SCORECARD VÀ BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THÔNG LỆ TỐT NHẤT DÀNH CHO CÁC CÔNG TY ĐẠI CHÚNG TẠI VIỆT NAM

"Tại Báo cáo Thường niên 17-18, TTC Biên Hòa đã tiến hành đánh giá tình hình Quản trị Công ty theo Thẻ điểm ASEAN. Công ty đã thực hiện tốt 152/184 tiêu chuẩn, tương ứng mức 83%, trong đó các tiêu chí thuộc Vai trò của các Bên có quyền lợi liên quan 100% đáp ứng tốt thông lệ. Với 32 chỉ tiêu chưa thực hiện tốt theo ASEAN SCORECARD, Công ty đã đề ra kế hoạch cải thiện, trong đó 31 chỉ tiêu kỳ vọng sẽ cải thiện trong vòng 1 năm và 1 chỉ tiêu sẽ cải thiện trong vòng 5 năm. Đến hết Niên độ 18-19, Công ty đã cải thiện được 27/32 chỉ tiêu và còn 5 chỉ tiêu sẽ tiếp tục khắc phục trong Niên độ 19-20."

ASEAN CORPORATE GOVERNANCE SCORECARD

ASEAN SCORECARD NIÊN ĐỘ 17-18

CẤP ĐỘ 1

146 Tiêu chuẩn cơ bản
Hoàn thành tốt:
124/146

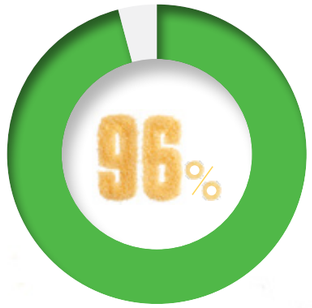


CẤP ĐỘ 2

13 Tiêu chuẩn thưởng
Hoàn thành tốt:
4/13



25 Tiêu chuẩn phạt
Hoàn thành tốt:
24/25



Nguồn: TTC Biên Hòa

TÌNH HÌNH CẢI THIỆN 32 TIÊU CHUẨN THEO ASEAN SCORECARD CỦA NIÊN ĐỘ 17-18

☑ Hoàn thành tốt (>=70%) ☑ Hoàn thành khá (31%-69%) ☒ Chưa hoàn thành (<30%)

A: *Quyền của Cổ đông,* ***B:*** *Đối xử bình đẳng với Cổ đông,* ***D:*** *Công bố thông tin và minh bạch,*
E: *Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị* ***(B):*** *Điểm thưởng,* ***(P):*** *Điểm phạt*

Mã	Chỉ tiêu	Nhận định			Thực hiện
A. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG					
A .1.1	Trả cổ tức bình đẳng và kịp thời; CĐ được đối xử bình đẳng, trả trong vòng 30 ngày sau khi được (1) công bố đối với cổ tức giữa kỳ, (2) được CĐ thông qua tại các ĐHĐCĐ đối với cổ tức cuối năm?	☑			» Cổ tức cổ phiếu 6% NĐ 16-17 » Cổ tức tiền mặt 8% NĐ 17-18
A.3.8	Công bố rằng tất cả TV HĐQT và TGĐ tham dự ĐHĐCĐ thường niên gần nhất?		☑		» ĐHĐCĐ 17-18: 3/6 TV HĐQT, TGĐ tham dự » 3 TV không tham dự: 1 TV từ nhiệm 6/11/2018, 2 TV công tác nước ngoài
A.3.11	Công bố việc đã bổ nhiệm 1 bên độc lập để đếm hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ thường niên?		☑		» Quy chế QTNB, Điều 7 » LYKCĐ văn bản: CĐ độc lập giám sát kiểm phiếu
A.3.13	Thông báo trước tối thiểu 21 ngày đối với ĐHĐCĐ thường niên/ bất thường?	☑			Đúng 21 ngày
A.3.14	Cung cấp cơ sở, thông tin, giải trình mỗi mục trong dự thảo Nghị quyết cần CĐ thông qua trong tài liệu ĐHĐCĐ?	☑			Từng vấn đề có nêu cơ sở thông tin tại Tờ trình
A.5.1	Công khai chính sách/thực hành khuyến khích tham gia của CĐ bên ngoài ĐHĐCĐ?	☑			» Roadshow gặp gỡ NĐT tiềm năng, CĐ VIP » Lịch sự kiện, cập nhật thông tin tuần, tháng
(B) A.1.1	Thực hiện sử dụng biểu quyết vắng mặt bằng phương thức điện tử có đảm bảo tại ĐHĐCĐ?	☑			» Quy chế QTNB, Điều 7 » ĐHĐCĐ 17-18: CĐ được phép ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ
(P) A.5.1	Cấu trúc sở hữu kim tự tháp hoặc cấu trúc sở hữu chéo có tồn tại?			☒	» Tỷ lệ giảm đáng kể » DEG tham gia mua 28 triệu USD CPƯĐ SBT
B. ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG					
B.2.1	Mỗi Nghị quyết trong ĐHĐCĐ thường niên gần nhất chỉ liên quan đến 1 nội dung của dự thảo Nghị quyết?	☑			ĐHĐCĐ 17-18 hoàn thành
B.2.2	Thông báo, tài liệu ĐHĐCĐ gần nhất có tiếng Anh, công bố cùng ngày với tiếng Việt?	☑			ĐHĐCĐ 17-18 hoàn thành
B.4.2	Chính sách yêu cầu 1 Tiểu ban gồm TV HĐQT độc lập rà soát giao dịch các BLQ trọng yếu để xác định giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của Công ty, CĐ?	☑			Quy chế tổ chức, hoạt động của TBKT ngày 3/7/2018
(B) B.1.1	Ra thông báo về ĐHĐCĐ như thông báo cho SGDCK, tối thiểu 28 ngày trước họp?	☑			Trước 30 ngày
D. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH					
D.1.2	Công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp, được cho là gián tiếp của CĐ lớn?		☑		
D.1.3	Công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp, được cho là gián tiếp của TV HĐQT?		☑		BCTN 18-19: QH NĐT và thị trường vốn
D.1.4	Công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp, được cho là gián tiếp của Ban TGĐ?		☑		
(B) D.1.1	BCTC hàng năm Kiểm toán được công bố trong 60 ngày từ khi kết thúc năm tài chính?	☑			Đúng 90 ngày theo Thông tư 155

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THẺ ĐIỂM ASEAN SCORECARD VÀ BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THÔNG LỆ TỐT NHẤT DÀNH CHO CÁC CÔNG TY ĐẠI CHÚNG TẠI VIỆT NAM (TIẾP THEO)

Mã	Chỉ tiêu	Nhận định			Thực hiện
E. TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
E.2.6	Đặt ra giới hạn tối đa 5 vị trí HĐQT mà 1 TV HĐQT độc lập/không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại các Công ty khác?	☑			Quy chế QTNB, Điều 12.1
E.2.10	Trưởng ban Tiểu ban Nhân sự có phải là TV HĐQT độc lập?		☑		» TV Tiểu ban là TV HĐQT độc lập » Trưởng Tiểu ban là CT HĐQT không điều hành
E.2.11	Công bố quy chế hoạt động/cơ cấu Quản trị/Điều lệ của Tiểu ban Nhân sự?	☑			BCTN 18-19: Báo cáo của các Tiểu ban thuộc HĐQT
E.2.14	Tiểu ban Thù lao có bao gồm đa số TV HĐQT độc lập?		☑		Tiểu ban Nhân sự kiêm Tiểu ban Thù lao
E.2.15	CT Tiểu ban Thù lao có phải là TV HĐQT độc lập?		☑		
E.3.6	Văn bản cuộc họp HĐQT có được cung cấp cho HĐQT tối thiểu 5 ngày làm việc trước cuộc họp?	☑			» Điều lệ - Điều 28.3: Thường kỳ, ít nhất 5 ngày trước họp » Điều lệ - Điều 28.8: Bất thường, ít nhất 2 ngày trước họp
E.3.8	Thư ký Công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký, đồng hành cùng các Phòng Ban liên quan?	☑			Hoàn thành
E.3.21	Công ty có công bố những rủi ro chủ yếu?	☑			BCTN 18-19: QTRR
E.4.5	Nếu CT HĐQT không độc lập, HĐQT có bổ nhiệm 1 TV bầu chọn Trưởng TV HĐQT độc lập nhiều kinh nghiệm với yêu cầu công việc, vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng?		☑		» CT HĐQT không điều hành » Có phân công vai trò, trách nhiệm của các TV HĐQT nhưng chưa bổ nhiệm 1 TV làm Trưởng TV HĐQT độc lập
E.5.1	Chương trình định hướng cho HĐQT mới?		☑		Thông qua các cuộc họp HĐQT tại Công ty
(B) E.1.1	Ít nhất là 1 TV HĐQT độc lập là nữ?		☑		» 2/2 TV HĐQT độc lập là nam » 2/6 TV HĐQT không điều hành là nữ
(B) E.1.2	Chính sách, công bố những yêu cầu đo lường về đa dạng TV HĐQT, theo dõi tiến độ triển khai, thành quả?	☑			BCTN 18-19: QTCT
(B) E.2.1	Tiểu ban Nhân sự có hoàn toàn là TV HĐQT độc lập?		☑		» 1/4 là TV HĐQT độc lập » 2/4 là TV HĐQT không điều hành
(B) E.3.1	Sử dụng các Công ty tìm kiếm hay nguồn ứng viên độc lập khác khi tìm ứng viên cho TV HĐQT?		☑		Tìm ứng viên từ Viện TV HĐQT do HOSE thành lập
(B) E.5.1	HĐQT có mô tả việc Quản trị liên quan đến các vấn đề Công nghệ thông tin đảm bảo tất cả các rủi ro chính được xác định, quản lý và Báo cáo đến HĐQT?	☑			BCTN 18-19: QTCT
(B) E.6.1	Tiểu ban QLRR riêng biệt?		☑		TBKT phụ trách QLRR

> "Đối với Báo cáo Thường niên 18-19, TTC Biên Hòa đã chủ động đánh giá tình hình Quản trị Công ty theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty tốt nhất dành cho các Doanh nghiệp đại chúng ở Việt Nam do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành vào đầu tháng 8/2019, phối hợp cùng IFC."

Công ty đã lựa chọn ra những tiêu chuẩn mới là thông lệ tốt của thị trường được đề cập trong Bộ Nguyên tắc QTCT tốt nhất của UBCKNN để thực hiện đánh giá bên cạnh những tiêu chuẩn đã thực hiện tốt theo Thẻ điểm QTCT Khu vực ASEAN. Đây là nỗ lực từ phía Công ty để cập nhật đến CĐ, NĐT những quan điểm về QTCT mới nhất, đúng với chủ trương của các Cơ quan Ban Ngành, đưa hoạt động QTCT ngày càng tiến gần hơn với các chuẩn mực quốc tế để đáp ứng được yêu cầu của các NĐT chiến lược nước ngoài, tiêu biểu là DEG - Quỹ Đầu tư thuộc Chính phủ Đức mua vào 649 tỷ đồng CPUĐ chuyển đổi.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊN ĐỘ 18-19 THEO BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY TỐT NHẤT DÀNH CHO CÔNG TY ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM THÁNG 8/2019

☑ *Hoàn thành tốt (>=70%)* ☑ *Hoàn thành khá (31%-69%)* ☒ *Chưa hoàn thành (<30%)*

***(1)** Thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của Hội đồng Quản trị, **(2)** Thiết lập Hội đồng Quản trị có năng lực và chuyên nghiệp, **(3)** Bảo đảm vai trò Lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập của Hội đồng Quản trị, **(4)** Thành lập các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị, **(5)** Bảo đảm hoạt động hiệu quả của Hội đồng Quản trị, **(6)** Thiết lập và duy trì văn hoá đạo đức Công ty, **(7)** Thiết lập khung Quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát vững mạnh, **(8)** Tăng cường hoạt động Công bố thông tin của Công ty, **(9)** Thiết lập khuôn khổ để thực hiện hiệu quả quyền của Cổ đông, **(10)** Tăng cường tham gia hiệu quả của các bên có quyền lợi liên quan*

Mã	Chỉ tiêu	Nhận định			Thực hiện
1. THIẾT LẬP RÕ VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VÀ CAM KẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
1.1 Hội đồng Quản trị cần phải xác định rõ ràng và công bố toàn bộ các vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của mình					
1	HĐQT thông qua quy chế hoạt động riêng, xác định rõ vai trò, trách nhiệm, trách nhiệm giải trình của HĐQT; quy chế hoạt động của HĐQT phải được công bố trên Web	☑			» Quy chế QTNB » Quy chế tổ chức, hoạt động HĐQT chưa công bố lên Web
2	HĐQT cần phải xem xét, định hướng chiến lược Công ty, các kế hoạch hoạt động lớn, chính sách QLRR, ngân sách, kế hoạch kinh doanh hàng năm; đặt ra các mục tiêu hoạt động; theo dõi việc thực hiện mục tiêu, hoạt động	☑			» Điều lệ: Quyền hạn, nhiệm vụ HĐQT » Tiểu ban Chiến lược, Nhân sự thuộc HĐQT
4	HĐQT cần phải thực hiện, thúc đẩy các chuẩn mực cao về đạo đức kinh doanh, giám sát việc thực hiện bộ quy tắc để mang lại văn hoá liêm chính	☑			» Bộ QCƯX » Phòng KTNB có trách nhiệm giám sát
5	HĐQT cần phải đánh giá được những rủi ro lớn mà Công ty phải đối diện, các bước mà BĐH phải thực hiện để theo dõi, kiểm soát những rủi ro đó	☑			BCTN 18-19: QLRR, Báo cáo của các Tiểu ban thuộc HĐQT
6	HĐQT cần phải giám sát, đảo đảm tính liêm chính của hệ thống báo cáo kế toán, tài chính, bao gồm Kiểm toán độc lập, đảm bảo có các hệ thống kiểm soát phù hợp, hệ thống QLRR, kiểm soát tài chính, hoạt động, tuân thủ pháp luật, tiêu chuẩn liên quan	☑			BCTN 18-19: QTCT - Báo cáo HĐQT, Báo cáo của các Tiểu ban thuộc HĐQT
7	HĐQT cần phải tuyển lựa, đưa ra đãi ngộ, giám sát, thay thế các cán bộ quản lý then chốt nếu cần thiết, giám sát kế hoạch kế nhiệm của các vị trí này	☑			Quy chế tổ chức và hoạt động Tiểu ban Nhân sự
9	HĐQT cần phải theo dõi, quản lý các xung đột lợi ích tiềm tàng của các TV trong BĐH, HĐQT, BKS và các CĐ, việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích, lạm dụng các giao dịch với các BLQ	☑			Điều lệ, Quy chế QTNB, Quy chế tổ chức và hoạt động TBKT, Bộ QCƯX
10	HĐQT cần phải giám sát quá trình CBTT, truyền thông	☑			» CT HĐQT là người phát ngôn chính thức » BCTN 18-19: Hoạt động QH NĐT và thị trường vốn
1.2 Thành viên Hội đồng Quản trị cần phải hiểu đầy đủ về nghĩa vụ, trách nhiệm ủy thác của mình, làm việc trên cơ sở có đầy đủ thông tin, một cách trung thành, mẫn cán, cẩn trọng, vì lợi ích cao nhất của Công ty và Cổ đông, quan tâm đến lợi ích của các Bên liên quan					
1	TV HĐQT cần phải thực hiện trách nhiệm một cách có thiện ý, vì lợi ích cao nhất của Công ty, tất cả CĐ, tránh các xung đột lợi ích phát sinh thực tế, tiềm tàng	☑			» Điều lệ, Quy chế QTNB » BCTN 18-19: QTCT
4	TV HĐQT cần phải hiểu biết đầy đủ và thực hiện một cách hiệu quả vai trò, trách nhiệm theo quy định của luật pháp, chính sách Công ty	☑			Điều lệ, Quy chế QTNB, Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT
5	TV HĐQT cần phải tự trang bị các kiến thức phù hợp về QTCT, các yêu cầu đạo đức, bảo đảm Công ty liên tục hành động trên cơ sở tuân thủ các chính sách về Quản trị tốt, đạo đức ứng xử	☑			» Bộ QCƯX » BCTN 18-19: QTCT
8	Trong quá trình làm việc trong HĐQT hoặc sau đó, ngoại trừ Luật pháp có quy định, TV HĐQT không được tiết lộ bất kỳ thông tin mật nào mà TV đó biết được trong quá trình làm việc hoặc sử dụng những thông tin mật đó vì lợi ích cá nhân	☑			» Điều lệ, Quy chế QTNB, Bộ QCƯX » BCTN 18-19: QTCT

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊN ĐỘ 18-19 THEO BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY TỐT NHẤT DÀNH CHO CÔNG TY ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM THÁNG 8/2019 (TIẾP THEO)

Mã	Chỉ tiêu	Nhận định			Thực hiện
1.3 Cùng với Ban Điều hành, Hội đồng Quản trị cần phải thúc đẩy văn hóa Quản trị Công ty tốt, liên tục giám sát tính hiệu quả của văn hoá đó					
1	HĐQT có vị trí trung tâm trong hệ thống QTCT, đóng vai trò giám sát quan trọng	☑			» Quy chế QTNB, Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT » BCTN 18-19: QTCT
3	Để thúc đẩy niềm tin của CĐ, nhân viên, NĐT, công chúng, quy chế nội bộ về QTCT không chỉ nên dừng ở mức tuân thủ quy định Pháp luật hiện hành mà cần áp dụng các thông lệ QTCT tốt nhất trong nước và quốc tế	☑			» Quy chế QTNB, Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT » BCTN 18-19: QTCT
2. THIẾT LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ NĂNG LỰC VÀ CHUYÊN NGHIỆP					
2.1 Tập thể Hội đồng Quản trị cần phải sở hữu các quan điểm, chuyên môn, kỹ năng, năng lực đa dạng, phù hợp để đóng vai trò chèo lái, giám sát Công ty hiệu quả					
5	HĐQT với sự hỗ trợ của Ủy ban đề cử Nhân sự, cần lựa chọn, đề xuất ứng cử viên HĐQT để CĐ bầu chọn. Ủy ban đề cử Nhân sự thuộc HĐQT cần giám sát việc xây dựng, thực hiện quy trình đề cử HĐQT chính thức. HĐQT cần công bố quy trình bổ nhiệm TV HĐQT mới, các tiêu chí sử dụng để lựa chọn TV HĐQT mới		☑		» Điều lệ, Quy chế QTNB, Quy chế tổ chức và hoạt động Tiểu ban Nhân sự » BCTN 18-19: QTCT
6	Tất cả CĐ đều có cơ hội để cử ứng cử viên cho HĐQT. CĐ sở hữu tối thiểu 5% có quyền đề xuất ứng cử viên. CĐ sở hữu dưới 5% có cơ hội đề xuất ứng cử viên. Thời hạn cho việc đề xuất ứng cử viên HĐQT, thủ tục xem xét đề xuất, đưa vào chương trình họp phải được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của HĐQT		☑		Điều lệ quy định 10%, tuy nhiên cho phép các CĐ/ nhóm CĐ thiểu số gộp phiếu để tăng tỷ lệ sở hữu lên 10%, đủ điều kiện đề cử TV HĐQT
7	Công ty đại chúng nên có số lượng TV HĐQT là số lẻ từ 5 -11. Số lượng này có thể khác nhau tuỳ thuộc vào ngành hoạt động, quy mô, mức độ phức tạp của Công ty, chu kỳ hoạt động của Công ty, những Ủy ban nào cần được thành lập		☑		» Điều lệ quy định số lượng TV HĐQT từ 3-11 người » Số lượng thực tế hiện tại là 6 TV
3. BẢO ĐẢM VAI TRÒ LÃNH ĐẠO HIỆU QUẢ VÀ TÍNH ĐỘC LẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
3.1 Sau khi được bầu chọn, tất cả các Thành viên Hội đồng Quản trị cần phải có trách nhiệm với Công ty, cho dù được bổ nhiệm bởi Cổ đông, nhóm Cổ đông, quản tài viên hay Cán bộ liên quan					
3	TV HĐQT không được làm tư vấn hay cố vấn được trả phí bởi Công ty	☑			Không có
3.2 Để thúc đẩy nhận định độc. lập của tất cả các Thành viên Hội đồng Quản trị, sự liêm chính của hệ thống quản trị, Công ty cần phải có tối thiểu 1/3 Thành viên Hội đồng Quản trị là độc lập					
2	Xu hướng thế giới công nhận sự hiện diện của TV HĐQT độc lập trong HĐQT góp phần bảo đảm việc ra quyết định khách quan hơn, đặc biệt trong các tình huống có xung đột lợi ích	☑			2/6 TV HĐQT độc lập
3.3 Hội đồng Quản trị cần phải bảo đảm các Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập có đầy đủ các tiêu chuẩn, năng lực cần thiết để tham gia đóng góp cho Hội đồng Quản trị					
2	Cần lưu ý rằng tính độc lập và năng lực phải đi đôi với nhau	☑			2/6 TV HĐQT độc lập có kinh nghiệm trong Ngành Mía Đường, Tài chính, Tiêu dùng bán lẻ
3	Quan trọng là TV HĐQT độc lập có đầy đủ các tiêu chuẩn, vị thế tham gia hiệu quả, khách quan vào thảo luận HĐQT	☑			
4	Công ty cần có tối thiểu 1 TV HĐQT độc lập có chuyên môn, kinh nghiệm tài chính để tham gia, lãnh đạo TBKT		☑		» 1/2 TV HĐQT độc lập có chuyên môn Tài chính » Trưởng TBKT là TV HĐQT độc lập nữ không điều hành
3.5 Hội đồng Quản trị cần phải chỉ định 1 Thành viên Hội đồng Quản trị đứng đầu trong số các Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập nếu Chủ tịch Hội đồng Quản trị không phải là Thành viên độc lập, bao gồm trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng đồng thời là Tổng Giám đốc					
3	Cần bổ nhiệm 1 TV HĐQT độc lập đứng đầu phụ trách các TV HĐQT độc lập, theo thông lệ tốt nhất trong trường hợp CT không phải là TV độc lập thì HĐQT nên bao gồm đa số các TV HĐQT độc lập			☒	» 2 TV HĐQT độc lập chưa phân công rõ người đứng đầu » CT HĐQT là TV HĐQT không điều hành
4	TV HĐQT độc lập đứng đầu cần có đủ thẩm quyền để dẫn dắt HĐQT trong những trường hợp các TV HĐQT còn lại xung đột lợi ích rõ ràng		☑		

Mã	Chỉ tiêu	Nhận định			Thực hiện
4. THÀNH LẬP CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
4.1 Hội đồng Quản trị cần phải thành lập Tiểu ban Kiểm toán, bảo đảm để Ủy ban này có đủ nguồn lực và thẩm quyền. Tiểu ban Kiểm toán phải bảo đảm các Kiểm soát nội bộ phù hợp được duy trì và Công ty tuân thủ mọi luật pháp và quy định liên quan					
3	Vai trò, trách nhiệm của TBKT phải được quy định trong quy chế hoạt động riêng, do HĐQT phê chuẩn, được công bố trên trang Web	☑			» Quy chế tổ chức, hoạt động TBKT » BCTN 18-19: QTCT
4.2 Hội đồng Quản trị cần phải thành lập 1 Ủy ban Quản lý rủi ro có năng lực để bảo đảm các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động kinh doanh của Công ty được quản lý phù hợp					
1	HĐQT cần phải thành lập 1 Ủy ban QLRR, tối thiểu 3 TV HĐQT không điều hành, đa số là TV độc lập, kể cả vị trí CT Ủy ban			☒	Chưa thành lập Ủy ban QLRR, TBKT đang thực hiện chức năng QLRR
2	HĐQT cần phải phê duyệt quy chế hoạt động của Ủy ban QLRR, quy chế này phải được công bố trên trang Web			☒	
4.3 Hội đồng Quản trị cần thành lập Ủy ban Quản trị Công ty, Bổ nhiệm, Lương thưởng để tăng cường hiệu quả của khung Quản trị Công ty, bảo đảm rằng chính sách, hoạt động bổ nhiệm, lương thưởng của Công ty hỗ trợ được việc bổ nhiệm, phát triển, thu hút và giữ chân các Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành tài năng					
1	HĐQT cần phải thành lập Ủy ban QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng, bao gồm tối thiểu 3 TV HĐQT không điều hành, có năng lực chuyên môn, đa số là TV độc lập, kể cả vị trí CT		☑		Chưa thành lập Ủy ban QTCT, Bổ nhiệm, Lương thưởng, Tiểu ban Nhân sự đang thực hiện
5. BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
5.1 Hội đồng Quản trị cần phải thực hiện tự đánh giá hàng năm đối với kết quả công việc của mình, bao gồm kết quả công việc của Chủ tịch, từng Thành viên, các Ủy ban. 3 năm 1 lần, việc đánh giá này nên được hỗ trợ của chuyên gia tư vấn/cố vấn bên ngoài					
1	Việc đánh giá HĐQT giúp các TV rà soát lại kỹ lưỡng kết quả công việc, hiểu rõ vai trò, trách nhiệm của mình	☑			BCTN 18-19: QTCT
2	Rà soát lại, đánh giá định kỳ kết quả hoạt động của HĐQT nói chung, các Ủy ban trực thuộc, từng TV HĐQT, CT cho thấy cách thức để những tập thể, cá nhân trên có thể thực hiện trách nhiệm hiệu quả	☑			
3	Hoạt động này sẽ cung cấp phương tiện để đánh giá sự tham gia của 1 TV HĐQT trong các cuộc họp HĐQT, Ủy ban, sự tham gia vào thảo luận của HĐQT, cách thức biểu quyết những vấn đề trọng yếu	☑			
5.2 Hội đồng Quản trị cần phải thiết lập hệ thống để quy định, ở mức tối thiểu, các tiêu chí, quy trình để xác định hiệu quả công việc của Hội đồng Quản trị, từng Thành viên, các Ủy ban trực thuộc. Hệ thống này nên cho phép cơ chế phản hồi từ Cổ đông					
1	Việc đánh giá HĐQT giúp các TV rà soát lại kỹ lưỡng kết quả công việc, hiểu rõ vai trò, trách nhiệm của mình		☑		» Quy chế tổ chức, hoạt động HĐQT, Tiểu ban Nhân sự » BCTN 18-19: QTCT
3	Hoạt động này sẽ cung cấp phương tiện để đánh giá sự tham gia của 1 TV HĐQT trong các cuộc họp HĐQT, Ủy ban, sự tham gia vào thảo luận của HĐQT, cách thức biểu quyết những vấn đề trọng yếu		☑		
5.3 Khi đề xuất mức thù lao chi trả Thành viên Hội đồng Quản trị lên Đại hội Đại cổ đông phê duyệt, Hội đồng Quản trị cần phải cân nhắc xem liệu cơ cấu thù lao đó có phù hợp với vai trò, trách nhiệm tương ứng của từng Thành viên, có gắn với kết quả hoạt động của cá nhân, Công ty, tạo động lực để Hội đồng Quản trị lãnh đạo Công ty nhằm đạt được cả mục tiêu ngắn, dài hạn					
1	Ủy ban QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng thuộc HĐQT với đa số TV và CT là TV HĐQT độc lập cần phải chịu trách nhiệm thiết lập chính sách lương thưởng		☑		
3	CĐ cần phê duyệt cơ cấu thù lao HĐQT, mức, loại thù lao. HĐQT cần phải cân nhắc sự phù hợp của mỗi loại thù lao, cả về tỷ lệ cố định; thù lao trả theo kết quả hoạt động của Công ty. Mức thù lao phải phản ánh giá trị Công ty tạo ra cho CĐ, mức thù lao không được quá cao để tránh việc HĐQT quá tập trung vào kết quả Công ty trong ngắn hạn		☑		» Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT, Tiểu ban Nhân sự » BCTN 18-19: QTCT

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊN ĐỘ 18-19 THEO BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY TỐT NHẤT DÀNH CHO CÔNG TY ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM THÁNG 8/2019 (TIẾP THEO)

Mã	Chỉ tiêu	Nhận định	Thực hiện
6. THIẾT LẬP VÀ DUY TRÌ VĂN HOÁ ĐẠO ĐỨC CÔNG TY			
6.3 Hội đồng Quản trị là đầu mối, chịu trách nhiệm tập thể về Quản trị, thành công trong dài hạn của Công ty, việc mang lại giá trị bền vững cho Cán bộ liên quan. Hội đồng Quản trị cần phải là tấm gương cho Ban Điều hành, nhân viên			
1	HĐQT, BĐH cần phải luôn hành động đạo đức, trung thực, liêm chính trong mọi quan hệ, thay mặt Công ty, CĐ	☑	» Điều lệ, Quy chế QTNB, Bộ QCUX » BCTN 18-19: QTCT
7. THIẾT LẬP KHUNG QUẢN LÝ RỦI RO VÀ MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT VỮNG MẠNH			
7.1 Hội đồng Quản trị cần phải đảm bảo sự tích hợp giữa chiến lược, rủi ro, kiểm soát, giám sát hiệu quả của hệ thống Kiểm soát nội bộ			
3	Các TBTK, Rủi ro cần đảm bảo BĐH có cơ chế, thiết lập được các KSNB để nhận dạng, đánh giá, giảm thiểu rủi ro xuống mức phù hợp với khẩu vị rủi ro. Hệ thống KSNB cần đảm bảo hướng tới tương lai, chủ động để có thể dự báo được các rủi ro tiềm tàng. Các Tiểu ban tổ chức họp trực tiếp với BĐH để tìm hiểu các vấn đề nổi cộm nhất	☒	» Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT, TBKT » BCTN 18-19: QTCT, QLRR » TBKT đang thực hiện giám sát QLRR
7.2 Hội đồng Quản trị cần phải thành lập chức năng Kiểm toán nội bộ để có đảm bảo khách quan, tư vấn độc lập nhằm gia tăng giá trị, cải tiến hoạt động của tổ chức			
4	TBKT cần được nhận kết quả đánh giá rủi ro hàng năm, các báo cáo KTNB, kết quả của kế hoạch hoàn thiện, đánh giá chất lượng của Phòng KTNB, cập nhật các vấn đề Kiểm toán có rủi ro cao, các đề xuất của KTNB, hướng dẫn cần thiết	☑	» Quy chế tổ chức, hoạt động của TBKT » Quy chế KTNB
7.3 Hội đồng Quản trị cần phải thành lập 1 chức năng tuân thủ như là tuyến phòng vệ thứ 2 với vị trí, quyền hạn cần thiết			
3	Trưởng bộ phận tuân thủ cần tư vấn cho BĐH, HĐQT các quy định của luật pháp, quy tắc, chuẩn mực hiện hành gồm việc cập nhật các thay đổi, đào tạo nhân viên về các vấn đề tuân thủ, nhận dạng, ghi nhận, đánh giá, đo lường, giám sát, báo cáo các rủi ro tuân thủ liên quan đến HĐKD của Công ty	☑	BCTN 18-19: QTCT, Tuân thủ pháp luật
7.4 Hội đồng Quản trị cần phải giám sát hệ thống Quản lý rủi ro, bảo đảm hoạt động Quản lý rủi ro hỗ trợ Công ty ra các quyết định chiến lược tốt hơn, dựa trên cơ sở hiểu biết đầy đủ về các rủi ro. Hội đồng Quản trị cũng cần phải Quản lý rủi ro trong phạm vi khẩu vị rủi ro của Công ty			
3	HĐQT cần thiết lập, công bố chính sách QLRR với khung, cơ cấu QLRR rõ ràng. Khung QLRR cần phù hợp với mô hình 3 tuyến phòng thủ với BĐH thuộc tuyến phòng thủ 1, chức năng tuân thủ, QLRR ở phòng tuyến 2, KTNB tuyến 3	☑	BCTN 18-19: QTCT, QLRR
4	HĐQT với nguyên lý thận trọng với các rủi ro cần bảo đảm rằng mức lương thưởng của BĐH được thiết lập phù hợp với lợi ích bền vững của CĐ được điều chỉnh để tính đến tất cả các rủi ro của Công ty. Khi thiết kế khung lương thưởng, Công ty có thể áp dụng phương pháp tính có điều chỉnh rủi ro như kéo dài thời gian chi trả, tăng thời gian đánh giá năng lực	☑	» Quy chế tổ chức, hoạt động của Tiểu ban Nhân sự » BCTN 18-19: QTCT, QLRR
5	Công ty cần bổ nhiệm Giám đốc QLRR để lãnh đạo bộ phận QLRR, được quyền tiếp cận trực tiếp với Ủy ban QLRR thuộc HĐQT hoặc với HĐQT trong trường hợp không có Ủy ban liên quan	☑	BCTN 18-19: QTCT, QLRR
6	Giám đốc QLRR sẽ chịu trách nhiệm thực hiện các chính sách QLRR, thiết lập các chiến lược QLRR	☑	

Mã	Chỉ tiêu	Nhận định	Thực hiện
7.5 Hội đồng Quản trị cần phải bảo đảm việc Công ty thiết lập một khung quản lý an ninh mạng phù hợp			
1	HĐQT cần phải có năng lực phù hợp để hiểu được rủi ro an ninh mạng, ảnh hưởng pháp lý mà các rủi ro này có thể mang lại. Nếu cần thiết, HĐQT nên sử dụng các chuyên gia độc lập về an ninh mạng để tìm hiểu về nội dung này	☒	BCTN 18-19: QTCT
2	Các rủi ro an ninh mạng cần được quản lý như là 1 phần của hệ thống QLRR tổng thể thay vì quản lý tách rời khỏi hệ thống. HĐQT cần dành đủ thời gian để xem xét trao đổi về nội dung này trong các cuộc họp để bảo đảm rằng Công ty sẽ được bảo vệ an toàn trước các rủi ro an ninh mạng	☒	
3	HĐQT cần phải phê duyệt chiến lược của Công ty có tính đến đến việc giảm thiểu các rủi ro an ninh mạng gồm cả việc mua bảo hiểm để hạn chế các rủi ro	☒	
4	HĐQT cần phải xem xét các báo cáo hàng năm của bộ phận KTNB về chương trình an ninh mạng của Công ty	☒	
8. TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY			
8.1 Hội đồng Quản trị cần phải thiết lập các nguyên tắc, quy trình để Công bố thông tin cho Cổ đông, các bên liên quan khác, giám sát việc thực hiện các nguyên tắc, quy trình này			
1	HĐQT cần phải phê duyệt chính sách CBTT để bảo đảm mọi thông tin liên quan về hoạt động của Công ty được công bố một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ theo quy định pháp lý. Những thông tin công bố cần phải được cung cấp cho CĐ, các BLQ đồng thời	☑	» HĐQT ký duyệt ban hành Quy chế CBTT theo Thông tư 155 » BCTN 18-19: Hoạt động QH NĐT và thị trường vốn
8.2 Để thúc đẩy tiếp cận hiệu quả, tối ưu về chi phí đối với các thông tin liên quan, Hội đồng Quản trị cần bảo đảm có được sự tiếp cận dễ dàng, không phân biệt đối xử với những thông tin đã được công bố bằng cách sử dụng các công cụ truyền thông đa dạng			
3	Công ty cần cho phép các NĐT, nhà phân tích đặt ra các câu hỏi liên quan đến hoạt động. Điều này có thể được thực hiện thông qua các cuộc họp mở với NĐT/nhà phân tích, họp báo, họp ngắn với NĐT	☑	BCTN 18-19: Hoạt động QH NĐT và thị trường vốn
9. THIẾT LẬP KHUÔN KHỔ ĐỂ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG			
9.4 Đối xử bình đẳng đối với tất cả các Cổ đông			
4	Công ty cần thiết lập, công bố trên trang Web Chính sách, cơ chế khiếu nại hiệu quả cho phép CĐ, người khác thực hiện khiếu nại, đảm bảo các khiếu nại này được điều tra, xử lý	☑	» BCTN 18-19: Hoạt động QH NĐT và thị trường vốn, Thông tin liên hệ BLQ » Trang Web: Quan hệ NĐT - Hoạt động QH NĐT - Liên hệ
10. TĂNG CƯỜNG THAM GIA HIỆU QUẢ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN			
10.1 Hội đồng Quản trị cần đảm bảo thiết lập các quy tắc để bảo vệ, thúc đẩy sự tham gia của Bên liên quan			
5	HĐQT cần đảm bảo các yêu cầu về Môi trường, Xã hội được đưa vào các yêu cầu đối với các nhà thầu	☑	» Quy định trên các Thư mời thầu, Hợp đồng với nhà Thầu » BCTN 18-19: Gắn kết cùng Cộng đồng



NGÀNH ĐƯỜNG THẾ GIỚI KỲ VỌNG BỨC TRANH SÁNG MÀU

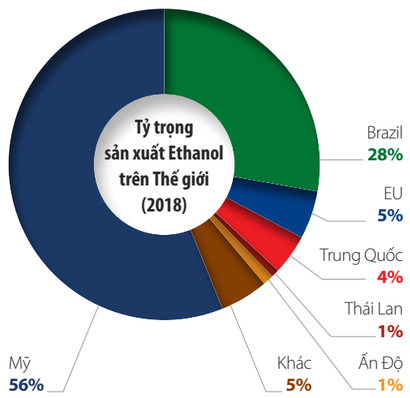
Sau giai đoạn dư thừa nguồn cung từ NĐ trước, NĐ 18-19 vừa qua của Ngành Đường vẫn tiếp tục đối mặt với những khó khăn do (1) Ngành Đường thế giới đang trong giai đoạn bão hoà, (2) Biến đổi khí hậu toàn cầu làm thay đổi sản lượng Mía.

> “Tuy nhiên đã bắt đầu xuất hiện những dấu hiệu tích cực hơn cho bức tranh chung Ngành Đường thế giới khi nguồn cung từ các nước sản xuất và xuất khẩu Đường đang suy giảm trong khi đó nhu cầu tiêu dùng và nhập khẩu Đường có xu hướng gia tăng.”

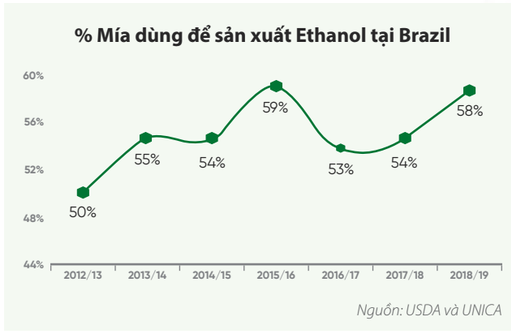
Tại Hội nghị Hiệp hội Mía Đường Đông Nam Á lần 4 ngày 17/6/2019 do TTC Biên Hòa đăng cai tổ chức, các chuyên gia đã đưa ra những con số thống kê cho thấy thị trường Đường thế giới sẽ chuyển sang thâm hụt 3,1 triệu tấn trong niên vụ 19-20 so với thặng dư 2,6 triệu tấn vào NĐ 18-19; riêng khu vực Châu Á sẽ thâm hụt 9,5 triệu tấn. Sản lượng Đường thế giới NĐ 18-19 đã giảm 7,5 triệu xuống còn khoảng 188 triệu tấn, và NĐ 19-20 lại tiếp tục giảm xuống còn 184 triệu tấn. Giá Đường thô tương lai đã tăng 20% lên 12,6 cents/lb vào cuối tháng 6/2019, dự kiến sẽ đạt 14,5 cents/lb vào đầu năm 2020 do ảnh hưởng tiêu cực của yếu tố thời tiết, xu hướng chuyển sang sản xuất Ethanol từ Mía, HTK cao từ các mùa trước khiến các nhà máy tích cực cắt giảm sản lượng. Chuyển biến này còn đến từ sự thay đổi của các ông lớn Mía Đường thế giới bao gồm Brazil, Ấn Độ, Thái Lan và Trung Quốc. Một số điểm chung cần lưu ý là Nông dân chuyển sang trồng Đậu tương thay Mía; giá xăng tăng cao gần đây bởi nhu cầu xăng sinh học tăng nên các nước tập trung sản xuất Ethanol; và các Quỹ đầu cơ hàng hóa liên tục mua vào khi giá đang giảm.

Nông dân tại Brazil, Ấn Độ đang tập trung vào trồng Đậu tương thay Mía để cung cấp cho Trung Quốc với giá cao, trong bối cảnh chiến tranh thương mại Mỹ Trung khiến Trung Quốc giảm mạnh nhập khẩu Đậu tương từ Mỹ.

Trong vòng 2 năm 2017-2018, diện tích trồng Đậu tương ở Brazil đã tăng thêm 2 triệu ha, trong khi diện tích trồng Mía giảm 400.000 ha - theo thống kê của Chính phủ Brazil. Bên cạnh đó, giá xăng dầu tăng cao trước tình hình xung đột ở Trung Đông kéo dài thúc đẩy việc bán Ethanol mạnh hơn. Các nhà máy ở Brazil, Ấn Độ, Thái Lan tiếp tục nghiêng về sản xuất Nhiên liệu sinh học thay vì tập trung vào sản xuất Đường. Niên vụ 18-19, các nhà máy Brazil chỉ sử dụng 35% lượng Mía để sản xuất Đường, ghi nhận mức thấp kỷ lục. Ngoài nhu cầu nội địa, nhu cầu thế giới đặc biệt từ Mỹ đối với Ethanol tăng rất cao, mở ra triển vọng cho các nước trong việc tăng cường sản xuất Ethanol, dẫn đến lượng cung Đường xuất khẩu ra thị trường tiếp tục giảm mạnh.

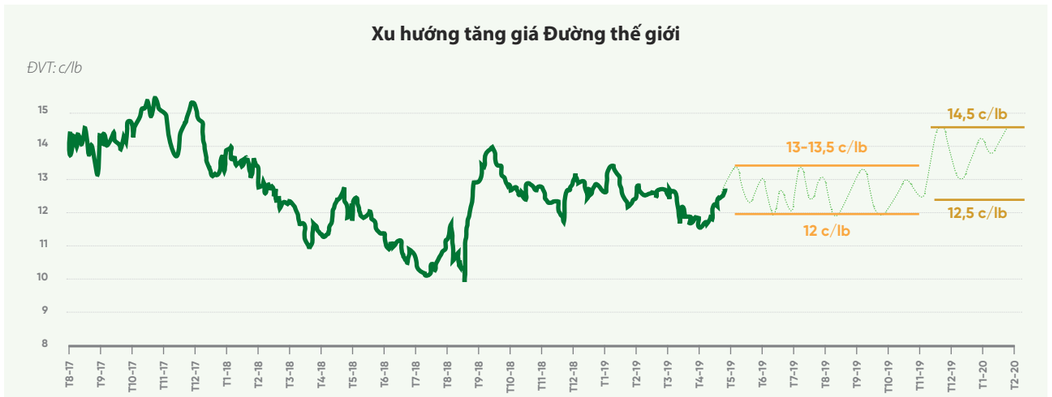


Nguồn: Hiệp hội Nhiên liệu tái tạo Mỹ (RFA)



Nguồn: USDA và UNICA

Niên độ vừa qua, nhiều nước đang tăng nhập khẩu Đường như Malaysia, đặc biệt là Indonesia - Quốc gia từng là nhà xuất khẩu Đường thứ 2 thế giới nhưng đến nay lại là Nước nhập khẩu Đường thứ 2 sau Trung Quốc. Giai đoạn 2000-2008, Indonesia sản xuất 1,5-2,8 triệu tấn Đường; tuy nhiên năm 2018 giảm xuống còn 2,2 triệu tấn và năm 2019 chỉ còn 2,1 triệu tấn. Trong khi sản lượng Đường tiêu thụ hàng năm của Indonesia ở mức 6 triệu tấn, khoảng thiếu hụt cần phải bù đắp bằng nhập khẩu vào khoảng 3,9 triệu tấn so với Trung Quốc là khoảng 6 triệu tấn. Tất cả những yếu tố trên đang tác động tới giá Đường theo chiều hướng tích cực trong NĐ tới và kỳ vọng mang lại nhiều cơ hội cho các công ty hoạt động trong lĩnh vực Mía Đường.



Nguồn: Thomson Reuters, LMC Sugar & Sweeteners Market Report T6/19

Bảng thống kê các Quốc gia thống trị Ngành Đường thế giới

Quốc gia	Top 5 thế giới	Sản lượng sản xuất (Triệu tấn)/ Tỷ lệ thế giới (%)							Nguyên nhân
		17-18	*Tỷ lệ*	18-19	*Tỷ lệ*	19-20 Dự kiến	*Tỷ lệ*	+- 19-20/ 18-19	
Brazil	» 1 sản xuất » 1 xuất khẩu » 4 tiêu thụ	36,1	*19%*	26,5	*14%*	26,0	*14%*	**-2%**	» NĐ 19-20: Nguồn cung thấp nhất trong 13 năm: Hạn hán, tăng sản xuất Ethanol, giá Đường giảm, giá dầu tăng » NĐ 18-19: Sản xuất Ethanol 30,1 tỷ lít, 28% toàn cầu
India	» 2 sản xuất » 4 xuất khẩu » 2 tiêu thụ	34,7	*18%*	33,0	*18%*	29,0	*16%*	**-12%**	» NĐ 19-20: Nguồn cung cắt giảm do hạn hán kéo dài, giảm áp lực lên giá Đường thế giới, kỳ vọng LN mà không còn sự trợ cấp của Chính phủ, tăng dự trữ Đường nội địa » NĐ 18-19: Sản xuất Ethanol 1,3 tỷ lít, 1% toàn cầu
Thái Lan	» 4 sản xuất » 2 xuất khẩu	14,7	*8%*	14,5	*8%*	13,0	*7%*	**-10%**	» NĐ 19-20: Cắt giảm Đường thô xuất khẩu, giảm 40-50% xuất khẩu do cam kết hỗ trợ hóa sinh, chuyển từ trồng Mía sang trồng Sắn, không có tín hiệu tiếp tục trợ cấp từ Chính phủ, tăng sản xuất Ethanol » NĐ 18-19: Sản xuất Ethanol 1,5 tỷ lít, 1% toàn cầu
Trung Quốc	» 5 sản xuất » 1 nhập khẩu » 3 tiêu thụ	11,2	*6%*	10,8	*6%*	10,4	*6%*	**-4%**	» NĐ 19-20: Tiếp tục tiêu thụ 16,8 triệu tấn, trong đó 6 triệu tấn nhập khẩu, tương tự như Indonesia » NĐ 18-19: Sản xuất Ethanol đạt 4,5 tỷ lít, 4% toàn cầu

Nguồn: Worlddatlas, Nasdaq

NGÀNH ĐƯỜNG VIỆT NAM - NHỮNG YẾU TỐ HỖ TRỢ TỪ CHÍNH PHỦ VÀ TRIỂN VỌNG VỀ TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG

Trong NĐ 18-19, ngoài những sức ép từ Ngành Đường thế giới, Ngành Đường trong nước còn phải gánh thêm áp lực cạnh tranh với Đường nhập lậu ước tính lên đến gần 500.000 tấn. Đồng thời, lượng Đường Lỏng nhập khẩu cũng tiếp tục gia tăng. Nếu như năm 2014, nhập khẩu Đường Lỏng là 46.000 tấn thì tới năm 2018 nhập khẩu lên tới 140.000 tấn, tăng gấp 3 lần. Khó khăn vẫn luôn tồn tại nhưng cũng sẽ là động lực để các Doanh nghiệp Đường nội địa tự nhìn lại mình và thay đổi tư duy sản xuất, nâng cao khả năng cạnh tranh. Cơ hội cho Ngành Đường Việt Nam NĐ 19-20 đến từ *(1) sự quan tâm sát sao của Chính phủ, (2) tiềm năng tăng trưởng nội địa của Ngành.*



Để Ngành có thể tồn tại, phát triển và nâng cao sức cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập, nhất là sau khi ATIGA có hiệu lực từ ngày 1/1/2020, Chính phủ đã tăng cường ban hành những chính sách để hỗ trợ Ngành Đường trong nước.

STT	Hoạt động chính	Chi tiết
1	Nghị định 98/2018/NĐ-CP 5/7/2018 *Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Nông nghiệp*	Bảo đảm mục tiêu đến năm 2020 có từ 80% đến 95% sản phẩm Mía Đường, Tôm, Cá ba sa; từ 15% đến 30% sản lượng Chè, Lúa gạo, Cà phê, Trái cây xuất khẩu, Rau an toàn... tiêu thụ thông qua chuỗi liên kết
2	Quyết định 4612/QĐ-BNN-CBTTNS 22/11/2018 *Kế hoạch nâng cao năng lực cạnh tranh Ngành Mía Đường giai đoạn 18-20*	» Đảm bảo lợi ích của Người Nông dân trồng Mía thông qua việc triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi hỗ trợ với các hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Mía Đường: Hỗ trợ xây dựng dự án liên kết, hạ tầng; hỗ trợ khuyến nông, giống vật tư trồng Mía… » Mục tiêu đến 2020: • Diện tích sản xuất Mía ổn định 300.000 ha • Sản lượng Mía trên 20 triệu tấn • Năng suất Mía bình quân 68 - 70 tấn/ha • Chữ Đường bình quân 11-12 CCS, năng suất 7 tấn Đường/ha » Nghị Quyết này đóng vai trò rất quan trọng hỗ trợ Ngành Đường Việt Nam tăng khả năng cạnh tranh với Đường nhập, đặc biệt là từ Thái Lan
3	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam EU (EVFTA)	» Chính thức ký kết vào ngày 30/6/2019 » Đường Việt Nam xuất sang Châu Âu sẽ không bị đánh thuế
4	Ưu tiên hàng đầu và đưa ra nhiều phương án xử lý	» Siết chặt giám sát chống buôn lậu Đường, gian lận thương mại » Xây dựng Luật Thuế Đường lỏng » Kiểm soát giá và chất lượng
5	Phê duyệt xây dựng Luật Mía Đường	» Khắc phục những thiếu sót trong công tác quản lý, ban hành văn bản, quy định Pháp luật điều chỉnh cụ thể » Hỗ trợ cơ quan chức năng đủ chế tài kiểm tra, xử phạt Đường lậu, tránh tình trạng "biết mà không làm gì được"
6	Tiềm năng của Điện và Ethanol	» Nhu cầu sử dụng Năng lượng tăng, thiếu hụt nguồn cung của các sản phẩm xăng dầu » Giá bán lẻ xăng dầu tăng 7,5% - 17,9% so cuối 2017 » Điện từ Bã Mía: Chủ trương từ 5,8 lên 7,5 cent/kwh, dự kiến thông qua vào năm 2019

Nguồn: TTC Biên Hòa tổng hợp

Bên cạnh đó, Ngành Đường Việt Nam đang được hưởng lợi nhờ tăng trưởng kinh tế chung của Quốc gia. Năm 2018, GDP đã tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây, vượt mục tiêu 6,7% đặt ra từ đầu năm. Mặc dù kinh tế thế giới có xu hướng tăng trưởng chậm lại khi các rủi ro gia tăng từ cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, căng thẳng địa chính trị ở Vịnh Ba Tư, nguy cơ Brexit không có thỏa thuận cho đến bất ổn chính sách trên toàn cầu nhưng Việt Nam lại đạt mức tăng trưởng 6,98% cho GDP 9 tháng 2019. Đây là mức cao nhất trong 9 năm qua, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,02%, đóng góp 4,8% vào mức tăng trưởng chung. Theo ANZ và Standard Chartered nhận định tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2019 dự kiến sẽ đạt 7% và tiếp tục ổn định trong những năm tới.

Với cơ cấu dân số trẻ, độ tuổi trung bình là 31, dân số Việt Nam đã đạt đến con số trên 96 triệu người hết tháng 6/2019, là quốc gia đông dân thứ 15 thế giới và số 3 Đông Nam Á. Nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng với các sản phẩm trong lĩnh vực Hàng tiêu dùng nhanh (FMCG), Thực phẩm và Đồ uống (F&B) như bánh kẹo, nước giải khát, sữa… với Đường là nguyên liệu quan trọng và thiết yếu. DT Ngành F&B tăng trưởng mạnh những năm gần đây, dự kiến đạt 40 tỷ USD năm 2021 từ 27 tỷ USD năm 2017. Theo dự báo của Deloitte cho thấy thị trường Đường sẽ tiếp tục tăng tốc cả về số lượng và chất lượng.

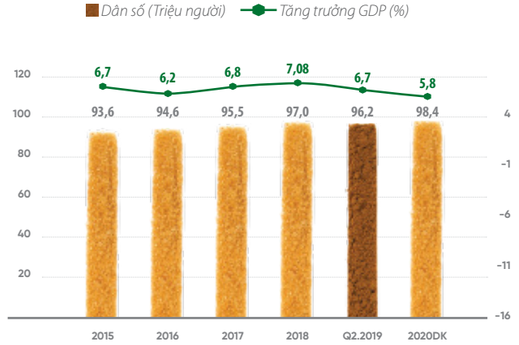
DÂN SỐ VIỆT NAM
THÁNG 6/2019

96 TRIỆU NGƯỜI

THÂM HỤT ĐƯỜNG VIỆT NAM
NIÊN ĐỘ 19-20

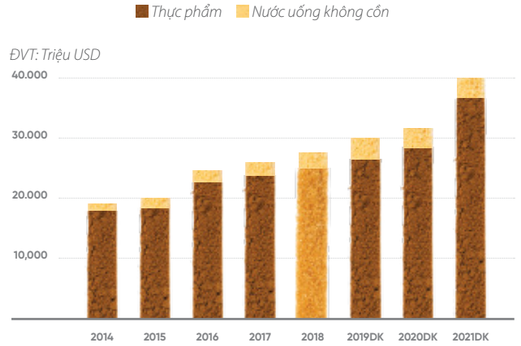
0,8 TRIỆU TẤN ĐƯỜNG

Tăng trưởng GDP và Dân số



Doanh thu Ngành F&B

ĐVT: Triệu USD

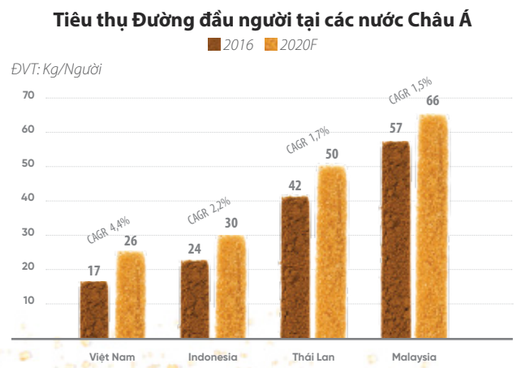


Nguồn: Deloitte, TTC Biên Hòa tổng hợp

Mức tiêu thụ Đường trên đầu người Việt Nam năm 2016 mới đạt 17 kg/người/năm, thấp hơn rất nhiều so với các nước Châu Á khác như Indonesia (24 kg), Thái Lan (42 kg), Malaysia (57 kg) theo thống kê theo EIU. Dự báo đến năm 2020, mức tiêu thụ Đường bình quân đầu người của Việt Nam sẽ đạt 26 kg, tuy nhiên vẫn tiếp tục thấp hơn các quốc gia trong Khu vực là Indonesia, Thái Lan, Malaysia lần lượt là 39 kg, 50 kg và 66 kg.

> "Sản lượng sản xuất dự kiến của Niên độ 19-20 tại Việt Nam sẽ đạt 1 triệu tấn, nhưng tiêu thụ sẽ là 1,8 triệu tấn, vì vậy ghi nhận thâm hụt khoảng 0,8 triệu tấn; do đó dư địa tăng trưởng cho Ngành Đường của Việt Nam vẫn còn rất lớn. Đây chính là cơ hội để các doanh nghiệp Đường tập trung cải thiện hoạt động sản xuất kinh doanh và tiếp tục phát triển."

Tiêu thụ Đường đầu người tại các nước Châu Á



Nguồn: Deloitte, EIU, TTC Biên Hòa tổng hợp

ATIGA - CƠ HỘI NÀO CHO NGÀNH ĐƯỜNG VIỆT NAM





Từ ngày 1/1/2020, Việt Nam dự kiến sẽ chính thức bãi bỏ hạn ngạch thuế quan nhập khẩu Đường từ các nước ASEAN theo cam kết tại Hiệp định ATIGA. Doanh nghiệp Ngành Mía Đường trong nước sẽ phải nâng cao năng lực cạnh tranh khi đối mặt với sự cạnh tranh không nhỏ từ các đối thủ lớn trong Khu vực. Ngành Đường Việt Nam hiện còn nhiều bất cập về VNL, tập quán canh tác… khiến giá thành sản xuất Mía cao hơn so với các nước khác.

> “Việc hội nhập với thị trường trong Khu vực và Thế giới sẽ là chất xúc tác để các nhà máy Đường nhìn nhận lại mình, đổi mới quy trình sản xuất, chú trọng gia tăng tỷ lệ cơ giới hóa trên đồng ruộng, liên kết chặt chẽ hơn với Nông dân trồng Mía, đảm bảo thu nhập cho Người Nông dân, đầu tư nghiên cứu đa dạng hóa Chuỗi Giá trị Cây Mía để giảm áp lực giá thành cho sản phẩm Đường.”

Tuy sẽ đem đến khó khăn cho các doanh nghiệp Đường trong nước, nhưng sẽ là cơ hội cho các doanh nghiệp mạnh dạn chuyển mình và đón đầu xu thế. Cơ hội để Ngành Đường bứt phá lúc này là phải sản xuất loại Đường chất lượng tốt, phù hợp thị hiếu và đặc biệt là đa dạng hóa không chỉ dòng sản phẩm Đường mà còn Cạnh Đường - Sau Đường sao cho đạt đến Chuỗi Giá trị hoàn hảo của Cây Mía. Chỉ có như vậy thì mới tiết giảm được chi phí, và từ đó đưa ra những sản phẩm có giá thành cạnh tranh hơn cho người tiêu dùng nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả hoạt động.

TTC Biên Hòa nhiều năm qua đã chủ động thay đổi, cải tiến quy trình sản xuất, tiết giảm chi phí, không ngừng nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới để giữ vững thương hiệu trong Ngành Đường Việt Nam mà còn sẵn sàng cạnh tranh với các Doanh nghiệp Đường nước ngoài. TTC Biên Hòa tập trung hơn nữa vào sản xuất các dòng sản phẩm Đường có lợi cho sức khỏe, giá trị gia tăng cao, đặc biệt là Biên LN cũng sẽ đạt được những bước tiến vượt trội. Trong NĐ vừa qua, TTC Biên Hòa tiếp tục chọn mở rộng VNL sang Campuchia, ngoài Lào, do những vùng đất tại đây còn hoang sơ, chưa bị ô nhiễm bởi quá trình canh tác hóa học, có thể thuê diện tích canh tác lớn và liền thửa, dễ dàng cơ giới hóa trên cánh đồng mẫu lớn để sản xuất Mía Organic theo tiêu chuẩn Châu Âu. Đây là những bước đi then chốt để bảo đảm duy trì và tiếp tục vươn xa thị phần Đường trong nước vào NĐ 20-21.

Cơ hội phát triển của Ngành Đường còn rất nhiều bởi bên cạnh các sản phẩm Đường, còn hàng loạt những sản phẩm Cạnh Đường - Sau Đường với giá trị gia tăng cao. Nhiều Quốc gia trên thế giới đã công nhận Điện sản xuất từ Bã Mía là một loại Năng lượng tái tạo cần tích cực khai thác. Các Cường quốc Mía Đường như Ấn Độ, Thái Lan, Philippines đều đã có chính sách cụ thể khuyến khích các nhà máy Đường bán Điện qua lưới điện quốc gia. Khối lượng Mật rỉ được Chính phủ Thái Lan phân bổ thêm để các doanh nghiệp sản xuất Ethanol trong năm nay là 300.000 tấn vì nhu cầu tiêu thụ Nguyên liệu sinh học dự báo tăng mạnh để bảo vệ Môi trường. Đối với TTC Biên Hòa, các nhà máy hiện đại ngoài sản xuất Đường đã được chuẩn bị đầy đủ khả năng để sản xuất các sản phẩm Cạnh Đường - Sau Đường khác như Điện thương phẩm, Mật rỉ, Phân bón, Trà, Nước màu.

> “TTC Biên Hòa đang hoàn thiện nguồn lực để phát triển các sản phẩm như Trồng nấm, Giấy/bột giấy, Ethanol… và nhiều Phụ phẩm có giá trị khác trong thời gian sắp đến, tạo thành một chuỗi sản xuất khép kín nhằm khai thác tối đa giá trị từ Cây Mía. Giai đoạn chuẩn bị vừa qua sẽ là nền tảng để TTC Biên Hòa tiếp tục chiếm lĩnh thị phần trong nước và mở rộng thị trường Xuất khẩu.”

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC



"Sau dấu mốc M&A với Công ty Đường Biên Hòa vào tháng 9/2017, TTC Biên Hòa đã trở thành Công ty Đường lớn nhất Việt Nam về quy mô hoạt động cũng như thị phần và vẫn đang tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định, kết hợp từ các thế mạnh về thương hiệu, công nghệ, hệ thống phân phối và Nhân sự. Bắt đầu từ Niên độ 19-20, Công ty sẽ tập trung hết tốc lực đẩy mạnh hoạt động sản xuất và kinh doanh nhằm sẵn sàng cho hành động chiến lược ***"3 Nhà: Nhà sản xuất - Nhà phân phối - Nhà thương mại quốc tế"***. Định hướng phát triển của TTC Biên Hòa là trở thành Công ty Nông nghiệp hàng đầu Việt Nam và Khu vực, đặc biệt cung cấp các sản phẩm Nông nghiệp sạch thông qua hệ thống sản xuất và phân phối bền vững. "

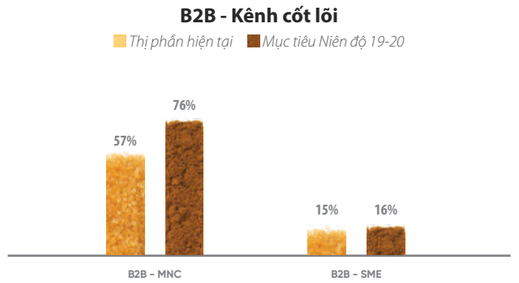
NHÀ SẢN XUẤT – KHAI THÁC CHUỖI GIÁ TRỊ CÂY MÍA

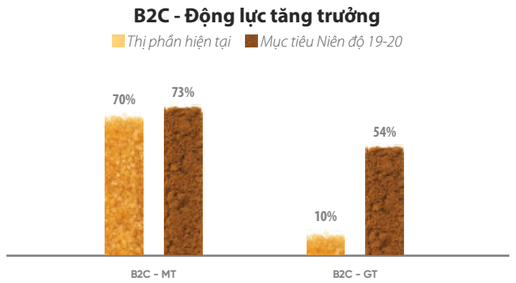
ĐA DẠNG HOÁ DÃY SẢN PHẨM CHÍNH

Chiến lược phát triển đến năm 2021, TTC Biên Hòa sẽ kiên định đạt được 3 mục tiêu lớn:

1. Duy trì vị thế dẫn đầu Kênh Doanh nghiệp B2B - Công nghiệp lớn MNC với dịch vụ chăm sóc Khách hàng tốt nhất
2. Tập trung vào các thị trường còn bỏ ngỏ để tăng thị phần của Kênh Doanh nghiệp B2B - Tiểu thủ công nghiệp SME
3. Tiếp tục duy trì thương hiệu số 1 trong lòng người tiêu dùng Việt Nam.

TTC Biên Hòa không chỉ cung cấp sản phẩm mà còn cung cấp giải pháp cho Khách hàng. Với Khách hàng Công nghiệp, Công ty sẽ cung cấp các Dòng sản phẩm theo từng đặc thù sản xuất cho từng kênh Khách hàng; trên tiêu chí tiết giảm chi phí và gắn gũi với hệ thống công nghệ của đối tác. Với Khách hàng tiêu dùng, Công ty sẽ mang đến những sản phẩm bắt kịp xu hướng ẩm thực hiện đại như Đường Đen, Đường Lỏng, Đường Phèn… nhưng vẫn không làm phai nhạt sự tinh túy truyền thống. Trong NĐ 19-20, Công ty dự kiến sẽ tiếp tục cho ra mắt những sản phẩm Đường mới với chất lượng, mẫu mã, quy cách đóng gói phù hợp với tất cả các đối tượng Khách hàng khác nhau.





Nguồn: TTC Biên Hòa

ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM CẠNH ĐƯỜNG - SAU ĐƯỜNG CÔNG NGHỆ CAO, CHUỖI SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

Với 24 năm kinh nghiệm trong việc canh tác cơ giới hóa liên hợp, áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ cơ giới mới nhất vào sản xuất, kết hợp với những lợi thế sẵn có trong lĩnh vực kinh doanh máy móc Nông nghiệp, đồng thời tối ưu hóa thế mạnh VNL gần 70.000 ha tại 3 Nước Đông Dương; BLĐ TTC Biên Hòa đã chủ trương định hướng phát triển Chuỗi Nông nghiệp sạch, công nghệ cao để tối ưu hóa nguồn DT và LN. Để chuẩn bị cho việc đa dạng hóa nguồn thu, Công ty đã bổ sung thêm 11 ngành nghề mới, chủ yếu thuộc lĩnh vực chăn nuôi và trồng trọt các cây trồng khác ngoài Mía, qua đó nâng tổng ngành nghề kinh doanh lên 42.

Công ty dự kiến sẽ tăng tỷ trọng của các sản phẩm Cạnh Đường - Sau Đường, bổ sung thêm đáng kể tỷ trọng của các sản phẩm trong Chuỗi Nông nghiệp nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển ổn định và bền vững. Dự kiến tới NĐ 20-21, cơ cấu DT của các sản phẩm Cạnh Đường - Sau Đường sẽ tăng lên 30% tổng DT so với 15% của NĐ 18-19. Các sản phẩm Cạnh Đường - Sau Đường sẽ triển khai sẽ đạt đến con số 8 bao gồm Nước uống từ Mía, Bã Mía, Trồng Nấm, Điện sinh khối, Mật rỉ, Phân vi sinh, Phân vi sinh lỏng, Ethanol/Nhiên liệu sinh học.

Ngoài ra, Công ty sẽ phát triển thêm các sản phẩm khác bao gồm cơ giới Nông nghiệp, cho thuê khu công nghiệp, hậu cần và Chuỗi sản phẩm Nông nghiệp để chứng minh sự năng động, tính thức thời cùng sự phát triển và xu hướng nền kinh tế, giảm thiểu tối đa rủi ro phụ thuộc quá nhiều vào 1 sản phẩm chủ đạo. Hiện tại, TTC Biên Hòa đang trong quá trình đàm phán để thực hiện liên kết và hợp tác với một số Tập đoàn lớn trong khu vực Châu Á về lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi nhằm tận dụng lợi thế sẵn có của các bên để gia tăng và tối ưu hóa LN cho Công ty.

Sản phẩm Cạnh Đường - Sau Đường sẽ triển khai theo chiến lược hoạt động

Sản phẩm	Đã triển khai	Đang lập kế hoạch
Nước uống từ Mía	x	
Bã Mía	x	
Trồng nấm		x
Điện sinh khối	x	
Mật rỉ	x	
Phân vi sinh	x	
Phân vi sinh lỏng		x
Ethanol/Nhiên liệu sinh học		x



Nguồn: TTC Biên Hòa

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC (TIẾP THEO)

NHÀ PHÂN PHỐI – MỞ RỘNG ĐỊA BÀN VÀ QUY MÔ HOẠT ĐỘNG

Công ty sẽ đẩy mạnh phát triển hệ thống Horeca - Hotel, Restaurant, Cafe/Catering thuộc Kênh B2C. Đây là một thuật ngữ quen thuộc để cập đến Kênh phân phối sản phẩm thông qua Nhà hàng - Khách sạn và Đơn vị kinh doanh dịch vụ ăn uống. Tại các nước phát triển, Horeca không phải là một khái niệm mới, song tại Việt Nam đây có thể được xem là thị trường khá mới mẻ, hấp dẫn và còn nhiều dư địa phát triển với cơ cấu dân số trẻ, nhu cầu tiêu dùng gia tăng đã giúp các doanh nghiệp trong lĩnh vực Hàng tiêu dùng nhanh - FMCG, Thực phẩm - F&B tăng trưởng mạnh trong những năm gần đây.



> Với nhiều tiềm năng chưa khai thác hết, TTC Biên Hòa đã nhanh chóng thâm nhập vào phân khúc Horeca thông qua việc tận dụng hệ thống phân phối sẵn có, cũng như tính nhận diện thương hiệu cao đối với Khách hàng.

Tính đến cuối NĐ 18-19, Công ty đã khai thác được gần 3.500 điểm bán trong tổng số 90.000 điểm bán của Kênh này. Mặc dù tăng mạnh 77% so với cùng kỳ năm ngoái, nhưng vẫn chỉ chiếm một tỷ trọng rất khiêm tốn khoảng 4% thị phần. Điều này cho thấy dư địa và tiềm năng tăng trưởng của Kênh Horeca còn rất lớn và nếu khai thác hợp lý sẽ đem lại sự phát triển vượt bậc về thị phần trong tương lai.

3.500

ĐIỂM BÁN
KÊNH HORECA ĐƯỢC KHAI THÁC
TÍNH ĐẾN CUỐI NĐ 18-19

Các sản phẩm Đường dự kiến để chinh phục Kênh Horeca sẽ gồm Đường RE - *Tinh khiết tự nhiên*, Đường Phèn và Đường làm bánh - *Món quà cho gian bếp*, Đường Vàng và Đường Nâu - *Mật ngọt từ thiên nhiên,* Đường Thỏi và Đường Viên - *Vị ngọt sẻ chia,* Mật Mía và Đường Lỏng - *Ngọt lành từ thiên nhiên* và Đường ăn kiêng. Dự kiến đến năm 2022, các điểm bán tại Miền Nam, Trung và Bắc sẽ được bao phủ lên đến 30.000 điểm, tăng 9 lần so với NĐ 18-19 với sản lượng là 54.000 tấn và DT đạt 1.200 tỷ đồng. Định hướng Kênh Horeca sẽ đạt được 5 mục tiêu cốt lõi:

1. Tiên phong dẫn đầu Ngành hàng Đường tại thị trường nội địa
2. Phát triển và đẩy mạnh sản lượng nhóm hàng Đường Bao, Nước Mía
3. Bùng nổ mở rộng bao phủ và thâm nhập trên diện rộng
4. Có mặt tại ít nhất 13 Tỉnh Thành trọng điểm
5. Số lượng đối tác khai thác cuối NĐ 19-20 đạt 10.000 Khách hàng.

Trước tốc độ đô thị hóa ngày càng nhanh, việc đẩy mạnh việc phân phối sản phẩm đến Kênh tiêu dùng tại những khu vực còn nhiều tiềm năng như nông thôn và phía Bắc sẽ giúp Công ty tiếp tục đi đầu trong việc chiếm lĩnh thị phần, đồng thời khẳng định vị thế thương hiệu, từ đó thúc đẩy tăng trưởng cho Kênh bán lẻ hàng tiêu dùng. Với hệ thống phân phối rộng khắp từ miền Đông Nam Bộ đến Duyên Hải Miền Trung, Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh và phát triển hệ thống phân phối các Khu vực phía Bắc thông qua việc tiếp cận phân khúc khách hàng tầm trung và cận trung tại đây. NĐ 18-19, cơ cấu sản lượng Đường tiêu thụ theo địa bàn tại Khu vực miền Bắc chỉ là 3%. Kế hoạch NĐ 19-20, Công ty sẽ mở rộng thêm khoảng 10.000 điểm phân phối tại Khu vực này, tăng 27% so với NĐ trước, từ đó sản lượng Đường tiêu thụ tại miền Bắc có thể tăng gấp 2 lần so với NĐ 18-19.

NHÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ – MỞ CỬA THÔNG MINH, ĐÓN ĐẦU HỘI NHẬP

> Tháng 10/2018 đánh dấu một cột mốc quan trọng đối với mảng Đường Organic khi TTC Biên Hòa chính thức ký kết hợp tác chiến lược với Công ty ED&F Man Sugar - Anh Quốc về việc bao tiêu sản phẩm Đường Organic sản xuất tại Lào và bán các loại Đường của TTC Biên Hòa Niên độ 18-19 sang thị trường Châu Âu. TTCA và Đối tác chiến lược đã ký kết về việc cung ứng và tiêu thụ các sản phẩm, bao gồm Đường Organic Golden Cane Sugar và Golden Cane Sugar trong thời gian 5 năm tới tại thị trường Châu Âu - có thể xem là thị trường khắt khe nhất trên thế giới về tiêu chuẩn chất lượng.

Tháng 12/2018, những sản phẩm Đường sạch đạt chuẩn Organic đầu tiên đã được hoàn thiện và chính thức được xuất đi. Hết NĐ 18-19, Công ty đã ký hợp đồng xuất Đường Organic sang Châu Âu. Hiện tại, các sản phẩm Đường Organic đang đem lại LN rất tốt cho Công ty khi Biên LN cao hơn nhiều so với trung bình của các sản phẩm Đường khác. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục tăng sản lượng Đường Organic phục vụ thị trường trong nước cũng như xuất khẩu để tối đa hóa DT và LN.

Theo thống kê của Market Research Future & Absolute Market Insights, nhu cầu sử dụng Đường Organic toàn cầu đã tăng 31% từ 2010 tới 2014. Năm 2017 quy mô Ngành Đường Hữu cơ đạt hơn 784 triệu USD và dự báo tới năm 2022 sẽ đạt gần 1,4 tỷ USD với tốc độ tăng trưởng kép giai đoạn 2017-2022 lên tới 16%. Để khai thác tiềm năng của thị trường này, TTC Biên Hòa đã có những bước chuẩn bị kỹ lưỡng, những bước đi chủ động vào mảng Đường Organic trong suốt thời gian qua, tiếp tục đầu tư và phát triển diện tích Mía Organic cũng như sản xuất Đường Organic trong thời gian tới nhằm mở rộng thị phần quốc tế. Mặc dù chi phí mà TTC Biên Hòa phải đầu tư là không nhỏ, tuy nhiên, với định hướng tiên phong và thúc đẩy nền Nông nghiệp hữu cơ giảm thiểu tác động đến Môi trường, tạo ra những sản phẩm có giá trị gia tăng cao cho chính người dùng và cả hiệu quả LN của Công ty, TTC Biên Hòa đã thật sự đầu tư nghiêm túc cho Dự án này. Đây được xem là bước đi chiến lược của Công ty để nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngành Đường Việt Nam trong xu thế hội nhập.

Niên độ 17-18 quy mô Xuất khẩu của TTC Biên Hòa chỉ với 6 thị trường, nhưng chỉ trong 1 năm, Công ty đã nâng số lượng thị trường Xuất khẩu lên gấp 3,5 lần là 21 thị trường kể cả những thị trường khó tính như Mỹ, Châu Âu, Singapore… với nhiều sản phẩm có giá trị gia tăng cao như Đường Organic, Đường Vàng. Chính vì vậy, chiến lược ngắn trung hạn sắp tới TTC Biên Hòa là vẫn tiếp tục khai thác các quốc gia mới, gia tăng đơn hàng và đẩy mạnh thị phần ở thị trường quốc tế. Dự kiến sản lượng Đường xuất khẩu cho NĐ 19-20 của TTC Biên Hòa sẽ tăng 80% so với NĐ vừa rồi, và NĐ 20-21 sẽ tiếp tục tăng với tỷ lệ tăng trưởng kép 4 năm đạt 26%.

Bên cạnh đó để chủ động nguồn nguyên vật liệu đầu vào với giá cả cạnh tranh, Công ty sẽ tiếp tục chủ động nghiên cứu thị trường thương mại quốc tế, đưa ra các kế hoạch cụ thể cho việc mua nguyên liệu với giá kỳ hạn/giá thỏa thuận để tối ưu hóa giá thành sản xuất, phù hợp với các kênh Khách hàng khác nhau.

Một số chỉ tiêu dự kiến trong Niên độ 19-20

Chỉ tiêu	ĐVT	Niên độ 19-20	Niên độ 18-19
Tổng Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	10.903	10.885
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	430	422
Cổ tức	%	4-6	4



HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN

"Niên độ 18-19 được đánh giá là một năm nhiều thách thức cho TTC Biên Hòa nói riêng và Ngành Đường Việt Nam nói chung khi Ngành Đường thế giới vẫn chưa xuất hiện những tín hiệu tích cực. Để đưa Công ty vượt qua những khó khăn tạm thời, Ban Lãnh đạo đã nỗ lực đưa ra các chiến lược về đa dạng nguồn vốn nhằm đảm bảo thanh khoản cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tái đầu tư cũng như mở rộng Vùng nguyên liệu mới và tiếp tục phát triển thị phần trong nước vốn dĩ đã duy trì bền vững đồng thời mở rộng sang thị trường nước ngoài."

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA TTC BIÊN HÒA



Nguồn: TTC Biên Hòa

ĐA DẠNG HÓA CÁC KÊNH HUY ĐỘNG VỐN

TTC Biên Hòa đã chủ động huy động vốn dưới nhiều hình thức khác nhau trong Niên độ 18-19 bao gồm thu hút vốn từ Nhà Đầu tư chiến lược nước ngoài và phát hành Trái phiếu.

NGÀY 26/7/2019, CÔNG TY CHÍNH THỨC CÔNG BỐ TÊN NHÀ ĐẦU TƯ CHIẾN LƯỢC LÀ DEG - MỘT TRONG NHỮNG TỔ CHỨC TÀI CHÍNH PHÁT TRIỂN TÊN TUỔI CỦA CHÂU ÂU DO CHÍNH PHỦ ĐỨC SỞ HỮU - ĐẦU TƯ CHIẾN LƯỢC VÀO SBT

28 TRIỆU USD

649 TỶ ĐỒNG

VỚI GIÁ 30.000 ĐỒNG/CỔ PHIẾU, CAO HƠN 75% SO VỚI GIÁ THỊ TRƯỜNG CỦA SBT VÀO NGÀY 30/6/2019

Cổ phiếu ưu đãi sẽ bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 1 năm kể từ ngày phát hành. Thời gian ưu đãi cổ tức của CPUĐ sẽ được kéo dài 6,5 năm, với mức cổ tức cố định là 5,5%/năm trong 1,5 năm đầu tiên và các năm tiếp theo sẽ theo thỏa thuận giữa Công ty và DEG. Toàn bộ số lượng CPUĐ này sẽ không có quyền biểu quyết nhưng có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo thỏa thuận giữa DEG và SBT. Giá chuyển đổi sẽ do Công ty và DEG quyết định tại thời điểm chuyển đổi và không vượt quá 38.000 đồng/cổ phiếu. Khoản đầu tư này dự kiến giải ngân trong tháng 9/2019 và VĐL của Công ty sẽ đạt hơn 6.084 tỷ đồng, tăng 3,7%. Thương vụ huy động vốn quốc tế này đã phản nào chứng minh được triển vọng Ngành Đường trong tương lai cũng như định hướng phát triển của TTC Biên Hòa được đánh giá cao.

Toàn bộ số tiền huy động sẽ được Công ty sử dụng để đầu tư vào mảng kinh doanh Mía Đường của HAGL tại Lào mà TTC Biên Hòa đã mua năm 2017 và đổi tên thành TTCA, đồng thời đầu tư cho mục đích cơ giới hóa, mở rộng sản xuất Đường Organic tại Nhà máy này. TTCA có công suất ép Mía 7.500 tấn Mía ngày, sản xuất 750 tấn Đường/ngày cùng với VNL Nông trường với diện tích lên tới hơn 10.000 ha tại Tỉnh Attapeu. Khoản đầu tư từ DEG sẽ góp phần lớn trong quá trình chuyển dịch cơ cấu vốn theo hướng dài hạn, đảm bảo nguồn lực ổn định cho định hướng PTBV của Công ty.

Bên cạnh các cam kết chặt chẽ về chỉ số tài chính như cấu trúc vốn, hệ số thanh khoản, chi trả cổ tức, khả năng sinh lời…, TTC Biên Hòa còn phải đáp ứng và tuân thủ các tiêu chuẩn Phi tài chính khác. Trong quá trình đàm phán, DEG thực hiện thẩm định toàn bộ những thông tin Phi tài chính liên quan đến Quản trị, chuẩn mực CBTT, Môi trường, Xã hội, cũng như sự đánh giá độc lập từ một bên thứ 3 về Môi trường Xã hội nhằm đáp ứng yêu cầu của DEG. Định kỳ, Công ty phải có kế hoạch xây dựng, thực hiện và hoạt động theo những tiêu chuẩn về Môi trường và Xã hội của địa phương; Bộ tiêu chuẩn hoạt động Môi trường và Xã hội của IFC; Tiêu chuẩn lao động cơ bản của Tổ chức Lao động Thế giới… Đây vừa là một thách thức không nhỏ, nhưng đồng thời cũng chính là cơ hội để Công ty hướng tới và đáp ứng những mục tiêu PTBV của Liên Hiệp Quốc đến năm 2030.



DEG không chỉ đơn thuần là Định chế tài chính khi có chiến lược đầu tư vào các công ty tư nhân tại các thị trường mới nổi trong suốt 55 năm qua và cung cấp các hỗ trợ cần thiết cho việc PTBV, tạo việc làm ổn định cho nhiều lao động trong các lĩnh vực Nông nghiệp, Công nghiệp, Cơ sở hạ tầng và Dịch vụ tài chính. Sự gắn kết chặt chẽ giữa chiến lược đầu tư của DEG và TTC Biên Hòa kỳ vọng hỗ trợ cho thương vụ đạt được những kết quả tích cực trong suốt quá trình hợp tác giữa 2 Bên. Trong năm 2018, tổng giá trị đầu tư của DEG là 8,4 tỷ EUR, hiện diện rộng khắp Châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ La-tinh, Châu Âu, Bắc Mỹ, Trung Đông... DEG đã hoạt động tại Việt Nam từ năm 1993 và đến nay đang quản lý danh mục hơn 100 triệu EUR. DEG xác định Việt Nam là thị trường quan trọng và có kế hoạch mở rộng một cách đáng kể hoạt động tại thị trường này.

HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Bên cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục huy động vốn thông qua hình thức phát hành các gói Trái phiếu nhằm tăng quy mô vốn hoạt động, đầu tư thực hiện các dự án cũng như cơ cấu lại các khoản nợ. Điển hình, Tháng 6/2019, TTC Biên Hòa đã phát hành gói Trái phiếu 500 tỷ đồng cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - MSB. Việc phát hành Trái phiếu thành công trong điều kiện Ngành Đường còn nhiều khó khăn đã minh chứng uy tín của Công ty đối với các tổ chức tín dụng. Số tiền huy động sẽ được Công ty bổ sung Vốn lưu động, sử dụng cho hoạt động sản xuất, nghiên cứu sản phẩm mới cũng như mở rộng và tăng quy mô sản lượng sản xuất, tăng hiệu suất vận hành các nhà máy, qua đó tối ưu hóa chi phí sản xuất và phát huy lợi thế kinh tế theo quy mô. Từ đó tiếp tục đẩy mạnh sản lượng sản xuất, tiêu thụ và mở rộng thị phần không chỉ nội địa mà còn tại thị trường quốc tế.

Ngày 3/9/2019, ĐHĐCĐ cũng đã thông qua phương án phát hành Trái phiếu chuyển đổi bằng VND theo phương thức phát hành riêng lẻ để tái cấu trúc tài chính theo hướng lành mạnh hơn, tiếp tục giảm nợ ngắn hạn, chuyển dịch cơ cấu vốn theo hướng dài hạn và an toàn, đảm bảo nguồn lực tài chính ổn định, đáp ứng yêu cầu khắt khe của các NĐT chiến lược đã tham gia mua cổ phần của Công ty. SBT dự kiến sẽ phát hành 2.400 Trái phiếu chuyển đổi với mệnh giá 1 tỷ đồng/Trái phiếu, kỳ hạn tối thiểu là 3 năm, lãi suất được thỏa thuận cụ thể với NĐT, và dự kiến thu về 2.400 tỷ đồng. Dự kiến, Trái phiếu được quyền chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ thành cổ phiếu phổ thông sau 1 năm kể từ thời điểm hoàn tất phát hành. Các vấn đề liên quan đến Giá chuyển đổi, Tỷ lệ chuyển đổi, Thời điểm chuyển đổi, điều chỉnh Giá chuyển đổi (chống pha loãng) và các vấn đề khác liên quan đến việc chuyển đổi Trái phiếu sẽ do HĐQT quyết định.

TÁI CẤU TRÚC DANH MỤC ĐẦU TƯ

> Nhằm đảm bảo tỷ suất đầu tư hiệu quả và tối đa hóa lợi ích mang lại cho Cổ đông cũng như Công ty, ngoài mảng kinh doanh chính là Mía Đường, TTC Biên Hòa cũng đã thực hiện tái cơ cấu danh mục, qua đó đầu tư vào các đơn vị, ngành nghề tiềm năng và phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.



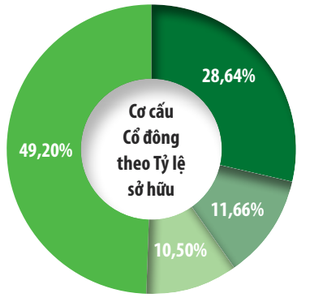
Bên cạnh lợi thế về DT của 152 MW Điện Sinh khối từ Bã Mía, Công ty Thành viên của TTC Biên Hòa cũng đã tiếp tục mở rộng đầu tư vào lĩnh vực này thông qua việc mua cổ phiếu của CTCP Điện Gia Lai (GEC, Mã GEG-HOSE). Hiện tại, GEC được biết đến là đơn vị phát triển Năng lượng với các danh mục đa dạng Thuỷ điện, Điện Mặt trời, Điện Mặt trời Áp mái và Điện Gió. Ngoài ra, trong NĐ 18-19, Công ty cũng thực hiện thanh hoán một số danh mục đầu tư đem lại LN tốt bao gồm thoái 78,21% vốn nắm giữ tại Tanisugar và thanh hoán 13,5% vốn nắm giữ tại Betrimex.

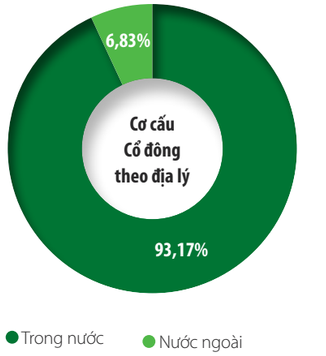
XÂY DỰNG VÀ DUY TRÌ QUAN HỆ TỐT VỚI CÁC NGÂN HÀNG TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

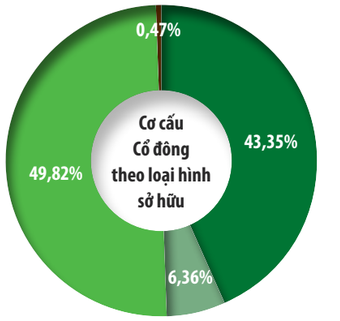
Nhằm nâng cao hiệu quả và tối ưu hóa việc sử dụng nguồn vốn, việc xây dựng mối quan hệ với các Định chế tài chính lớn được Công ty hết sức ưu tiên. Hiện nay, Công ty đang có mối quan hệ tín dụng với tổng cộng 21 Ngân hàng trong đó có 12 Ngân hàng trong nước và 9 Ngân hàng nước ngoài.

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TRONG NIÊN ĐỘ 18-19







> Tại thời điểm 30/6/2019, TTC Biên Hòa có 2 Cổ đông lớn sở hữu trên 5% vốn cổ phần, chiếm 40,29% Vốn điều lệ bao gồm 1 Tổ chức là Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công nắm giữ 168.021.963 cổ phiếu tương đương 28,64% và 1 cá nhân là Bà Đặng Huỳnh Ức My - Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ 68.394.826 cổ phiếu, chiếm 11,66%.

Đáng chú ý, Công ty hiện đang có 61.600.900 Cổ phiếu quỹ, tương ứng 10,50% tổng số cổ phiếu đang lưu hành. Việc nắm giữ Cổ phiếu quỹ thể hiện nỗ lực bảo vệ quyền lợi CĐ, hạn chế rủi ro pha loãng cho CĐ hiện hữu cũng như thể hiện sự lạc quan về triển vọng phát triển và tiềm năng tăng trưởng của Công ty trong dài hạn. Ngày 17/5/2018, Công ty đã kết thúc đợt mua lại Cổ phiếu Quỹ bắt đầu từ ngày 18/4/2018. Thông qua phương thức giao dịch khớp lệnh, với mỗi cổ phần được mua với giá bình quân 17.857 đồng, TTC Biên Hòa đã chi ra tổng cộng gần 1.100 tỷ đồng.

Cơ cấu Cổ đông tại ngày 30/6/2019

STT	Cơ cấu Cổ đông theo tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng Cổ đông	
				Cá nhân	Tổ chức
I	**Cổ đông lớn sở hữu từ 5% Vốn cổ phần**	**236.416.789**	**40,29%**	**1**	**1**
1	Trong nước	236.416.789	40,29%	1	1
2	Nước ngoài	-	0,00%	-	-
II	**Cổ đông sở hữu từ 1% - 5% Vốn cổ phần**	**66.767.918**	**11,38%**	**2**	**3**
1	Trong nước	42.276.355	7,21%	2	1
2	Nước ngoài	24.491.563	4,17%	-	2
III	**Cổ đông sở hữu dưới 1% Vốn cổ phần**	**221.954.945**	**37,83%**	**9.978**	**115**
1	Trong nước	206.359.544	35,17%	9.685	74
2	Nước ngoài	15.595.401	2,66%	293	41
IV	**Cổ phiếu quỹ**	**61.600.900**	**10,50%**	**-**	**1**
	Tổng cộng	**586.740.552**	**100%**	**9.981**	**120**

Nguồn: TTC Biên Hòa

Giao dịch của Người nội bộ và Người có liên quan đối với cổ phiếu SBT từ 1/7/2018 - 30/6/2019

STT	Người thực hiện giao dịch	Vị trí	Cổ phiếu sở hữu 1/7/2018 (*)		Cổ phiếu sở hữu 30/6/2019 (**)		Lý do tăng, giảm	Ghi chú
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ		
Người nội bộ								
1	Phạm Hồng Dương	CT HĐQT	1.585.469	0,28%	2.740.597	0,47%	Mua ròng, cổ tức 6% cổ phiếu	-
2	Đặng Huỳnh Ức My	TV HĐQT	32.523.424	5,84%	68.394.826	11,66%	Mua ròng, cổ tức 6% cổ phiếu	-
3	Nguyễn Thanh Ngữ	TGĐ	2.181.361	0,40%	3.372.241	0,57%	Mua ròng, cổ tức 6% cổ phiếu	-
4	Trần Quế Trang	Phó TGĐ Thường trực	1.225.550	0,21%	469.999	0,08%	Bán ròng	Thôi nhiệm 28/2/2019
5	Trần Quốc Thảo	Phó TGĐ	199.938	0,03%	1.218.934	0,21%	Mua ròng, cổ tức 6% cổ phiếu	-
6	Nguyễn Quốc Việt	Phó TGĐ	661.602	0,12%	1.761.298	0,30%	Mua ròng, cổ tức 6% cổ phiếu	-
7	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Người CBTT	100.446	0,02%	1.060.472	0,18%	Mua ròng, cổ tức 6% cổ phiếu	-
Người có liên quan đến Người nội bộ								
8	Huỳnh Bích Ngọc	Mẹ ruột Bà Đặng Huỳnh Ức My - TV HĐQT	5.551.864	1,06%	15.551.864	2,96%	Mua ròng, cổ tức 6% cổ phiếu	-
9	Nguyễn Vũ Linh Phụng	Vợ Ông Trương Trí Cường - Phó TGĐ	160.060	0,03%	0	0,00%	Bán ròng	-
	Tổng cộng		**44.189.714**	**7,94%**	**94.570.231**	**16,12%**		

Giao dịch của Cổ đông lớn từ 1/7/2017 - 30/6/2018

STT	Người thực hiện giao dịch	Cổ phiếu sở hữu 1/7/2018 (*)		Cổ phiếu sở hữu 30/6/2019 (**)		Lý do tăng, giảm	Ghi chú
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ		
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	107.511.290	19,30%	168.021.963	28,64%	Mua ròng, nhận cổ tức 6% cổ phiếu	CĐ lớn
2	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	76.124.566	13,67%	0	0%	Bán ròng	Không là CĐ lớn từ tháng 11/2018
3	Đặng Huỳnh Ức My	32.523.424	5,84%	68.394.826	11,66%	Mua ròng, nhận cổ tức 6% cổ phiếu	CĐ lớn
	Tổng cộng	**216.159.280**	**38,81%**	**236.416.789**	**40,30%**		

(*) Tổng số lượng cổ phiếu tại thời điểm 1/7/2018: 557.018.673 cổ phiếu
(**) Tổng số lượng cổ phiếu tại thời điểm 30/6/2019: 586.740.552 cổ phiếu

Nguồn: TTC Biên Hòa

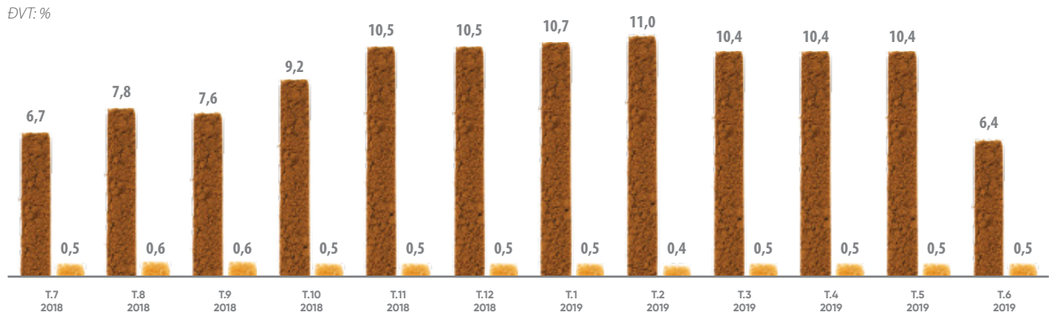
TỶ LỆ SỞ HỮU CHO NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI ĐẠT 100%, SBT THUỘC 9 RỔ CHỈ SỐ ETF VÀ INDEX UY TÍN TRÊN THỊ TRƯỜNG

Hiện tại, tỷ lệ sở hữu của CĐ trong nước chiếm đa số trong cơ cấu với tỷ trọng 93,17% và 6,83% còn lại thuộc về CĐ nước ngoài. Từ khi được UBCKNN chấp thuận nâng giới hạn Sở hữu nước ngoài từ 49% lên tối đa 100% vào tháng 5/2018, tỷ lệ sở hữu của CĐ nước ngoài của SBT đã có sự tăng trưởng đều trong suốt NĐ. NĐT nước ngoài luôn đóng vai trò quan trọng trên TTCK Việt Nam khi giao dịch của họ chiếm tới 15-20% tổng giá trị giao dịch toàn thị trường. Việc thu hút được nguồn tiền của khối này là điều hết sức cần thiết, nhất là trong tình trạng khối ngoại luôn ở trạng thái bán ròng thời gian gần đây. Trong bối cảnh kinh tế thế giới nhiều biến động thì khối ngoại càng tỏ ra thận trọng hơn trong việc lựa chọn cổ phiếu để đầu tư.

Ở chiều ngược lại, mã cổ phiếu SBT trở thành một trong những lựa chọn của khối ngoại khi liên tục được mua ròng. Trong gần 3 tuần đầu tiên của tháng 10/2018, khối ngoại đã mua ròng gần 6 triệu cổ phiếu SBT với tổng giá trị đạt gần 120 tỷ đồng. Đỉnh điểm là vào ngày 11/10, SBT đã lọt Top 3 mua ròng nhiều nhất của khối ngoại cùng DXG và VRE với giá trị khoảng 15 tỷ đồng trong khi hàng loạt cổ phiếu Blue Chip bị bán ròng.

Cổ phiếu SBT với tư cách là 1 trong 30 mã thuộc VN 30, duy trì không thay đổi trong suốt 2 kỳ review tháng 7/2018 và tháng 1/2019, đã lọt vào 9 Rổ Chỉ số ETFs uy tín trên thế giới với tổng sở hữu đến 28/6/2019 là 19,2 triệu cổ phiếu. Nổi bật là V.N.M ETF với gần 14,1 triệu cổ phiếu, VFMVN30 EFT với 2,9 triệu cổ phiếu, DB XTRACKER FTSE VIETNAM SWAP UCITS ETF với 1,4 triệu cổ phiếu và iShares MSCI Frontier 100 ETF với 849.000 cổ phiếu. SBT thỏa toàn bộ các điều kiện khắt khe trong khâu sàng lọc Rổ Chỉ số VN 30 bao gồm *(1) Giá trị vốn hóa nằm trong Top 50 Doanh nghiệp niêm yết trên HOSE, ngày 25/1/2019 đạt 9.958 tỷ đồng, (2) Thanh khoản cao và ổn định với khối lượng giao dịch bình quân đạt 3,4 triệu cổ phiếu/phiên, (3) Tỷ lệ free-float đạt 50%>10% điều kiện HOSE, (4) Tỷ suất vòng quay chứng khoán luôn >= 0,05%.*

Tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài giai đoạn 1/7/2018 - 30/6/2019



Nguồn: TTC Biên Hòa

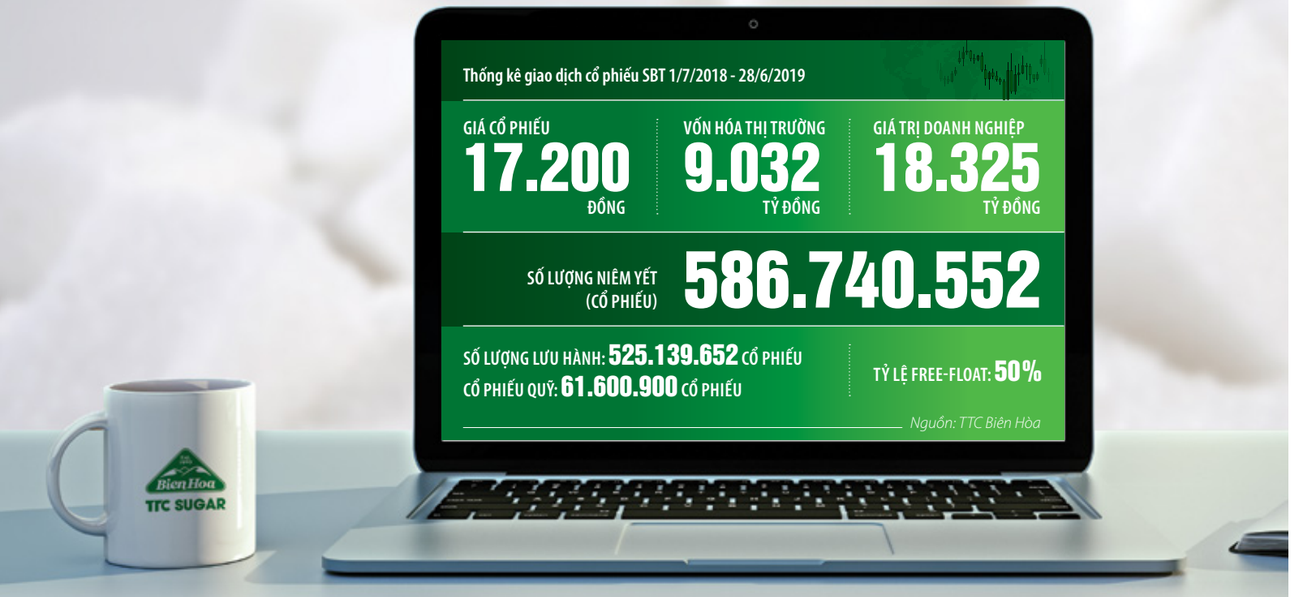
Tình hình sở hữu SBT của các ETFs và Index

STT	ETFs/ INDEX	Tháng 7/2018		Tháng 6/2019		Tăng/Giảm (Cổ phần)	Tình trạng
		Số lượng (Cổ phần)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (Cổ phần)	Tỷ trọng (%)		
1	VNM ETF - MVIS VN Index	9.889.745	1,79%	14.055.991	2,70	4.166.246	Tăng
2	VFMVN30 ETF FUND	2.775.660	1,02%	2.852.408	0,77	76.748	Tăng
3	DB XTRACKER FTSE VN SWAP UCITS ETF	2.823.861	1,25%	1.373.050	-	(1.450.811)	Giảm
4	iShares MSCI Frontier 100 ETF	988.920	0,12%	848.768	0,13	(140.152)	Giảm
5	SSIAM VNX50 ETF FUND	63.050	0,77%	53.049	0,55	(10.001)	Giảm
6	FTSE VN Index	Thuộc Chỉ số					
7	FTSE VN All-Share Index						
8	MSCI Frontier Market 100						
9	MSCI VN Small Cap Index (USD)						
10	VN30						
11	VN100						
	Tổng cộng	**16.541.236**	**-**	**19.183.266**	**-**	**2.642.030**	**Tăng**

Nguồn: Bloomberg

Tháng 6/2019, HOSE đã công bố 26 Mã cổ phiếu trong đó SBT trở thành tài sản cơ sở cho sản phẩm phái sinh thứ 2 tại TTCK là Chứng quyền đảm bảo - Covered Warrant. Tổng hạn mức có thể chào bán thông qua Chứng quyền của SBT lên tới gần 24 triệu cổ phiếu, tương đương 4,6% số lượng cổ phiếu đang lưu hành. Vì đang trong thời gian đầu triển khai, nên các CTCK sẽ phát hành Chứng quyền mua trước và đã có 8 CTCK tham gia thực hiện phát hành gồm SSI, HSC, VCI, MBS, BSC, VNDS, VPS và KIS. Việc lựa chọn cổ phiếu để CTCK phát hành Chứng quyền dựa vào các tiêu chí *(1) Nhu cầu khách hàng, (2) Tiềm lực vốn của CTCK phòng hộ cổ phiếu và (3) Biến động giá, tiềm lực và mức độ rủi ro của mã cổ phiếu được chọn.*

HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ



GIÁ CỔ PHIẾU VÀ THANH KHOẢN DUY TRÌ ỔN ĐỊNH TRONG NIÊN ĐỘ 18-19

Tại ngày 28/6/2019	23 ngày gần nhất	3 tháng	6 tháng	12 tháng
Khối lượng giao dịch bình quân mỗi ngày (Cổ phiếu)	3.402.604	2.299.479	2.148.562	3.031.607
Tổng giá trị giao dịch bình quân mỗi ngày (Tỷ đồng)	59,6	41,1	40,2	59,1
Giá cổ phiếu				
› Giá cao nhất (VND)	18.050	19.000	21.150	22.700
› Giá thấp nhất (VND)	16.700	16.700	16.700	14.450
› Giá đóng cửa bình quân (VND)	17.413	17.878	18.757	19.038

Nguồn: TTC Biên Hòa

Trong giai đoạn 1/7/2018-28/6/2019, cổ phiếu SBT đã có những diễn biến khá ổn định với mức giá giao dịch trung bình ở mức 19.038, giá cao nhất SBT đạt được là 22.700 đồng vào ngày 14/11/2018 và giá thấp nhất là 14.450 đồng vào ngày 2/7/2018. Tính tại thời điểm 28/6/2019, giá cổ phiếu SBT đã có sự tăng trưởng đối tốt khi đạt 17.200 đồng/cổ phiếu, tăng 19% so với mức giá 14.450 đồng/cp tại thời điểm đầu NĐ.

SBT hiện là một trong những Mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất Ngành Đường khi khối lượng cổ phiếu giao dịch trung bình 12 tháng lên tới trên 3 triệu cổ phiếu, tương đương giá trị giao dịch khoảng 59 tỷ đồng mỗi phiên; vượt trội so với các cổ phiếu cùng Ngành khác khi khối lượng giao dịch trung bình chỉ khoảng 93.000 cổ phiếu, giá trị giao dịch khoảng 3,2 tỷ đồng, thấp hơn 32 và 17 lần so với SBT.

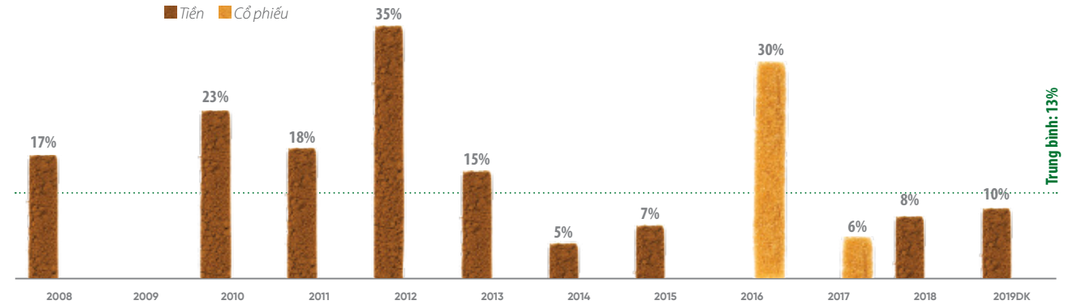
Thanh khoản của SBT và Doanh nghiệp cùng Ngành giai đoạn 1/7/2018 - 28/6/2019

STT	Công ty	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Khối lượng giao dịch (Cổ phần)	Giá trị giao dịch (Tỷ đồng)
1	CTCP Thành Thành Công Biên Hòa	SBT	HSX	3.031.610	59,10
2	CTCP Đường Quảng Ngãi	QNS	Upcom	296.740	11,92
3	CTCP Mía Đường Lam Sơn	LSS	HSX	66.730	0,45
4	CTCP Mía Đường Sơn La	SLS	HNX	6.470	0,37
5	CTCP Đường Kon Tum	KTS	HNX	270	0,01

Nguồn: Vietstock.vn

ĐẢM BẢO CHÍNH SÁCH CỔ TỨC CHO CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ

Trong NĐ vừa qua, Công ty đã hoàn thành mọi nghĩa vụ đối với CĐ khi đã thông qua việc thực hiện chia cổ tức bằng tiền mặt với giá trị 408 tỷ đồng, tương đương 8% mệnh giá cho NĐ 17-18 và chia cổ tức bằng cổ phiếu khi phát hành 29.721.879 cổ phiếu, tương đương tỷ lệ 6% NĐ 16-17. Nguồn tiền giữ lại từ việc phát hành cổ phiếu này đảm bảo cho hoạt động sản xuất ổn định trong bối cảnh hiện tại.



Nguồn: TTC Biên Hòa thống kê tại tháng 6/2019

ĐÁNH GIÁ CỦA CÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VỀ CỔ PHIẾU SBT TRONG NIÊN ĐỘ 18-19

STT	Công ty Chứng khoán	Khuyến nghị	Giá thị trường (Đồng)	Giá mục tiêu (Đồng)	Tăng/Giảm (%)	Dự báo Doanh thu cho Niên độ 18-19 (Tỷ đồng)		Thời gian
						Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	
1	DVSC	Nắm giữ	16.200	18.847	16	-	-	13/8/2018
2	PHS	Mua	19.200	25.137	31	14.636 (+42%)	775 (+42%)	22/8/2018
3	BVSC	Trung lập	18.800	19.885	6	12.637 (+23%)	* 344 (+248%)	5/9/2018
4	SSI	Báo cáo nhanh				12.000 (+17%)	700 (+28%)	18/9/2018
5	FPTS	Nắm giữ	20.800	23.330	12	12.763 (+24%)	559 (+3%)	3/10/2018
6	HSC	Nắm giữ	20.400	21.724	6	11.993 (17%)	579 (+6%)	5/10/2018
7	Morning star	Định giá	22.350	27.416	23	-	-	10/11/2018
8	HSC	Nắm giữ	19.800	21.724	10	10.607(+3%)	**676 (-0,9%)	19/12/2018
9	Morningstar	Định giá	19.750	20.321	3	-	-	1/3/ 2019
10	BSC				Báo cáo nhanh			1/3/2019
11	BVSC	Trung lập	19.000	19.039	0,2	10.928 (+6%)	492 (-10%)	8/4/2019

(*) LN đến từ hoạt động lõi
(**) LNTT

Nguồn: TTC Biên Hòa tổng hợp

LỊCH TÀI CHÍNH DỰ KIẾN CỦA NIÊN ĐỘ 19-20

Tháng 7/2019
- BCTC riêng và hợp nhất Quý 4 NĐ 18-19
- Diễn giải BCTC Quý 4 NĐ 18-19
- Báo cáo QTCT NĐ 18-19

Tháng 9/2019
- BCTC riêng và hợp nhất Kiểm toán NĐ 18-19

Tháng 10/2019
- BCTN NĐ 18-19
- BCTC riêng và hợp nhất Quý 1 NĐ 19-20
- Diễn giải BCTC Quý 1 NĐ 19-20
- ĐHĐCĐ thường niên NĐ 18-19

Tháng 11/2019
- Bản tin NĐT Quý 1 NĐ 19-20

Tháng 1/2020
- BCTC riêng và hợp nhất Quý 2 NĐ 19-20
- Diễn giải BCTC Quý 2 NĐ 19-20
- Báo cáo QTCT Bán niên NĐ 19-20

Tháng 2/2020
- Roadshow cho NĐT tiềm năng, CĐ VIP và Nhà phân tích
- BCTC riêng và hợp nhất Soát xét Bán niên NĐ 19-20
- Bản tin NĐT Quý 2 NĐ 19-20

Tháng 3/2020
- Tham dự Vietnam Access Day - VCSC

Tháng 4/2020
- BCTC riêng và hợp nhất Quý 3 NĐ 19-20
- Diễn giải BCTC Quý 3 NĐ 19-20

Tháng 5/2020
- Tham dự Citi-SSI Vietnam C-Suite Corporate Day - SSI và Citi Group
- Bản tin NĐT Quý 3 NĐ 19-20

Tháng 6/2020
- Tham dự HSC Emerging Vietnam - HSC

HỒ SƠ NĂNG LỰC



Ông **Nguyễn Thanh Ngữ**
Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1987

Thời điểm được bổ nhiệm TGĐ: Tháng 11/2014
Thời gian đảm nhiệm vị trí TGĐ: *4 năm 7 tháng*
Trách nhiệm quyền hạn: Điều hành chung về bộ máy Nhân sự, hoạt động SXKD và tài chính
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty Mẹ - Con): *Không*
Tỷ lệ sở hữu cổ phần SBT có quyền biểu quyết: 3.372.241 cổ phần, chiếm 0,58% VĐL

Thành tựu nổi bật

Tốt nghiệp Cử nhân Quản trị Kinh doanh - Đại học Quốc tế thuộc Đại học Quốc gia TP. HCM, ông Ngữ còn tham gia khóa học đầu tiên của Chương trình *"Hạt giống Lãnh đạo Doanh nghiệp - PACE"* - Chương trình được tài trợ bởi nhiều Doanh nhân có tiếng vang tại Việt Nam, trong đó có Ông Đặng Văn Thành - CT Tập đoàn Thành Thành Công, Ông Võ Quốc Thắng - CT HĐQT kiêm TGĐ Công ty Gạch Đồng Tâm, Giáo sư Trần Văn Thọ - Đại học Waseda - Nhật Bản . . .

Ông sớm đầu quân cho Thành Thành Công và chính thức lựa chọn gắn bó lâu dài với Ngành Mía Đường. Ông có kinh nghiệm tại nhiều vị trí Lãnh đạo tại Công ty Đường Ninh Hòa, Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai, sau đó chuyển sang Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh, Cao su Nước Trong trước khi đảm nhiệm vị trí Phó CT HĐQT Công ty Khoai Mì Tây Ninh, CT HĐQT Công ty Mía Đường Tây Ninh, Phó CT HĐTV Công ty Tapioca Việt Nam và TGĐ TTC Biên Hòa từ 2014 đến nay. Năm 2016, Ông Ngữ có tên trong danh sách *"Under 30"* - 30 gương mặt dưới 30 tuổi nổi bật trong nhiều lĩnh vực khác nhau tại Việt Nam của Forbes Việt Nam - Tạp chí Kinh doanh uy tín hàng đầu thế giới.

Kinh nghiệm hơn 10 năm trong công tác quản lý Điều hành tại các Công ty thuộc Ngành Mía Đường Việt Nam với đặc thù sản xuất, trình độ công nghệ, phân khúc khách hàng khác nhau, Ông Ngữ đã linh hoạt vận dụng và xây dựng bộ máy điều hành hiệu quả trước và sau M&A, thể hiện qua thị phần của TTC Biên Hòa tăng lên 42% tại Việt Nam cũng như đưa thương hiệu TTC Biên Hòa vươn ra 21 thị trường xuất khẩu. NĐ 18-19, tổng chi phí quản lý sau M&A đã giảm 11% so với cùng kỳ trong khi sản lượng tiêu thụ tăng ấn tượng từ 572.300 tấn lên gần 749.000 tấn, khoảng 31%.



Bà **Dương Thị Tô Châu**
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1973

Thời điểm được bổ nhiệm Phó TGĐ: Tháng 10/2014
Thời gian đảm nhiệm vị trí Phó TGĐ: *4 năm 8 tháng*
Trách nhiệm quyền hạn: Phụ trách HĐKD
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty Mẹ - Con): *Không*
Tỷ lệ sở hữu cổ phần SBT có quyền biểu quyết: 89.395 cổ phần, chiếm 0,02% VĐL

Thành tựu nổi bật

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế Ngoại thương Trường Đại học Kinh tế TP. HCM, Bà đã tham gia các khoá đào tạo CEO và CFO do Chương trình *"Hạt giống Lãnh đạo Doanh nghiệp - PACE"* tổ chức. Từ kinh nghiệm Quản lý tại các Công ty Nike Việt Nam, Nagarjuna International và NIVL, Bà chuyển sang quản lý mảng Kinh doanh ở các Công ty Bourbon Tây Ninh, Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh, Đường Biên Hòa trước khi trở thành Phó TGĐ Công ty Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh và Phó TGĐ Công ty Thành Thành Công - Biên Hòa từ 2014 đến nay.

Với kinh nghiệm tại các Doanh nghiệp Đường như NIVL, Nagarjuna International, Bà đã tạo dựng thành công Kênh Khách hàng Công nghiệp lớn MNC vững chắc cho TTC Biên Hòa với mối quan hệ mua bán thân thiết trên 20 năm cùng Cocacola, Pepsi, Nestle, URC . . . Hậu M&A, Bà cùng cộng sự đã khéo léo khai thác sức mạnh cộng hưởng của 2 nhóm Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và TTC Biên Hòa khi áp dụng chiến thuật linh động sản phẩm giữa các nhà máy và các Kênh Khách hàng khác nhau cũng như đặc biệt đầu tư phát triển dịch vụ hậu mãi, chăm sóc Khách hàng để tăng uy tín thương hiệu, gia tăng thị phần.

"TTC Biên Hòa không bán Đường mà bán các giải pháp cho Khách hàng", NĐ 18-19, Bà đã tham gia và triển khai thành công Dự án giao hàng "Big Bag" cho Khách hàng Công nghiệp lớn MNC thuộc nhóm Khách hàng Doanh nghiệp B2B, hiện là Kênh chiếm thị phần vượt trội với 61% tại Việt Nam. Dự án đem lại sự tăng trưởng sản lượng bán hàng đều đặn 10% hàng năm, trong đó Khách hàng MNC chiếm 37% tổng sản lượng bán toàn Công ty. Đồng thời, Bà cũng là người tham gia trực tiếp vào quá trình tìm kiếm và xúc tiến đàm phán hợp tác với Công ty ED&F Man Sugar (Anh Quốc) về việc Xuất khẩu và tiêu thụ những sản phẩm Đường Organic sản xuất tại Lào và bán các loại Đường của Công ty NĐ 2018 - 2019 sang thị trường Châu Âu lần đầu tiên.



Ông **Nguyễn Quốc Việt**
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1977

Thời điểm được bổ nhiệm Phó TGĐ: Tháng 11/2016
Thời gian đảm nhiệm vị trí Phó TGĐ: *2 năm 7 tháng*
Trách nhiệm quyền hạn: Phụ trách lĩnh vực Nông nghiệp
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty Mẹ - Con): *Không*
Tỷ lệ sở hữu cổ phần SBT có quyền biểu quyết: 1.761.298 cổ phần, chiếm 0,3% VĐL

Thành tựu nổi bật

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Ông Việt có kinh nghiệm điều hành quản lý hơn 10 năm ở các Nhà máy thuộc Tổng Công ty như Mía Đường Biên Hòa Phan Rang, Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh. Sau đó, Ông giữ chức vụ TV HĐQT Công ty Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh và đảm nhiệm vị trí Phó TGĐ TTC Biên Hòa từ 2016 đến nay.

Ông Nguyễn Quốc Việt được giao quản lý lĩnh vực Nông nghiệp, lĩnh vực được xem là xương sống trong hoạt động SXKD của Công ty.

Bên cạnh triển khai thành công Dự án Nông trường Mía Organic tại Lào, NĐ 18-19 còn đánh dấu sự đóng góp lớn của Ông cùng đội ngũ khi ký kết hợp tác thành công với Tập đoàn John Deere - Công ty có tiềm lực và uy tín hàng đầu đến từ Mỹ với 180 năm hoạt động trong lĩnh vực cung cấp các thiết bị Nông nghiệp. SBT đã chính thức trở thành Đại lý độc quyền của John Deere tại Việt Nam để kinh doanh thiết bị cơ giới hóa Mía.



Ông **Lê Quang Hải**
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1964

Thời điểm được bổ nhiệm Phó TGĐ: Tháng 12/2017
Thời gian đảm nhiệm vị trí Phó TGĐ: *1 năm 6 tháng*
Trách nhiệm quyền hạn: Phụ trách lĩnh vực kỹ thuật sản xuất
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty Mẹ - Con): *Không*
Tỷ lệ sở hữu cổ phần SBT có quyền biểu quyết: 634.293 cổ phần chiếm 0,11% VĐL

Thành tựu nổi bật

Xuất thân từ Kỹ sư Hoá thực phẩm, Ông Hải bắt đầu công việc ở Công ty Đường Biên Hòa với vai trò Trưởng phòng Kỹ thuật, sau đó Ông chuyển sang GĐ Dự án và Phó TGĐ Kỹ thuật Sản xuất. Sau đó, Ông phụ trách Công ty Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh với cùng vị trí Phó TGĐ Kỹ thuật Sản xuất và TV HĐQT trước khi đảm nhiệm Phó TGĐ TTC Biên Hòa từ 2017 đến nay.

Tham gia vào ở lĩnh vực kỹ thuật sản xuất Đường từ những năm 90, Ông Hải có hơn 30 năm kinh nghiệm trong quản lý Kỹ thuật Sản xuất và đặc biệt là kinh nghiệm đối với các Nhà máy luyện Đường. Bên cạnh đó, Ông đã tham gia hơn 100 các dự án lớn nhỏ của các Nhà máy thuộc Công ty, trong đó nổi bật là Dự án nâng công suất Nhà máy Đường TTC Gia Lai, Dự án nâng công suất lò hơi đốt than cho Nhà máy Biên Hòa Đồng Nai cũng như Dự án R&D các sản phẩm mới như Đường Vàng Cô Ba, Đường Đen Nữ Hoàng, Dây chuyền Đường lỏng đầu tiên... phục vụ cho Kênh Tiêu dùng B2C.

Niên độ 18-19, Ông cũng là nhân tố quan trọng trong việc tung ra thị trường sản phẩm Đường Thỏi đặc biệt có thể xuất khẩu thành công sang các thị trường khó tính như Mỹ, Singapore. Hiện Ông vẫn đang tiếp tục cùng đội ngũ R&D nghiên cứu các dự án khác dự kiến sẽ ra mắt trong NĐ 19-20 bao gồm Nước Mía đóng lon, Hộp giấy sản xuất từ Bã Mía nhằm hưởng ứng xu hướng nói không với sản phẩm nhựa, PTBV cùng Môi trường đúng như cam kết với DEG.



Ông **Trần Quốc Thảo**
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1979

Thời điểm được bổ nhiệm Phó TGĐ: Tháng 2/2018
Thời gian đảm nhiệm vị trí Phó TGĐ: *1 năm 4 tháng*
Trách nhiệm quyền hạn: Phụ trách hoạt động tài chính
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty Mẹ - Con): *Không*
Tỷ lệ sở hữu cổ phần SBT có quyền biểu quyết: 1.218.934 cổ phần, chiếm 0,21% VĐL

Thành tựu nổi bật

Tốt nghiệp cử nhân Tài chính Kinh doanh, Ông có kinh nghiệm hơn 12 năm về lĩnh vực tài chính cho nhiều ngành nghề khác nhau từ Bất động sản đến Sản xuất chế biến. Bắt đầu với vị trí Trưởng phòng Đầu tư Công ty Xây dựng và Kinh doanh Nhà Đại Phúc Dafuco, sau đó là Phó GĐ Công ty Khai thác và Quản lý KCN Đặng Huỳnh, sau đó Ông tham gia Ngành Đường từ năm 2012 với vai trò là GĐ Khối Kinh doanh và Hỗ trợ tại Công ty Đường Ninh Hoà. Ông tiếp tục vai trò Lãnh đạo khi đảm nhiệm vị trí Phó TGĐ lần lượt tại các Công ty Đường Ninh Hoà, Đường Biên Hòa, Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai trước khi trở thành Phó TGĐ TTC Biên Hòa từ 2018 đến nay.

Ông Thảo am hiểu sâu sắc về dòng tiền, kiểm soát ngân sách của các nhóm Nhà máy Đường khác nhau như nhóm sản xuất từ Mía, nhóm sản xuất từ Đường thô. NĐ 18-19, Ông Thảo đã tham gia cùng đội ngũ và kêu gọi hợp tác thành công với DEG - một trong những Tổ chức Tài chính phát triển tên tuổi của Châu Âu do Chính phủ Đức sở hữu. Đây là nỗ lực đáng ghi nhận để cải thiện hiệu quả cơ cấu vốn theo hướng bền vững và đảm bảo nguồn lực ổn định cho quá trình phát triển dài hạn. Ông cũng là người đặt nền móng cho việc xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn kế toán IFRS cho Công ty. NĐ 18-19, TTC Biên Hòa đã tái cơ cấu nguồn vốn theo hướng an toàn trong thời kỳ tiến hội nhập ATIGA khi tổng Nợ vay giảm đáng kể so với cùng kỳ.

CHIA SẺ TỪ TỔNG GIÁM ĐỐC



> TTC Biên Hòa - Với bản lĩnh hơn 50 năm trong Ngành, kết hợp cùng định hướng hợp lý từ Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đã triển khai đầy đủ các chiến lược kinh doanh theo đúng chủ trương và duy trì đà tăng trưởng cho Công ty.

THỊ PHẦN KẾ HOẠCH NĐ 20-21

KÊNH CÔNG NGHIỆP LỚN MNC TĂNG

33%

KÊNH TRUYỀN THỐNG GT TĂNG

440%

**Kính gửi Quý Cổ đông/Nhà đầu tư,
Khách hàng, Người Nông dân và các Đối tác**

Niên độ vừa qua, Ngành Đường thế giới và Việt Nam phải trải qua những thử thách lớn do chu kỳ điều chỉnh Ngành khi sản lượng Đường liên tiếp thặng dư và TTC Biên Hòa cũng ít nhiều bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, với bản lĩnh hơn 50 năm trong Ngành, kết hợp cùng định hướng hợp lý từ HĐQT, BĐH đã triển khai đầy đủ các chiến lược kinh doanh theo đúng chủ trương và duy trì đà tăng trưởng cho Công ty. Chúng tôi nhận định rằng sự sụt giảm của Ngành Đường trong NĐ 18-19 là ngắn hạn, mang tính chu kỳ và đánh giá Ngành Đường Việt Nam vẫn còn nhiều dư địa để tăng trưởng ổn định trong dài hạn nhờ vào các yếu tố cực kỳ quan trọng:

(1) *Mức tiêu thụ Đường bình quân trên đầu người của Việt Nam chỉ khoảng 17 kg/người/năm, con số này thấp hơn nhiều so với các nước Khu vực, đơn cử là thấp hơn Malaysia 3,4 lần, Thái Lan là 2,5 lần, Philippines và Indonesia là 1,4 lần;*

(2) *Xu hướng ẩm thực và dinh dưỡng của Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng bởi văn hóa của các nước phương Tây khi ngày càng tiếp nhận và dung nạp các bữa ăn - thức uống tiện dụng nhưng vẫn đặt tính quan trọng hàng đầu về các vấn đề sức khỏe;*

(3) *Dân số đạt 96 triệu người vào cuối Quý 2/2019 với cấu trúc trẻ và nhu cầu dinh dưỡng cao.*

Niên độ vừa qua, Công ty tiếp tục ghi nhận tăng trưởng 31% về sản lượng tiêu thụ và 6% về DT, tương ứng đạt gần 749.000 tấn Đường và 10.857 tỷ đồng, nâng thị phần nội địa của Công ty từ 40% lên 42%. Giữa bối cảnh Ngành Đường nhiều khó khăn và các doanh nghiệp Đường liên tục báo lỗ thì kết quả đạt được của TTC Biên Hòa đã cho thấy những nỗ lực thật sự của tập thể BLĐ và CBNV.

Nhằm gia tăng sức mạnh cạnh tranh và nắm bắt cơ hội khi Ngành Đường phục hồi, trong nhiều năm qua, TTC Biên Hòa đã kiên trì xây dựng nền tảng vững chắc cho Doanh nghiệp, hoàn thiện và liên tục mở rộng các Kênh phân phối. Có thể nói, TTC Biên Hòa là một trong số ít những Công ty Đường Việt Nam sở hữu 1 hệ thống phân phối hoàn chỉnh trên cả 4 Kênh Khách hàng gồm Doanh nghiệp B2B, Tiêu dùng B2C, Thương mại và Xuất khẩu thông qua hàng trăm nhà phân phối lớn nhỏ khắp cả nước.

Thị phần tại các Kênh khách hàng cũng thể hiện được sự vượt trội khi kết thúc NĐ 18-19, Kênh Khách hàng Công nghiệp lớn MNC thuộc B2B ghi nhận 57% thị phần, Kênh Thương mại với 22 Đại lý phân phối cấp I và gần 50 Đại lý cấp 2,3,4 trên toàn quốc. Đặc biệt, Đường Biên Hòa đã có mặt tại hơn 60.000 Cửa hàng bán lẻ, 3.500 Điểm bán Kênh KA và quan trọng hơn hết là 3.600 Siêu thị và Cửa hàng tiện lợi đã chiếm đến 70% thị phần Kênh MT. Đồng thời, Công ty cũng đã thành công khi nâng tổng thị trường Xuất khẩu lên 3,5 lần đạt con số 21 Quốc gia tại 5 Khu vực Bắc Mỹ, Châu Âu, Châu Á, Châu Phi và các hòn đảo Thái Bình Dương. Kết quả này một lần nữa đã khẳng định vị thế Doanh nghiệp Đường dẫn đầu Việt Nam của TTC Biên Hòa.

> TTC Biên Hòa luôn là nhà tiên phong trong nghiên cứu và phát triển sản phẩm Đường đa dụng, có giá trị dinh dưỡng ngày càng cao, hoặc có nguồn gốc hữu cơ nhằm đáp ứng nhu cầu của những đối tượng Khách hàng cao cấp đặc biệt là nhóm Công nghiệp sản xuất chế biến thực phẩm cũng như các nước nhập khẩu khó tính bậc nhất thế giới như Mỹ, Bỉ, Ý, Pháp và Singapore.

Với triết lý đó, trong NĐ 18-19, TTC Biên Hòa trở thành Doanh nghiệp Đường Việt Nam đầu tiên xuất thành công hơn 5.000 tấn Đường Organic - loại Đường hữu cơ chất lượng cao sang các thị trường đòi hỏi chất lượng khắt khe như Mỹ, Châu Âu, đồng thời bán cho các Công ty sản xuất thực phẩm hữu cơ trong nước. Không dừng lại ở đó, Công ty còn hướng tới việc đáp ứng đến từng yêu cầu riêng biệt của Khách hàng, tạo ra các sản phẩm phục vụ riêng cho các thị trường, các phân khúc riêng biệt như Đường Bao Big bag dành cho Khách hàng Kênh B2B hoặc các sản phẩm dưới các nhãn phụ như Đường Organic ED&F Man, OEM - Lotte… Ngoài ra, Công ty cũng chứng minh sự nhạy bén và năng động trong việc nắm bắt xu hướng khi nghiên cứu thành công và có kế hoạch tung ra thị trường trong thời gian tới hàng loạt các sản phẩm từ Đường đến Cạnh Đường - Sau Đường như Đường Đen Nữ Hoàng, Nước màu Bếp Xưa, Trà hoa Đường nâu, nhằm đa dạng hóa Chuỗi Giá trị từ Cây Mía để nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng tính cạnh tranh. Kết thúc NĐ, tổng số sản phẩm Đường của Công ty đã tăng lên hơn 50 dòng sản phẩm và 5 sản phẩm Cạnh Đường - Sau Đường.

Với TTC Biên Hòa, kiên trì với Ngành Nghề cốt lõi sản xuất và kinh doanh Mía Đường trong bối cảnh đầy thách thức còn thể hiện quyết tâm và trách nhiệm của Doanh nghiệp đầu Ngành, với Người Nông dân trồng Mía. Với áp lực của giá Đường thế giới giảm liên tục từ 2018 đến nay, TTC Biên Hòa vẫn nỗ lực kêu gọi đầu tư thành công từ Định chế tài chính nước ngoài khi thương vụ DEG đầu tư 28 triệu USD và trở thành CĐ chiến lược đã hoàn tất vào tháng 9/2019, tất cả vì sự tồn tại và vượt khó cùng Người Nông dân. NĐ vừa qua, các chính sách Nông nghiệp về đầu tư trợ giá không hoàn lại tăng từ 2 triệu đồng/ha đến 12 triệu đồng/ha, cụ thể, Công ty đã trợ giá 3,8 triệu đồng/ha đối với Mía gốc 2 trở lên và 13 triệu đồng/ha đối với Mía tơ tại Khu vực Tây Ninh trong vụ trồng chăm sóc Đông Xuân và tiếp tục tăng lên 18 triệu đồng/ha trong vụ trồng Hè Thu. Ngoài ra, chính sách bảo hiểm cho Mía 10 CCS cũng đang được cải thiện. Trong khi dự báo diện tích Mía vụ thu hoạch 19-20 của Việt Nam sẽ tiếp tục giảm, TTC Biên Hòa với những nỗ lực của mình vẫn kiểm soát tốt VNL, không ngừng mở rộng và trở thành Doanh nghiệp Đường Việt Nam đầu tiên và duy nhất có VNL định hình trên Khu vực Đông Dương.

Công ty cũng đã chú trọng đẩy mạnh hơn nữa hoạt động nghiên cứu - phát triển Nông nghiệp. Trong NĐ 18-19, Trung tâm nghiên cứu ứng dụng của TTC Biên Hòa đã thành công lai chọn, phục tráng 8 giống Mía, hoàn tất thực nghiệm trên các khu đất nông trường Thành Long 1, Svayrieng, Tân Hưng, Pi-dong và Bò giống Miền Trung. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã nuôi và thả thành công 365 triệu ong mắt đỏ để phòng trừ sâu bệnh thay vì sử dụng thuốc trừ sâu, qua đó giúp cải thiện chất lượng giống Mía, nâng cao năng suất thu hoạch đồng thời góp phần vào việc hạn chế ô nhiễm Môi trường, gây thoái hóa đất.

Tất cả mọi mặt hoạt động SXKD của Công ty đều bám sát xu hướng bền vững và thân thiện với Môi trường. Bước sang NĐ 19-20, Ban TGĐ nhận thấy nhu cầu Đường bắt đầu có dấu hiệu phục hồi tích cực hơn, sự thiếu hụt nguồn cung Đường trong nước và thế giới ngày càng rõ rệt. Ban TGĐ cùng toàn bộ CBNV TTC Biên Hòa đã có kế hoạch hành động cụ thể trong từng Chuỗi Giá trị bao gồm (1) tinh gọn bộ máy và quy trình - quy chế, (2) quản lý chặt chẽ và tiết kiệm chi phí, (3) kiểm soát hiệu quả các dự án đầu tư và (4) không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm…

Kế hoạch đến NĐ 20-21, TTC Biên Hòa tiếp tục tăng trưởng sản lượng và thị phần với 2 phân khúc mục tiêu là Kênh Doanh nghiệp B2B và Kênh Tiêu dùng B2C; trong đó thị phần của Kênh Khách hàng Công nghiệp lớn MNC và Kênh Tiểu thủ công nghiệp - SME sẽ lần lượt tăng lên đạt 76% - tăng 33% và 16% - tăng 7%; riêng Kênh Hiện đại MT và Kênh Truyền thống GT sẽ lần lượt chạm mốc 73% và 54%, tăng lần lượt 4% và 440%.

"Gia tăng thị phần - Phát triển Chuỗi Giá trị" chính là định hướng và là thông điệp mà HĐQT và BĐH Công ty muốn chuyển tải đến Quý CĐ, NĐT, Khách hàng, Người Nông dân và các Đối tác như là một lời cảm ơn sâu sắc vì sự đồng hành trong giai đoạn nhiều thách thức vừa qua. Với những định hướng rõ ràng về chiến lược, gắn kết chặt chẽ với các mục tiêu Môi trường - Cộng đồng - Xã hội, tôi có đầy đủ niềm tin cho một sự phát triển vươn tầm trong NĐ 19-20 và các năm tiếp theo.

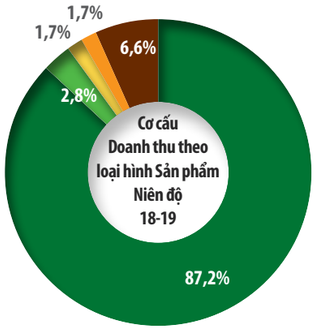
Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NIÊN ĐỘ 18-19

ĐỊNH HƯỚNG VÀ THEO ĐUỔI NHỮNG CHIẾN LƯỢC TRỌNG TÂM, ĐỘNG LỰC CHO NIÊN ĐỘ 19-20

"Doanh thu thuần hợp nhất đạt 10.857 tỷ đồng, tăng 572 tỷ đồng so với Niên độ trước; cơ cấu nguồn vốn chuyển biến tích cực theo chiều hướng giảm Nợ vay 1.152 tỷ đồng; tăng trưởng mạnh về Tiền mặt đạt 1.005 tỷ đồng là những điểm sáng đáng ghi nhận trong năm qua."

Với sự chuẩn bị chu đáo, tâm thế chủ động trong việc lập và thực thi kế hoạch cùng sự đoàn kết, nỗ lực của BLĐ và tập thể CBNV, TTC Biên Hòa đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trong NĐ 18-19. Công ty tiếp tục duy trì được sự tăng trưởng về doanh số, thị phần cũng như cải thiện tốt nhất có thể những chỉ tiêu tài chính trọng yếu. DTT hợp nhất đạt 10.857 tỷ đồng, tăng 572 tỷ đồng so với NĐ trước; cơ cấu nguồn vốn chuyển biến tích cực theo chiều hướng giảm Nợ vay 1.152 tỷ đồng; tăng trưởng mạnh về Tiền mặt 1.005 tỷ đồng là những điểm sáng đáng ghi nhận trong năm qua. Xét trong giai đoạn Ngành Đường gặp quá nhiều khó khăn thì những thành quả trong tăng trưởng thị phần, phát triển Xuất khẩu, mở rộng VNL, kiểm soát chi phí, đa dạng nguồn thu là những nỗ lực thật sự.



Nguồn: BCTC hợp nhất Kiểm toán NĐ 18-19, TTC Biên Hòa



Niên độ 18-19, Đường vẫn là sản phẩm cốt lõi khi DT Đường lũy kế cả NĐ ghi nhận 9.471 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ, chiếm 87% DTT. Sự tăng trưởng này đã đi theo chiến lược tiếp tục giữ vững và chiếm lĩnh thị phần trong nước, mở rộng các thị trường nhập khẩu khi Công ty chính thức bước vào giai đoạn chạy nước rút từ NĐ 17-18 và sẽ kéo dài đến NĐ 20-21. Để giảm thiểu rủi ro DT một nguồn, Công ty đã và đang phát huy thế mạnh Chuỗi Giá trị Cây Mía trong đó đã khai thác được 5 sản phẩm Cạnh Đường - Sau Đường bao gồm Nước uống từ Mía, Bã Mía, Điện sinh khối, Mật rỉ và Phân vi sinh. Nổi bật trong NĐ vừa qua là DT bán Điện đạt 181 tỷ đồng, tăng mạnh 106%; Mật rỉ và Phân bón lần lượt đóng góp 302 tỷ đồng và 179 tỷ đồng. DT khác bao gồm sản phẩm từ Cao su, Sữa, Bia, Dịch vụ cho thuê… đạt 724 tỷ đồng, tăng 26% so với cùng kỳ.

DOANH THU MẬT RỈ **302** TỶ ĐỒNG

DOANH THU PHÂN VI SINH **179** TỶ ĐỒNG

Như vậy, cơ cấu DT của TTC Biên Hòa trong NĐ 18-19 có 87,2% đến từ Đường, 6,2% là các sản phẩm Cạnh Đường - Sau Đường và DT từ các sản phẩm khác là 6,6%. So với cùng kỳ, cơ cấu DT Đường giảm 1%, Cạnh Đường - Sau Đường không thay đổi và DT khác tăng 1%. Ngoài ra, DT Hoạt động tài chính cũng ghi nhận tăng 56% so với cùng kỳ, đạt 1.111 tỷ đồng, trong đó chủ yếu đến từ lãi thanh lý các khoản đầu tư chiếm 78% và lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay và lãi từ khoản ứng trước cho nhà cung cấp chiếm 20% trong tổng DT tài chính.

TẠI THỜI ĐIỂM 30/6/2019, TỔNG TÀI SẢN **16.743** TỶ ĐỒNG

Niên độ 18-19, trong khi sản lượng Đường tiêu thụ tăng tới 31% nhưng tỷ trọng Chi phí bán hàng/DTT vẫn được Công ty kiểm soát tương đối tốt chỉ tăng nhẹ lên mức 3,7% so với NĐ trước là 3,1%. Chi phí này được đánh giá là tiết chế phù hợp trong bối cảnh Công ty phải chấp nhận hy sinh tăng chi phí bán hàng thời gian đầu để tập trung tăng thị phần tại các Kênh Khách hàng còn nhiều dư địa và tiềm năng lớn không chỉ trong NĐ 18-19 mà còn nhiều năm tiếp theo. Nhóm Tiểu thủ Công nghiệp SME thuộc Kênh Khách hàng Doanh nghiệp B2B, Nhóm Truyền thống GT thuộc Kênh Khách hàng Tiêu dùng B2C và quan trọng hơn nữa là Kênh Xuất khẩu với những sản phẩm Đường cao cấp nhất của TTC Biên Hòa cũng như thị trường Đường Việt Nam với Biên LN vô cùng hấp dẫn. Trong khi đó, Chi phí Quản lý Doanh nghiệp/DTT của NĐ 18-19 giảm nhẹ xuống 4,1% nhờ vào hiệu quả của việc áp dụng Hệ thống Quản lý doanh nghiệp ERP hỗ trợ Công ty quản lý tổng thể hoạt động từ đó tiết kiệm thời gian, tăng hiệu quả công việc.

Tại thời điểm 30/6/2019, TTS đạt 16.743 tỷ đồng trong đó tiền mặt chiếm khoảng 6% trong cơ cấu tài sản, tăng mạnh 209% so với đầu NĐ đến từ các chính sách bán hàng hợp lý và chiến lược thanh hoán khoản đầu tư tài chính và tài sản, đưa Tỷ lệ thanh toán Tiền mặt tăng trưởng mạnh 175% so với cùng kỳ và đạt mức 0,11 lần, tốt hơn so với trung bình Ngành chỉ đạt 0,08 lần. Lưu chuyển tiền thuần NĐ 18-19 đã ghi nhận những cải thiện khá tốt khi tăng từ 325 tỷ đồng lên 1.005 tỷ đồng, phần lớn đến từ sự đóng góp của Dòng tiền lưu chuyển thuần từ HĐKD và đầu tư từ lãi thanh hoán các danh mục đầu tư. Điều này phần nào đã giúp Công ty gia tăng sức mạnh tài chính khi sở hữu lượng Tiền mặt khá lớn, đảm bảo thanh khoản khi có những vấn đề chi trả phát sinh cũng như nắm bắt những cơ hội đầu tư thông qua khả năng thanh toán kịp thời và hiệu quả.

Chỉ tiêu (Tỷ đồng)	30/6/2018	30/6/2019
Lưu chuyển tiền thuần từ Hoạt động kinh doanh	1.085	1.435
Lưu chuyển tiền thuần từ Hoạt động đầu tư	775	559
Lưu chuyển tiền thuần từ Hoạt động tài chính	-1.737	-1.315
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	203	325
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-1	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**325**	**1.005**

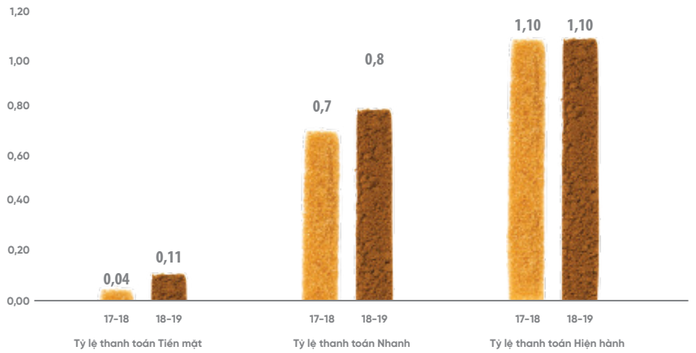
Nguồn: TTC Biên Hòa

Ở chiều ngược lại, HTK được kiểm soát tốt hơn nhờ đẩy mạnh hoạt động bán hàng nhằm chiếm lĩnh thị phần, chính sách quản lý công nợ tốt và tối ưu hóa tồn kho phù hợp nên HTK đã giảm 30%, chiếm 17% TTS so với 23% đầu NĐ. Số ngày tồn kho bình quân Đường theo đó cũng được kiểm soát giảm so với NĐ trước. Tỷ số thanh toán Hiện hành và thanh toán Nhanh do đó được giữ ở mức khả quan với 1,1 lần và 0,8 lần, cao hơn trung bình Ngành là 1,08 lần và 0,64 lần.

Xét đến cơ cấu Nợ, Tổng Nợ phải trả của Công ty giảm 672 tỷ đồng, tương đương giảm 6% đến từ việc Nợ vay ngắn hạn giảm 5% tương đương 419 tỷ đồng và Nợ vay dài hạn giảm mạnh 28%, tương đương 733 tỷ đồng. Hệ số Nợ vay/VCSH và Hệ số Nợ vay/TTS theo đó giảm xuống 1,57 lần và 0,55 lần, lần lượt giảm 7% và 5% so với đầu NĐ. Công ty đã quyết liệt tái cấu trúc tài chính trong NĐ 18-19 nhằm giảm Nợ vay ngắn hạn để đảm bảo cơ cấu nợ lành mạnh hơn cho kế hoạch phát triển lâu dài trong tương lai.

Chỉ số Khả năng thanh toán

ĐVT: Lần



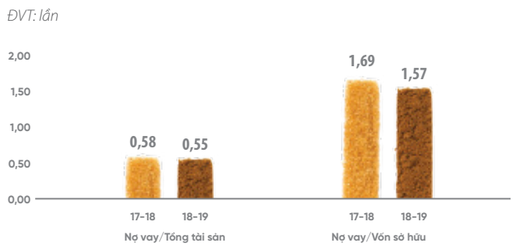
Nguồn: TTC Biên Hòa

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NIÊN ĐỘ 18-19 (TIẾP THEO)

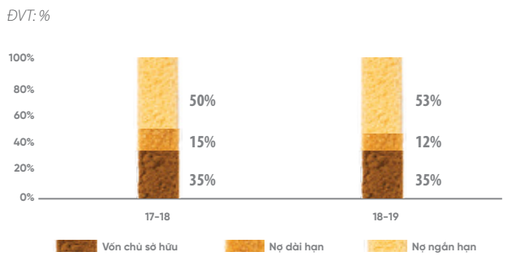
Ngoài ra là định hướng chuyển dần qua tăng sử dụng VCSH thay vì Nợ vay, trong đó điểm nhấn mạnh mẽ là thương vụ bán 28 triệu USD CPUĐ tương đương 21,6 triệu cổ phần cho NĐT chiến lược DEG đã được giải ngân vào tháng 9/2019, mở đầu suôn sẻ cho chiến lược huy động vốn trên thị trường vốn quốc tế của TTC Biên Hòa trong NĐ 19-20. Tiếp theo là thương vụ huy động 2.400 tỷ đồng thông qua việc phát hành Trái phiếu chuyển đổi cho NĐT chiến lược, dự kiến giải ngân trễ nhất vào đầu năm 2020.

Những chuyển dịch mạnh mẽ trong cơ cấu Nợ vay cho thấy Công ty đang theo đúng lộ trình cơ cấu lại đòn cân nợ theo chiều hướng tích cực, qua đó góp phần làm giảm chi phí lãi vay, gia tăng hiệu quả hoạt động và cải thiện năng lực cạnh tranh. VĐL của Công ty tại thời điểm 30/6/2019 đạt 5.867 tỷ đồng, tăng gần 6% do phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức cho CĐ.

Chỉ số Cơ cấu vốn



Cơ cấu Nguồn vốn



Nguồn: BCTC hợp nhất Kiểm toán NĐ 18-19, TTC Biên Hòa

THỊ PHẦN - CƠ SỞ ĐỂ CẠNH TRANH VÀ PHÁT TRIỂN CÙNG ATIGA

> Mặc dù Ngành Đường vẫn chưa phục hồi như kỳ vọng của giới phân tích, nhưng tổng sản lượng tiêu thụ của TTC Biên Hòa vẫn tiếp tục duy trì đà phát triển, đạt gần 749.000 tấn, ghi nhận tăng 31% so với cùng kỳ, trong đó tất cả các Kênh đều ghi nhận tăng trưởng. Sản lượng tăng tập trung ở Kênh Doanh nghiệp B2B khi Kênh này tăng hơn 23%, trong đó đặc biệt tăng mạnh ở Nhóm Khách hàng Tiểu thủ Công nghiệp SME và các Nhà thương mại - đây đang được xem là cánh tay nối dài đưa các sản phẩm Đường TTC Biên Hòa tiếp cận các phân khúc thị trường mới cũng như những Khu vực Miền Bắc và Miền Trung, nơi mà Công ty chưa có thế mạnh về thị phần.

Với lợi thế là Doanh nghiệp dẫn đầu Ngành Đường Việt Nam cả về thị phần và công nghệ sản xuất, TTC Biên Hòa đã tiếp tục tập trung mở rộng thị trường, phát triển thêm nhiều dòng sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đa dạng của Khách hàng, nghiên cứu phát triển các dòng sản phẩm cao cấp, giá trị gia tăng cao phục vụ người tiêu dùng với chất lượng cao nhất.



THÀNH QUẢ NỔI BẬT NIÊN ĐỘ 18-19

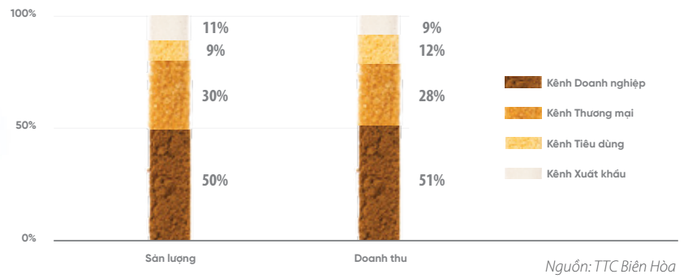
	KÊNH DOANH NGHIỆP B2B	KÊNH TIÊU DÙNG B2C	KÊNH XUẤT KHẨU
TĂNG TRƯỞNG SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ	tăng **23%** so với cùng kỳ	tăng **11%** so với cùng kỳ	tăng **5%** so với cùng kỳ
CƠ CẤU SẢN LƯỢNG ĐƯỜNG	**50%**	**9%**	**11%**
CƠ CẤU DOANH THU ĐƯỜNG	**51%**	**12%**	**9%**
LOẠI HÌNH	» Công nghiệp lớn MNC » Tiểu thủ công nghiệp SME	» Kênh Truyền thống GT » Kênh Hiện đại MT » Khách hàng trọng yếu KA	**21** Thị trường Xuất khẩu
THỊ PHẦN	MNC: **57% - 30+** Khách hàng SME: **15% - 700+** Khách hàng	GT: **10% - 60.000** Cửa hàng bán lẻ, **100** Nhà phân phối MT: **70% - 3.600** Siêu thị, Cửa hàng tiện lợi KA: **4% - 3.500** Điểm bán	**1** Bắc Mỹ **6** Châu Âu **8** Châu Á **1** Châu Phi **5** Các Hòn đảo Thái Bình Dương
ĐẶC ĐIỂM	» Sản lượng tiêu thụ bởi Khách hàng MNC chiếm 78%, những tên tuổi lớn là Pepsi, Coca Cola, Red bull, Nestle, Masan, Nutifood, Tân Hiệp Phát... Hiện tại, đối với phân khúc MNC, TTC Biên Hòa đang chiếm thị phần rất cao và dự kiến tiếp tục tăng lên 76% NĐ 20-21 » Công ty cũng đang tập trung mạnh vào Khách hàng SME, tăng 43% so với NĐ trước. Tại Việt Nam, hơn 90% doanh nghiệp là SME, nhưng đóng góp tới 45% GDP cho nền kinh tế, đây thực sự là phân khúc cần được đặc biệt chú trọng, trong đó hơn 10.000 Khách hàng tiềm năng thuộc phân khúc SME kinh doanh trong lĩnh vực Thực phẩm. Dự kiến tăng thị phần lên 16% cho NĐ 20-21	» Công ty đang tận dụng tốt nhất hệ thống phân phối rộng khắp của BHS sau sáp nhập để đưa sản phẩm đến tay từng người tiêu dùng » Công ty liên tục cho ra đời các sản phẩm với quy cách đóng gói 5 kg/túi và 12kg/túi bên cạnh các quy cách đóng gói trước đây 50 kg, 25 kg, 1 kg, 500 gr để đáp ứng nhu cầu đa dạng của Khách hàng » Công ty đang chạy thử hệ thống bán lẻ thông qua kênh thương mại điện tử. Kỳ vọng khi đi vào hoạt động ổn định sẽ hỗ trợ gia tăng LN, hỗ trợ sản phẩm Đường thương hiệu TTC Biên Hòa đến tay người tiêu dùng dễ dàng và nhanh chóng hơn » Thị phần Khách hàng MT đang đạt mức rất hấp dẫn và dự kiến sẽ tăng lên 73% cho NĐ 20-21. Riêng Khách hàng GT đạt mức khiêm tốn nhưng kỳ vọng sẽ có sự tăng trưởng bứt phá lên 54% trong vòng 2 năm tới	» Tuy là Kênh mới tập trung phát triển và chịu ảnh hưởng lớn bởi diễn biến giá giao dịch, cung cầu Đường thế giới, nhưng Công ty vẫn hết sức nỗ lực duy trì sự tăng trưởng » Công ty đã đa dạng hóa hình thức chào bán cho Khách hàng, tạo điều kiện cho Khách hàng chủ động quyết định giá mua, cạnh tranh với các Trader quốc tế » Công ty đã ký kết thành công với đối tác phân phối chiến lược ED&F Man là Nhà bao tiêu sản phẩm chất lượng cao - Đường Organic đi Châu Âu. Sản lượng kỳ vọng lên tới 33.000 tấn/năm » Công ty đã tiếp cận được những thị trường khó tính như là Mỹ, Châu Âu, Hàn Quốc, Singapore, ngoài việc mở rộng Xuất khẩu sang các nước Trung Quốc, Campuchia, Philippines » Đây là động lực cho Kênh Xuất khẩu có thể tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ hơn trong thời gian tới.

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NIÊN ĐỘ 18-19 (TIẾP THEO)



Khi giá Đường Việt Nam liên tục nằm trong xu hướng giảm, việc Sản lượng, Thị phần và DT liên tục tăng trưởng đã thể hiện rõ chiến lược mà TTC Biên Hòa đang theo đuổi, đó là "Lợi nhuận là tức thời, thị phần là vĩnh cửu". NĐ 18-19 vừa qua, LN Công ty giảm đáng kể so với kế hoạch đề ra và so với cùng kỳ khi LN thuần từ HĐKD, LNTT và LNST lần lượt đạt 319 tỷ đồng, 422 tỷ đồng và 259 tỷ đồng, nhưng là kết quả tương đối tích cực so với những doanh nghiệp khác đang hoạt động trong Ngành cũng như tương quan với thời điểm xây dựng nền móng cho những NĐ sau, đặc biệt khi ATIGA chính thức hiệu lực.

Cơ cấu Đường theo Doanh thu và Sản lượng Niên độ 18-19



Nguồn: TTC Biên Hòa

Biên LN gộp chỉ đạt khoảng 8% giảm đáng kể so với 13% của NĐ trước do giá bán giảm nhanh hơn chi phí, trong đó tồn kho thành phẩm và Đường thô chuyển vụ giá cao cũng là một nguyên nhân lớn ảnh hưởng tới sự suy giảm LN gộp. Biên EBITDA và Biên EBIT đạt 15% và 10%, tuy duy trì tốt hơn Biên LN gộp nhưng vẫn giảm so với cùng kỳ.

Ngoài ra, một số tỷ lệ khác liên quan tới LN cũng ghi nhận giảm như ROA đạt 2%, ROE đạt 5%, bên cạnh nguyên nhân khách quan đến từ yếu tố Ngành làm LNST giảm thì một phần khác là do Công ty đang thực hiện tái cấu trúc tài chính, sử dụng nhiều hơn nguồn VCSH thay vì vốn vay nhằm đạt mục tiêu phát triển về lâu dài và theo đúng yêu cầu lành mạnh hóa cấu trúc tài chính của NĐT chiến lược - DEG.

NHỮNG THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG HOẠT ĐỘNG NGUYÊN LIỆU, QUẢN LÝ SẢN XUẤT

CÔNG TÁC NGUYÊN LIỆU

> "Sản lượng Mía ép của Niên độ 18 - 19 thấp hơn so với cùng kỳ do ảnh hưởng bởi tình hình khí hậu như El Nino và nắng nóng kéo dài. Tuy vậy, Chữ Đường CCS bình quân toàn Công ty đạt 9,59 CCS, đạt 104% thực hiện cùng kỳ do Công ty thực hiện tốt các biện pháp cải thiện chất lượng Cây Mía như cày ngầm kết hợp với các công tác chăm sóc hiệu quả khác."



Bên cạnh đó, hoạt động khuyến nông tiếp tục được đẩy mạnh dựa trên những kết quả nghiên cứu của Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng Mía Đường TTC Biên Hòa. Công ty đã thực hiện bón phân hiệu quả theo kết quả phân tích đất tại các Nông trường, tăng tỷ lệ hữu cơ thông qua chính sách trợ giá đối với Phân hữu cơ Mía xanh và khuyến khích người trồng Mía bón đúng liều lượng. Ngoài ra là chính sách áp dụng các dàn canh tác 3 trong 1, áp dụng việc trồng Mía tum bầu và một mắt mầm tại Nông trường Thành Long. Kết quả thu được từ những hành động quyết liệt vừa qua là chất lượng Mía thu hoạch NĐ 19-20 dự kiến sẽ tăng 9,75 CCS.

CÔNG TÁC TỔ CHỨC QUẢN LÝ SẢN XUẤT

Sản lượng sản xuất NĐ 18-19 đạt gần 550 nghìn tấn với chi phí chế biến được kiểm soát ở mức tương đối tốt khi đạt 97% kế hoạch. Công tác sản xuất Đường linh hoạt điều chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh và mục tiêu tăng sản lượng, chiếm thị phần. Bên cạnh đó, với chủ trương nâng cao hiệu suất thu hồi, giảm thiểu tổng mất mát trong khâu sản xuất, trong NĐ 18-19, Công ty đã quản lý chặt chẽ các công tác sản xuất nhằm đảm bảo hoạt động các nhà máy được vận hành tốt và đạt được hiệu quả tối ưu.

Công ty kiểm soát tốt chi phí sửa chữa, giảm 47 tỷ đồng so với NĐ 17-18 trong đó tiến độ sửa chữa lớn đạt kế hoạch, không ảnh hưởng công tác vào vụ. Bên cạnh đó, việc thực hiện tiết giảm tiêu hao nguyên vật liệu phụ khá hiệu quả khi tiêu hao nguyên vật liệu phụ đều thấp hơn cùng kỳ. Kiểm soát chất lượng được thực hiện chặt chẽ hơn, làm giảm lượng tiêu hao ở hầu hết các nhà máy. Triển khai giảm tiêu hao hơi, tiêu hao điện vừa qua đã góp phần làm suất tiêu hao hơi, điện của các Công ty thành viên thấp hơn định mức và giảm so với vụ trước.

Tiêu biểu trong năm Công ty đã thực hiện và hoàn thành được một số dự án quan trọng nhằm tối thiểu hóa chi phí nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm đầu ra. Dự án Đầu tư các giải pháp tiết kiệm hơi sẽ làm giảm tỷ lệ tiêu hao hơi, tiết kiệm được Bã Mía phục vụ cho công tác luyện Đường ngoài vụ cũng như nâng cao sản lượng luyện Đường từ Đường thô mà không phải sử dụng nhiên liệu đốt lò khác ngoài Bã Mía. Để đáp ứng nhu cầu của Khách hàng Doanh nghiệp B2B khó tính như Nestle, Ajinomoto… về thay đổi phương thức giao hàng, trở thành tiên phong và mở ra cơ hội độc quyền trong phương thức giao hàng bằng bao 1 tấn, Dự án Đa dạng hóa phương thức giao hàng bằng bao bì Big bag cũng đã đi vào hoạt động.

Tiếp tục tăng sự tối ưu hóa trong quá trình vận chuyển và giảm chi phí nhân công đồng thời đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của Khách hàng, Dự án Hoàn thiện đầu tư hệ thống Robot tự động hóa bốc xếp bao 50 kg tại Nhà máy Biên Hòa - Đồng Nai đã ghi nhận những kết quả bước đầu và đang trong quá trình thực hiện giai đoạn 2, tiến đến sử dụng hoàn toàn pallet trong sản xuất, lưu trữ và xuất hàng. Công ty cũng đã lắp đặt và sử dụng Điện Mặt trời Mái nhà tại 9 Nhà máy để tận dụng nguồn Năng lượng sạch, đồng thời tiết kiệm chi phí hoạt động với giá bán Điện Mặt trời Mái nhà đang được Nhà nước khuyến khích 9,35 cents/kWh, tương đương 2.086 đồng/kWh. Cuối cùng là Dự án sấy Bã Mía công suất 110 tấn/h tận dụng nhiệt thừa từ khói thải lò hơi để sấy Bã Mía và giảm độ ẩm của Bã mía trước khi đưa vào lò hơi, đã xong công tác lắp đặt và chuẩn bị để chạy thử.

NHỮNG MỤC TIÊU CHÍNH CHO NIÊN ĐỘ 19-20

CẤU TRÚC NGUỒN VỐN

Chuyển đổi cơ cấu Nợ

Cơ cấu Nợ ngắn hạn
qua Nợ dài hạn tối thiểu
2.000
TỶ ĐỒNG

Đảm bảo tính thanh khoản

Duy trì hạn mức Nợ ngắn hạn
khả dụng tối thiểu
7.000
TỶ ĐỒNG

HỆ THỐNG KẾ TOÁN

- Hoàn thiện hệ thống báo cáo IFRS và AX ở tất cả các Đơn vị Kinh doanh
- Xây dựng biểu mẫu/quy định hoạt động giao dịch nội bộ theo hướng dẫn của IFC
- Báo cáo tuân thủ công tác kế toán, luật thuế tại các Đơn vị Kinh doanh
- Kiểm soát các hoạt động giao dịch nội bộ
- Quản lý công nợ đối với các BLQ

HỆ THỐNG BÁO CÁO

- Ban hành, chuẩn hóa Báo cáo Quản trị và Báo cáo vận hành nhằm tối ưu quản lý giá thành và hiệu quả kinh doanh
- Kiểm soát dư nợ và các chỉ số cam kết với NĐT
- Chuẩn hóa bộ báo cáo định kỳ theo Cấu trúc chi phí mới "11 Cost Driven"

HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CON - CÔNG TY LIÊN KẾT

Tại ngày 30/6/2019, TTC Biên Hòa sở hữu 6 Công ty con Trực tiếp, 12 Công ty con Gián tiếp và 2 Công ty Liên kết. Lĩnh vực kinh doanh chi tiết của từng Công ty vui lòng xem tại trang 99 đến 100 - BCTC hợp nhất Kiểm toán bởi E&Y thuộc BCTN TTC Biên Hòa NĐ 18-19.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

CÔNG TY CON TRỰC TIẾP

1 CTCP Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công
Tỷ lệ sở hữu: 90%
Trụ sở: Tây Ninh
Tỷ lệ quyền biểu quyết (*): 90%
VĐL: 189 tỷ đồng

2 Công ty TNHH MTV Nước Miaqua
Tỷ lệ sở hữu: 100%
Trụ sở: Tây Ninh
Tỷ lệ quyền biểu quyết (*): 100%
VĐL: 1 tỷ đồng

3 Công ty TNHH Hải Vi
Tỷ lệ sở hữu: 100%
Trụ sở: Tây Ninh
Tỷ lệ quyền biểu quyết (*): 100%
VĐL: 2 tỷ đồng

4 Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai
Tỷ lệ sở hữu: 100%
Trụ sở: Gia Lai
Tỷ lệ quyền biểu quyết (*): 100%
VĐL: 130 tỷ đồng

5 Công ty TNHH Tư nhân Đầu tư TSU
Tỷ lệ sở hữu: 100%
Trụ sở: Singapore
Tỷ lệ quyền biểu quyết (*): 100%
VĐL: 284 tỷ đồng

6 CT TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai
Tỷ lệ sở hữu: 100%
Trụ sở: Gia Lai
Tỷ lệ quyền biểu quyết (*): 100%
VĐL: 540 tỷ đồng

CÔNG TY CON GIÁN TIẾP

1 CTCP Đường Nước Trong
Tỷ lệ sở hữu: 58,59%
Trụ sở: Tây Ninh
Tỷ lệ quyền biểu quyết (*): 58,59%
VĐL: 58 tỷ đồng

2 CTCP Bò giống Miền Trung
Tỷ lệ sở hữu: 92,04%
Trụ sở: Khánh Hòa
Tỷ lệ quyền biểu quyết (*): 92,04%
VĐL: 24 tỷ đồng

3 CTCP Đường Biên Hòa - Phan Rang
Tỷ lệ sở hữu: 95,79%
Trụ sở: Ninh Thuận
Tỷ lệ quyền biểu quyết (*): 95,79%
VĐL: 2 tỷ đồng

4 Công ty TNHH MTV Biên Hòa - Thành Long
Tỷ lệ sở hữu: 98%
Trụ sở: Tây Ninh
Tỷ lệ quyền biểu quyết (*): 98%
VĐL: 20 tỷ đồng

5 Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu BTCO
Tỷ lệ sở hữu: 100%
Trụ sở: Gia Lai
Tỷ lệ quyền biểu quyết (*): 100%
VĐL: 8 tỷ đồng

6 CTCP Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công
Tỷ lệ sở hữu: 100%
Trụ sở: Tây Ninh
Tỷ lệ quyền biểu quyết (*): 100%
VĐL: 30 tỷ đồng

7 CTCP Thương mại Xuất Nhập khẩu Biên Hòa
Tỷ lệ sở hữu: 100%
Trụ sở: TP. HCM
Tỷ lệ quyền biểu quyết (*): 100%
VĐL: 120 tỷ đồng

8 Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa
Tỷ lệ sở hữu: 100%
Trụ sở: Khánh Hòa
Tỷ lệ quyền biểu quyết (*): 100%
VĐL: 300 tỷ đồng

9 Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa
Tỷ lệ sở hữu: 100%
Trụ sở: Khánh Hòa
Tỷ lệ quyền biểu quyết (*): 100%
VĐL: 608 tỷ đồng

10 Công ty TNHH MTV Mía Đường TTC Attapeu
Tỷ lệ sở hữu: 100%
Trụ sở: Lào
Tỷ lệ quyền biểu quyết (*): 100%
VĐL: 1.470 tỷ đồng

11 Công ty TNHH Mía Đường TTC Attapeu
Tỷ lệ sở hữu: 100%
Trụ sở: Gia Lai
Tỷ lệ quyền biểu quyết (*): 100%
VĐL: 1.715 tỷ đồng

12 Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai
Tỷ lệ sở hữu: 100%
Trụ sở: Đồng Nai
Tỷ lệ quyền biểu quyết (*): 100%
VĐL: 2.979 tỷ đồng

CÔNG TY LIÊN KẾT

1 CTCP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh
Tỷ lệ sở hữu: 19,13%
Trụ sở: Tây Ninh
Tỷ lệ quyền biểu quyết (*): 19,13%
VĐL: 165 tỷ đồng

2 CTCP Mía Đường Tây Ninh
Tỷ lệ sở hữu: 21,67%
Trụ sở: Tây Ninh
Tỷ lệ quyền biểu quyết (*): 21,67%
VĐL: 294 tỷ đồng



(*) Bao gồm tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp của Nhóm Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NIÊN ĐỘ 18-19

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT 18-19

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1316/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 15 tháng 7 năm 1995 và các Giấy phép đầu tư/Giấy Chứng nhận Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 14 tháng 2 năm 2019.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SBT theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở, và các hoạt động đầu tư.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện đặt tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Hồng Dương	Chủ tịch	
Bà Đặng Huỳnh Ức My	Thành viên	
Ông Henry Chung	Thành viên	
Bà Huỳnh Bích Ngọc	Thành viên	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2019
Ông Hoàng Mạnh Tiến	Thành viên	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2019
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên	miễn nhiệm ngày 3 tháng 9 năm 2019
Ông See Beow Tean	Thành viên	miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2019
Ông Lê Ngọc Thông	Thành viên	bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2018 miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên	miễn nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2018

TIỂU BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Tiểu Ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Mạnh Tiến	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 3 tháng 9 năm 2019
Bà Nguyễn Thùy Vân	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 3 tháng 9 năm 2019
Ông Henry Chung	Thành viên	
Ông See Beow Tean	Thành viên	miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2019

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Tổng Giám đốc	
Bà Trần Quế Trang	Phó Tổng Giám đốc thường trực	miễn nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2019
Bà Dương Thị Tô Châu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Quốc Thảo	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2019
Ông Lê Đức Tồn	Quyền Giám đốc Chi nhánh	
Ông Lê Huy Thành	Giám đốc Khối Nông nghiệp kiêm Giám đốc Phát triển Nguyên liệu Vùng 1	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2018
Bà Trương Thị Kim Phượng	Giám đốc Kinh doanh	
Ông Trần Huy Hào	Giám đốc Điều hành Trung tâm Thương mại TTC Plaza Tây Ninh	bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2018
Ông Huỳnh Văn Pháp	Giám đốc Kinh doanh	
Ông Trang Thanh Trúc	Giám đốc Đối ngoại	
Bà Đoàn Vũ Uyên Duyên	Giám đốc Tài chính	bổ nhiệm ngày 5 tháng 9 năm 2018
Ông Lưu Anh Kiệt	Giám đốc Cung ứng	bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2018 miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2019
Bà Lê Hà Thị Mai Thảo	Giám đốc Nhân sự	bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2018
Ông Nguyễn Bá Chủ	Giám đốc Phát triển	bổ nhiệm ngày 9 tháng 11 năm 2018
Ông Nguyễn Anh Vũ	Giám đốc Quan hệ Đầu tư	bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2018 miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2018
Ông Trương Trí Cường	Quyền Phó Tổng Giám đốc Giám đốc Quản lý hệ thống	bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2018 miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Hồng Dương.

Ông Nguyễn Thanh Ngữ được Ông Phạm Hồng Dương ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định số 45a/2018/QĐ - CT.HĐQT ngày 1 tháng 11 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

EY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NIÊN ĐỘ 18-19

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT 18-19

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị đã phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Phạm Hồng Dương
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 9 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 61248763/20673558/HN

Kính gửi: **Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 28 tháng 9 năm 2019 và được trình bày từ trang 92 đến trang 146, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Thị Cẩm Tú
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2266-2018-004-1

Trần Thanh Thúy
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3076-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 9 năm 2019

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT 18-19

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 30 tháng 6 năm 2019

B01-DN/HN

VND

Mã số		TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại - TM số 36)
100	**A.**	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**9.794.108.835.254**	**9.813.282.063.081**
110	***I.***	***Tiền và các khoản tương đương tiền***	***5***	***1.004.775.238.727***	***324.968.354.928***
111	1.	Tiền		916.275.238.727	270.968.354.928
112	2.	Các khoản tương đương tiền		88.500.000.000	54.000.000.000
120	***II.***	***Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***767.786.825.451***	***614.337.054.432***
121	1.	Chứng khoán kinh doanh	6	165.370.489.390	147.759.126.842
122	2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6	(808.663.939)	(8.622.072.410)
123	3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7	603.225.000.000	475.200.000.000
130	***III.***	***Các khoản phải thu ngắn hạn***		***5.036.419.501.120***	***4.714.794.529.834***
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.1	1.697.027.535.241	1.985.622.504.186
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	8.2	1.946.736.551.586	2.327.714.818.742
135	3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	15.000.000.000	215.317.000.000
136	4.	Phải thu ngắn hạn khác	10	1.425.093.673.613	261.557.425.508
137	5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8, 10	(47.438.259.320)	(75.417.218.602)
140	***IV.***	***Hàng tồn kho***	***11***	***2.781.398.584.531***	***3.971.722.969.990***
141	1.	Hàng tồn kho		2.803.564.311.503	4.009.377.285.392
149	2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(22.165.726.972)	(37.654.315.402)
150	***V.***	***Tài sản ngắn hạn khác***		***203.728.685.425***	***187.459.153.897***
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	12	140.253.036.651	126.639.033.019
152	2.	Thuế GTGT được khấu trừ	22	51.414.140.996	45.214.465.625
153	3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	22	12.061.507.778	15.605.655.253

VND

Mã số		TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại - TM số 36)
200	**B.**	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**6.949.187.500.459**	**7.880.275.890.655**
210	***I.***	***Các khoản phải thu dài hạn***		***146.094.934.345***	***542.698.458.694***
212	1.	Trả trước cho người bán dài hạn	8.2	109.158.380.150	129.111.796.826
216	2.	Phải thu dài hạn khác	10	36.936.554.195	413.586.661.868
220	***II.***	***Tài sản cố định***		***4.352.308.080.526***	***4.698.440.525.940***
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	13	4.135.227.110.484	4.506.630.843.371
222		Nguyên giá		8.458.357.225.032	8.483.696.268.432
223		Giá trị khấu hao lũy kế		(4.323.130.114.548)	(3.977.065.425.061)
224	2.	Tài sản cố định thuê tài chính	14	102.937.566.560	119.133.104.380
225		Nguyên giá		142.678.391.405	151.725.361.276
226		Giá trị khấu hao lũy kế		(39.740.824.845)	(32.592.256.896)
227	3.	Tài sản cố định vô hình	15	114.143.403.482	72.676.578.189
228		Nguyên giá		157.580.686.655	106.932.919.031
229		Giá trị hao mòn lũy kế		(43.437.283.173)	(34.256.340.842)
230	***III.***	***Bất động sản đầu tư***	***16***	***157.234.743.426***	***181.161.531.163***
231	1.	Nguyên giá		179.231.206.174	205.807.780.825
232	2.	Giá trị hao mòn lũy kế		(21.996.462.748)	(24.646.249.662)
240	***IV.***	***Tài sản dở dang dài hạn***		***678.948.939.496***	***134.062.023.484***
242	1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17	678.948.939.496	134.062.023.484
250	***V.***	***Đầu tư tài chính dài hạn***	***18***	***124.931.823.163***	***637.130.825.071***
252	1.	Đầu tư vào công ty liên kết	18.1	105.631.208.868	192.557.122.221
253	2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.2	20.041.830.629	445.314.919.184
254	3.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(741.216.334)	(741.216.334)
260	***VI.***	***Tài sản dài hạn khác***		***1.489.668.979.503***	***1.686.782.526.303***
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	12	1.332.920.724.205	1.500.510.998.039
262	2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.3	8.941.089.965	15.853.707.016
269	3.	Lợi thế thương mại	19	147.807.165.333	170.417.821.248
270		**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**16.743.296.335.713**	**17.693.557.953.736**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT 18-19

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

ngày 30 tháng 6 năm 2019

B01-DN/HN

VND

Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C.**	**NỢ PHẢI TRẢ**		**10.924.103.440.168**	**11.596.198.019.420**
310	***I.***	***Nợ ngắn hạn***		***8.966.033.051.411***	***8.901.828.418.619***
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	20	503.771.032.003	357.620.227.232
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21	147.197.520.262	189.075.241.605
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	193.431.046.035	159.302.208.063
314	4.	Phải trả người lao động		21.063.605.678	26.482.285.100
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	23	366.675.617.145	299.200.761.237
318	6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	26	13.697.420.559	6.717.903.350
319	7.	Phải trả ngắn hạn khác	24	284.522.703.568	80.757.931.129
320	8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	25	7.284.286.378.356	7.702.811.475.586
321	9.	Dự phòng phải trả ngắn hạn		1.922.008.250	3.862.913.000
322	10.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.16	149.465.719.555	75.997.472.317
330	***II.***	***Nợ dài hạn***		***1.958.070.388.757***	***2.694.369.600.801***
336	1.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	26	12.202.129.425	12.946.654.043
337	2.	Phải trả dài hạn khác	24	6.718.381.960	6.679.256.280
338	3.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	25	1.848.530.201.711	2.581.878.050.298
341	4.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.3	87.850.408.862	90.300.433.513
342	5.	Dự phòng phải trả dài hạn		769.266.799	565.206.667
343	6.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		2.000.000.000	2.000.000.000

VND

Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	**D.**	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**5.819.192.895.545**	**6.097.359.934.316**
410	***I.***	***Vốn chủ sở hữu***	***27.1***	***5.818.592.161.948***	***6.097.359.934.316***
411	1.	Vốn cổ phần		5.867.405.520.000	5.570.186.730.000
411a		- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		5.867.405.520.000	5.570.186.730.000
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần		6.243.045.915.565	6.243.045.915.565
414	3.	Vốn khác của chủ sở hữu		(5.502.116.030.924)	(5.534.410.411.336)
415	4.	Cổ phiếu quỹ		(1.099.985.561.092)	(1.099.985.561.092)
417	5.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(44.001.327.529)	(60.609.170.380)
418	6.	Quỹ đầu tư phát triển		124.701.077.143	69.863.681.464
421	7.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		181.120.487.767	856.496.451.241
421a		- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(50.928.020.415)	308.122.494.453
421b		- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		232.048.508.182	548.373.956.788
429	8.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		48.422.081.018	52.772.298.854
430	***II.***	***Nguồn kinh phí và quỹ khác***		***600.733.597***	***-***
431	1.	Nguồn kinh phí		600.733.597	-
440		**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**16.743.296.335.713**	**17.693.557.953.736**

Nguyễn Thùy Trang
Người lập

Lê Phát Tín
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 9 năm 2019

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT 18-19

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

B02-DN/HN

VND

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	10.884.713.247.355	10.325.400.666.889
02	2.	Các khoản giảm trừ	28.1	(28.100.847.211)	(40.705.067.180)
10	3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	10.856.612.400.144	10.284.695.599.709
11	4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(9.984.924.715.250)	(8.958.611.031.521)
20	5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		871.687.684.894	1.326.084.568.188
21	6.	Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	1.110.636.362.737	712.478.611.133
22	7.	Chi phí tài chính	30	(823.392.731.847)	(806.070.490.610)
23		Trong đó: Chi phí lãi vay		(705.491.023.191)	(714.074.144.851)
24	8.	Phần lãi trong công ty liên kết	18.1	7.221.968.308	60.942.913.700
25	9.	Chi phí bán hàng	31	(400.439.326.380)	(317.657.679.907)
26	10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(447.127.107.682)	(436.326.601.038)
30	11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		318.586.850.030	539.451.321.466
31	12.	Thu nhập khác	33	143.368.375.466	178.470.049.565
32	13.	Chi phí khác	33	(40.171.279.603)	(35.629.630.048)
40	14.	Lợi nhuận khác	33	103.197.095.863	142.840.419.517
50	15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		421.783.945.893	682.291.740.983
51	16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.1	(158.028.686.431)	(149.395.403.503)
52	17.	(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	34.3	(4.462.592.400)	12.193.387.854
60	18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN		259.292.667.062	545.089.725.334
61	19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		268.425.858.779	544.871.022.423
62	20.	(Lỗ) lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(9.133.191.717)	218.702.911
70	21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.4	437	940
71	22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	27.4	437	940

Nguyễn Thùy Trang
Người lập

Lê Phát Tín
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 9 năm 2019

B02-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**421.783.945.893**	**682.291.740.983**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	13, 14, 15, 16, 19	492.028.403.104	629.119.582.515
03	(Hoàn nhập dự phòng) các khoản dự phòng		(53.017.800.801)	59.778.780.260
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(5.972.608.468)	685.718.668
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.096.605.388.453)	(834.844.728.106)
06	Chi phí lãi vay	30	705.491.023.191	714.074.144.851
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**463.707.574.466**	**1.251.105.239.171**
09	Giảm các khoản phải thu		852.574.883.928	731.341.809.826
10	Giảm hàng tồn kho		1.205.812.973.889	109.490.373.651
11	Giảm các khoản phải trả		(411.478.118.795)	(437.500.329.900)
12	Giảm chi phí trả trước		153.976.270.202	148.580.746.790
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		75.434.980.880	17.637.697
14	Tiền lãi vay đã trả		(714.368.155.580)	(574.728.514.548)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	22	(117.747.598.634)	(118.970.300.226)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(72.445.157.401)	(23.939.198.356)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**1.435.467.652.955**	**1.085.397.464.105**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(1.303.763.127.960)	(479.534.685.000)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		98.379.571.024	79.678.702.438
23	Tiền chi cho vay		(686.735.166.667)	(682.600.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		534.742.753.646	1.424.125.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(8.662.795.800)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.756.807.803.729	317.063.186.329
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		168.522.351.212	116.651.561.966
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**559.291.389.184**	**775.383.765.733**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

B03-DN/HN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền chi mua cổ phiếu quỹ	27.1	-	(1.099.985.561.092)
33	Tiền thu từ đi vay	25	13.658.599.528.090	14.288.029.800.620
34	Tiền trả nợ gốc vay	25	(14.752.764.526.999)	(14.895.977.008.106)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	25	(28.092.150.657)	(29.384.431.079)
36	Cổ tức đã trả	27.2	(192.683.748.041)	(12.074.600)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(1.314.940.897.607)**	**(1.737.329.274.257)**
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**679.818.144.532**	**123.451.955.581**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**324.968.354.928**	**202.593.033.644**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(11.260.733)	(1.076.634.297)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**5**	**1.004.775.238.727**	**324.968.354.928**

Nguyễn Thùy Trang
Người lập

Lê Phát Tín
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 9 năm 2019

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1316/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 15 tháng 7 năm 1995 và các Giấy phép Đầu tư/ Giấy Chứng nhận Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 14 tháng 2 năm 2019.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là SBT theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính đăng ký trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm công ty") là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện đặt tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 3.759 người (ngày 30 tháng 6 năm 2018: 4.217 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Nhóm Công ty có 6 công ty con trực tiếp và 12 công ty con gián tiếp như sau:

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (*) (%)
I	**Công ty con trực tiếp**				
1	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công	Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất cồn và các sản phẩm liên quan; kinh doanh cồn và các sản phẩm liên quan; sản xuất và kinh doanh điện; sản xuất phân bón và trồng mía	90,00	90,00
2	Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai	Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất đường và các sản phẩm sau đường: mật rỉ, bánh kẹo, đồ uống, sản xuất, truyền tải và phân phối điện, sản xuất phân bón	100,00	100,00
3	Công ty TNHH Tư nhân Đầu tư TSU	Singapore	Mua bán, sản xuất và đóng gói đường thô, đường tinh luyện để bán trong lãnh thổ Singapore và xuất khẩu trong khu vực	100,00	100,00
4	Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai	Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100,00	100,00
5	Công ty TNHH MTV Nước Miaqua	Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; sản xuất và chế biến nước ngọt, nước trái cây và sữa đậu nành; sản xuất nước tinh khiết đóng chai	100,00	100,00
6	Công ty TNHH Hải Vi	Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh	Trồng mía, cung cấp dịch vụ trồng trọt, tư vấn kỹ thuật, kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp; sản xuất và bán điện; và tư vấn kỹ thuật và quản lý trong ngành sản xuất mía đường	100,00	100,00

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (TIẾP THEO)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Nhóm Công ty có 6 công ty con trực tiếp và 12 công ty con gián tiếp như sau: (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (*) (%)
II	**Công ty con gián tiếp**				
1	Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất đường và các phụ phẩm khác từ mía; sản xuất điện; kinh doanh vật tư nông nghiệp; sản xuất và kinh doanh phân bón; và cung cấp dịch vụ cho thuê kho	100,00	100,00
2	Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa	Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất điện và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống điện	100,00	100,00
3	Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất đường, trồng cây mía, trồng cây lấy củ có chất bột, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp thực phẩm và bán buôn tổng hợp	50,58	50,58
4	Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai ("BHS")	Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Sản xuất đường; trồng mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc các phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp; sản xuất và bán điện; và tư vấn kỹ thuật và quản lý trong ngành sản xuất mía đường	100,00	100,00
5	Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	Sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ từ mía; sản xuất và kinh doanh phân hữu cơ và cồn thực phẩm; và kinh doanh xăng dầu và khí gas	95,79	95,79
6	Công ty TNHH MTV Biên Hòa - Thành Long	Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh	Trồng mía; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp	98,00	98,00
7	Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập Khẩu Biên Hòa	Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh đường và các sản phẩm có sử dụng đường làm nguyên liệu; kinh doanh các loại thực phẩm và đồ uống	100,00	100,00
8	Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Tỉnh Gia Lai	Kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía	100,00	100,00
9	Công ty TNHH MTV Mía đường TTC Attapeu	Tỉnh Attapeu, CHDCND Lào	Trồng mía, sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía	100,00	100,00
10	Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh	Nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía	100,00	100,00
11	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập Khẩu BTCO	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh đường và các sản phẩm có sử dụng đường làm nguyên liệu; kinh doanh thực phẩm và đồ uống	100,00	100,00
12	Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung	Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Chăn nuôi bò; trồng mía và các loại cây công nghiệp khác	92,04	92,04

(*) Bao gồm tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp của Nhóm Công ty

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)*

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

	Năm nay	Năm trước
Quyền sử dụng đất	50 năm	50 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm	5 - 30 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 25 năm	3 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	8 - 15 năm	4 - 8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	12 - 25 năm	4 - 15 năm

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2018, Ban Tổng Giám đốc đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình để phản ánh phù hợp hơn tình hình sử dụng của các tài sản trên. Ảnh hưởng do sự thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình được trình bày tại Thuyết minh ("TM") số 13.

Khấu hao tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước của mỗi tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phần mềm máy tính	2 - 6 năm

3.8 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

	Năm nay	Năm trước
Quyền sử dụng đất	50 năm	50 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	20 - 25 năm	6 - 25 năm

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2018, Ban Tổng Giám đốc đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư, để phản ánh phù hợp hơn tình hình sử dụng của các tài sản trên. Ảnh hưởng do sự thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư được trình bày tại TM số 16.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng kỳ thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Các khoản đầu tư (tiếp theo)*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí vụ chờ kết chuyển, chi phí phát triển vùng nguyên liệu và cây trồng trên đất được tính toán và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở sản lượng đường thực tế sản xuất trong năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với nông dân trong thời hạn 44 - 50 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.11 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Lợi thế thương mại không được ghi nhận cho nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh các công ty cùng dưới sự kiểm soát chung, là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một đối tượng hoặc các đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là không nhất thời. Một công ty có thể chịu sự kiểm soát bởi một cá nhân hoặc nhóm cá nhân theo một thỏa thuận hợp đồng. Chênh lệch giữa giá phí đầu tư của bên mua và giá trị tài sản thuần của bên bán được ghi nhận riêng biệt như một khoản phụ trội hợp nhất trong nguồn vốn chủ sở hữu và được trình bày tại khoản mục "Vốn khác của chủ sở hữu" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh; và
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho cả kỳ kế toán năm, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất.

3.12 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.13 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản mục tài sản và công nợ của công ty con ở nước ngoài trong Nhóm Công ty được chuyển đổi sang VND sử dụng tỷ giá vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản mục thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá trung bình trong kỳ kế toán năm, trừ trường hợp tỷ giá biến động mạnh trong năm thì dùng tỷ giá tại thời điểm phát sinh các giao dịch. Chênh lệch tỷ giá, nếu có, được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái ở khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (được phân bổ tương ứng cho các cổ đông không kiểm soát).

3.15 Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được Nhóm Công ty mua lại được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

» *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

» *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

» *Quỹ phát triển khoa học và công nghệ*

Quỹ này được trích lập theo Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 nhằm phục vụ việc đầu tư khoa học và công nghệ tại Việt Nam của Nhóm Công ty.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và truyền tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

3.21 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty cho rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và một bộ phận chia theo vùng địa lý trọng yếu là Việt Nam.

4. CÁC GIAO DỊCH CHUYỂN NHƯỢNG QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 Chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh ("Công ty Tani Sugar")

Trong năm, Nhóm Công ty đã hoàn tất giao dịch chuyển nhượng 23.000.000 cổ phần tương đương 78,21% cổ phần trong Công ty Tani Sugar cho một bên liên quan (TM số 35) với tổng giá phí chuyển nhượng là 717 tỷ VND và theo đó tỷ lệ sở hữu giảm từ 99,89% xuống 21,67%. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (TM số 28.2). Theo đó, Công ty Tani Sugar không còn là công ty con của Nhóm Công ty, khi đó, phần chênh lệch giữa giá phí hợp lý hợp nhất và tài sản thuần đã được hạch toán trước đây vào vốn chủ sở hữu đã được ghi nhận trên Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Cũng thông qua giao dịch chuyển nhượng này, Công ty Cổ phần Cao su Nước Trong không còn là công ty con của Nhóm Công ty; Công ty Cổ phần Khoai mì, Công ty TNHH Tapioca Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Cụm Công nghiệp Tân Hội không còn là công ty liên kết của Nhóm Công ty (TM số 18.1).

4.2 Chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Bến Tre ("Công ty Betrimex")

Trong năm, Nhóm Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ 20.124.764 cổ phần của Công ty Betrimex cho các cá nhân và một bên liên quan (TM số 35) với tổng giá phí chuyển nhượng là 784.366.740.000 VND. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (TM số 28.2).

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.316.465.385	3.114.542.175
Tiền gửi ngân hàng	912.958.773.342	267.853.812.753
Các khoản tương đương tiền (*)	88.500.000.000	54.000.000.000
TỔNG CỘNG	**1.004.775.238.727**	**324.968.354.928**

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 bao gồm khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới một tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 5,0% đến 5,5% một năm.

6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	Giá trị VND	Số cổ phần	Giá trị VND
Cổ phiếu niêm yết				
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("GEG")	6.257.681	137.120.422.575	-	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh ("SB1")	1.000	15.022.500	1.000	15.022.500
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình ("HBC")	-	-	55.000	2.514.265.753
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("VNG")	-	-	6.588.880	99.746.443.455
Đầu tư khác		28.235.044.315		45.483.395.134
TỔNG CỘNG		**165.370.489.390**		**147.759.126.842**
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(808.663.939)		(8.622.072.410)
GIÁ TRỊ THUẦN		**164.561.825.451**		**139.137.054.432**

7. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn mười hai (12) tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 5,0% đến 6,8% một năm. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, một phần các khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 483.225.000.000 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho một số khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (TM số 25.1).

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

8.1 *Phải thu ngắn hạn của khách hàng*

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại - TM số 36)
Phải thu bên khác	849.764.765.504	690.692.212.582
Trong đó:		
Bà Châu Như Phượng (*)	*144.366.740.000*	-
Công ty TNHH Nước Giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	*131.745.022.500*	*60.169.642.050*
Công ty Cổ phần Nutrition	-	*181.999.954.501*
Các khách hàng khác	*573.653.003.004*	*448.522.616.031*
Phải thu các bên liên quan *(TM số 35)*	847.262.769.737	1.294.930.291.604
TỔNG CỘNG	**1.697.027.535.241**	**1.985.622.504.186**
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi	(3.457.073.421)	(3.095.617.778)
GIÁ TRỊ THUẦN	**1.693.570.461.820**	**1.982.526.886.408**

(*) Đây là khoản phải thu liên quan đến việc chuyển nhượng 4.124.764 cổ phần của Công ty Betrimex (TM số 18.2).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, một phần các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (TM số 25.1).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.095.617.778	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	2.652.452.334
Dự phòng trích lập trong năm	955.766.394	464.197.452
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(594.310.751)	(21.032.008)
Số cuối năm	3.457.073.421	3.095.617.778

8.2 *Trả trước cho người bán*

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	**1.946.736.551.586**	**2.327.714.818.742**
Trả trước cho các bên liên quan *(TM số 35)*	1.088.360.866.098	1.735.651.980.265
Trả trước cho bên khác	858.375.685.488	592.062.838.477
Trong đó:		
- Nông dân (*)	*310.127.756.881*	*482.285.135.924*
- Công ty TNHH Dịch vụ Hoàng Tuyết	*249.976.000.000*	-
Các khoản trả trước khác	298.271.928.607	109.777.702.553
Dài hạn	**109.158.380.150**	**129.111.796.826**
Trả trước cho nông dân (*)	109.158.380.150	129.111.796.826
TỔNG CỘNG	**2.055.894.931.736**	**2.456.826.615.568**
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(43.354.882.201)	(58.036.481.816)
GIÁ TRỊ THUẦN	**2.012.540.049.535**	**2.398.790.133.752**

(*) Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được đảm bảo một phần bởi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người nông dân và hưởng lãi suất áp dụng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	58.036.481.816	29.822.442.780
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	19.760.946.415
Dự phòng trích lập trong năm	16.194.355.014	18.109.655.845
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(30.875.954.629)	(9.656.563.224)
Số cuối năm	43.354.882.201	58.036.481.816

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan *(TM số 35)*	15.000.000.000	93.600.000.000
Phải thu các bên khác *(*)*	-	121.717.000.000
TỔNG CỘNG	**15.000.000.000**	**215.317.000.000**

(*) Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn với kỳ hạn 12 tháng và hưởng lãi suất từ 6,0% đến 8,5% một năm.

10. PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
Ngắn hạn	***1.425.093.673.613***	***261.557.425.508***
Ký quỹ và đặt cọc thuê đất *(*)*	1.204.178.761.999	40.207.961.926
Lãi phải thu	132.531.071.829	174.714.797.661
Tạm ứng nhân viên	42.222.321.893	17.086.945.451
Khác	46.161.517.892	29.547.720.470
Dài hạn	***36.936.554.195***	***413.586.661.868***
Ký quỹ thuê đất	-	411.429.606.926
Khác	36.936.554.195	2.157.054.942
TỔNG CỘNG	**1.462.030.227.808**	**675.144.087.376**
Dự phòng các khoản phải thu khác ngắn hạn khó đòi	(626.303.698)	(14.285.119.008)
GIÁ TRỊ THUẦN	**1.461.403.924.110**	**660.858.968.368**
Trong đó:		
Phải thu từ các bên liên quan (TM số 35)	*1.221.948.087.129*	*485.337.659.733*
Phải thu từ các bên khác	*239.455.836.981*	*175.521.308.635*

(*) Chủ yếu bao gồm:

(i) Khoản đặt cọc trị giá 418 tỷ VND theo các Hợp đồng Đặt cọc ký ngày 21 tháng 6 năm 2019 và ngày 26 tháng 6 năm 2019 giữa Nhóm Công ty và Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân với tổng giá trị hợp đồng là 1.440 tỷ VND để thuê các lô đất có tổng diện tích 218.238,06 m2 thuộc Dự án Khu Phức hợp Vịnh Đầm, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang; và

(ii) Khoản đặt cọc trị giá 700 tỷ VND theo các Biên bản Ghi nhớ ký ngày 24 tháng 6 năm 2019 giữa Nhóm Công ty và Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công với tổng giá trị theo Biên bản Ghi nhớ là 1.054 tỷ VND để thuê các lô đất có diện tích 603.173 m2 tại Khu Công nghiệp Thành Thành Công, Ấp An Hội, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khác khó đòi:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.285.119.008	9.933.281.049
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	132.462.138
Dự phòng trích lập trong năm	402.910.848	4.756.801.329
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(14.061.726.158)	(537.425.508)
Số cuối năm	626.303.698	14.285.119.008

11. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	941.734.766.976	(2.389.182.020)	1.254.207.156.953	(30.190.412.121)
Hàng hóa	936.411.956.323	(17.728.811.195)	1.232.865.151.504	-
Nguyên vật liệu	424.942.250.381	(956.559.197)	1.094.134.341.626	(956.559.197)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	382.244.481.692	-	379.478.590.609	-
Hàng đi đường	65.872.403.404	-	-	-
Công cụ và dụng cụ	40.500.114.566	(1.091.174.560)	44.365.292.721	(6.507.344.084)
Hàng gửi đi bán	11.858.338.161	-	4.326.751.979	-
TỔNG CỘNG	**2.803.564.311.503**	**(22.165.726.972)**	**4.009.377.285.392**	**(37.654.315.402)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, một phần hàng tồn kho được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (TM số 25.1).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	37.654.315.402	1.640.639.250
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	11.315.181.129
Dự phòng trích lập trong năm	33.047.490.288	24.698.495.023
Sử dụng dự phòng trong năm	(48.125.714.370)	-
Chênh lệch tỷ giá	(410.364.348)	-
Số cuối năm	22.165.726.972	37.654.315.402

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	***140.253.036.651***	***126.639.033.019***
Chi phí vụ chờ kết chuyển	68.633.490.722	81.046.894.341
Chi phí phát triển vùng nguyên liệu	27.552.798.819	8.703.551.892
Tiền thuê đất trả trước	2.689.920.000	19.463.476.655
Khác	41.376.827.110	17.425.110.131
Dài hạn	***1.332.920.724.205***	***1.500.510.998.039***
Chi phí phát triển vùng nguyên liệu và cây trồng trên đất *(*)*	1.098.308.731.967	1.122.957.137.501
Tiền thuê đất trả trước *(**)*	190.204.382.696	313.197.465.446
Công cụ, dụng cụ	11.569.156.210	45.653.367.511
Khác	32.838.453.332	18.703.027.581
TỔNG CỘNG	**1.473.173.760.856**	**1.627.150.031.058**

(*) Vùng nguyên liệu và cây trồng trên đất thể hiện các chi phí về đất và chi phí phát triển nông trường trồng mía của Nhóm Công ty tại Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và đã được đánh giá lại theo Chứng thư Thẩm định giá số 177/017/CT/TĐGSG ngày 15 tháng 8 năm 2017 và được phân bổ trong suốt thời gian thuê 44 năm.

(**) Tiền thuê đất trả trước với giá trị 60 tỷ VND được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (TM số 25.1).

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	1.748.946.172.068	6.306.972.523.122	294.891.735.024	48.579.837.185	84.306.001.033	8.483.696.268.432
Mua mới	4.555.302.838	66.973.008.951	12.040.041.410	4.840.002.563	13.267.721.290	101.676.077.052
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	48.366.741.360	65.259.375.496	1.555.441.058	-	8.445.365.390	123.626.923.304
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	9.097.308.871	-	-	-	9.097.308.871
Thanh lý	(794.775.448)	(12.661.294.549)	(19.163.196.171)	(813.966.473)	(11.818.135.915)	(45.251.368.556)
Giảm thanh lý đầu tư công ty con	(86.411.295.255)	(66.028.648.307)	(8.668.803.633)	(252.145.817)	-	(161.360.893.012)
Phân loại sang bất động sản đầu tư	(3.367.058.095)	(602.300.000)	-	-	-	(3.969.358.095)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(18.153.181.153)	(26.844.602.770)	(4.075.769.189)	(84.179.852)	-	(49.157.732.964)
Số cuối năm	1.693.141.906.315	6.342.165.370.814	276.579.448.499	52.269.547.606	94.200.951.798	8.458.357.225.032
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*113.035.843.049*	*1.616.870.814.263*	*27.621.826.026*	*13.131.511.313*	*59.107.403.537*	*1.829.767.398.188*
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	710.250.643.625	3.043.720.177.423	129.429.756.007	26.512.750.366	67.152.097.640	3.977.065.425.061
Khấu hao trong năm	77.502.400.539	337.340.486.143	23.075.705.656	4.942.608.609	2.329.632.030	445.190.832.977
Tài sản thuê tài chính	-	2.165.088.041	-	-	-	2.165.088.041
Thanh lý	(418.552.638)	(5.865.209.717)	(13.461.320.575)	(398.456.996)	(116.839.723)	(20.260.379.649)
Giảm thanh lý đầu tư công ty con	(26.394.615.572)	(31.120.113.629)	(5.505.795.784)	(125.538.654)	-	(63.146.063.639)
Phân loại sang bất động sản đầu tư	(2.254.036.247)	(110.421.663)	-	-	-	(2.364.457.910)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(4.491.965.266)	(9.352.200.504)	(1.659.638.201)	(16.526.362)	-	(15.520.330.333)
Số cuối năm	754.193.874.441	3.336.777.806.094	131.878.707.103	30.914.836.963	69.364.889.947	4.323.130.114.548
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	1.038.695.528.443	3.263.252.345.699	165.461.979.017	22.067.086.819	17.153.903.393	4.506.630.843.371
Số cuối năm	938.948.031.874	3.005.387.564.720	144.700.741.396	21.354.710.643	24.836.061.851	4.135.227.110.484
Trong đó:						
Tài sản cầm cố, thế chấp (TM số 25)	*849.819.149.425*	*2.048.241.886.591*	*139.025.438.972*	*6.796.950.414*	*7.497.112.878*	*3.051.380.538.280*

Như trình bày tại TM số 3, từ ngày 1 tháng 7 năm 2018, Ban Tổng Giám đốc đã thay đổi ước tính về thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cố định để phản ánh phù hợp hơn tình hình sử dụng của các tài sản này. Theo đó, chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 theo thời gian hữu dụng mới là 445.190.832.977 VND (chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 theo thời gian hữu dụng cũ là 578.436.665.678 VND).

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Máy móc và thiết bị
Nguyên giá:	
Số đầu năm	151.725.361.276
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(9.046.969.871)
Số cuối năm	142.678.391.405
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	32.592.256.896
Khấu hao trong năm	9.313.655.990
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(2.165.088.041)
Số cuối năm	39.740.824.845
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	119.133.104.380
Số cuối năm	102.937.566.560

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	74.052.118.259	25.074.516.330	7.806.284.442	106.932.919.031
Mua mới	68.487.611.907	1.510.643.895	-	69.998.255.802
Giảm do thanh lý đầu tư công ty con	(11.445.604.143)	-	(7.769.904.508)	(19.215.508.651)
Chênh lệch tỷ giá	-	(90.239.527)	-	(90.239.527)
Thanh lý	-	(44.740.000)	-	(44.740.000)
Số cuối năm	131.094.126.023	26.450.180.698	36.379.934	157.580.686.655
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	*7.365.828.923*	*6.964.002.048*	*36.379.934*	*14.366.210.905*
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	18.569.982.822	12.192.552.381	3.493.805.639	34.256.340.842
Hao mòn trong năm	10.079.568.910	2.977.603.563	-	13.057.172.473
Giảm do thanh lý đầu tư công ty con	(369.596.500)	-	(3.457.425.705)	(3.827.022.205)
Chênh lệch tỷ giá	-	(4.467.937)	-	(4.467.937)
Thanh lý	-	(44.740.000)	-	(44.740.000)
Số cuối năm	28.279.955.232	15.120.948.007	36.379.934	43.437.283.173
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	55.482.135.437	12.881.963.949	4.312.478.803	72.676.578.189
Số cuối năm	102.814.170.791	11.329.232.691	-	114.143.403.482
Trong đó:				
Tài sản cầm cố, thế chấp (TM số 25)	*5.199.519.344*	-	-	*5.199.519.344*

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	147.461.524.173	58.346.256.652	205.807.780.825
Kết chuyển từ tài sản cố định	3.367.058.095	-	3.367.058.095
Giảm do thanh lý đầu tư công ty con *(TM số 4.1)*	(893.799.094)	-	(893.799.094)
Thanh lý	-	(29.049.833.652)	(29.049.833.652)
Số cuối năm	149.934.783.174	29.296.423.000	179.231.206.174
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	9.806.486.630	14.839.763.032	24.646.249.662
Khấu hao trong năm	3.984.376.630	585.928.460	4.570.305.090
Kết chuyển từ tài sản cố định	2.254.036.247	-	2.254.036.247
Giảm do thanh lý đầu tư công ty con *(TM số 4.1)*	(4.038.368)	-	(4.038.368)
Thanh lý	-	(9.470.089.883)	(9.470.089.883)
Số cuối năm	16.040.861.139	5.955.601.609	21.996.462.748
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	137.655.037.543	43.506.493.620	181.161.531.163
Số cuối năm	133.893.922.035	23.340.821.391	157.234.743.426
Trong đó:			
Tài sản cầm cố, thế chấp (TM số 25.1)	*133.893.922.035*	*23.340.821.391*	*157.234.743.426*

Như trình bày tại TM số 3, từ ngày 1 tháng 7 năm 2018, Ban Tổng Giám đốc đã thay đổi ước tính về thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản đầu tư để phản ánh phù hợp hơn tình hình sử dụng của các tài sản này. Theo đó, chi phí khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 theo thời gian hữu dụng mới là 4.570.305.090 VND (chi phí khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 theo thời gian hữu dụng cũ là 7.059.223.701 VND).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2019. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách kế toán trên cơ sở bất động sản đầu tư (Trung tâm thương mại TTC Plaza Tây Ninh) hầu hết đã được cho thuê tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	24.041.879.003	41.033.433.030
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	(18.414.797.301)	(31.777.126.794)

17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án điện mặt trời	335.246.983.270	-
Chi phí chuyển nhượng đất tại Tây Ninh	210.392.416.100	-
Hệ thống máy móc thiết bị đang lắp đặt	41.323.481.783	13.448.632.163
Dự án sấy bã mía	31.182.337.499	-
Máy móc thiết bị ("MMTB") sản xuất mía đường	14.331.497.957	39.682.376.555
Cải tạo nhà máy và văn phòng	2.119.149.379	43.178.950.607
Khác	44.353.073.508	37.752.064.159
TỔNG CỘNG	**678.948.939.496**	**134.062.023.484**

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết *(TM số 18.1)*	105.631.208.868	192.557.122.221
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác *(TM số 18.2)*	20.041.830.629	445.314.919.184
TỔNG CỘNG	**125.673.039.497**	**637.872.041.405**
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(741.216.334)	(741.216.334)
GIÁ TRỊ THUẦN	**124.931.823.163**	**637.130.825.071**

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị ghi sổ (VND)	% sở hữu	Giá trị ghi sổ (VND)	% sở hữu
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh *(TM số 4.1)*	Trồng mía, sản xuất và kinh doanh đường, sắn và cao su	75.272.048.072	21,67	-	-
Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm liên quan đến tinh bột; sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo, đồ uống không có cồn và nước khoáng, hợp chất nitơ; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	30.359.160.796	19,13	30.359.160.796	19,13
Công ty Cổ phần Khoai mì Tây Ninh *(TM số 4.1)*	Sản xuất và kinh doanh tinh bột khoai mì và các sản phẩm liên quan đến tinh bột khoai mì	-	-	125.947.770.609	29,96
Công ty TNHH Tapioca Việt Nam *(TM số 4.1)*	Sản xuất và kinh doanh tinh bột khoai mì và các sản phẩm liên quan đến tinh bột khoai mì; thực hiện quyền xuất nhập khẩu các sản phẩm có liên quan đến tinh bột khoai mì như: tinh bột khoai mì, sorbitol, mạch nha, bột báng, bột biến tính, miến, mì lát và sản xuất khí đốt, nhiên liệu bằng đường ống	-	-	29.102.589.437	29,96
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Cụm Công nghiệp Tân Hội *(TM số 4.1)*	Kinh doanh bất động sản và đầu tư xây dựng hạ tầng và quản lý khu công nghiệp	-	-	7.147.601.379	47,45
TỔNG CỘNG		**105.631.208.868**		**192.557.122.221**	

	VND
Giá gốc của khoản đầu tư:	
Số đầu năm	179.933.176.123
Tăng do trở thành công ty liên kết từ công ty con *(TM số 4.1)*	68.966.856.133
Giảm do thanh lý	(148.353.976.123)
Số cuối năm	100.546.056.133
Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi mua công ty liên kết:	
Số đầu năm	12.623.946.098
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết trong năm	7.221.968.308
Giảm do thanh lý	(14.760.761.671)
Số cuối năm	5.085.152.735
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	192.557.122.221
Số cuối năm	105.631.208.868

18.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị ghi sổ (VND)	% sở hữu	Giá trị ghi sổ (VND)	% sở hữu
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Chế biến đường mật và các sản phẩm sau đường	17.360.136.000	13,08	17.360.136.000	13,08
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Cụm Công nghiệp Tân Hội *(TM số 4.1)*	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, hoặc đi thuê	1.940.478.185	6,74	-	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Bến Tre *(TM số 4.2)*		-	-	427.213.566.740	13,50
Đầu tư dài hạn khác		741.216.444		741.216.444	
TỔNG CỘNG		**20.041.830.629**		**445.314.919.184**	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(741.216.334)		(741.216.334)	
GIÁ TRỊ THUẦN		**19.300.614.295**		**444.573.702.850**	

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
Nguyên giá:	
Số đầu năm	192.546.623.434
Điều chỉnh do công ty con giải thể - Công ty TNHH Tư nhân NHSS	(2.714.219.341)
Số cuối năm	189.832.404.093
Giá trị khấu trừ lũy kế:	
Số đầu năm	22.128.802.186
Phân bổ trong năm	19.896.436.574
Điều chỉnh do công ty con giải thể - Công ty TNHH Tư nhân NHSS	-
Số cuối năm	42.025.238.760
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	170.417.821.248
Số cuối năm	147.807.165.333

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan (TM số 35)	119.253.087.037	199.985.290.790
Phải trả các bên khác	384.517.944.966	157.634.936.442
Trong đó:		
- *Sharp Solar Solution Asia Company Limited*	*183.669.534.777*	-
- *Nông dân*	*42.816.328.627*	*42.485.849.679*
- *Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam*	*18.480.886.512*	*22.663.554.169*
- *Khác*	*139.551.195.050*	*92.485.532.594*
TỔNG CỘNG	**503.771.032.003**	**357.620.227.232**

21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên liên quan (TM số 35)	108.087.627.478	121.042.011.694
Các bên khác	39.109.892.784	68.033.229.911
Trong đó:		
- Bà Lê Thị Thanh Nhàn	-	*26.983.548.900*
- Ông Nguyễn Thành Danh	-	*26.983.548.900*
- Khác	*39.109.892.784*	*14.066.132.111*
TỔNG CỘNG	**147.197.520.262**	**189.075.241.605**

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	83.240.085.899	158.028.686.431	(117.747.598.634)	123.521.173.696
Thuế giá trị gia tăng	34.747.743.586	291.543.497.459	(290.156.427.173)	36.134.813.872
Thuế thu nhập cá nhân	5.049.495.209	10.502.121.282	(9.005.406.537)	6.546.209.954
Khác	36.264.883.369	673.220.017	(9.709.254.873)	27.228.848.513
TỔNG CỘNG	**159.302.208.063**	**460.747.525.189**	**(426.618.687.217)**	**193.431.046.035**
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	45.214.465.625	243.302.191.897	(237.102.516.526)	51.414.140.996
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.114.847.228	-	(171.991.642)	5.942.855.586
Thuế thu nhập cá nhân	-	320.321.667	-	320.321.667
Khác	9.409.808.025	-	(3,692,477,500)	5.798.330.525
TỔNG CỘNG	**60.820.120.878**	**243.622.513.564**	**(240.966.985.668)**	**63.475.648.774**

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	156.294.765.451	165.171.897.840
Chi phí mua nguyên vật liệu	56.712.015.167	38.638.413.614
Chi phí vận chuyển	29.367.976.840	35.369.888.100
Trích trước chi phí thuế xuất nhập khẩu đường thô	24.833.182.360	-
Trích trước chi phí thuế nhà thầu	18.952.066.476	18.861.709.054
Chi phí thưởng hỗ trợ kinh doanh cho đại lý	16.402.966.537	9.677.773.356
Khác	64.112.644.314	31.481.079.273
TỔNG CỘNG	**366.675.617.145**	**299.200.761.237**

24. PHẢI TRẢ KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	284.522.703.568	80.757.931.129
Cổ tức	217.905.972.826	21.802.006.989
Chi phí thu hộ	15.777.116.532	-
Chi phí vận chuyển và thu hoạch	9.073.601.229	10.422.181.225
Thuê máy móc	5.460.000.000	-
Ký quỹ	5.047.181.408	8.660.459.786
Khoản phải trả Brightway Group Co.. Ltd	-	33.172.706.250
Khác	31.258.831.573	6.700.576.879
Dài hạn		
Ký quỹ	6.718.381.960	6.679.256.280
TỔNG CỘNG	**291.241.085.528**	**87.437.187.409**
Trong đó:		
Phải trả các bên khác	*214.788.579.780*	*86.356.631.196*
Phải trả các bên liên quan (TM số 35)	*76.452.505.748*	*1.080.556.213*

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Số đầu năm	Thay đổi trong năm					Số cuối năm
		Tăng trong năm	Giảm trong năm	Phân loại đến hạn trả	Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá	Thanh lý công ty con	
Vay ngắn hạn	**7.702.811.475.586**	**13.607.297.178.461**	**(14.727.917.377.422)**	**727.848.084.413**	**(2.735.254.942)**	**(23.017.727.740)**	**7.284.286.378.356**
Vay ngân hàng *(TM số 25.1)*	6.425.229.852.866	13.088.973.845.128	(13.416.740.998.619)	-	(1.528.156.917)	(24.894.747.740)	6.071.039.794.718
Vay bên liên quan *(TM số 35)*	300.000.000	6.000.000.000	(300.000.000)	-	-	-	6.000.000.000
Trái phiếu ngắn hạn *(TM số 25.2)*	538.960.000.000	512.323.333.333	(565.400.000.000)	-	-	-	485.883.333.333
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng *(TM số 25.3)*	255.936.478.752	-	(258.294.228.146)	246.186.908.501	(1.207.098.025)	(1.572.000.000)	241.050.061.082
Vay dài hạn đến hạn trả bên khác *(TM số 25.4)*	1.720.000.000	-	(2.690.000.000)	1.940.000.000	-	-	970.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả các bên liên quan *(TM số 35)*	-	-	-	-	-	3.449.020.000	3.449.020.000
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả *(TM số 25.5)*	452.850.466.660	-	(456.400.000.000)	456.400.000.000	-	-	452.850.466.660
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả *(TM số 25.6)*	27.814.677.308	-	(28.092.150.657)	23.321.175.912	-	-	23.043.702.563
Vay dài hạn	**2.581.878.050.298**	**51.302.349.629**	**(52.939.300.234)**	**(727.848.084.413)**	**5.876.213.878**	**(9.739.027.447)**	**1.848.530.201.711**
Vay ngân hàng *(TM số 25.3)*	896.849.737.062	34.307.216.301	(52.939.300.234)	(250.706.441.842)	5.876.213.878	(9.739.027.447)	623.648.397.718
Vay dài hạn bên khác *(TM số 25.4)*	970.000.000	-	-	(970.000.000)	-	-	-
Vay dài hạn các bên liên quan *(TM số 35)*	-	14.900.000.000	-	-	-	-	14.900.000.000
Trái phiếu dài hạn *(TM số 25.5)*	1.640.009.533.341	2.095.133.328	-	(452.850.466.659)	-	-	1.189.254.200.010
Nợ thuê tài chính dài hạn *(TM số 25.6)*	44.048.779.895	-	-	(23.321.175.912)	-	-	20.727.603.983
TỔNG CỘNG	**10.284.689.525.884**	**13.658.599.528.090**	**(14.780.856.677.656)**	**-**	**3.140.958.936**	**(32.756.755.187)**	**9.132.816.580.067**

25.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (USD)		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	541.068.545.638	-	Từ ngày 5 tháng 7 năm 2019 đến ngày 24 tháng 12 năm 2019	Quyền sử dụng đất 329,44 ha tại huyện Bến Cầu, phần vốn góp Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai giá trị 339.998.760.000 VND và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với giá trị 45 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	472.755.185.009	-	Từ ngày 15 tháng 7 năm 2019 đến ngày 20 tháng 11 năm 2019	Các khoản phải thu, hàng tồn kho với giá trị 280 tỷ VND và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của bà Tạ Thị Ngoan với giá trị 43,5 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hồ Chí Minh	393.944.659.681	-	Từ ngày 3 tháng 8 năm 2019 đến ngày 27 tháng 10 năm 2019	Hàng tồn kho trị giá 236 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	349.663.330.472	-	Từ ngày 15 tháng 9 năm 2019 đến ngày 27 tháng 12 năm 2019	Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với giá trị 120 tỷ VND và hàng tồn kho với giá trị 150 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh ĐăkLăk	335.000.000.000	-	Từ ngày 14 tháng 7 năm 2019 đến ngày 18 tháng 11 năm 2019	Hàng tồn kho với giá trị tối đa là 429 tỷ VND; quyền tài sản đối với toàn bộ phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa vào Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa trị giá 174.886.000.000 VND; và quyền đòi nợ từ hợp đồng đầu tư trả trước cho nông dân với giá trị 99.142.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	307.943.987.652	-	Từ ngày 21 tháng 7 năm 2019 đến ngày 30 tháng 12 năm 2019	Quyền sử dụng đất số 49 tại Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh và tài sản gắn liền với đất, phương tiện vận tải, toàn bộ máy móc thiết bị và quyền khai thác tài sản trên đất
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	298.901.598.505	-	Từ ngày 25 tháng 8 năm 2019 đến ngày 28 tháng 12 năm 2019	Máy móc hình thành từ khoản vay với giá trị 167.289.864.270 VND và quyền sử dụng đất tại nông trường Tây Ninh với giá trị 539.725.701 VND
Ngân hàng TNHH ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh	289.820.241.221	-	Từ ngày 14 tháng 7 năm 2019 đến ngày 21 tháng 8 năm 2019	Khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị tối đa lần lượt là 12.500.000 USD và 12.500.000 USD; và hàng tồn kho với giá trị 87 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	255.356.175.140	-	Từ ngày 27 tháng 9 năm 2019 đến ngày 19 tháng 10 năm 2019	Tín chấp
Ngân hàng Malayan Banking Berhard - Chi nhánh Hồ Chí Minh	254.982.464.061	4.555.668	Từ ngày 3 tháng 7 năm 2019 đến ngày 26 tháng 11 năm 2019	Các khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị tối đa là 12.500.000 USD; và các khoản phải thu với giá trị tối đa là 3.000.000 USD

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (USD)		
Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh Hồ Chí Minh	247.319.234.782	-	Từ ngày 11 tháng 10 năm 2019 đến ngày 26 tháng 12 năm 2019	Các khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị tối đa lần lượt là 10.100.000 USD; và hàng tồn kho trị giá 60 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	231.998.119.213	-	Từ ngày 16 tháng 10 năm 2019 đến ngày 30 tháng 11 năm 2019	Hàng tồn kho với giá trị 150 tỷ VND và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với giá trị 60 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	200.000.000.000	-	Từ ngày 28 tháng 8 năm 2019 đến ngày 28 tháng 12 năm 2019	Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với giá trị 86.225.000.000 VND, phương tiện vận chuyển với giá trị 1.550.000.000 VND và hàng tồn kho với giá trị 100 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	179.478.375.804	-	Ngày 27 tháng 11 năm 2019	Khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị 30 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	177.858.057.250	-	Từ ngày 18 tháng 9 năm 2019 đến ngày 24 tháng 9 năm 2019	Hàng tồn kho với giá trị 200 tỷ VND và 8.849.000 cổ phiếu của Công ty nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	159.954.818.120	-	Từ ngày 19 tháng 9 năm 2019 đến ngày 3 tháng 10 năm 2019	Các khoản phải thu, hàng tồn kho với giá trị 200 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh	140.075.672.798	-	Từ ngày 18 tháng 7 năm 2019 đến ngày 22 tháng 9 năm 2019	Hàng tồn kho với giá trị 107.200.000.000 VND; tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng 88,5 tỷ VND; và 11.760.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập Khẩu Biên Hòa được sở hữu bởi BHS
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	138.484.364.215	-	Từ ngày 1 tháng 8 năm 2019 đến ngày 14 tháng 12 năm 2019	Quyền sử dụng đất 156,2 ha tại Tỉnh Tây Ninh
Ngân hàng United Oversea Bank Limited - Chi nhánh Hồ Chí Minh	137.822.854.187	-	Từ ngày 23 tháng 7 năm 2019 đến ngày 17 tháng 9 năm 2019	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 6.000.000 đô la Mỹ
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Nam Sài Gòn	122.518.563.060	-	Từ ngày 15 tháng 7 năm 2019 đến ngày 11 tháng 9 năm 2019	Hàng tồn kho với giá trị 143.750.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tây Ninh	118.100.000.000	-	Từ ngày 18 tháng 10 năm 2019 đến ngày 19 tháng 10 năm 2019	Trong đó 100 tỷ không tài sản bảo đảm. 50 tỷ còn lại được đảm bảo bằng 70 tỷ hàng tồn kho luân chuyển
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	99.821.459.390	-	Từ ngày 26 tháng 9 năm 2019 đến ngày 14 tháng 11 năm 2019	Hàng tồn kho với giá trị 100 tỷ VND
Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	94.569.066.689	-	Từ ngày 3 tháng 9 năm 2019 đến ngày 19 tháng 10 năm 2019	Khoản phải thu với giá trị tối đa là 170 tỷ VND
Ngân hàng Sinopac- Chi nhánh Hồ Chí Minh	72.963.860.840	-	Từ ngày 14 tháng 7 năm 2019 đến ngày 30 tháng 11 năm 2019	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	59.756.625.022	-	Từ ngày 3 tháng 11 năm 2019 đến ngày 15 tháng 11 năm 2019	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa	53.369.212.436	-	Từ ngày 12 tháng 9 năm 2019 đến ngày 24 tháng 8 năm 2020	Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với giá trị 40 tỷ VND; hàng tồn kho với giá trị tối đa là 188,86 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	41.763.609.224	-	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2019 đến ngày 2 tháng 1 năm 2020	Máy móc thiết bị với giá trị 41,4 tỷ VND
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt - Chi nhánh Attapeu	41.739.948.593	1.825.129	Từ ngày 24 tháng 6 năm 2017 đến ngày 17 tháng 8 năm 2017	Khách sạn Hoàng Anh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu, hàng tồn kho, máy móc thiết bị và 3.441,3 héc-ta vùng mía nguyên liệu
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh	40.915.483.894	-	Từ ngày 28 tháng 7 năm 2019 đến ngày 16 tháng 9 năm 2019	Khoản phải thu với giá trị là 6.000.000 USD
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang	38.295.511.500	-	Từ ngày 25 tháng 10 năm 2019 đến ngày 28 tháng 10 năm 2019	Thư bảo lãnh số 203/2019/BL-TTC ngày 18/4/2019 và Cam kết thanh toán số 202/2019/CK-TTC ngày 18/4/2019 với giá trị 100 tỷ VND do Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công phát hành
Ngân hàng DBS Bank Ltd - Chi nhánh Hồ Chí Minh	33.891.320.000	-	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2019 đến ngày 6 tháng 9 năm 2019	Các khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị tối đa lần lượt là 11.000.000 USD
Ngân hàng Maybank - Ha Noi	29.400.000.000	-	Ngày 20 tháng 12 năm 2019	Các khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị tối đa là 10.000.000 USD.
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	25.000.000.000	-	Từ ngày 18 tháng 7 năm 2019 đến ngày 25 tháng 8 năm 2019	Các khoản phải thu và hàng tồn kho giá trị sổ sách tối đa lần lượt là 4.000.000 USD, thư bảo lãnh tương đương 6.000.000 USD bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Pleiku	23.300.000.000	-	Ngày 26 tháng 12 năm 2019	Hàng tồn kho trị giá tối đa là 71,5 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Gia Lai	20.000.000.000	-	Ngày 15 tháng 3 năm 2020	Các khoản phải thu, quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ khoản vay, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung được thế chấp bởi Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Gia Lai
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đồng Nai	20.000.000.000	-	Từ ngày 20 tháng 6 năm 2019 đến ngày 20 tháng 6 năm 2020	Thư bảo lãnh của Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai với giá trị tối thiểu 20 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nguyễn Đình Chiểu	10.000.000.000	-	Ngày 20 tháng 12 năm 2019	Các khoản phải thu từ các Hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập Khẩu Biên Hòa và các đối tác
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	8.608.756.410	-	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2019 đến ngày 5 tháng 8 năm 2019	Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị là 10 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre	4.598.693.912	-	Ngày 20 tháng 6 năm 2020	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**6.071.039.794.718**	**6.380.797**		

Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được sử dụng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty và chịu lãi suất thị trường.

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.2 *Trái phiếu ngắn hạn*

	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
Phát hành theo mệnh giá					
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	500.000.000.000	Ngày 7 tháng 6 năm 2020	11	Bổ sung vốn lưu động	Quyền sở hữu 100% phần vốn góp hiện tại và hình thành trong tương lai của Công ty tại Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai và toàn bộ quyền tài sản, lợi ích liên quan đến phần vốn góp này
Chi phí phát hành	(14.116.666.667)				
TỔNG CỘNG	**485.883.333.333**				

25.3 *Vay dài hạn ngân hàng*

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Số cuối năm Nguyên tệ (USD)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	427.026.324.723	18.672.235	Từ ngày 29 tháng 3 năm 2020 đến ngày 21 tháng 4 năm 2023	Mua sắm và xây dựng tài sản cố định	Công trình xây dựng, hệ thống thiết bị nhà máy đường và nhà máy nhiệt điện hình thành từ khoản vay
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	79.491.647.942	-	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2019 đến ngày 9 tháng 10 năm 2022		Các khoản phải thu, quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ khoản vay, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đông Sài Gòn	70.129.278.272	-	Ngày 17 tháng 11 năm 2022		Máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	63.724.792.000	-	Ngày 25 tháng 8 năm 2022		Toàn bộ nhà máy Bã mía Nhiệt điện Gia Lai với giá trị thế chấp là 262.082.986.000 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	57.913.478.042	-	Ngày 13 tháng 9 năm 2024		Tài sản hình thành từ vốn vay với giá trị thế chấp là 186 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	38.589.000.000	-	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2019 đến ngày 9 tháng 10 năm 2021		Máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	32.055.000.000	-	Từ ngày 15 tháng 5 năm 2020 đến ngày 21 tháng 8 năm 2021		Quyền sử dụng đất thử số 513 tại Xã Thạnh Tây, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh và máy móc hình thành từ khoản vay
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đăk Lăk	28.424.000.000	-	Ngày 23 tháng 12 năm 2021		Máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay trị giá 25,8 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	17.199.471.672	-	Ngày 2 tháng 4 năm 2022		Máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay
Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam	12.471.284.995	-	Từ ngày 10 tháng 8 năm 2018 đến ngày 10 tháng 5 năm 2021		Máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	11.090.923.088	-	Từ ngày 15 tháng 2 năm 2020 đến ngày 15 tháng 2 năm 2022		Máy móc hình thành từ khoản vay
Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam - Chi nhánh Đăk Lăk	8.527.782.452	-	Từ ngày 9 tháng 10 năm 2019 đến ngày 22 tháng 1 năm 2022		Dự án Nối hơi 25 tấn/ giờ tại Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	8.002.365.278	-	Từ ngày 1 tháng 8 năm 2019 đến ngày 4 tháng 1 năm 2022		Quyền sử dụng đất số 3106 tại Xã Tân Kim, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An và tài sản gắn liền với đất hình hanh trong tương lai
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	2.850.105.436	-	Từ ngày 26 tháng 9 năm 2019 đến ngày 9 tháng 9 năm 2020		Máy móc hình thành từ khoản vay
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	2.573.803.477	-	Từ ngày 1 tháng 7 năm 2019 đến ngày 16 tháng 4 năm 2021		Khoản phải thu và máy móc thiết bị
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	2.265.060.000	-	Từ ngày 27 tháng 9 năm 2019 đến ngày 12 tháng 12 năm 2019		Máy móc hình thành từ khoản vay
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	1.204.085.800	-	Từ ngày 14 tháng 10 năm 2019 đến ngày 14 tháng 4 năm 2020		Tín chấp
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	1.160.055.623	-	Ngày 23 tháng 10 năm 2020		Máy móc hình thành từ khoản vay
TỔNG CỘNG	**864.698.458.800**	**18.672.235**			
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	*241.050.061.082*	*4.000.000*			
Vay dài hạn	*623.648.397.718*	*14.672.235*			

Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được sử dụng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty và chịu lãi suất thị trường.

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Quỹ Bảo vệ Môi trường rừng	970.000.000	Ngày 25 tháng 12 năm 2019	Mua sắm và xây dựng tài sản cố định	5,4	Bảo lãnh từ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	*970.000.000*				
Vay dài hạn	-				

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.4 *Vay dài hạn bên khác*

25.5 Trái phiếu dài hạn

	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)
Phát hành theo mệnh giá			Thực hiện dự án đầu tư cụm công nghiệp mía đường và vùng nguyên liệu tại tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào thông qua việc mua phần vốn góp của Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	9,95
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (i)	574.560.000.000	Từ ngày 23 tháng 6 năm 2020 đến ngày 23 tháng 6 năm 2023		10,13
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định (i)	383.040.000.000	Từ ngày 23 tháng 6 năm 2020 đến ngày 23 tháng 6 năm 2023	Cơ cấu nợ vay và bổ sung vốn lưu động	10,13
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Hội sở Thành phố Hồ Chí Minh (ii)	300.000.000.000	Từ ngày 30 tháng 5 năm 2020 đến ngày 30 tháng 5 năm 2021	Cơ cấu nợ vay và bổ sung vốn lưu động	10,13
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (ii)	200.000.000.000	Từ ngày 30 tháng 5 năm 2020 đến ngày 30 tháng 5 năm 2021	Cơ cấu nợ vay và bổ sung vốn lưu động	10,13
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hồ Chí Minh (iii)	200.000.000.000	Từ ngày 27 tháng 5 năm 2020 đến ngày 27 tháng 5 năm 2021	Cơ cấu nợ vay và bổ sung vốn lưu động	8,5
Chi phí phát hành	(15.495.333.330)			
	1.642.104.666.670			
Trong đó:				
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	*452.850.466.660*			
Trái phiếu dài hạn	*1.189.254.200.010*			

(i) Hình thức đảm bảo

- Quyền thuê đất theo Hợp đồng số 8011/TNM ngày 19 tháng 11 năm 2012 giữa Công ty TNHH MTV Mía đường TTC Attapeu ("TTC Attapeu Lào") và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đối với diện tích đất 51 héc-ta tại Huyện Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và toàn bộ tài sản là động sản và bất động sản gắn liền với đất và các quyền, lợi ích và quyền lợi phát sinh từ tài sản gắn liền với đất của TTC Attapeu Lào; và quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên;
- Quyền thuê đất theo Hợp đồng ngày 26 tháng 12 năm 2013 giữa TTC Attapeu Lào và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đối với diện tích đất 2.739,9 héc-ta tại Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và toàn bộ tài sản gắn liền với đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất của TTC Attapeu Lào; công trình xây dựng, máy móc thiết bị phục vụ nông trường, nhà máy đường, nhà máy nhiệt điện và nhà máy phân vi sinh; và quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên; và
- Toàn bộ khoản vốn góp của Công ty và Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai tại Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu trị giá 2.230.109.999.975 VND.

(ii) Hình thức đảm bảo

- Quyền sử dụng đất thửa số 97 tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và 51% phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai.

(iii) Hình thức đảm bảo

- Công trình xây dựng trên đất - Nhà máy Đường Biên Hòa - Trị An tại thửa đất số 9, Ấp 1, Xã Trị An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai và máy móc thiết bị tại nhà máy;
- Bất động sản tại thửa đất số 329, Phường Thanh Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai; và
- Toàn bộ vốn góp của Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai tại Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa trị giá 1.030.726.951.350 VND.

25.6 *Thuê tài chính*

Nhóm Công ty hiện đang thuê máy móc và thiết bị theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu và Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả						
Từ 1 năm trở xuống	25.718.702.591	2.675.000.028	23.043.702.563	33.160.559.659	5.345.882.351	27.814.677.308
Nợ thuê tài chính dài hạn						
Từ 1 - 5 năm	21.965.435.303	1.237.831.320	20.727.603.983	36.539.369.027	3.793.014.490	32.746.354.537
Trên 5 năm	-	-	-	11.838.594.626	536.169.268	11.302.425.358
TỔNG CỘNG	**47.684.137.894**	**3.912.831.348**	**43.771.306.546**	**81.538.523.312**	**9.675.066.109**	**71.863.457.203**

26. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện khoản tiền nhận trước từ khách hàng liên quan đến hoạt động cho thuê mặt bằng ở Trung tâm Thương mại TTC Tây Ninh tại Số 217 - 219, Đường 30/4, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam về các dịch vụ liên quan đến hoạt động cho thuê.

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

27.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước									
Số đầu năm	2.531.882.680.000	75.894.194.065	-	-	6.812.245.007	39.217.460.174	395.854.229.859	11.749.646.292	3.061.410.455.397
Tăng vốn trong năm	3.038.304.050.000	6.167.151.721.500	-	-	-	-	-	-	9.205.455.771.500
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(1.099.985.561.092)	-	-	-	-	(1.099.985.561.092)
Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung (*)	-	-	(5.534.410.411.336)	-	-	-	-	-	(5.534.410.411.336)
Hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	(60.507.070.429)	-	-	103.382.120.297	42.875.049.868
Thay đổi tỉ lệ sở hữu	-	-	-	-	-	-	3.352.107.031	(62.578.170.746)	(59.226.063.715)
Lợi nhuận thuần									
trong năm	-	-	-	-	-	-	544.871.022.423	218.702.911	545.089.725.334
Chuyển đổi báo cáo tài chính sang VND trong năm	-	-	-	-	(6.914.344.958)	-	-	-	(6.914.344.958)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	30.646.221.290	(30.646.221.290)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(56.812.886.676)	-	(56.812.886.676)
Khác	-	-	-	-	-	-	(121.800.006)	-	(121.800.006)
Số cuối năm	5.570.186.730.000	6.243.045.915.565	(5.534.410.411.336)	(1.099.985.561.092)	(60.609.170.380)	69.863.681.464	856.496.451.341	52.772.298.754	6.097.359.934.316

(*) Đây là phần phụ trội hợp nhất phát sinh từ giao dịch phát hành 303.830.405 cổ phiếu mới của Công ty vào ngày 6 tháng 9 năm 2017 để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa theo tỷ lệ 1:1,02 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 5 năm 2017.

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Phụ trội hợp nhất	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm nay									
Số đầu năm	5.570.186.730.000	6.243.045.915.565	(5.534.410.411.336)	(1.099.985.561.092)	(60.609.170.380)	69.863.681.464	856.496.451.241	52.772.298.854	6.097.359.934.316
Cổ tức bằng cổ phiếu *(TM số 27.2)*	297.218.790.000	-	-	-	-	-	(297.218.790.000)	-	-
Cổ tức bằng tiền *(TM số 27.2)*	-	-	-	-	-	-	(408.224.244.952)	-	(408.224.244.952)
Chuyển nhượng công ty con *(TM số 4.1)*	-	-	32.294.380.412	-	3.417.408.916	-	(37.789.403.995)	(28.519.506.114)	(30.597.120.781)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	268.425.858.779	(9.133.191.717)	259.292.667.062
Mua thêm lợi ích trong công ty con	-	-	-	-	-	-	(33.709.509.644)	33.709.509.644	-
Chuyển đổi báo cáo tài chính sang VND	-	-	-	-	13.190.433.935	-	-	-	13.190.433.935
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	54.837.395.679	(54.837.395.679)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(112.022.477.983)	(407.029.649)	(112.429.507.632)
Số cuối năm	5.867.405.520.000	6.243.045.915.565	(5.502.116.030.924)	(1.099.985.561.092)	(44.001.327.529)	124.701.077.143	181.120.487.767	48.422.081.018	5.818.592.161.948

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

27. 2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	5.570.186.730.000	2.531.882.680.000
Tăng trong năm	297.218.790.000	3.038.304.050.000
Số cuối năm	**5.867.405.520.000**	**5.570.186.730.000**
Cổ tức công bố (*)	*(705.443.034.950)*	-
Trong đó:		
- Cổ tức công bố bằng cổ phiếu	*(297.218.790.000)*	
- Cổ tức công bố bằng tiền (*)	*(408.224.244.950)*	-
Cổ tức đã trả bằng tiền	*(192.683.748.041)*	*(12.074.600)*

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 30/2018/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 12 năm 2018, Công ty công bố việc chia cổ tức bằng tiền mặt với giá trị 408.224.244.950 VND và bằng cổ phiếu với giá trị 297.250.663.800 VND. Theo đó, vào ngày 24 tháng 1 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 29.721.879 cổ phiếu mới dưới hình thức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018. Vào ngày 14 tháng 2 năm 2019, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 7 phê duyệt việc tăng vốn cổ phần lên 5.867.405.520.000 VND.

27. 3 Chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu	% sở hữu	Cổ phiếu	% sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	168.021.963	28,64	107.511.290	19,30
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	-	-	76.124.566	13,67
Khác	418.718.589	71,36	373.382.817	67,03
TỔNG CỘNG	**586.740.552**	**100,00**	**557.018.673**	**100,00**

27.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm (cổ phiếu)	Số đầu năm (cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	586.740.552	557.018.673
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	*586.740.552*	*557.018.673*
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	*(61.600.900)*	*(61.600.900)*
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	*525.139.652*	*495.417.773*

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

27.5 Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông của Công ty (VND)	268.425.858.779	544.871.022.423
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi *(*)*	(38.974.501.727)	(54.837.395.679)
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông của Công ty mẹ sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	**229.451.357.052**	**490.033.626.744**
Số lượng cổ phiếu bình quân *(cổ phiếu)*	525.142.839	491.805.718
Ảnh hưởng việc của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu hoàn thành trong tháng 1 năm 2019	-	29.725.066
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm *(**)*	525.142.839	521.530.784
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*	**437**	**940**

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 06/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 11 năm 2018.
Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập của năm nay theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 06/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 11 năm 2018.

(**) Số lượng cổ phiếu bình quân của năm trước đã được trình bày lại để phản ánh việc chia cổ tức bằng cổ phiếu thực hiện ngày 24 tháng 1 năm 2019 (TM số 27.2).

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp:	**10.884.713.247.355**	**10.325.400.666.889**
Trong đó:		
Doanh thu bán đường	*9.499.260.144.181*	*9.085.503.491.590*
Doanh thu bán mật đường	*301.548.502.704*	*348.022.122.396*
Doanh thu bán sản phẩm từ cao su	*300.223.315.709*	*294.315.456.434*
Doanh thu từ bán sữa	*239.148.590.437*	*88.382.004.629*
Doanh thu bán điện	*180.874.229.036*	*166.760.012.512*
Doanh thu bán phân bón	*179.170.758.732*	*227.851.686.505*
Doanh thu bán bia	*109.816.050.005*	*41.518.272.911*
Doanh thu dịch vụ cho thuê (TM số 16)	*24.041.879.003*	*41.033.433.030*
Doanh thu khác	*50.629.777.548*	*32.014.186.882*
Trừ:	**(28.100.847.211)**	**(40.705.067.180)**
Chiết khấu thương mại	*(20.935.297.004)*	*(21.472.149.581)*
Hàng bán trả lại	*(6.515.121.855)*	*(19.232.917.599)*
Giảm giá hàng bán	*(650.428.352)*	-

28. DOANH THU (tiếp theo)

28.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (tiếp theo)

VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	**10.856.612.400.144**	**10.284.695.599.709**
Trong đó:		
Doanh thu bán đường	*9.471.159.296.970*	*9.044.825.709.704*
Doanh thu bán mật đường	*301.548.502.704*	*348.022.122.396*
Doanh thu bán sản phẩm từ cao su	*300.223.315.709*	*294.315.456.434*
Doanh thu bán sữa	*239.148.590.437*	*166.760.012.512*
Doanh thu từ bán điện	*180.874.229.036*	*88.382.004.629*
Doanh thu bán phân bón	*179.170.758.732*	*227.851.686.505*
Doanh thu bán bia	*109.816.050.005*	*41.518.272.911*
Doanh thu dịch vụ cho thuê (TM số 16)	*24.041.879.003*	*41.033.433.030*
Doanh thu khác	*50.629.777.548*	*31.986.901.588*
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên khác	*9.061.543.976.357*	*7.016.994.966.593*
Doanh thu đối với các bên liên quan	*1.795.068.423.787*	*3.267.700.633.116*

28.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	858.855.887.598	409.954.101.307
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay và lãi từ khoản ứng trước cho nhà cung cấp	225.735.348.191	280.009.634.773
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	18.510.907.742	12.585.607.774
Cổ tức	2.921.948.401	9.170.878.382
Khác	4.612.270.805	758.388.897
TỔNG CỘNG	**1.110.636.362.737**	**712.478.611.133**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên liên quan	*589.799.266.872*	*560.651.821.665*
Doanh thu đối với bên khác	*520.837.095.865*	*151.826.789.468*

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán đường	8.622.131.810.976	7.797.489.394.872
Giá vốn bán mật đường	315.239.534.885	335.169.533.346
Giá vốn bán sản phẩm từ cao su	293.471.599.578	287.185.193.804
Giá vốn bán sữa	229.234.998.877	86.556.444.062
Giá vốn bán điện	171.963.910.883	150.457.452.182
Giá vốn bán phân bón	170.132.786.390	211.588.640.546
Giá vốn bán bia	108.433.036.004	26.025.576.620
Giá vốn dịch vụ cho thuê *(TM số 16)*	18.414.797.301	31.777.126.794
Giá vốn khác	55.902.240.356	32.361.669.295
TỔNG CỘNG	**9.984.924.715.250**	**8.958.611.031.521**

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	705.491.023.191	714.074.144.851
Chiết khấu thanh toán và chi phí lãi từ khoản ứng trước từ khách hàng	86.201.558.627	42.862.204.238
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	19.476.463.838	13.551.277.323
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư	(256.686.600)	8.851.076.348
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	631.821.687	2.585.105.125
Khác	11.848.551.104	24.146.682.725
TỔNG CỘNG	**823.392.731.847**	**806.070.490.610**

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	296.976.520.358	198.132.705.287
Chi phí nhân viên	82.596.488.479	83.458.331.575
Chi phí khấu hao và hao mòn	6.570.182.394	6.957.515.143
Chi phí khác	14.296.135.149	29.109.127.902
TỔNG CỘNG	**400.439.326.380**	**317.657.679.907**
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	190.416.769.098	203.577.651.635
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.124.198.046	84.588.920.252
(Hoàn nhập) chi phí dự phòng	(28.167.042.823)	24.010.306.175
Chi phí khấu hao và hao mòn	48.812.339.418	44.658.105.543
Chi phí khác	119.940.843.943	79.491.617.433
TỔNG CỘNG	**447.127.107.682**	**436.326.601.038**

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	9.412.141.271.632	11.419.140.594.444
Chi phí dịch vụ mua ngoài	470.309.760.868	416.939.446.839
Chi phí nhân công	441.885.539.776	511.493.083.747
Chi phí khấu hao và hao mòn	346.934.495.313	408.466.666.779
Chi phí khác	281.486.856.167	260.173.081.245
TỔNG CỘNG	**10.952.757.923.756**	**13.016.212.873.054**

33. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	**143.368.375.466**	**178.470.049.565**
Lãi thanh lý tài sản	118.044.085.801	136.006.351.296
Thu nhập từ cho thuê tài sản	16.201.127.183	19.640.784.393
Các khoản phạt	2.308.180.176	6.403.272.751
Khác	6.814.982.306	16.419.641.125
Chi phí khác	**40.171.279.603**	**35.629.630.048**
Chi phí khấu hao của tài sản cho thuê	18.414.797.301	16.191.791.399
Các khoản phạt	8.942.395.015	7.356.155.704
Khác	12.814.087.287	12.081.682.945
LỢI NHUẬN KHÁC	**103.197.095.863**	**142.840.419.517**

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Công ty là 10% thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh đường làm từ mía kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 theo hướng dẫn Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015.

Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất từ 10% đến mức thuế suất phổ thông 20% trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng miễn giảm TNDN theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

34.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	157.953.526.009	149.157.040.507
Chi phí thuế TNDN trích thiếu các năm trước	75.160.422	238.362.996
	158.028.686.431	149.395.403.503
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	4.462.592.400	(12.193.387.854)
TỔNG CỘNG	**162.491.278.831**	**137.202.015.649**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**421.783.945.893**	**682.291.740.983**
Thuế TNDN theo thuế suất phổ thông áp dụng	60.691.110.796	117.715.087.206
Các điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	89.065.544.899	32.045.630.516
Các bút toán điều chỉnh hợp nhất	11.618.318.773	45.580.032.425
Phân bổ lợi thế thương mại	3.979.287.316	3.748.239.476
Thuế TNDN trích (thừa) thiếu kỳ trước	(842.506.415)	238.362.996
Chênh lệch thanh lý khoản đầu tư	-	(457.773.495)
Cổ tức	(54.145.256)	(2.193.178.244)
Lãi từ các công ty liên kết	(1.444.393.662)	(12.188.582.740)
Thuế TNDN được miễn	(521.937.620)	(19.574.649.153)
Chi phí thuế TNDN	**162.491.278.831**	**164.913.168.987**

34.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

34.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả với các biến động trong năm hiện hành và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	2.967.049.423	(2.967.049.423)	2.967.049.423
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.540.142.687	6.028.931.545	(4.488.788.858)	5.455.726.419
Chi phí phải trả	7.400.947.278	6.857.726.048	543.221.230	1.254.104.949
TỔNG CỘNG	**8.941.089.965**	**15.853.707.016**		
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chênh lệch giá trị hợp lý tài sản thuần trong hợp nhất kinh doanh	87.109.192.528	89.053.393.660	1.944.201.132	3.763.546.916
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	741.216.334	1.247.039.853	505.823.519	(1.247.039.853)
TỔNG CỘNG	**87.850.408.862**	**90.300.433.513**		
(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			***(4.462.592.400)***	***12.193.387.854***

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan bao gồm các công ty trong cùng Tập đoàn Thành Thành Công ("Tập đoàn") và các bên liên quan khác trong năm nay và năm trước như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công	Công ty cùng Tập đoàn	Bán cổ phần	717.000.000.000	-
		Đặt cọc thuê đất	700.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	616.427.136.275	737.988.286.679
		Mua hàng hóa	319.127.548.796	434.192.717.781
		Thu nhập lãi	36.340.753.189	80.687.421.034
		Nhận dịch vụ	24.343.706.697	21.988.040.858
		Chi phí lãi	333.906.959	31.767.523.040
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Cùng chủ sở hữu	Mua hàng hóa	417.508.047.496	342.903.784.690
		Nhận dịch vụ	86.870.291.693	47.301.031.396
		Bán hàng hóa	78.942.513.696	676.995.736.402
		Thu nhập lãi	55.428.067.091	40.385.168.252
		Cung cấp dịch vụ	16.208.443.771	590.758.911
		Mua cổ phiếu	4.167.132.000	-
		Chi phí lãi	2.688.036.220	7.006.367.132
Global Mind Commodities Trading Pte. Ltd	Cùng chủ sở hữu	Mua nguyên vật liệu	456.319.898.239	965.136.534.786
		Bán hàng hóa	301.858.688.142	-
		Ứng trước tiền hàng	-	211.157.419.200
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Công ty cùng Tập đoàn	Mua nguyên vật liệu	91.491.143.013	81.019.607.504
		Bán hàng hóa	206.491.000	24.266.789.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Tâm Bình An	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	439.318.653.333	140.170.000.000
		Mua hàng hóa	213.483.040.000	363.490.909.091
		Thu nhập lãi	16.319.855.596	4.071.756.165

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	314.593.186.239	91.744.315.250
		Bán hàng hóa	143.289.950.473	546.976.996.273
		Mua cổ phiếu	58.500.000.000	-
		Thu nhập lãi	18.653.363.970	59.834.240.939
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Công ty cùng Tập đoàn	Đặt cọc thuê đất	418.000.000.000	-
		Chuyển nhượng cổ phần	-	612.500.000.000
Ông Thái Văn Chuyện	Bên liên quan	Chuyển nhượng cổ phần	240.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Bến Tre	Cổ đông	Mua hàng hóa	100.940.649.046	347.544.709.951
		Mua nguyên vật liệu	58.668.080.004	68.843.602.504
		Thu nhập lãi	10.015.092.202	6.820.199.411
		Bán hàng hóa	2.344.246.849	101.240.877.882
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	77.213.715.808	195.185.809.524
		Bán tài sản cố định	52.090.909.091	255.498.447.101
		Mua hàng hóa	26.415.000.000	-
Công ty Cổ phần Lộc Thổ	Công ty cùng Tập đoàn	Mua tài sản cố định	66.610.593.432	-
		Bán hàng hóa	-	55.475.518.054
		Mua nguyên vật liệu	-	28.263.336.829
Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại Bao Bì Thành Thành Công	Công ty cùng Tập đoàn	Mua nguyên vật liệu	34.245.606.161	35.869.535.972
		Mua hàng hóa	151.300.000	36.455.032.395
		Bán hàng hóa	27.257.520	100.798.910.077
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Cùng chủ sở hữu	Nhận dịch vụ	10.651.954.125	8.937.246.843

Giao dịch với bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

VND

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	8.087.517.913	6.111.632.740

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	462.832.902.215	73.224.351.338
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Tâm Bình An	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	296.012.843.500	70.003.500.000
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	Công ty cùng Tập đoàn	Bán tài sản	65.368.446.508	249.302.744.490
		Bán hàng hóa	-	96.589.200.000
Global Mind Commodities Trading Pte. Ltd	Cùng chủ sở hữu	Bán hàng hóa	12.298.038.641	57.876.301.528
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	6.172.500.000	235.036.706.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Cùng chủ sở hữu	Bán hàng hóa	3.493.114.450	36.152.729.758
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Công ty cùng Tập đoàn	Bán cổ phần TTC IZ	-	394.500.000.000
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa	1.084.924.423	82.244.758.490
TỔNG CỘNG			**847.262.769.737**	**1.294.930.291.604**

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công (*)	Cùng chủ sở hữu	Mua hàng hóa	433.576.050.183	888.147.854.765
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín (*)	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	307.453.353.986	164.758.103.986
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Tâm Bình An (*)	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	258.250.050.000	96.600.000.000
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	70.137.489.034	52.634.652.710
Global Mind Commodities Trading Pte. Ltd	Cùng chủ sở hữu	Mua nguyên vật liệu	12.861.958.239	211.157.419.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Mua hàng hóa	4.605.136.626	295.910.880.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Bao Bì Thành Thành Công	Công ty cùng Tập đoàn	Mua nguyên vật liệu	1.071.151.790	1.701.160.464
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Bến Tre	Cổ đông	Mua hàng hóa	242.585.600	21.405.055.440
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Cùng chủ sở hữu	Nhận dịch vụ	160.710.200	2.533.253.700
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa	2.380.440	803.600.000
TỔNG CỘNG			**1.088.360.866.098**	**1.735.651.980.265**
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công	Công ty cùng Tập đoàn	Đặt cọc thuê đất	700.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Công ty cùng Tập đoàn	Đặt cọc thuê đất	418.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Công ty cùng Tập đoàn	Thu nhập lãi	40.111.954.726	53.785.251.028
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Thu nhập lãi	32.726.208.580	35.420.856.485
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Tâm Bình An	Công ty cùng Tập đoàn	Thu nhập lãi	19.339.778.428	3.067.709.133
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Cùng chủ sở hữu	Thu nhập lãi	10.173.025.769	31.006.207.153
		Đặt cọc	-	457.708.000
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Thu. chi hộ	1.139.411.626	3.734.464.034
			1.221.490.379.129	**127.472.195.833**

(*) Trả trước ngắn hạn cho bên liên quan hưởng lãi suất từ 8.0% đến 9.5% một năm.

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Cùng chủ sở hữu	Đặt cọc	457.708.000	-
Công ty Cổ phần Lộc Thổ	Công ty cùng Tập đoàn	Đặt cọc	-	357.865.463.900
TỔNG CỘNG			**457.708.000**	**357.865.463.900**
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)				
Công ty Cổ phần Cụm Công nghiệp Tân Hội	Công ty cùng Tập đoàn	Cho vay	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thuận Thiên	Công ty cùng Tập đoàn	Cho vay	-	14.200.000.000
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Công ty cùng Tập đoàn	Cho vay	-	79.400.000.000
TỔNG CỘNG			15.000.000.000	93.600.000.000

(*) Đây là các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo và có kỳ hạn từ 1 tháng đến 6 tháng và hưởng lãi suất cho vay từ 8.5% đến 10.5% một năm.

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Nhận dịch vụ	70.025.072.550	22.117.023.356
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	18.289.801.639	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Cùng chủ sở hữu	Mua hàng hóa	10.854.842.398	25.125.056.248
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Tâm Bình An	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	10.024.942.000	7.780.000.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Bến Tre	Cổ đông	Mua hàng hóa	6.237.635.733	137.000.871.278
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa	3.820.792.717	7.962.339.908
TỔNG CỘNG			**119.253.087.037**	**199.985.290.790**
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	68.446.631.907	66.829.943.383

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Cùng chủ sở hữu	Bán hàng hóa	23.327.583.343	37.268.337.247
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	15.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	-	16.943.731.064
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa	513.412.228	-
TỔNG CỘNG			**108.087.627.478**	**121.042.011.694**
Phải trả khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Cổ tức phải trả	67.208.785.200	-
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	Công ty cùng Tập đoàn	Cổ tức phải trả	8.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cao su Nước Trong	Bên liên quan	Hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.200.000.000	-
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Chi phí lãi	43.720.548	1.080.556.213
TỔNG CỘNG			**76.452.505.748**	**1.080.556.213**
Vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Cụm Công nghiệp Tân Hội (*)	Công ty cùng Tập đoàn	Vay	6.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Bến Tre	Cổ đông	Vay	-	300.000.000
TỔNG CỘNG			**6.000.000.000**	**300.000.000**
Vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (**)	Cùng chủ sở hữu	Vay	14.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh (**)	Công ty liên kết	Vay	2.386.340.000	-
Công ty Cổ phần Cụm Công nghiệp Tân Hội (**)	Công ty cùng Tập đoàn	Vay	1.062.680.000	-
TỔNG CỘNG			**18.349.020.000**	**-**

(*) Đây là khoản vay tín chấp không có thời hạn thu hồi với lãi suất vay từ 6.5%/ năm để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty.

(**) Đây là các khoản vay tín chấp có thời hạn thu hồi trên 12 tháng với lãi suất vay từ 5.4%/ năm để bổ sung nhu cầu vốn lưu động và mua sắm tài sản cố định của Nhóm Công ty.

36. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay. Chi tiết như sau:

VND

	Số đầu năm (đã trình bày trước đây)	Phân loại lại	Số đầu năm (được phân loại lại)
Bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2018			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.585.814.700.457	399.807.803.729	1.985.622.504.186
Phải thu ngắn hạn khác	661.365.229.237	(399.807.803.729)	261.557.425.508

37. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng, nhà kho, và đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	25.597.958.373	26.675.423.391
Từ 1 - 5 năm	128.521.028.740	114.719.008.574
Trên 5 năm	492.609.733.116	227.749.422.265
TỔNG CỘNG	**646.728.720.229**	**369.143.854.230**

38. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa nhận giữ hộ		
Thành phẩm đường (tấn)	*52.885*	*73.259*
Ngoại tệ các loại		
LAK	*8.127.315.813*	*1.631.398.738*
USD	*556.416*	*2.072.270*
INR	*18.140*	*18.140*
AUD	*950*	*950*
GBP	*630*	*630*
EUR	*250*	*250*
SGP	-	*58.793*
THB	-	*19.460*

39. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 23 tháng 9 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 21.611.333 cổ phiếu ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi cho một cổ đông mới với giá trị 648.340.000.000 VND theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018. Vào ngày 24 tháng 9 năm 2019, Công ty nhận được Công văn số 5775/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, thông báo đã nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Công ty. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang hoàn thiện hồ sơ đăng ký thay đổi vốn cổ phần với Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Nguyễn Thùy Trang
Người lập

Lê Phát Tín
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 9 năm 2019

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 30 tháng 6 năm 2019

VND

Mã số		TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại - TM số 34)
100	**A.**	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**4.876.805.195.380**	**4.276.199.011.506**
110	***I.***	***Tiền***	***4***	***276.506.697.442***	***56.585.754.828***
111	1.	Tiền		276.506.697.442	56.585.754.828
120	***II.***	***Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***45.012.800.004***	***46.323.850.003***
121	1.	Chứng khoán kinh doanh	5	15.022.500	2.529.288.253
122	2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5	(2.222.496)	(1.205.438.250)
123	3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	45.000.000.000	45.000.000.000
130	***III.***	***Các khoản phải thu ngắn hạn***		***3.391.335.155.624***	***2.616.751.590.028***
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	1.256.490.697.164	1.148.741.677.253
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	1.211.622.236.247	1.295.171.011.943
135	3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn		124.000.000.000	113.800.000.000
136	4.	Phải thu ngắn hạn khác	9	815.386.044.645	107.891.841.203
137	5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 8, 9	(16.163.822.432)	(48.852.940.371)
140	***IV.***	***Hàng tồn kho***	***10***	***1.098.141.094.051***	***1.516.096.011.030***
141	1.	Hàng tồn kho		1.115.454.620.806	1.547.056.717.834
149	2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(17.313.526.755)	(30.960.706.804)
150	***V.***	***Tài sản ngắn hạn khác***		***65.809.448.259***	***40.441.805.617***
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	11	56.826.677.045	31.459.034.403
153	2.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	8.982.771.214	8.982.771.214
200	**B.**	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**12.070.997.104.848**	**12.567.457.395.400**
210	***I.***	***Các khoản phải thu dài hạn***		***58.976.154.002***	***162.160.445.217***
212	1.	Trả trước cho người bán dài hạn	8	20.722.680.610	60.566.551.291
216	2.	Phải thu dài hạn khác	9	38.253.473.392	101.593.893.926
220	***II.***	***Tài sản cố định***		***623.783.511.518***	***587.622.664.765***
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	12	552.001.595.182	575.008.791.730
222		Nguyên giá		2.187.532.975.556	2.145.609.476.874
223		Giá trị khấu hao lũy kế		(1.635.531.380.374)	(1.570.600.685.144)
227	2.	Tài sản cố định vô hình	13	71.781.916.336	12.613.873.035
228		Nguyên giá		92.566.119.973	26.000.266.541
229		Giá trị hao mòn lũy kế		(20.784.203.637)	(13.386.393.506)
230	***III.***	***Bất động sản đầu tư***	***14***	***157.234.743.426***	***161.581.787.394***
231	1.	Nguyên giá		179.231.206.174	176.757.947.173
232	2.	Giá trị khấu hao lũy kế		(21.996.462.748)	(15.176.159.779)
240	***IV.***	***Tài sản dở dang dài hạn***		***51.641.103.470***	***10.972.903.560***
242	1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	51.641.103.470	10.972.903.560
250	***V.***	***Đầu tư tài chính dài hạn***	***16***	***11.005.658.160.140***	***11.483.375.664.386***
251	1.	Đầu tư vào công ty con	16.1	10.956.546.221.985	11.065.553.278.185
252	2.	Đầu tư vào công ty liên kết	16.2	31.579.200.000	31.579.200.000
253	3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16.3	36.804.268.445	403.236.496.444
254	4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	16	(19.271.530.290)	(16.993.310.243)
260	***VI.***	***Tài sản dài hạn khác***		***173.703.432.292***	***161.743.930.078***
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	11	167.969.672.807	155.459.549.932
262	2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	5.733.759.485	6.284.380.146
270		**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**16.947.802.300.228**	**16.843.656.406.906**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NIÊN ĐỘ 18-19

TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN RIÊNG 18-19

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

ngày 30 tháng 6 năm 2019

B01-DN

VND

Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C.**	**NỢ PHẢI TRẢ**		**5.339.830.043.141**	**5.209.400.513.919**
310	***I.***	***Nợ ngắn hạn***		***4.614.437.435.790***	***4.160.614.231.226***
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	17	192.684.834.921	181.514.785.015
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	19.560.931.969	21.820.269.941
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	84.162.747.282	87.451.432.472
314	4.	Phải trả người lao động		6.800.725.986	3.929.192.216
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	20	82.782.704.254	53.636.090.640
318	6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	13.542.041.559	4.099.827.339
319	7.	Phải trả ngắn hạn khác	22	249.402.038.685	8.301.992.652
320	8.	Vay ngắn hạn	23	3.861.031.969.987	3.754.991.615.292
322	9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.15	104.469.441.147	44.869.025.659
330	***II.***	***Nợ dài hạn***		***725.392.607.351***	***1.048.786.282.693***
336	1.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	11.671.251.175	12.537.563.120
337	2.	Phải trả dài hạn khác	22	6.433.881.960	6.359.756.280
338	3.	Vay dài hạn	23	707.287.474.216	1.029.888.963.293
400	**D.**	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**24**	**11.607.972.257.087**	**11.634.255.892.987**
410	***I.***	***Vốn chủ sở hữu***		***11.607.972.257.087***	***11.634.255.892.987***
411	1.	Vốn cổ phần		5.867.405.520.000	5.570.186.730.000
411a		*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*5.867.405.520.000*	*5.570.186.730.000*
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần		6.243.045.915.565	6.243.045.915.565
415	3.	Cổ phiếu quỹ		(1.099.985.561.092)	(1.099.985.561.092)
418	4.	Quỹ đầu tư phát triển		124.701.077.143	69.863.681.464
421	5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		472.805.305.471	851.145.127.050
421a		*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*20.945.234.557*	*308.596.087.663*
421b		*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*451.860.070.914*	*542.549.039.387*
440		**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**16.947.802.300.228**	**16.843.656.406.906**

Lê Văn Danh
Người lập

Lê Phát Tín
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 9 năm 2019

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

VND

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	5.356.595.344.087	4.551.547.946.031
02	2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(11.627.048.562)	(4.847.029.852)
10	3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	5.344.968.295.525	4.546.700.916.179
11	4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26, 30	(4.825.324.790.701)	(3.965.568.909.261)
20	5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		519.643.504.824	581.132.006.918
21	6.	Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	696.697.390.064	470.656.484.819
22	7.	Chi phí tài chính	27	(397.145.563.492)	(322.252.972.342)
23		*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(370.173.805.404)*	*(286.316.265.526)*
25	8.	Chi phí bán hàng	28, 30	(122.012.830.421)	(79.473.786.689)
26	9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28, 30	(157.278.103.895)	(133.935.149.388)
30	10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		539.904.397.080	516.126.583.318
31	11.	Thu nhập khác	29	30.075.479.191	150.308.162.340
32	12.	Chi phí khác	29	(29.500.193.177)	(17.331.783.632)
40	13.	Lợi nhuận khác	29	575.286.014	132.976.378.708
50	14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		540.479.683.094	649.102.962.026
51	15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(88.068.991.520)	(112.502.830.762)
52	16.	(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31.3	(550.620.660)	5.948.908.123
60	17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN		451.860.070.914	542.549.039.387

Lê Văn Danh
Người lập

Lê Phát Tín
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 9 năm 2019

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NIÊN ĐỘ 18-19

TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN RIÊNG 18-19

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

B03-DN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**540.479.683.094**	**649.102.962.026**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	12, 13, 14	79.961.221.373	128.449.876.866
03	(Hoàn nhập dự phòng) các khoản dự phòng		(45.261.293.695)	54.272.323.438
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.321.701.772)	418.362.103
05	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư		(676.831.501.500)	(581.334.800.711)
06	Chi phí lãi vay	27	370.173.805.404	286.316.265.526
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**267.200.212.904**	**537.224.989.248**
09	Tăng các khoản phải thu		(508.481.945.515)	(554.915.402.543)
10	Giảm hàng tồn kho		431.602.097.028	113.918.720.624
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(8.257.774.109)	79.868.561.009
12	Tăng chi phí trả trước		(32.569.895.126)	(83.400.440.215)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		2.514.265.753	66.850.678.653
14	Tiền lãi vay đã trả		(376.532.719.696)	(266.740.905.374)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19	(55.565.878.039)	(67.574.822.452)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.319.046.376)	(8.864.909.967)
20	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(290.410.683.176)**	**(183.633.531.017)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(803.506.338.890)	(188.447.741.905)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		363.982.156.119	7.352.117.840
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng		(1.314.800.000.000)	(499.800.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi ngân hàng		1.304.600.000.000	356.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(8.662.795.800)	(23.543.379.154)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.266.500.000.000	218.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		113.969.169.181	33.058.823.955
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng) vào hoạt động đầu tư**		**922.082.190.610**	**(97.380.179.264)**

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền chi mua cổ phiếu quỹ		-	(1.099.985.561.092)
33	Tiền thu từ đi vay		7.335.040.965.504	6.058.935.327.364
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(7.554.099.715.765)	(4.683.526.526.719)
36	Cổ tức đã trả	24.2	(192.683.748.039)	(12.074.600)
40	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính**		**(411.742.498.300)**	**275.411.164.953**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**219.929.009.134**	**(5.602.545.328)**
60	**Tiền đầu năm**		**56.585.754.828**	**62.187.577.074**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(8.066.520)	723.082
70	**Tiền cuối năm**	**4**	**276.506.697.442**	**56.585.754.828**

Lê Văn Danh
Người lập

Lê Phát Tín
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 9 năm 2019

CAM KẾT TÍNH TRUNG THỰC VÀ HỢP LÝ CỦA BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TÓM TẮT

Với định hướng

VÌ MỘT NGÀNH NÔNG NGHIỆP XANH, SẠCH & MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TTC Biên Hòa đã có những chiến lược cụ thể khi liên tục cải tiến dây chuyền công nghệ để cho ra đời những sản phẩm chất lượng, thiên nhiên và an toàn cho sức khỏe người dùng như Đường Organic, Đường Vàng khoáng chất, Đường Vàng thiên nhiên, Đường Phèn vàng thiên nhiên, Syrup…, phục vụ cho đa dạng nhu cầu của từng phân khúc Khách hàng, đồng hành cùng Nông dân, giữ vững giá trị tạo ra cho Cổ đông và Nhà đầu tư. Niên độ 18-19, Công ty đầu tư thêm hệ thống Điện Mặt trời trên mái nhà của kho, xưởng, văn phòng theo định hướng mà Nhà nước đang khuyến khích đầu tư, nhằm tận dụng tối đa các nguồn Năng lượng tái tạo, giảm thiểu các tác nhân gây ô nhiễm Môi trường, mang lại giá trị cho Xã hội.

Nền tảng hoạt động phù hợp, căn cơ chính là cơ sở để TTC Biên Hòa tiếp tục kiện toàn năng lực Quản trị, hướng tới những chuẩn mực và thông lệ cao hơn của quốc tế. Công ty đã hợp tác với Deloitte và IFC để xây dựng chiến lược phát triển ngắn, trung và dài hạn trong từng hoàn cảnh nhất định, nâng cao hiệu quả CBTT, minh bạch hóa các hoạt động doanh nghiệp, đảm bảo quyền lợi CĐ và các BLQ. Bên cạnh đó, Công ty đặc biệt quan tâm đến các cam kết về Môi trường và Xã hội. Đây là những yếu tố trọng yếu để đưa Công ty đạt được những định hướng vươn tầm quốc tế, rút ngắn khoảng cách giữa Ngành Đường Việt Nam và Khu vực, tiếp tục thu hút đầu tư từ các đối tác chiến lược nước ngoài.

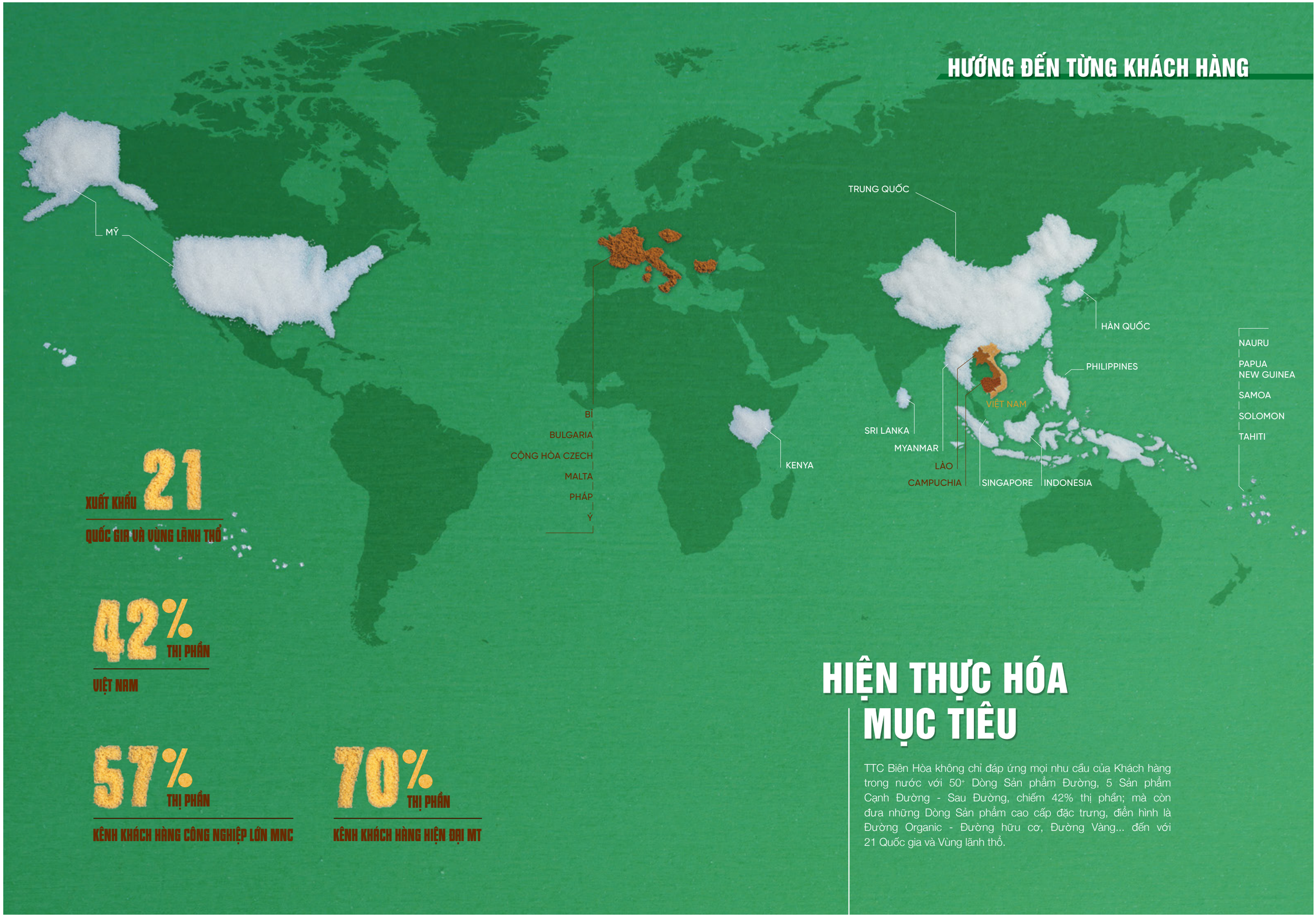
Tại TTC Biên Hòa, bình đẳng giới và phát huy vai trò của phụ nữ trong quản lý doanh nghiệp, các vấn đề về bảo vệ Môi trường, sức khỏe Cộng đồng đang rất được xem trọng. Với việc góp mặt trong Rổ Chỉ số PTBV VNSI của HOSE, cổ phiếu SBT được kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì vị thế và hướng tới việc đạt được các tiêu chí của một CỔ PHIẾU XANH. Với chức năng và vai trò của Phòng KTNB, chúng tôi cam kết:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN	BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TÓM TẮT
Nội dung được trình bày trong BCTN đáp ứng đầy đủ các quy định về CBTT theo yêu cầu của Thông tư 155/2015/TT-BTC Hướng dẫn CBTT trên TTCK	Hệ thống kiểm soát do BĐH thiết lập đã vận hành tốt trong việc kiểm soát và đảm bảo sự hợp lý của các chỉ số được trình bày trên Báo cáo PTBV
Nội dung trong BCTN đang hướng đến các thông lệ tốt trên thị trường và những tiêu chuẩn đã được các tổ chức quốc tế công nhận: Bộ Nguyên tắc QTCT G20/OECD (2015), Thẻ điểm QTCT ASEAN (2017-2018), Bộ Nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất dành cho các Công ty đại chúng do HOSE và IFC thực hiện (2019)	Các chỉ số đang được Công ty hướng đến trong Báo cáo PTBV dựa theo Bộ Tiêu chuẩn Báo cáo PTBV GRI Hợp nhất (2016). Báo cáo PTBV còn nhận được sự hướng dẫn và đào tạo của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu - GRI Việt Nam
Tất cả các thông tin, dữ liệu tài chính được trình bày trong BCTN đồng nhất với BCTC đã được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	Nội dung trong Báo cáo PTBV là phù hợp và phản ánh đúng chiến lược phát triển của Công ty dựa trên lợi ích cốt lõi của Công ty, CĐ và các BLQ nhằm hướng tới những mục tiêu Quản trị hiệu quả, Sản phẩm vì Khách hàng, Đồng hành cùng Người Nông dân và Trách nhiệm với Cộng đồng
Báo cáo thường niên phản ánh tổng thể tình hình hoạt động SXKD, các đầu tư dự án và tình hình tài chính trong NĐ, hướng tới 4 đối tượng chính của Báo cáo là *Cổ đông - Nhà Đầu tư, Khách hàng, Người Nông dân và Cộng đồng - Xã hội*.	Báo cáo PTBV được trình bày hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, mối quan hệ tương hỗ giữa các BLQ, phản ánh tổng thể 3 Chỉ tiêu chính là Kinh tế, Môi trường và Xã hội; hướng tới mục tiêu minh bạch hóa thông tin, bảo vệ quyền lợi của các BLQ.

Phát triển bền vững vừa là nền tảng để doanh nghiệp xây dựng bộ máy hoạt động, tối ưu quy trình SXKD, mà còn là mục tiêu hướng đến của những doanh nghiệp có tầm nhìn dài hạn đến từ việc tạo ra giá trị cho chính Công ty, cho Môi trường, cho Cộng đồng và cho Xã hội.

Huỳnh Thành Nhân
Trưởng Phòng
Phòng Kiểm toán nội bộ

HƯỚNG ĐẾN TỪNG KHÁCH HÀNG



21
XUẤT KHẨU
QUỐC GIA VÀ VÙNG LÃNH THỔ

42%
THỊ PHẦN
VIỆT NAM

57%
THỊ PHẦN
KÊNH KHÁCH HÀNG CÔNG NGHIỆP LỚN MNC

70%
THỊ PHẦN
KÊNH KHÁCH HÀNG HIỆN ĐẠI MT

HIỆN THỰC HÓA MỤC TIÊU

TTC Biên Hòa không chỉ đáp ứng mọi nhu cầu của Khách hàng trong nước với 50+ Dòng Sản phẩm Đường, 5 Sản phẩm Cạnh Đường - Sau Đường, chiếm 42% thị phần; mà còn đưa những Dòng Sản phẩm cao cấp đặc trưng, điển hình là Đường Organic - Đường hữu cơ, Đường Vàng... đến với 21 Quốc gia và Vùng lãnh thổ.

NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT DÀNH CHO KHÁCH HÀNG

THÁNG 7 / 2018

» ***"Cào ngay trúng lớn - Ngọt mãi Việt Nam ơi!":***
Giải thưởng 3 tỷ đồng

» ***"TTC Biên Hòa - Thương hiệu thực phẩm xuất sắc 2018" - CMO Asia - Singapore:***
Thương hiệu uy tín Ngành Gia vị

THÁNG 8 / 2018

Khai trương Cửa hàng TTC Organic Farm Biên Hòa:
Đa dạng sản phẩm Đường hữu cơ đến người tiêu dùng

THÁNG 10 / 2018

Hội Chợ triển lãm Thương mại - Dịch vụ - Du lịch TP. HCM:
Tỉnh Savannakhet, Lào - Lần 2 năm 2018

THÁNG 12 / 2018

Chiến dịch truyền thông mùa Tết đầu tiên thương hiệu Đường Sạch Biên Hòa - "Tết sao cho ngọt":
Hiệu ứng lan tỏa, mang món quà Tết đi khắp Việt Nam

THÁNG 2 / 2019

"Tôi có thể bán hàng - Lần 2":
Tăng cường quảng bá thương hiệu Đường sạch TTC Biên Hòa đến người tiêu dùng

THÁNG 3 / 2019

Cùng BHS Trading tổ chức "Gặp gỡ nhà phân phối":
Hội nghị, hoạt động tham quan nhà máy, nông trường Tây Ninh; gia tăng niềm tin và tăng cường hợp tác

THÁNG 4 / 2019

"Hội chợ triển lãm Tôn vinh hàng Việt 2019" - Hiệp hội Doanh nghiệp TP. HCM:
TTC Biên Hòa giới thiệu các sản phẩm Đường sạch đến người tiêu dùng





NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT

SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ

~ 749.000 TẤN ĐƯỜNG

TĂNG TRƯỞNG CÙNG KỲ 31%+

50+ DÒNG SẢN PHẨM

- **16** DÒNG SẢN PHẨM ĐƯỜNG RE
- DÒNG SẢN PHẨM ĐƯỜNG RS **14**
- **6** DÒNG SẢN PHẨM ĐƯỜNG VÀNG
- DÒNG SẢN PHẨM ĐƯỜNG PHÈN **5**
- **5** DÒNG SẢN PHẨM CHỨC NĂNG VÀ ĐƯỜNG ĂN KIÊNG
- DÒNG SẢN PHẨM ĐƯỜNG ORGANIC **4**
- **2** DÒNG SẢN PHẨM ĐƯỜNG LỎNG

5 SẢN PHẨM CẠNH ĐƯỜNG - SAU ĐƯỜNG
(Nước uống tinh khiết chiết xuất hương Mía Miaqua, Bã Mía, Điện thương phẩm, Mật rỉ, Phân vi sinh)

NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT



63 TỈNH, THÀNH PHỐ TRÊN CẢ NƯỚC

42 % THỊ PHẦN NỘI ĐỊA

4 KÊNH PHÂN PHỐI
Doanh nghiệp B2B, Tiêu dùng B2C, Thương mại, Xuất khẩu

KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP B2B
CÔNG NGHIỆP LỚN MNC
57% thị phần

30+ KHÁCH HÀNG

KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP B2B
TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP SME
15% thị phần

700+ KHÁCH HÀNG

KHÁCH HÀNG TIÊU DÙNG B2C
KÊNH TRUYỀN THỐNG GT
10% thị phần

60.000 CỬA HÀNG BÁN LẺ

100 NHÀ PHÂN PHỐI

KHÁCH HÀNG TIÊU DÙNG B2C
KÊNH HIỆN ĐẠI MT
70% thị phần

3.600 SIÊU THỊ, CỬA HÀNG TIỆN LỢI

KHÁCH HÀNG TRỌNG YẾU
4% thị phần

3.500 ĐIỂM BÁN



21 THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

BẮC MỸ (1); CHÂU ÂU (6);
CHÂU Á (8); CHÂU PHI (1);
CÁC HÒN ĐẢO THÁI BÌNH DƯƠNG (5)

4 TRUNG TÂM 3S

BÁN HÀNG
BẢO HÀNH - SỬA CHỮA
PHỤ TÙNG CHÍNH HIỆU

10 CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ

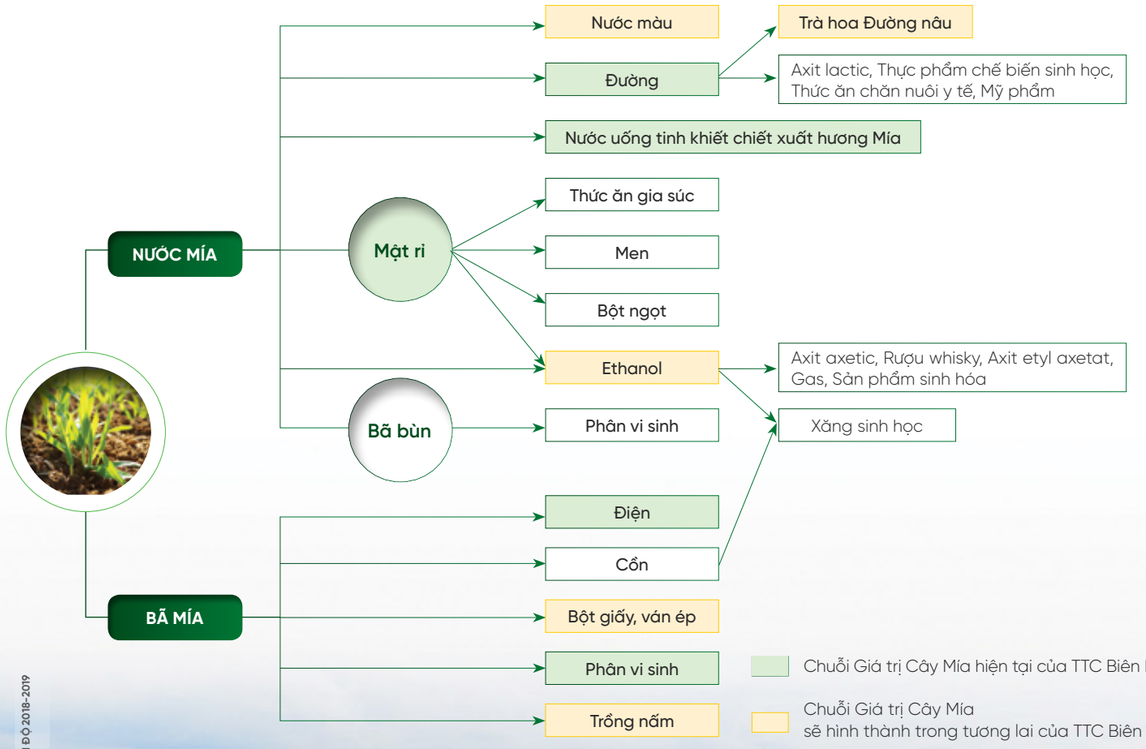
GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ NGÀNH THỰC PHẨM **5**

CHUỖI GIÁ TRỊ CÂY MÍA VÀ NHỮNG NỖ LỰC CỦA TTC BIÊN HÒA

"Để gia tăng giá trị khai thác của Cây Mía, việc cơ cấu lại Ngành Công nghiệp chế biến Đường theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, tối ưu hóa Chuỗi Giá trị từ Cây Mía nhằm giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh với các doanh nghiệp Đường lớn trên thế giới là một trong những xu hướng và là yêu cầu cấp thiết hiện nay."

Thực tế, tại các quốc gia sản xuất Đường tiêu biểu trên thế giới, cơ cấu sản phẩm Đường chỉ chiếm 60%, còn lại 40% là các sản phẩm phụ (Điện, Cồn, Phân vi sinh...). Trong khi đó, các nhà máy tại Việt Nam chủ yếu làm ra sản phẩm Đường nên chi phí giá thành sản xuất cao, không đủ sức cạnh tranh với Đường của các Nước đang thống trị Ngành trên thế giới như Brazil, Ấn Độ, Trung Quốc và gần nhất trong Khu vực của chúng ta là Thái Lan.

CHUỖI GIÁ TRỊ HOÀN HẢO CỦA CÂY MÍA



Nguồn: TTC Biên Hòa tổng hợp

Ứng dụng của Cây Mía rất đa dạng, ngoài được dùng để sản xuất sản phẩm chính là Đường thì trong quá trình sản xuất Đường còn được tận dụng để sản xuất ra các Phụ phẩm như: Ngọn Mía làm thức ăn cho bò; Bã Mía cung cấp nhà máy phát điện, làm ống hút thân thiện Môi trường, khay đựng trứng hoặc làm giá thể trồng cây; Mật rỉ làm nấm men của thức ăn gia súc... Ngành Đường Việt Nam nói chung và TTC Biên Hòa nói riêng hiện vẫn chưa khai thác được hết những tiềm năng từ Chuỗi Giá trị của Cây Mía, do đó việc phát triển sản phẩm Cạnh Đường - Sau Đường còn khá hạn chế so với các quốc gia Mía Đường phát triển khác trong Khu vực và trên Thế giới. Nguyên nhân chủ yếu là do đất canh tác Mía phần lớn do các nông dân cá thể sở hữu, rất ít những cánh đồng Mía lớn, trình độ canh tác và áp dụng kỹ thuật công nghệ còn yếu kém. Sự đơn lẻ, thiếu liên kết giữa các tác nhân trong Ngành và khâu định hướng chiến lược trong công tác quy hoạch, sản xuất còn nhiều hạn chế đã dẫn đến sự lỏng lẻo trong từng mắt xích của Chuỗi Giá trị toàn Ngành Mía Đường. Ngoài ra, do các doanh nghiệp Đường trong nước vẫn chưa bắt kịp xu hướng công nghệ như các Nước trong Khu vực như Thái Lan, Trung Quốc, cũng như kỹ thuật tiên tiến trên thế giới như Anh, Đức nên trong quá trình thử nghiệm sản xuất các Phụ phẩm chưa đạt hiệu quả theo mục tiêu đề ra để có thể sản xuất ở quy mô lớn.

Với vị thế là Doanh nghiệp đầu Ngành, TTC Biên Hòa đã rất nỗ lực trong việc phát triển, đồng thời gia tăng tỷ trọng các sản phẩm Cạnh Đường - Sau Đường trong tổng cơ cấu sản phẩm nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh, nắm bắt cơ hội tăng trưởng khi xu hướng thế giới đang ngày càng quan tâm hơn đến các vấn đề bảo vệ Môi trường *"sản phẩm Sạch và Xanh"*. Để triển khai các giải pháp liên kết chuỗi sản xuất, hỗ trợ Người Nông dân trồng Mía, TTC Biên Hòa đã trực tiếp liên kết với Nông dân đầu tư giống, hỗ trợ tài chính, tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa tất cả các khâu tưới nước, bón phân, bao tiêu để tạo ra sản phẩm chất lượng nhưng chi phí sản xuất thấp. Ngoài ra, Công ty còn đầu tư nhà máy sản xuất sản phẩm phụ từ Cây Mía quy mô tập trung khép kín để giảm giá thành, chứ không nhỏ lẻ như hiện nay.

Chuỗi giá trị Cây Mía của TTC Biên Hòa và một số Công ty Sản xuất Đường chọn lọc trên thế giới

Các sản phẩm Đường và Cạnh Đường - Sau Đường	TTC Biên Hòa (Việt Nam)	Mitr Phol Group (Thái Lan)	Südzucker (Đức)	AB Sugar (Anh)	(Trung Quốc)
Đường	x	x	x	x	x
Nước uống từ Mía	x				
Bã Mía	x	x	x	x	x
Trồng nấm	Đang lập kế hoạch				
Giấy/Bột giấy	Đang lập kế hoạch	x			x
Điện	x			x	x
Mật rỉ	x	x	x	x	x
Trà hoa Đường nâu	T7/2019 ra thị trường				
Nước màu	T10/2019 ra thị trường		x		x
Phân vi sinh	x	x		x	x
Ethanol/Nhiên liệu sinh học	Đang lập kế hoạch	x	x	x	x
Bột ngọt		x			
Lên men					x
Mỹ phẩm/Hương		Đã có kế hoạch		x	
Chất tẩy rửa/Bôi trơn			Chất tẩy bề mặt		
CO_2 hóa lỏng			x	x	x
Xi măng					x
Thức ăn gia súc				x	

Nguồn: TTC Biên Hòa tổng hợp



CHUỖI GIÁ TRỊ CÂY MÍA

CHUỖI GIÁ TRỊ SẼ HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI GẦN

"So với Chuỗi Giá trị chuẩn của Ngành Đường, mặc dù còn nhiều hạn chế về số lượng các sản phẩm Cạnh Đường - Sau Đường, nhưng TTC Biên Hòa đang từng bước hoàn thiện về nhân lực và công nghệ để tiến hành sản xuất các sản phẩm Phụ phẩm Sạch và Xanh hiện đang được xem là xu hướng, thể hiện nỗ lực của TTC Biên Hòa trong việc gia tăng giá trị các sản phẩm từ Cây Mía."

Sản phẩm	Thông tin
Trồng Nấm	» Đã nghiên cứu việc sản xuất giá thể Nấm từ Bã Mía để phục vụ cho việc nuôi trồng Nấm các loại » Dự án này đã thực hiện thành công ở quy mô sản xuất thử nghiệm
Sản xuất Bột giấy từ Bã Mía	» Đang triển khai nghiên cứu khả thi việc đầu tư Nhà máy Sản xuất Bột giấy để làm nguyên liệu sản xuất các dụng cụ, đồ dùng chứa thức ăn như hộp, khay, ly… từ Bã Mía » Dự án này góp phần vào việc hạn chế phát thải chất thải nhựa
Sản xuất Ethanol	» Sản xuất nguyên liệu sinh học đang là xu hướng tất yếu của thế giới, TTC Biên Hòa đã có kế hoạch sản xuất Ethanol từ Mật rỉ để mở rộng Chuỗi Giá trị sản xuất, đồng thời nắm bắt cơ hội tăng trưởng trong tương lai » Định hướng trong 2 năm tới, khi nhà máy Đường ở Campuchia hoạt động, TTC Biên Hòa sẽ chính thức triển khai việc sản xuất Ethanol và các Phụ phẩm kèm theo từ sản xuất Ethanol như CO_2, Vinass...
Phân vi sinh lỏng	Việc sản xuất Phân vi sinh dạng lỏng sẽ nghiên cứu thực hiện đồng thời khi triển khai sản xuất Ethanol.

DANH MỤC SẢN PHẨM ĐA DẠNG CỦA TTC BIÊN HÒA NIÊN ĐỘ 18-19

SẢN PHẨM CHÍNH TỪ MÍA CỦA TTC BIÊN HÒA

Sản phẩm Đường

- A. ĐƯỜNG RS
- B. ĐƯỜNG RE
- C. ĐƯỜNG ORGANIC
- D. ĐƯỜNG PHÈN
- E. ĐƯỜNG VÀNG
- F. DÒNG SẢN PHẨM CHỨC NĂNG
- G. ĐƯỜNG LỎNG

Sản phẩm Cạnh Đường - Sau Đường

SẢN PHẨM CẠNH ĐƯỜNG

1. Nước uống tinh khiết chiết xuất hương Mía - Miaqua
2. Bã Mía

SẢN PHẨM SAU ĐƯỜNG

1. Điện thương phẩm
2. Mật rỉ
3. Phân vi sinh



PHÂN LOẠI SẢN PHẨM ĐƯỜNG CỦA TTC BIÊN HÒA

A. ĐƯỜNG RS





ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN - THƯƠNG HIỆU ĐỊA PHƯƠNG

TTC Nước Trong
TTC Ninh Hòa
TTC Gia Lai
TTC Phan Rang

Quy cách đóng gói:
» Bao 50 kg

Thị trường mục tiêu:
» Kênh Khách hàng Thương mại, Doanh nghiệp lớn B2B – Tiểu thủ Công nghiệp SME yêu thích các sản phẩm truyền thống và có mối quan hệ lâu năm

Ưu điểm sản phẩm:
» Sản phẩm RS theo tiêu chuẩn trung bình của thị trường

Năm: 2016





DANH MỤC SẢN PHẨM ĐA DẠNG CỦA TTC BIÊN HÒA NIÊN ĐỘ 18-19
PHÂN LOẠI SẢN PHẨM ĐƯỜNG CỦA TTC BIÊN HÒA

A. ĐƯỜNG RS





ĐƯỜNG TRẮNG THƯỢNG HẠNG

Biên Hòa Daily/Mimosa

Quy cách đóng gói:
- Bao 12 kg
- Bao 50 kg

Thị trường mục tiêu:
- Kênh Khách hàng Doanh nghiệp B2B - Công nghiệp lớn MNC, Tiểu thủ Công nghiệp SME tầm trung nhưng yêu cầu cao về độ màu

Ưu điểm sản phẩm:
- Sản phẩm đáp ứng nhu cầu Khách hàng về chất lượng cao
- Mức giá cạnh tranh

Năm: 2019

ĐƯỜNG TRẮNG CAO CẤP

Biên Hòa Daily/Mimosa





Quy cách đóng gói:
- Bao 10 kg
- Bao 25 kg
- Bao 50 kg
- 40 túi x 500 gr (Bao 20 kg)
- 20 túi x 1 kg (Bao 20 kg)

Thị trường mục tiêu:
- Kênh Khách hàng Doanh nghiệp B2B - Tiểu thủ Công nghiệp SME tầm trung, yêu cầu về độ màu 150 lcumsa nhưng không yêu cầu cao về các chỉ tiêu nguyên tố vi lượng
- Kênh Khách hàng Tiêu dùng B2C

Ưu điểm sản phẩm:
- Sản phẩm RS đạt yêu cầu cao về chất lượng
- Khách Tiêu dùng B2C quan tâm đến nguồn gốc, giá cả phải chăng

Năm: 2012

ĐƯỜNG TRẮNG CAO CẤP

TSU Family



Quy cách đóng gói:
- 40 túi x 500 gr (Bao 20 kg)
- 20 túi x 1 kg (Bao 20 kg)

Thị trường mục tiêu:
- Kênh Khách hàng Tiêu dùng B2C trung và cao cấp

Ưu điểm sản phẩm:
- Sản phẩm RS đạt yêu cầu cao về chất lượng
- Quan tâm xuất xứ hàng hóa, giá cả phải chăng

Năm: 2015

ĐƯỜNG XUẤT KHẨU

Biên Hòa Domin



Quy cách đóng gói:
- 40 túi x 500 gr (Bao 20 kg)
- 20 túi x 1 kg (Bao 20 kg)

Thị trường mục tiêu:
- Kênh Khách hàng Tiêu dùng B2C phổ thông

Ưu điểm sản phẩm:
- Được sản xuất bằng công nghệ hiện đại với hệ thống quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm tiên tiến, nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn quốc tế, sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu hoàn toàn tự nhiên, tinh khiết
- Quan tâm đến giá cả phải chăng, có thói quen đến siêu thị, cửa hàng uy tín để mua sắm

Năm: 2018

DANH MỤC SẢN PHẨM ĐA DẠNG CỦA TTC BIÊN HÒA NIÊN ĐỘ 18-19

PHÂN LOẠI SẢN PHẨM ĐƯỜNG CỦA TTC BIÊN HÒA

A. ĐƯỜNG RS





ĐƯỜNG KÍNH TRẮNG

Biên Hòa Saving
TTC Phan Rang
TTC Gia Lai

Quy cách đóng gói:
- Bao 12 kg
- Bao 50 kg

Thị trường mục tiêu:
- Kênh Khách hàng Thương mại, Doanh nghiệp B2B - Tiểu thủ Công nghiệp SME, địa phương
- Kênh Khách hàng Tiêu dùng B2C phổ thông

Ưu điểm sản phẩm:
- Sản phẩm RS theo tiêu chuẩn trung bình của thị trường
- Khách hàng Tiêu dùng B2C quan tâm về giá cả cạnh tranh

Năm: 2018





ĐƯỜNG SẠCH

Biên Hòa Saving

Quy cách đóng gói:
- 40 túi x 500 gr (Bao 20 kg)
- 20 túi x 1 kg (Bao 20 kg)

Thị trường mục tiêu:
- Kênh Khách hàng Tiêu dùng B2C phổ thông quan tâm về giá cả cạnh tranh

Ưu điểm sản phẩm:
- Sản phẩm RS theo tiêu chuẩn trung bình của thị trường

Năm: 2018

B. ĐƯỜNG RE



ĐƯỜNG QUE

Biên Hòa Joy

Quy cách đóng gói:
- 20 x 1 gói (50 x 6 gr)
- 20 x 1 gói (50 x 6 gr)

Thị trường mục tiêu:
- Kênh Khách hàng Tiêu dùng B2C tầm trung, cao cấp

Ưu điểm sản phẩm:
- Sản phẩm Đường Que mang tính tiện lợi phù hợp sử dụng trong các quán cà phê, nhà hàng, khách sạn
- Thuận tiện khi mang đi xa

Năm: 2011



ĐƯỜNG QUE

Sticksu

Quy cách đóng gói:
- 30 x 1 gói (50 x 6 gr)
- 30 x 1 gói (50x 8 gr)

Thị trường mục tiêu:
- Kênh Khách hàng Tiêu dùng B2C tầm trung

Ưu điểm sản phẩm:
- Sản phẩm Đường Que mang tính tiện lợi phù hợp sử dụng trong các quán cà phê, nhà hàng, khách sạn
- Thuận tiện khi mang đi xa

Năm: 2011

ĐƯỜNG TINH LUYỆN ĐẶC BIỆT

Biên Hòa Pure/Mimosa





Quy cách đóng gói:
- Bao 10 kg
- Bao 25 kg
- Bao 50 kg
- 12 x 800 gr

Thị trường mục tiêu:
- Kênh Khách hàng Doanh nghiệp B2B - Công nghiệp lớn MNC, yêu cầu cao về chất lượng, độ màu Icumsa
- Kênh Khách hàng Tiêu dùng B2C tầm trung, cao cấp, yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm cao, rõ xuất xứ nguồn gốc

Ưu điểm sản phẩm:
- Chất lượng cao
- Đáp ứng nhu cầu chất lượng, màu sắc đối với Khách hàng có yêu cầu đặc biệt:
  - Khách hàng Công nghiệp lớn MNC cao cấp: Dược phẩm, Nước giải khát
  - Khách hàng có yêu cầu cao về đặc tính kỹ thuật đạt tiêu chuẩn quốc tế

Năm: 2015

DANH MỤC SẢN PHẨM ĐA DẠNG CỦA TTC BIÊN HÒA NIÊN ĐỘ 18-19
PHÂN LOẠI SẢN PHẨM ĐƯỜNG CỦA TTC BIÊN HÒA

B. ĐƯỜNG RE





ĐƯỜNG TINH LUYỆN TIÊU CHUẨN

Biên Hòa Pure

Quy cách đóng gói:

» 40 túi x 500 gr (Bao 20 kg)
» 20 túi x 1 kg (Bao 20 kg)
» Bao 50 kg

Thị trường mục tiêu:

» Sản phẩm đóng túi: Nhóm Khách hàng tầm trung phân phối qua các Kênh Tiêu dùng B2C - Hiện đại MT, Truyền thống GT
» Sản phẩm đóng bao: Nhóm Khách hàng cao cấp, yêu cầu chất lượng tương đương với Đường Trắng Cao cấp nhưng nghiêm ngặt hơn đối với một số chỉ tiêu nguyên tố vi lượng, phân phối qua Kênh Doanh nghiệp B2B - Tiểu thủ Công nghiệp SME

Ưu điểm sản phẩm:

» Có tiêu chuẩn trung bình
» Đáp ứng hầu hết nhu cầu sản xuất các loại thực phẩm:
  • Đồ uống
  • Sữa đặc, sữa nước
  • Thủy hải sản
  • Tiêu dùng trực tiếp: Gia đình, quán cà phê

Năm: 2011



ĐƯỜNG TINH LUYỆN TIÊU CHUẨN

Mimosa

Quy cách đóng gói:

» Bao 50 kg

Thị trường mục tiêu:

» Kênh Khách hàng cao cấp, yêu cầu chất lượng tương đương với Đường Trắng Cao cấp nhưng nghiêm ngặt hơn về một số chỉ tiêu nguyên tố vi lượng

Ưu điểm sản phẩm:

» Có tiêu chuẩn trung bình
» Đáp ứng hầu hết nhu cầu sản xuất các loại thực phẩm:
  • Đồ uống
  • Sữa đặc, sữa nước
  • Thủy hải sản
  • Tiêu dùng trực tiếp: Gia đình, quán cà phê

Năm: 2015





ĐƯỜNG TINH LUYỆN HẠT NHUYỄN

Biên Hòa Pure/Mimosa

Quy cách đóng gói:

» Bao 10 kg
» Bao 25 kg
» Bao 50 kg

Thị trường mục tiêu:

» Kênh Khách hàng Doanh nghiệp B2B - Công nghiệp lớn MNC cao cấp, yêu cầu đặc biệt về độ mịn của tinh thể Đường để hỗ trợ quá trình hòa tan và trang trí

Ưu điểm sản phẩm:

» Loại Đường có kích cỡ đặc biệt
» Đáp ứng nhu cầu về kích cỡ, chất lượng, mùi vị của Khách hàng
» Chủ yếu phục vụ cho những phân khúc Khách hàng có nhu cầu trộn trực tiếp vào sản phẩm:
  • Sữa bột
  • Cà phê hòa tan
  • Trang trí bánh kẹo

Năm: 2007

DANH MỤC SẢN PHẨM ĐA DẠNG CỦA TTC BIÊN HÒA NIÊN ĐỘ 18-19
PHÂN LOẠI SẢN PHẨM ĐƯỜNG CỦA TTC BIÊN HÒA

B. ĐƯỜNG RE



ĐƯỜNG TINH LUYỆN THƯỢNG HẠNG

Biên Hòa Pure

Quy cách đóng gói: Bao 50 kg

Thị trường mục tiêu:

» Kênh Khách hàng cao cấp, yêu cầu nghiêm ngặt về chất lượng

Ưu điểm sản phẩm:

» Độ tinh khiết cao
» Chất lượng tốt nhất trên thị trường
» Đáp ứng các nhu cầu khắt khe nhất của Kênh Khách hàng Công nghiệp lớn MNC như Dược phẩm

Năm: 2015



ĐƯỜNG TINH LUYỆN THƯỢNG HẠNG

Mimosa/Pure

Quy cách đóng gói: Bao 50 kg

Thị trường mục tiêu:

» Kênh Khách hàng cao cấp, yêu cầu đặc biệt về độ màu thấp

Ưu điểm sản phẩm:

» Độ tinh khiết cao
» Chất lượng tốt nhất trên thị trường
» Đáp ứng các nhu cầu khắt khe nhất của Kênh Khách hàng Doanh nghiệp B2B - Công nghiệp lớn MNC như Dược phẩm

Năm: 2015



ĐƯỜNG TINH LUYỆN THƯỢNG HẠNG

TSU Extra

Quy cách đóng gói:

» 40 túi x 500 gr (Bao 20 kg)
» 20 túi x 1 kg (Bao 20 kg)

Thị trường mục tiêu:

» Kênh Khách hàng Tiêu dùng B2C trung cấp, cao cấp

Ưu điểm sản phẩm:

» Độ tinh khiết cao
» Chất lượng tốt nhất trên thị trường

Năm: 2015

ĐƯỜNG TINH LUYỆN CAO CẤP

Pure/Mimosa



Quy cách đóng gói:

» Bao 10 kg
» Bao 25 kg
» Bao 50 kg

Thị trường mục tiêu:

» Kênh Khách hàng cao cấp, yêu cầu chất lượng, độ màu ở mức trung bình

Ưu điểm sản phẩm:

» Được ứng dụng khá rộng rãi trong các Ngành Công nghiệp
» Phù hợp với các tiêu chuẩn sản xuất cao của hầu hết Khách hàng sản xuất trong Ngành hàng:
  - Thực phẩm
  - Nước giải khát
  - Bánh kẹo
  - Sữa kem
  - Thủy hải sản
  - Tiêu dùng trực tiếp: Gia đình, quán cà phê
» Đáp ứng được yêu cầu khá phổ biến của thị trường

Năm: 2014



ĐƯỜNG TINH LUYỆN CAO CẤP

TSU Premium

Quy cách đóng gói:

» 40 túi x 500 gr (Bao 20 kg)
» 20 túi x 1 kg (Bao 20 kg)

Thị trường mục tiêu:

» Kênh Khách hàng Tiêu dùng B2C cao cấp

Ưu điểm sản phẩm:

» Đáp ứng nhu cầu mua sắm của Kênh Khách hàng có thói quen mua sắm tại các trung tâm mua sắm lớn, uy tín

Năm: 2015



ĐƯỜNG TINH LUYỆN XUẤT KHẨU

Biên Hòa Pure

Quy cách đóng gói:

» Bao 12 kg
» Bao 50 kg

Thị trường mục tiêu:

» Kênh Khách hàng Doanh nghiệp B2B - Công nghiệp lớn MNC, Tiểu thủ Công nghiệp SME
» Yêu cầu chất lượng, độ màu Icumsa ở mức trung bình

Ưu điểm sản phẩm:

» Phù hợp với các tiêu chuẩn sản xuất cao của hầu hết Khách hàng sản xuất trong Ngành hàng:
  - Thực phẩm
  - Nước giải khát
  - Bánh kẹo
  - Sữa kem
  - Thủy hải sản
  - Tiêu dùng trực tiếp: Gia đình, quán cà phê

Năm: 2019

DANH MỤC SẢN PHẨM ĐA DẠNG CỦA TTC BIÊN HÒA NIÊN ĐỘ 18-19
PHÂN LOẠI SẢN PHẨM ĐƯỜNG CỦA TTC BIÊN HÒA

C. ĐƯỜNG ORGANIC



ĐƯỜNG ORGANIC
TSU Special

Quy cách đóng gói:
- 24 túi x 500 gr
- Thùng 12 kg

Thị trường mục tiêu:
- Kênh Khách hàng Tiêu dùng B2C - Hiện đại MT cao cấp

Ưu điểm sản phẩm:
- Sản phẩm Đường hữu cơ
- Từ quy trình trồng Mía nguyên liệu đến khâu sản xuất, phân phối tuân thủ theo đúng quy định hữu cơ quốc tế
- Sản phẩm cao cấp theo tiêu chuẩn nghiêm ngặt của Mỹ, Châu Âu

Năm: 2016



ĐƯỜNG ORGANIC DARK BROWN
TSU Special

Quy cách đóng gói:
- 24 túi x 500 gr
- Thùng 12 kg

Thị trường mục tiêu:
- Kênh Khách hàng Tiêu dùng B2C - Hiện đại MT cao cấp

Ưu điểm sản phẩm:
- Sản phẩm Đường hữu cơ, dạng hạt mịn, lưu giữ đầy đủ hương vị ngọt lành từ thiên nhiên của Mật Mía

Năm: 2017



ĐƯỜNG ORGANIC
Golden Cane Sugar

Quy cách đóng gói:
- Bao 25 kg

Thị trường mục tiêu:
- Phân khúc Khách hàng đặc biệt (ED&F Man)
- Kênh Xuất khẩu
- Thị trường Châu Âu

Ưu điểm sản phẩm:
- Sản phẩm Đường hữu cơ
- Từ quy trình trồng Mía nguyên liệu đến khâu sản xuất và phân phối tuân thủ theo đúng quy định hữu cơ quốc tế
- Sản phẩm cao cấp theo tiêu chuẩn nghiêm ngặt của Mỹ và Châu Âu
- Phục vụ nhu cầu xuất khẩu

Năm: 2018



ĐƯỜNG ORGANIC
Extra Light Cane Sugar

Quy cách đóng gói:
- Bao 25 kg

Thị trường mục tiêu:
- Phân khúc Khách hàng đặc biệt (ED&F Man)
- Kênh Xuất khẩu
- Thị trường Châu Âu

Ưu điểm sản phẩm:
- Sản phẩm Đường hữu cơ
- Từ quy trình trồng Mía nguyên liệu đến khâu sản xuất và phân phối tuân thủ theo đúng quy định hữu cơ quốc tế
- Sản phẩm cao cấp theo tiêu chuẩn nghiêm ngặt của Mỹ và Châu Âu
- Phục vụ nhu cầu xuất khẩu

Năm: 2019

DANH MỤC SẢN PHẨM ĐA DẠNG CỦA TTC BIÊN HÒA NIÊN ĐỘ 18-19
PHÂN LOẠI SẢN PHẨM ĐƯỜNG CỦA TTC BIÊN HÒA

D. ĐƯỜNG PHÈN



ĐƯỜNG PHÈN
Biên Hòa Pro

Quy cách đóng gói:
» Bao 50 kg

Thị trường mục tiêu:
» Kênh Khách hàng Doanh nghiệp B2C - Tiểu thủ Công nghiệp SME cao cấp

Ưu điểm sản phẩm:
» Đường có kích cỡ to
» Đáp ứng thị hiếu tiêu dùng Khách hàng
» Sử dụng chế biến các sản phẩm:
- Nước thanh nhiệt
- Tổ yến chưng
- Hầm thuốc bắc
- Nấu chè…

Năm: 2011



ĐƯỜNG PHÈN
Biên Hòa Pro

Quy cách đóng gói:
» 24 x 500 gr
» Túi zip

Thị trường mục tiêu:
» Kênh Khách hàng Tiêu dùng B2C - Hiện đại MT cao cấp

Ưu điểm sản phẩm:
» Đường có kích cỡ to
» Đáp ứng thị hiếu tiêu dùng Khách hàng
» Sử dụng chế biến các sản phẩm:
- Nước thanh nhiệt
- Tổ yến chưng
- Hầm thuốc bắc
- Nấu chè…

Năm: 2011



ĐƯỜNG PHÈN THIÊN NHIÊN
Biên Hòa Pro

Quy cách đóng gói:
» Túi 500 gr/1 kg
» Thùng 12 kg

Thị trường mục tiêu:
» Kênh Khách hàng Tiêu dùng B2C - Hiện đại MT cao cấp

Ưu điểm sản phẩm:
» Đường có kích cỡ to
» Đáp ứng thị hiếu tiêu dùng Khách hàng
» Sử dụng chế biến các sản phẩm:
- Nước thanh nhiệt
- Tổ yến chưng
- Hầm thuốc bắc
- Nấu chè…

Năm: 2011



ĐƯỜNG PHÈN CAO CẤP
TSU Diamond

Quy cách đóng gói:
» 24 x 450 gr
» Hộp nhựa

Thị trường mục tiêu:
» Kênh Khách hàng Tiêu dùng B2C - Hiện đại MT cao cấp

Ưu điểm sản phẩm:
» Đường có kích cỡ to
» Đáp ứng thị hiếu tiêu dùng Khách hàng
» Sử dụng chế biến các sản phẩm:
- Nước thanh nhiệt
- Tổ yến chưng
- Hầm thuốc bắc
- Nấu chè…

Năm: 2016



ĐƯỜNG PHÈN VÀNG THIÊN NHIÊN
Biên Hòa Pro

Quy cách đóng gói:
» 24 x 500 gr - Túi zip
» 12 x 1 kg - Túi zip

Thị trường mục tiêu:
» Kênh Khách hàng Tiêu dùng B2C - Hiện đại MT cao cấp

Ưu điểm sản phẩm:
» Đường có kích cỡ to
» Đáp ứng thị hiếu tiêu dùng Khách hàng
» Sử dụng chế biến các sản phẩm:
- Nước thanh nhiệt
- Tổ yến chưng
- Hầm thuốc bắc
- Nấu chè…

Năm: 2018



ĐƯỜNG PHÈN VÀNG NGUYÊN CHẤT
Biên Hòa Pro

Quy cách đóng gói:
» 24 x 500 gr - Túi zip
» 12 x 1 kg - Túi zip

Thị trường mục tiêu:
» Kênh Khách hàng cao cấp Tiêu dùng B2C - Hiện đại MT

Ưu điểm sản phẩm:
» Đường có kích cỡ to
» Đáp ứng thị hiếu tiêu dùng Khách hàng
» Sử dụng chế biến các sản phẩm:
- Nước thanh nhiệt
- Tổ yến chưng
- Hầm thuốc bắc
- Nấu chè…

Năm: 2018

DANH MỤC SẢN PHẨM ĐA DẠNG CỦA TTC BIÊN HÒA NIÊN ĐỘ 18-19
PHÂN LOẠI SẢN PHẨM ĐƯỜNG CỦA TTC BIÊN HÒA

E. ĐƯỜNG VÀNG



ĐƯỜNG VÀNG THIÊN NHIÊN

Mimosa

Quy cách đóng gói:
» Bao 50 kg
Thị trường mục tiêu:
» Kênh Khách hàng Doanh nghiệp B2C - Tiểu thủ Công nghiệp SME tầm trung
Ưu điểm sản phẩm:
» Đáp ứng nhu cầu thị hiếu Khách hàng
» Giữ nguyên chất lượng, hương vị tự nhiên của Cây Mía
Năm: 2016



ĐƯỜNG VÀNG THIÊN NHIÊN

Biên Hòa Gold

Quy cách đóng gói:
» Bao 12 kg
» Bao 25 kg
» Bao 50 kg
Thị trường mục tiêu:
» Kênh Khách hàng Doanh nghiệp B2C - Tiểu thủ Công nghiệp SME cao cấp
Ưu điểm sản phẩm:
» Đáp ứng nhu cầu thị hiếu Khách hàng
» Giữ nguyên chất lượng, hương vị tự nhiên của Cây Mía
Năm: 2017



ĐƯỜNG VÀNG THIÊN NHIÊN

Biên Hòa Gold

Quy cách đóng gói:
» 20 túi x 1 kg (Bao 20 kg)
Thị trường mục tiêu:
» Kênh Khách hàng Tiêu dùng B2C - Hiện đại MT cao cấp
Ưu điểm sản phẩm:
» Đáp ứng nhu cầu thị hiếu Khách hàng
» Giữ nguyên chất lượng, hương vị tự nhiên của Cây Mía
Năm: 2017



ĐƯỜNG

Golden Cane Sugar

Quy cách đóng gói:
» Bao 25 kg
Thị trường mục tiêu:
» Phân khúc Khách hàng đặc biệt (ED&F Man)
» Kênh Xuất khẩu
» Thị trường Châu Âu
Ưu điểm sản phẩm:
» Đáp ứng nhu cầu thị hiếu Khách hàng
» Giữ nguyên chất lượng, hương vị tự nhiên của Cây Mía
Năm: 2018



ĐƯỜNG VÀNG

Cô Ba

Quy cách đóng gói:
» 40 túi x 500 gr (Bao 20 kg)
» 20 túi x 1 kg (Bao 20 kg)
Thị trường mục tiêu:
» Kênh Khách hàng Tiêu dùng B2C - Truyền thống GT, KA tầm trung
Ưu điểm sản phẩm:
» Đáp ứng nhu cầu thị hiếu Khách hàng
» Giữ nguyên chất lượng, hương vị tự nhiên của Cây Mía
Năm: 2019



ĐƯỜNG ĐEN

Dark Brown Sugar

Quy cách đóng gói:
» 20 túi x 1 kg (Bao 20 kg)
Thị trường mục tiêu:
» Kênh Khách hàng Tiêu dùng B2C - Hiện đại MT, Truyền thống GT, KA cao cấp
Ưu điểm sản phẩm:
» Sản phẩm không sử dụng hương liệu
» Giữ trọn vẹn hương vị Mật Mía
Năm: 2019

DANH MỤC SẢN PHẨM ĐA DẠNG CỦA TTC BIÊN HÒA NIÊN ĐỘ 18-19
PHÂN LOẠI SẢN PHẨM ĐƯỜNG CỦA TTC BIÊN HÒA

F. ĐƯỜNG CHỨC NĂNG VÀ ĐƯỜNG ĂN KIÊNG



ĐƯỜNG TINH LUYỆN VITAMIN A

Biên Hòa Value

Quy cách đóng gói:
- 20 túi x 1 kg
- Bao 20 kg

Thị trường mục tiêu:
- Kênh Khách hàng Tiêu dùng B2C - Hiện đại MT cao cấp

Ưu điểm sản phẩm:
- Sản phẩm đáp ứng được nhu cầu riêng biệt của Khách hàng về bổ sung vi lượng

Năm: 2008



ĐƯỜNG LÀM BÁNH

Biên Hòa Pro Baking

Quy cách đóng gói:
- 12 x 1 kg
- Túi zip

Thị trường mục tiêu:
- Kênh Khách hàng Tiêu dùng B2C - Hiện đại MT cao cấp

Ưu điểm sản phẩm:
- Sản phẩm đáp ứng được nhu cầu riêng biệt của Khách hàng: Làm bánh

Năm: 2012



ĐƯỜNG VÀNG KHOÁNG CHẤT

Biên Hòa Pure

Quy cách đóng gói:
- 20 túi x 1 kg (Bao 20 kg)

Thị trường mục tiêu:
- Kênh Khách hàng Tiêu dùng B2C - Hiện đại MT cao cấp

Ưu điểm sản phẩm:
- Sản phẩm đáp ứng được nhu cầu riêng biệt của Khách hàng: Bổ sung khoáng chất

Năm: 2012



ĐƯỜNG ĂN KIÊNG

Biên Hòa Light

Quy cách đóng gói:
- 12 x 1 hộp
- 50 x gói 5 gr

Thị trường mục tiêu:
- Kênh Khách hàng Tiêu dùng B2C - Hiện đại MT cao cấp

Ưu điểm sản phẩm:
- Sản phẩm đáp ứng được nhu cầu riêng biệt của Khách hàng: Ăn kiêng

Năm: 2017

G. ĐƯỜNG LỎNG



ĐƯỜNG LỎNG

Biên Hòa Syrup

Quy cách đóng gói:
- 2016:
  - 24 x chai 300 ml
  - 12 x chai 750 ml
  - 4 x chai 5l
- 2019 đổi tên là Đường lỏng Mía xanh:
  - Chai 250 ml (6 x 4; 24 chai/thùng)
  - Chai 500ml (4 x 3; 12 chai/thùng)

Thị trường mục tiêu:
- Kênh Khách hàng Tiêu dùng B2C - Hiện đại MT cao cấp

Ưu điểm sản phẩm:
- Sản phẩm mang tính tiện lợi
- Mang lại vị ngọt tự nhiên
- Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trực tiếp, chế biến các đồ uống cũng như món ăn hàng ngày

Năm: 2016

DANH MỤC SẢN PHẨM ĐA DẠNG CỦA TTC BIÊN HÒA NIÊN ĐỘ 18-19 (TIẾP THEO)

PHÂN LOẠI SẢN PHẨM CẠNH ĐƯỜNG - SAU ĐƯỜNG CỦA TTC BIÊN HÒA

SẢN PHẨM CẠNH ĐƯỜNG



1 NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT CHIẾT XUẤT HƯƠNG MÍA

Mô tả sản phẩm

» Sản xuất từ quy trình hiện đại và khép kín, nước uống Miaqua là sản phẩm được sản xuất đặc biệt, được chiết xuất trong quá trình ngưng tụ và chưng cất Đường Mía, vì thế giữ được trọn vẹn hương Mía dịu ngọt

» Được lọc bằng hệ thống RO và tia cực tím UV nên rất tinh khiết và an toàn cho sức khỏe

Giá trị mang lại

» Không chất bảo quản

» Không hương liệu hóa học

» Hoàn toàn tự nhiên và tinh khiết



2 BÃ MÍA

Mô tả sản phẩm

» Bã Mía được thải ra sau khi Cây Mía đã được ép kiệt nước Mía

» Là nguồn chất đốt cung cấp nhiệt cho nhà máy điện, lò hơi

Giá trị mang lại

» Là nguồn nguyên vật liệu hữu ích

» Nghiên cứu ứng dụng rất nhiều trong các hoạt động sản xuất Năng lượng, chăn nuôi, trồng trọt, các hoạt động sản xuất Nông nghiệp

SẢN PHẨM SAU ĐƯỜNG



3 ĐIỆN THƯƠNG PHẨM

Mô tả sản phẩm

» Nhiên liệu sản xuất là Bã Mía dư sau quá trình sản xuất Mía Đường

» Nguồn Điện được sản xuất ra một phần cung cấp cho nhà máy sản xuất và các hoạt động của Công ty

» Phần còn lại được hòa vào lưới điện quốc gia cung cấp điện cho người dân sinh hoạt

Giá trị mang lại

» Là một sản phẩm có ý nghĩa lớn đối với Công ty và Xã hội

» Đây là nguồn Năng lượng Tái tạo từ nhiên liệu sinh khối, sản xuất nguồn Năng lượng xanh và giúp bảo vệ Môi trường



4 MẬT RỈ

Mô tả sản phẩm

» Là sản phẩm cuối cùng của quá trình sản xuất Đường mà từ đó Đường không còn có thể kết tinh một cách kinh tế nữa bởi các công nghệ thông thường

» Thành phần chính của Mật rỉ là Đường, chủ yếu là Sucroza với một ít Glucoza và Fructoza

» Sản lượng Mật rỉ bằng khoảng 1/3 sản lượng Đường sản xuất. Hay nói cách khác cứ khoảng 100 tấn Mía cây ép ra thì sẽ cho ra 3-4 tấn Mật rỉ

Giá trị mang lại

» Là nguồn nguyên liệu hữu ích

» Sản phẩm Mật rỉ là một nguồn giàu khoáng

» Hàm lượng Ca trong Mật rỉ cao tới 1%, trong khi đó hàm lượng P lại thấp

» Mật rỉ giàu Na, K, Mg và S

» Rỉ mật cũng chứa một lượng đáng kể các nguyên tố vi lượng như Cu (7 ppm), Zn (10 ppm), Fe (200 ppm), Mn (200 ppm)



5 PHÂN HỮU CƠ VI SINH

Mô tả sản phẩm

» Sản phẩm Phân hữu cơ vi sinh được sản xuất từ phế phẩm sản xuất Đường (tro lò, bã bùn luyện, bã bùn thô)

» Ứng dụng công nghệ vi sinh để chuyển hóa các thành phần hữu cơ có trong Bùn Mía thành Mùn do vi sinh vật trong chế phẩm Trichoderma thực hiện

Giá trị mang lại

» Sản phẩm được bổ sung vi lượng (Bo, Mg, Zn...) nhằm tăng chất lượng phục vụ cây trồng

» Đáp ứng nhu cầu chăm sóc Cây Mía; ngoài ra còn góp phần giảm thiểu ô nhiễm Môi trường và bảo vệ môi sinh.

HOẠT ĐỘNG R&D VÀ CẢM NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG VỀ SẢN PHẨM MỚI



> Thành công của doanh nghiệp được xây dựng trên độ uy tín về chất lượng sản phẩm và sự sáng tạo, đổi mới trong phát triển Chuỗi sản phẩm đa dạng, phù hợp với tâm lý và đáp ứng như cầu của người tiêu dùng.

TTC Biên Hòa nhiều năm qua vẫn luôn chú trọng đến công tác đầu tư để phát triển sản phẩm mới, nghiên cứu khoa học nhằm cải thiện chất lượng sản phẩm. Hướng đến nền sản xuất Xanh gắn với bảo vệ Môi trường, TTC Biên Hòa đã tạo ra danh mục các sản phẩm hữu cơ an toàn, dinh dưỡng và tốt cho sức khỏe, không chỉ chinh phục thị trường trong nước mà còn đưa thương hiệu Việt vươn ra quốc tế, với mục tiêu phấn đấu là nâng cao năng lực để cạnh tranh được với những Quốc gia thống trị Ngành Mía Đường thế giới.

Trong năm qua, công tác R&D đã được triển khai một cách chủ động nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như hoàn thiện Chuỗi Giá trị các sản phẩm từ Cây Mía, đa dạng hóa danh mục sản phẩm phục vụ Khách hàng, góp phần gia tăng hiệu quả kinh doanh của Công ty. Các hoạt động trọng tâm của R&D trong năm bao gồm:

1

Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm mới theo kế hoạch đã được phê duyệt

2

Nghiên cứu phát triển công nghệ, cải tiến chất lượng sản phẩm, gia tăng hạn sử dụng

3

Thêm/thay đổi quy cách đóng gói bao bì cho sản phẩm hiện hữu nhằm gia tăng sự lựa chọn, phù hợp nhu cầu sử dụng cho Khách hàng, tiện dụng trong quá trình lưu trữ và vận chuyển, đúng với định hướng tập trung mở rộng thị phần Kênh Tiêu dùng B2C

4

Triển khai nghiên cứu phát triển sản phẩm đáp ứng yêu cầu của bộ phận Kinh doanh - là đơn vị cầu nối - nhằm đáp ứng đến từng yêu cầu đặc biệt của Khách hàng, đồng hành với Khách hàng trong từng hoạt động R&D

CÁC SẢN PHẨM ĐÃ HOÀN THÀNH NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN VÀ ĐANG TRIỂN KHAI SẢN XUẤT TRONG NIÊN ĐỘ 18-19

STT	Danh mục Sản phẩm	Quy cách đóng gói	Thời điểm ra thị trường	Thông tin Sản phẩm
	Các Sản phẩm nổi bật theo kế hoạch Nghiên cứu & Phát triển			
1	Đường Vàng thiên nhiên	50 kg 25 kg	12/2018	» Dòng sản phẩm mới nhằm tăng tính cạnh tranh và tạo sự khác biệt của TTCA » Phục vụ cho Xuất khẩu và tiêu thụ trong nước
2	Đường Organic	25 kg		
3	Đường Nâu thiên nhiên	500 gr	Dự kiến 11/2019	» Đây là sản phẩm Đường từ Mía tinh khiết không qua quá trình tách mật, vẫn giữ hương tự nhiên » Sản phẩm phù hợp sử dụng để chế biến các món nướng, làm gia vị và sử dụng cho các thức uống » Phục vụ Kênh Tiêu dùng B2C: Hiện đại MT, Truyền thống GT
	Các Sản phẩm được nghiên cứu phát triển theo yêu cầu của Khách hàng			
4	Đường Organic ED&F Man (Nhãn phụ)	25 kg	12/2018	» Dòng sản phẩm Organic phục vụ cho thị trường Xuất khẩu » Theo yêu cầu riêng của Đối tác chiến lược ED&F Man
5	OEM - Lotte	12 kg 1 kg 500 gr	2/2019	Các quy cách túi gia công theo yêu cầu riêng của Khách hàng Lotte
	Các Sản phẩm nổi bật khác			
6	Đường RE cao cấp 2	50 kg 12 kg		» Phục vụ cho: • Kênh Doanh nghiệp B2B: Tiểu thủ Công nghiệp SME • Kênh Tiêu dùng B2C: Truyền thống GT » Giá cả hợp lý, chất lượng phù hợp
7	Đường RS tiêu chuẩn 2			
8	Đường Phèn nguyên chất	1 kg 500 gr		
9	Đường Phèn thiên nhiên	50 kg 1 kg 500 gr	12/2018	» Dòng sản phẩm Đường Phèn mới với nhiều quy cách đóng gói phù hợp cho nhiều phân khúc Khách hàng khác nhau » Sử dụng nấu chè, chế biến đồ ăn, thức uống » Phục vụ cho: • Kênh Tiêu dùng B2C: Hiện đại MT, Truyền thống GT • Kênh Doanh nghiệp B2B: Tiểu thủ Công nghiệp SME
10	Đường Phèn vàng nguyên chất	1kg 500 gr		
11	Đường Phèn vàng thiên nhiên	12 kg 1 kg 500 gr		
12	Đường RS, Đường Vàng	5 kg	3/2019	» Đa dạng quy cách, tạo sự tiện dụng cho vận chuyển và lưu trữ » Phục vụ Kênh Tiêu dùng B2C: Hiện đại MT, Truyền thống GT » Giá phải chăng, chất lượng cao
13	Đường Đen	1 kg	7/2019	» Đường tinh khiết với hương mật và màu đen tự nhiên » Sản phẩm sử dụng thay Đường hoặc làm trà sữa, bánh ngọt nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường và xu hướng của giới trẻ » Phục vụ Kênh Tiêu dùng B2C: Hiện đại MT, Truyền thống GT
14	Trà hoa Đường nâu	25 gr	7/2019	» Đây là sản phẩm Sau Đường, là một dạng thực phẩm detox, thanh lọc cơ thể, đẹp da và tốt cho sức khỏe » Sản phẩm được đóng gói đẹp, có giá trị dinh dưỡng, vị thuốc và là quà tặng ý nghĩa » Phục vụ Kênh Tiêu dùng B2C: Horeca » Hiện chỉ được bày bán ở các cửa hàng giới thiệu sản phẩm của Công ty tại Thung lũng Tình yêu và Khu Du lịch Tà Cú
15	Đường bao Bigbag	950 gr - 1000 kg	8/2019	» Quy cách đóng bao lớn giúp giảm bớt chi phí bao bì, tiết kiệm chi phí nhân công » Phục vụ cho Kênh Doanh nghiệp B2B
16	Đường Lỏng	5 l 250 ml 500 ml	8/2019	» Thay thế Đường hạt, tiện dụng hơn trong sử dụng » Phục vụ Kênh Tiêu dùng B2C: Hiện đại MT, Truyền thống GT
17	Nước màu 210 g	210 gr	10/2019	» Đây là dòng sản phẩm Sau Đường mới của TTC Biên Hòa » Nước màu là sản phẩm dành cho nội trợ, đậm vị và thơm Mật Mía » Phục vụ Kênh Tiêu dùng B2C: Hiện đại MT, Truyền thống GT
18	Đường Vàng hữu cơ	500 gr	NĐ 19-20	» Dòng sản phẩm Đường Vàng với tiêu chuẩn Organic ở TTCA » Đạt tiêu chuẩn Xuất khẩu Châu Âu

Hoạt động R&D của Công ty đã cho thấy hiệu quả khi liên tục nghiên cứu và cho ra đời các sản phẩm mới nhằm đáp ứng ngày càng nhiều hơn các nhu cầu của Khách hàng không chỉ về mặt chủng loại, chất lượng mà còn về cả hình thức. Công ty đã chú trọng thực hiện các chương trình đào tạo chuyên môn về bao bì cho Bộ phận R&D, qua đó giúp nhân viên nâng cao trình độ và giúp ích cho hoạt động cải tiến mẫu mã sản phẩm, lựa chọn được các chất liệu phù hợp, an toàn thực phẩm nhưng vẫn đảm bảo tính thẩm mỹ cao nhằm thu hút người tiêu dùng.

HOẠT ĐỘNG R&D VÀ CẢM NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG VỀ SẢN PHẨM MỚI

Tổng kết NĐ 18-19, những thành quả đạt được là rất đáng ghi nhận. Chuỗi hoạt động chiến lược bao gồm nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, đẩy mạnh hoạt động bán hàng, liên tục mở rộng kênh phân phối đã đưa sản lượng tiêu thụ của Công ty tăng ấn tượng 31% từ 572.300 tấn lên gần 749.000 tấn, đạt 42% thị phần nội địa và đặc biệt thành công ở Kênh Tiêu dùng B2C - Hiện đại MT với việc chiếm lĩnh đến 70% thị phần.

18 SẢN PHẨM ĐANG TRIỂN KHAI SẢN XUẤT NIÊN ĐỘ 18-19



"Kế hoạch nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới cho Niên độ 19-20 sẽ vẫn được Công ty tiếp tục đẩy mạnh và sáng tạo liên tục để cho ra đời nhiều sản phẩm mới."

- Tăng cường phát triển các dòng sản phẩm có Biên LN cao như Đường Phèn, Đường Vàng, Đường Que, Đường Đen, Đường làm bánh...
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm hữu cơ, các sản phẩm Đường sạch thiên nhiên đạt chất lượng để phục vụ thị trường Xuất khẩu
- Tiếp tục theo đuổi chiến lược mở rộng thị phần, hướng tới nhóm đối tượng Khách hàng Kênh Tiêu dùng B2C là phân khúc còn nhiều tiềm năng với nhu cầu tiêu thụ liên tục tăng cao thông qua việc phát triển các sản phẩm cao cấp, có tính độc đáo riêng và các sản phẩm phục vụ phân khúc Khách hàng phổ thông
- Tập trung phát triển nhóm Khách hàng Horeca thuộc Kênh Tiêu dùng B2C thông qua gia tăng các quy cách đóng bao 12 kg và 50 kg cho các Sản phẩm Đường túi có Biên LN cao
- Tiếp tục nâng cao chất lượng, đổi mới mẫu mã bao bì để tăng sức canh tranh, đáp ứng nhu cầu thay đổi của Khách hàng nhằm gia tăng tỷ lệ thâm nhập sản phẩm mới vào thị trường, mở rộng phân khúc Khách hàng
- Nghiên cứu cải tiến kích thước bao bì sản phẩm 50 kg phù hợp cho việc tự động hoá, không dùng bốc xếp thủ công qua đó giảm chi phí nhân công và đảm bảo công tác phòng vệ thực phẩm
- Liên kết, hợp tác với các trường đại học và đối tác trong và ngoài nước để phát triển các dòng sản phẩm từ Mía, đặc biệt là các Sản phẩm Cạnh Đường - Sau Đường.

"Để *"Gia tăng tầm ảnh hưởng - Nhân rộng Chuỗi Giá trị"* của Đường TTC Biên Hòa nói riêng và Ngành Đường Việt Nam nói chung thì việc xác định tập trung đầu tư cho hoạt động R&D là một hướng đi đúng đắn. Những nghiên cứu đột phá trong việc đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm là yếu tố quan trọng để Đường TTC Biên Hòa không chỉ là một thương hiệu của Việt Nam mà còn vươn tầm Quốc tế."

CHIA SẺ CỦA KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM MỚI CỦA TTC BIÊN HÒA

NƯỚC MÀU BẾP XƯA

Từ lâu Đường Biên Hòa đã là thương hiệu danh tiếng, được nhiều người quen thuộc với các sản phẩm Đường Tinh luyện Biên Hòa Pure, Đường Vàng Biên Hòa Gold. Trong giai đoạn vừa qua, các sản phẩm mới đã giúp đáp ứng nhu cầu của thị trường một cách toàn diện. Trong đó, dòng sản phẩm Nước màu Bếp Xưa đã mang đến cho Khách hàng sự lựa chọn chất lượng cao, an tâm hơn so với các sản phẩm trôi nổi do các cơ sở nhỏ lẻ không đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cung cấp.

Anh Hứa
Nhà phân phối Kênh Tiêu dùng B2C - Truyền thống GT (Quận Gò Vấp, TP. HCM)

Gia đình tôi đã sử dụng Đường Biên Hòa trong nấu nướng nhiều năm nay. Sản phẩm Nước màu Bếp Xưa ra đời đã giúp tôi tiết kiệm thời gian, công sức so với việc phải tự "thắng đường" mỗi lần kho thịt, cá. Giá cả phải chăng, màu lên đẹp, vị thơm nhẹ cùng chất lượng bảo đảm từ thương hiệu Đường Biên Hòa, gia đình tôi rất hài lòng về sản phẩm này.

Chị Ký
Nội trợ (Quận 5, TP. HCM):

ĐƯỜNG PHÈN THIÊN NHIÊN VÀ ĐƯỜNG PHÈN VÀNG NGUYÊN CHẤT

Đường TTC Biên Hòa là thương hiệu có nhiều sản phẩm được bày bán tại chuỗi siêu thị của chúng tôi. Việc tung ra các sản phẩm mới trong thời gian vừa qua đã khiến danh mục sản phẩm của thương hiệu này ngày càng đa dạng. Từ sản phẩm Đường Phèn quen thuộc, việc TTC Biên Hòa bổ sung thêm sản phẩm Đường Phèn thiên nhiên và Đường Phèn vàng nguyên chất đã giúp thỏa mãn nhiều nhu cầu khác nhau của thị trường cũng như khai phá các xu hướng tiêu dùng mới, góp phần gia tăng DT và LN cho đôi bên.

Chị Quen
Trưởng Ngành hàng Siêu thị Coopmart (TP. HCM)

ĐƯỜNG ĐEN NỮ HOÀNG

Trước khi Đường đen Nữ Hoàng ra đời, giới kinh doanh trà sữa chúng tôi không có sự lựa chọn nào khác ngoài các sản phẩm Đường Đen nhập khẩu Hàn Quốc với giá rất cao. Thậm chí, một số quán nhỏ lẻ còn sử dụng Đường không rõ nguồn gốc, sử dụng hương liệu hóa học không đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, ảnh hưởng đến sức khỏe người dùng. Tuy nhiên, sản phẩm Đường Đen Nữ hoàng của Đường Biên Hòa tung ra thị trường với giá cả cạnh tranh, chất lượng cao không hề thua kém hàng nhập khẩu đã giúp chúng tôi tự tin hơn, Khách hàng cũng an tâm hơn.

Anh Nhiệm
Nhân viên pha chế (Quận Bình Thạnh, TP. HCM)

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA KHÁCH HÀNG VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM



"Chất lượng sản phẩm tốt, ổn định là một trong những Giá trị cốt lõi mang lại uy tín thương hiệu cho những Sản phẩm của TTC Biên Hòa."

Để đạt được giá trị này, Công ty đã thực hiện cải tiến dây chuyền sản xuất, quản lý sản xuất, theo dõi - kiểm soát từng công đoạn từ khâu nhập nguyên vật liệu cho đến sản xuất thành phẩm và giao hàng nhằm tạo ra các sản phẩm với chất lượng tuyệt đối. Sản phẩm mang thương hiệu TTC Biên Hòa phải đảm bảo tuân thủ nghiêm túc các tiêu chuẩn về An toàn Vệ sinh thực phẩm do Bộ Y tế quy định, cũng như các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc tế Hệ thống Quản lý An toàn vệ sinh thực phẩm FSSC 22000 phiên bản 4.1.

Công ty ban hành các tiêu chuẩn sản phẩm chung cho tất cả các Khách hàng từ Doanh nghiệp B2B đến Tiêu dùng B2C, Xuất khẩu cũng như Thương mại; ngoài ra, Công ty còn có những cam kết chất lượng riêng theo tiêu chuẩn của từng Khách hàng.

QUY TRÌNH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG



Nguồn: TTC Biên Hòa

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA KHÁCH HÀNG VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

CÁC CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ MÀ TTC BIÊN HÒA ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

"TTC Biên Hoà sở hữu hàng chục Chứng nhận Quốc tế quan trọng, chứng minh đầy đủ năng lực khi đưa các sản phẩm thành công sang những thị trường cao cấp với những yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng khắt khe, đặc biệt là Mỹ và Châu Âu."

CHỨNG NHẬN ORGANIC (EU) VÀ USDA (MỸ)

ĐƠN VỊ CẤP CHỨNG NHẬN
CONTROL UNION

Tiêu chuẩn Hữu cơ Châu Âu và Châu Mỹ

Xác nhận sản phẩm của Tổ chức đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn Organic Châu Âu, Châu Mỹ

ISO 14001:2015

ĐƠN VỊ CẤP CHỨNG NHẬN
BUREAU VERITAS BSI

Tiêu chuẩn quốc tế về Quản lý Môi trường nhằm đảm bảo giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực

Phát triển các tác động có lợi cho Môi trường từ hoạt động của tổ chức đến Môi trường xung quanh

ISO/IEC 17025

ĐƠN VỊ CẤP CHỨNG NHẬN
BUREAU VERITAS BSI

Tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng áp dụng chuyên biệt cho phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn

Đưa ra các yêu cầu để quản lý và đảm bảo năng lực kỹ thuật, gồm những quy định về hệ thống quản lý chất lượng để đạt được khả năng đưa ra những kết quả đo lường/thử nghiệm tin cậy cao và được quốc tế thừa nhận

KOSHER

ĐƠN VỊ CẤP CHỨNG NHẬN
KOF-K

Tiêu chuẩn quản lý chất lượng sản phẩm của Do Thái

Xác nhận tính phù hợp của sản phẩm với các yêu cầu về thành phần và hội đủ điều kiện về sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn Kosher

FSSC 22000 PHIÊN BẢN 04

ĐƠN VỊ CẤP CHỨNG NHẬN
BUREAU VERITAS BSI

Tiêu chuẩn quốc tế về quản lý An toàn Vệ sinh thực phẩm

Tạo ra những sản phẩm an toàn cung cấp cho Khách hàng

HALAL

ĐƠN VỊ CẤP CHỨNG NHẬN
VĂN PHÒNG CHỨNG NHẬN HALAL TẠI VIỆT NAM (HCA)

Tiêu chuẩn quản lý chất lượng sản phẩm của Đạo Hồi

Xác nhận tính phù hợp của sản phẩm với các yêu cầu về thành phần và hội đủ điều kiện về sản xuất theo tiêu chuẩn Halal

ISO 9001:2015

ĐƠN VỊ CẤP CHỨNG NHẬN
BUREAU VERITAS BSI

Tiêu chuẩn quốc tế về quản lý chất lượng, hướng tới đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định, đáp ứng yêu cầu của Khách hàng và các luật định thích hợp

Đưa ra yêu cầu về việc xác định các rủi ro nhằm hỗ trợ thiết lập, vận hành và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng

SEDEX

ĐƠN VỊ CẤP CHỨNG NHẬN
SGS

Tiêu chuẩn về An sinh Xã hội

Xác nhận doanh nghiệp về việc thực hành đạo đức và trách nhiệm Xã hội trong chuỗi cung ứng

Chứng nhận về Phát triển bền vững

SGP

ĐƠN VỊ CẤP CHỨNG NHẬN
SGS

Tiêu chuẩn về An sinh Xã hội

Xác nhận doanh nghiệp về việc thực hành đạo đức và trách nhiệm Xã hội trong chuỗi cung ứng

Chứng nhận về Phát triển bền vững

URSA

ĐƠN VỊ CẤP CHỨNG NHẬN
SGS

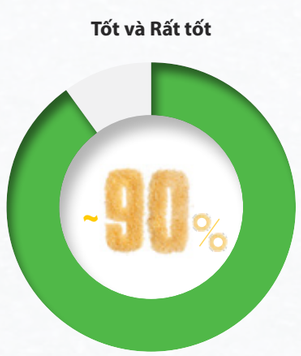
Tiêu chuẩn về An sinh Xã hội

Xác nhận doanh nghiệp về việc thực hành đạo đức và trách nhiệm Xã hội trong chuỗi cung ứng

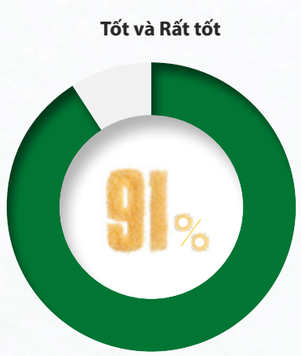
Chứng nhận về Phát triển bền vững

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA KHÁCH HÀNG VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

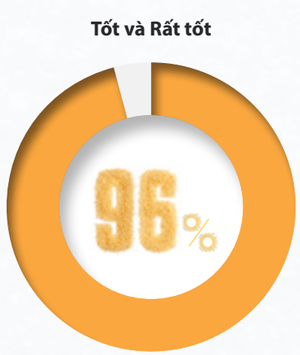
"Ngành Đường là Ngành công nghiệp nặng với công nghệ sản xuất phức tạp, máy móc thiết bị to và cồng kềnh, quá trình sản xuất ra thành phẩm trải qua nhiều công đoạn và phức tạp hơn so với các ngành thực phẩm khác. Do vậy, kiểm soát tạp chất ngoại lai phát sinh trong quá trình sản xuất là một trong những vấn đề then chốt, quyết định chất lượng sản phẩm."



TỶ LỆ HÀI LÒNG VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM



MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG KỊP THỜI NHỮNG VẤN ĐỀ MÀ KHÁCH HÀNG YÊU CẦU



QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN GIAO HÀNG SO VỚI YÊU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG

TTC Biên Hòa hiện đang là đơn vị cung cấp Đường cho nhiều doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực Nước giải khát, Thực phẩm, Bánh kẹo, Sữa kem, Dược phẩm vốn là những Ngành đòi hỏi rất cao về chất lượng sản phẩm. Thị phần đến hết NĐ 18-19 của Kênh Khách hàng Công nghiệp lớn MNC là 57% và Tiểu thủ Công nghiệp SME là 15%. Thị phần này dự kiến tiếp tục được nâng lên trong NĐ 19-20 đặc biệt là Kênh SME với nhiều dư địa để khai thác. TTC Biên Hòa, bên cạnh việc thường xuyên nâng cấp, cải tạo dây chuyền sản xuất, đã triển khai việc kiểm soát tạp chất thông qua việc nhận dạng các rủi ro đến từ máy móc thiết bị, cách thức vận hành; qua đó xây dựng các kế hoạch kiểm soát cũng như cải tiến cho các thiết bị và quá trình sản xuất.

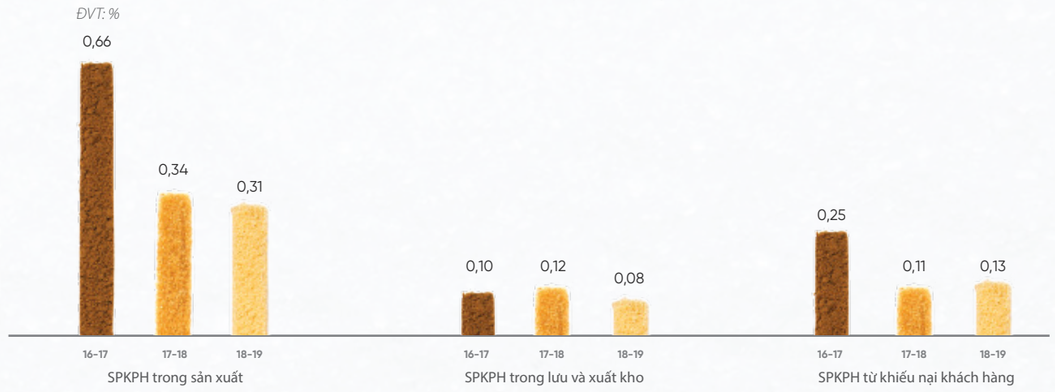
Hệ thống nhà máy của TTC Biên Hòa hiện đang sử dụng các công nghệ tiên tiến trên thế giới, hoàn toàn có thể so sánh với các Quốc gia lớn về sản xuất Đường như Brazil, Ấn Độ, Thái Lan… Chất lượng sản phẩm luôn là yếu tố quan tâm hàng đầu của BLĐ Công ty cũng như toàn thể Nhân viên. Vì vậy, NĐ vừa qua, Công ty đã tổ chức nhiều chương trình hội thảo về Kiểm soát tạp chất với sự chia sẻ kinh nghiệm từ các công ty hàng đầu về chất lượng như Nestlé, Mondelez. Đồng thời là tổ chức các chương trình đào tạo nội bộ cho toàn thể nhân viên đang trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, bảo trì nhằm nâng cao nhận thức cũng như thực hành về An toàn vệ sinh thực phẩm.

Niên độ 18-19, Công ty đã áp dụng các công cụ cải tiến SPC (Statistical Process Control - Kiểm soát quá trình bằng thống kê), Giản đồ xu hướng… nhằm theo dõi, đánh giá xu hướng chất lượng nguyên vật liệu, sản phẩm để có những giải pháp cải thiện kịp thời. Chất lượng sản phẩm nhờ đó luôn ổn định, tỷ lệ SPKPH trong sản xuất giảm 9% so với cùng kỳ và giảm 53% so với NĐ 16-17, đạt mức chỉ tiêu 0,31%; qua đó giúp Công ty kiểm soát tốt chi phí chất lượng, góp phần giảm giá thành sản phẩm.

Liên quan đến quá trình lưu và xuất kho, tỷ lệ SPKPH phần lớn là bao bì rách bể trong quá trình vận chuyển sản phẩm. Để khắc phục vấn đề này, Công ty đã thực hiện cải thiện hệ thống băng tải, giám sát tốt hơn quá trình vận chuyển và đưa ra chỉ tiêu về tỷ lệ rách vỡ cho từng nhân viên kho, đồng thời cải thiện chất lượng bao bì nhằm hạn chế tình trạng rách vỡ bao trong quá trình nhập, xuất kho. Song song, Công ty cũng đẩy mạnh hoạt động bán hàng, giải phóng HTK, qua đó hạn chế quá trình chuyển màu sản phẩm. Kết quả tỷ lệ SPKPH trong lưu và xuất kho của NĐ 18-19 chỉ còn 0,08%, giảm 33% so với cùng kỳ, vượt mục tiêu đầu NĐ 50%.

Với những nỗ lực không ngừng để cải thiện chất lượng sản phẩm và dịch vụ, tỷ lệ SPKPH từ khiếu nại Khách hàng được duy trì ổn định và đạt chuẩn, vượt 32% so với mức 0,19% của mục tiêu đặt ra, giảm đáng kể 48% so với NĐ 16-17.

So sánh tỷ lệ Sản phẩm không phù hợp Niên độ 16-17 đến 18-19



Nguồn: TTC Biên Hòa

Với phương châm
ĐÁP ỨNG NGÀY CÀNG NHIỀU MONG MUỐN CỦA KHÁCH HÀNG

Định kỳ hàng năm, TTC Biên Hòa tổ chức khảo sát sự hài lòng Khách hàng về các vấn đề liên quan đến *Mức độ đáp ứng kịp thời các yêu cầu của Khách hàng, Chất lượng sản phẩm và Dịch vụ giao hàng.*

Bảng tổng hợp kết quả khảo sát sự hài lòng Khách hàng

Tiêu chí	Mức độ đáp ứng kịp thời những vấn đề mà Khách hàng yêu cầu			Quá trình thực hiện giao hàng so với yêu cầu của Khách hàng			Chất lượng sản phẩm Đường		
	Tỷ lệ 18-19	Tỷ lệ 17-18	Tỷ lệ 16-17	Tỷ lệ 18-19	Tỷ lệ 17-18	Tỷ lệ 16-17	Tỷ lệ 18-19	Tỷ lệ 17-18	Tỷ lệ 16-17
Rất tốt	**61%**	45%	37%	**52%**	33%	31%	**30%**	33%	20%
Tốt	**30%**	48%	52%	**44%**	53%	60%	**57%**	55%	71%
Bình thường	**9%**	7%	11%	**4%**	14%	9%	**13%**	12%	9%
Khá kém	**0%**	0%	0%	**0%**	0%	0%	**0%**	0%	0%
Kém	**0%**	0%	0%	**0%**	0%	0%	**0%**	0%	0%
Tổng	**100%**	**100%**	**100%**	**100%**	**100%**	**100%**	**100%**	**100%**	**100%**

Nguồn: TTC Biên Hòa

Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ đánh giá Tốt và Rất tốt của Khách hàng về *Mức độ đáp ứng kịp thời những vấn đề mà Khách hàng yêu cầu* tiếp tục được duy trì ở mức độ hài lòng cao, đạt 91%, tương đương kết quả khảo sát của NĐ 17-18. Tương tự, tỷ lệ hài lòng về *Chất lượng sản phẩm* cũng được duy trì ở mức xấp xỉ 90%. Đặc biệt, đối với chỉ tiêu *Quá trình thực hiện giao hàng so với yêu cầu của Khách hàng trong đơn hàng*, mức độ hài lòng của Khách hàng được cải thiện đáng kể khi tỷ lệ đánh giá Tốt và Rất tốt tăng từ 86% của NĐ 17-18 lên 96% NĐ 18-19, tăng trưởng 12% nhờ vào sự tuân thủ và kiểm soát chặt chẽ từng khâu trong quy trình.

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA KHÁCH HÀNG VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

CHIA SẺ CỦA KHÁCH HÀNG VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

KÊNH DOANH NGHIỆP

Công nghiệp lớn MNC

Doanh nghiệp Nước giải khát: Đường là một trong những nguyên liệu quan trọng nhất trong hoạt động sản xuất của chúng tôi. Chất lượng của Đường sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm. TTC Biên Hòa được chúng tôi lựa chọn làm nhà cung cấp chính bởi nguồn nguyên liệu Đường chất lượng cao, đạt các tiêu chuẩn về Pass Floc (không có kết tủa) cũng như độ tinh khiết.

Doanh nghiệp Dược: Đặc thù Ngành Dược vốn có những yêu cầu khắt khe bậc nhất đối với chất lượng, độ tinh khiết của nguyên liệu dùng trong sản xuất. Do đó, chúng tôi chỉ sử dụng nguồn nguyên liệu Đường cao cấp nhất, tinh khiết nhất. Sản phẩm Đường RE thượng hạng của TTC Biên Hòa đáp ứng rất tốt yêu cầu này.

Tiểu thủ Công nghiệp SME

Đối với các doanh nghiệp nhỏ như chúng tôi, việc làm ăn với các nhà cung cấp lớn đôi khi rất khó khăn. Tuy nhiên, dù đang giữ vị thế là Doanh nghiệp Mía Đường lớn nhất Việt Nam, TTC Biên Hòa luôn dành cho chúng tôi sự quan tâm chu đáo, đưa ra nhiều giải pháp phù hợp, giá cả cạnh tranh.

KÊNH TIÊU DÙNG

Truyền thống GT

Sản phẩm Đường TTC Biên Hòa luôn làm tôi hài lòng, từ chất lượng của hạt Đường, độ tinh khiết, vị ngọt thanh mát cho đến thiết kế bao bì sáng tạo. So với các loại Đường trôi nổi, không bao bì nhãn mác trên thị trường, Đường TTC Biên Hòa khiến tôi cảm thấy yên tâm hơn khi sử dụng.

Hiện đại MT

Tôi đánh giá cao TTC Biên Hòa ở việc không ngừng sáng tạo, đổi mới để tạo ra những sản phẩm tiện dụng như Đường Que, Đường Lỏng, Nước màu. Nhiều sản phẩm của TTC Biên Hòa có thiết kế bao bì sáng tạo, phù hợp với thói quen của người dùng hiện đại, thể hiện tính năng động của doanh nghiệp trong một thị trường lâu đời.

KÊNH XUẤT KHẨU

Doanh nghiệp B2B

Chúng tôi đánh giá cao TTC Biên Hòa ở sự đa dạng trong chủng loại sản phẩm, chất lượng luôn đúng với cam kết. Ngoài ra Công ty cũng đảm bảo tiến độ giao hàng, không để chậm trễ. Tuy nhiên, điều làm chúng tôi hài lòng nhất chính là sự linh hoạt trong việc tùy chỉnh bao bì từ thiết kế đến chất liệu, đáp ứng các yêu cầu khác nhau.

Thương mại

ED&F Man là doanh nghiệp lâu đời trong hoạt động thương mại nông sản, do đó chúng tôi có những chỉ tiêu cao trong việc lựa chọn nhà cung cấp, đặc biệt là đối với các sản phẩm Hữu cơ - Organic. Sau NĐ đầu tiên, chúng tôi tin rằng đã rất đúng đắn khi lựa chọn TTC Biên Hòa làm nhà cung cấp sản phẩm Đường Hữu cơ theo tiêu chuẩn Châu Âu.





"Niên độ 19-20, TTC Biên Hòa đặt mục tiêu tiếp tục hoàn thiện hoạt động Đảm bảo chất lượng nhằm đạt được sự hài lòng cao nhất của Khách hàng. Kế hoạch hành động được Ban Lãnh đạo Công ty xem xét, đánh giá, tổ chức triển khai, giám sát một cách hệ thống và đồng bộ."

1. Tiếp tục tập trung vào việc kiểm soát tạp chất thông qua việc nhận dạng rủi ro, đề xuất và thực hiện các giải pháp ngăn ngừa và khắc phục
2. Giảm thiểu thời gian lưu kho thông qua việc xây dựng kế hoạch sản xuất giữa các nhà máy hợp lý, phù hợp với yêu cầu của thị trường, Khách hàng. Mục tiêu thời gian lưu trữ trong NĐ 19-20 không quá 3 tháng
3. Đa dạng hóa các quy cách đóng gói bao bì, sản xuất sản phẩm trong bao Big bag 1 tấn nhằm giảm chi phí và giảm thời gian lưu trữ
4. Chủ động tiếp cận, trở thành người đồng hành với Khách hàng trong các hoạt động R&D - Khối Kinh doanh đóng vai trò là cầu nối giữa hai bên - để xem xét, giới thiệu, cung cấp sản phẩm dịch vụ… phù hợp, đặc biệt theo đúng yêu cầu của Khách hàng

ĐỒNG HÀNH NGƯỜI NÔNG DÂN



65.000 HA

VÙNG NGUYÊN LIỆU ĐÔNG DƯƠNG

39.000 HA

VÙNG NGUYÊN LIỆU VIỆT NAM

27%

VÙNG NGUYÊN LIỆU CẢ NƯỚC

XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP XANH

TTC Biên Hòa tiếp tục đồng hành cùng Người Nông dân trồng Mía tại 65.000 ha Vùng nguyên liệu của Khu vực Đông Dương. Đối với Việt Nam, Vùng Nguyên liệu của TTC Biên Hòa chiếm khoảng 27% cả nước, trong đó Tây Ninh, Đồng Nai và Gia Lai là những Khu vực chiến lược.

NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT DÀNH CHO NGƯỜI NÔNG DÂN

THÁNG 1 / 2019

Ký hợp tác chiến lược với OCB:

Hỗ trợ các hộ Nông dân vay vốn, lãi suất cố định, vay trung dài hạn, tạo sự ổn định trong trồng trọt và phát triển VNL

THÁNG 3 / 2019

Ký Hợp đồng với BIDV:

Phát triển VNL tại Tỉnh Kratie, Campuchia, vươn tầm Đông Dương

THÁNG 4 / 2019

TTC Gia Lai hỗ trợ Nông dân trồng Mía Huyện Phú Thiện:

Đầu tư hệ thống điện 2⁺ tỷ đồng dọc Kênh Thủy lợi, Ayun Hạ; đồng hành đào ao, khoan giếng, mua máy bơm thiết bị tưới

THÁNG 5 / 2019

Khai trương Trung tâm 3S An Giang - TTC Biên Hòa đại lý chính thức:

Trưng bày, cung cấp dòng máy kéo, máy cày John Deere - thương hiệu thiết bị Nông nghiệp hàng đầu thế giới

THÁNG 6 / 2019

Hội nghị Hiệp hội Mía Đường Đông Nam Á lần 4:

Đường thế giới dự kiến chuyển sang thâm hụt 2,6 triệu tấn NĐ 19-20, giá Đường dự báo có chiều hướng tăng tích cực

THÁNG 7 / 2018

Choumaly Sayyasone - Nguyên Chủ tịch Lào đến thăm VNL:

TTCA trình bày định hướng phát triển 3 năm, dòng sản phẩm chủ lực Đường Hữu cơ

NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT

13.000
HỘ NÔNG DÂN TRỒNG MÍA
TẠI CÁC TỈNH THÀNH CÓ NHÀ MÁY CỦA TTC BIÊN HÒA



65.000
VÙNG NGUYÊN LIỆU ——— HA
3 NƯỚC ĐÔNG DƯƠNG

3 QUỐC GIA - 7 TỈNH
Địa phương nơi Người Nông dân trồng Mía được Công ty đảm bảo đầu vào

CƠ GIỚI HÓA 100%	~14.000 HA		HẠN MỨC TÍN DỤNG ƯU ĐÃI CHO NÔNG DÂN ĐƯỢC HỖ TRỢ BỞI TTC BIÊN HÒA VÀ OCB	1.000 TỶ ĐỒNG	
DIỆN TÍCH VÙNG NGUYÊN LIỆU VIỆT NAM	27%	CCS TẠI TTC ATTAPEAU	12,5	CCS TRUNG BÌNH	~9,6
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI MÁY MÓC CƠ GIỚI NGÀNH NÔNG NGHIỆP THƯƠNG HIỆU JOHN DEERE	3	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG MÍA ĐƯỜNG	4	TRUNG TÂM 3S BÁN HÀNG; BẢO HÀNH - SỬA CHỮA; PHỤ TÙNG CHÍNH HIỆU	4
NHÀ MÁY LUYỆN MÍA	9	KHO THÀNH PHẨM SỨC CHỨA: 335.500 TẤN	41	KHO NGUYÊN VẬT LIỆU SỨC CHỨA: 64.500 TẤN	4

HỒ SƠ DOANH NGHIỆP



CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

Tên tiếng Anh	: THANH THANH CONG - BIEN HOA JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: TTC-BH
Giấy CNĐKDN	: Số 3900244389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, điều chỉnh lần 7 ngày 14/02/2019
Mã số thuế	: 3900244389
Địa chỉ	: Tầng 11, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM
Điện thoại	: (028) 39 99 88 11
Website	: www.ttcsugar.com.vn
Sàn niêm yết	: HSX

MÃ CHỨNG KHOÁN **SBT**

586.740.552 CỔ PHIẾU

SỐ LƯỢNG NIÊM YẾT

525.139.652 CỔ PHIẾU

SỐ LƯỢNG LƯU HÀNH

5.867.405.520.000 ĐỒNG

VỐN ĐIỀU LỆ

5.819.192.895.545 ĐỒNG

VỐN CHỦ SỞ HỮU

HỒ SƠ DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

STT	Tên Ngành	Chi tiết	Mã Ngành theo VSIC
1	Sản xuất Đường	*Sản xuất Đường*	1072 (chính)
2	Trồng Cây Mía	-	0114
3	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	*Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm có sử dụng Đường hoặc Phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất Đường*	1079
4	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	*Sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư Nông nghiệp*	2012
5	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	*Kinh doanh khách sạn*	5510
6	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	*Kinh doanh nhà hàng*	5610
7	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	*Tư vấn kỹ thuật, công nghệ trong ngành sản xuất Mía Đường*	7490
8	Hoạt động tư vấn quản lý	*Tư vấn quản lý trong ngành sản xuất Mía Đường*	7020
9	Sản xuất hóa chất cơ bản	*Sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ cồn*	2011
10	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	*Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; đồ uống không cồn, nước khoáng; chế biến nước ngọt, nước trái cây, sữa đậu nành; nước tinh khiết đóng chai*	1104
11	Chế biến và bảo quản rau quả	*Chế biến hàng nông sản*	1030
12	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	*Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ lúa gạo, gỗ, tre, nứa và mủ cao su)*	4620
13	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy Nông nghiệp	-	4653
14	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	-	1101
15	Bán buôn thực phẩm	*Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; rau, quả; sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, thực phẩm khác (trừ Đường và lúa gạo)*	4632
16	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống có tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ Đường, lúa gạo, thuốc lá, thuốc lào)*	4711
17	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt; rau, quả; sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ Đường và lúa gạo)*	4722
18	Bán buôn đồ uống	-	4633
19	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	-	4723
20	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	*Bán lẻ lương thực, thực phẩm (trừ Đường và lúa gạo); đồ uống lưu động hoặc tại chợ*	4781
21	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	-	2392
22	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	*Bán buôn máy móc, thiết bị ngành Mía Đường*	4659
23	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*Sửa chữa bảo dưỡng thiết bị ngành Mía Đường*	3312
24	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	*Lắp đặt thiết bị ngành Mía Đường*	3320
25	Sản xuất điện	-	3511
26	Truyền tải và phân phối điện	*Phân phối điện*	3512
27	Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	*Theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Luật kinh doanh Bất động sản năm 2014*	6810
28	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại; Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ bán lẻ thuốc lá, thuốc lào, Đường và lúa gạo)*	4719
29	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*Xây dựng các công trình dân dụng (siêu thị, nhà hàng, khách sạn)*	4299
30	Xây dựng nhà để ở	-	4101
31	Xây dựng nhà không để ở	-	4102
32	» Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà luật không cấm » Các ngành nghề cấm đầu tư, kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư » Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định » Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư		Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

1995 — 2019

1995

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa tiền thân là Công ty liên doanh giữa Tập đoàn Group Bourbon, Liên hiệp Mía Đường II và Liên hiệp Mía Đường Tây Ninh

- Thành lập: 15/7/1995
- Vốn đầu tư: 95 triệu USD
- Vốn pháp định: 28,5 triệu USD
- Nhà máy sản xuất Đường có dây chuyền thiết bị hiện đại, công nghệ tiến tiến nhất: Sản phẩm chính là Đường RE theo tiêu chuẩn Châu Âu
- Công suất ép Mía: 8.000 tấn Mía/ngày

1998

- Vốn đầu tư: 111 triệu USD
- Vốn pháp định: 39,5 triệu USD

1999

- Liên hiệp Mía Đường II chuyển nhượng toàn bộ phần góp Vốn pháp định cho Group Bourbon

2000

- Liên hiệp Mía Đường Tây Ninh chuyển nhượng phần vốn góp cho Group Bourbon
- Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài

2007

- Chuyển đổi thành CTCP
- VĐL: 1.419 tỷ đồng

2008

- Niêm yết 44.824.172 cổ phiếu SBT trên HOSE
- Chiếm 31,58% tổng số cổ phiếu phát hành

2009

- Động thổ Vườn Công nghiệp Bourbon An Hòa - KCN sinh thái đầu tiên tại Việt Nam

2010

- Group Bourbon thoái vốn, chuyển nhượng cho đối tác Việt Nam
- CTCP Đầu tư Thành Thành Công là CĐ lớn: 24,5% tổng số lượng cổ phần phát hành

2012

- Công suất ép Mía: 9.800 tấn Mía/ngày
- Hoàn thành Dự án Affinage - Xưởng hòa tan Đường thô

2013

- Phát hành 6.574.200 cổ phiếu ESOP
- VĐL: 1.485 tỷ đồng
- Đổi tên thành CTCP Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

2015

- Sáp nhập CTCP Nhiệt điện Gia Lai
- VĐL: 1.856 tỷ đồng
- Doanh nghiệp Mía Đường lớn nhất niêm yết trên TTCK Việt Nam

2016

- Lần đầu góp mặt trong Rổ Chỉ số VN30
- Gói Trái phiếu 1.000 tỷ đồng: Ổn định dòng tiền, tái cấu trúc hệ thống tài chính, tăng hiệu quả sử dụng vốn
- Phát hành hơn 9,1 triệu cổ phiếu ESOP
- VĐL: 1.947 tỷ đồng

2017

- Góp vốn vào Công ty TNHH Mía Đường TTCA
- Hoàn tất thương vụ sáp nhập CTCP Đường Biên Hòa
- Đổi tên thành CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- Hoàn thiện mô hình Tổng Công ty, quản lý tập trung tất cả các Đơn vị Kinh doanh Ngành Đường TTC
- VĐL: 2.532 tỷ đồng

2018

- Doanh nghiệp VN đầu tiên xuất Đường đi Mỹ: Ngoài Trung Quốc, Sri Lanka, Myanmar, Singapore, Kenya
- Hoàn tất mua: 61.600.900 Cổ phiếu quỹ
- Nâng tỷ lệ sở hữu nước ngoài: 100%
- Cải tiến QTDN: Theo tiêu chuẩn quốc tế và thông lệ tốt trên thị trường
- HOSE: Top 20 Chỉ số PTBV - VN Sustainability Index (VNSI)
- VĐL: 5.570 tỷ đồng

2019

- Hợp tác với Công ty ED&F Man: Xuất khẩu Đường sang Châu Âu
- VNL: ~65.000 ha, 3 nước Đông Dương
- Thị trường xuất khẩu: 21
- Sản phẩm Đường: 50+ sản phẩm Đường đã được tung ra thị trường
- 9 Quỹ ETF và các Rổ chỉ số: 19,2 triệu cổ phiếu
- VN 30: Tiếp tục là Doanh nghiệp Mía Đường duy nhất
- Đàm phán với DEG: NĐT chiến lược đến từ Châu Âu
- TTS: 16.743 tỷ đồng
- DTT: 10.857 tỷ đồng

DÀNH CHO NGƯỜI NÔNG DÂN

HỆ THỐNG VÙNG NGUYÊN LIỆU

65.000 HA

TỔNG DIỆN TÍCH VÙNG NGUYÊN LIỆU TẠI 3 QUỐC GIA

32.000 HA — Tổng diện tích Vùng nguyên liệu Đầu tư

\+

33.000 HA — Tổng diện tích Vùng nguyên liệu Nông trường



LÀO
TTCA
VÀ CAMPUCHIA
KRATIE*

Tổng: 26.320 ha

VNL Đầu tư: 120 ha
VNL Nông trường: 26.200 ha

** VNL Công ty có quyền quản lý và khai thác*

VIỆT NAM

Tổng: 38.680 ha

TTCS Gia Lai: 9.930 ha	VNL Đầu tư: 9.590 ha VNL Nông trường: 340 ha
Biên Hòa - Ninh Hòa: 10.000 ha	VNL Đầu tư: 9.330 ha VNL Nông trường: 670 ha
Biên Hòa - Phan Rang: 1.800 ha	VNL Đầu tư: 1.800 ha
TTCS: 16.950 ha	VNL Đầu tư: 11.160 ha VNL Nông trường: 5.790 ha

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG MÍA ĐƯỜNG



Trụ sở chính
Số 99, Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh
027 63 71 29 75

Chi nhánh tại Gia Lai
442A Trần Hưng Đạo, Thị xã AyunPa, Tỉnh Gia Lai
0899 520 617

Chi nhánh tại Ninh Hòa
Km 16, Thôn Lam Sơn, Xã Ninh Sim, Huyện Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa
03 36 94 30 26

Chi nhánh tại Ninh Thuận
Quốc lộ 27A, Thôn La Vang, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận
0912 689 258

TRUNG TÂM 3S SALES - SERVICE - SPARE PART
(BÁN HÀNG - BẢO HÀNH, SỬA CHỮA - PHỤ TÙNG CHÍNH HIỆU)



Trung tâm 3S - Gia Lai
442A Trần Hưng Đạo, Thị xã AyunPa, Tỉnh Gia Lai
0901 937 555

Trung tâm 3S - Ninh Hòa
Ấp Lam Sơn, Xã Ninh Sim, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa
0902 079 093

Trung tâm 3S - Tây Ninh
561A Trần Phú, Ấp Tân Phước, Xã Tân Bình, TP. Tây Ninh
027 63 74 49 39 - 0888 194 198

Trung tâm 3S - An Giang
361/16 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Phước, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
0979 777 954

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CÁC SẢN PHẨM MÁY MÓC CƠ GIỚI NGÀNH NÔNG NGHIỆP CỦA THƯƠNG HIỆU JOHN DEERE

JOHN DEERE

Đại lý Khu vực Đồng Tháp
156 - 158 Hùng Vương, Khóm 3, Phường An Thạnh, Thị xã Hồng Ngự, Tỉnh Đồng Tháp
0913 721 009

Đại lý Khu vực An Giang
Số 57 Quốc lộ 91, Thị Trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
0913 979 080

Đại lý Khu vực Sóc Trăng
Số 49 Đường Quốc Lộ 1, Khóm 2, Phường 7, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng
0918 453 476

CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

DÀNH CHO NGƯỜI NÔNG DÂN (TIẾP THEO)

9
NHÀ MÁY

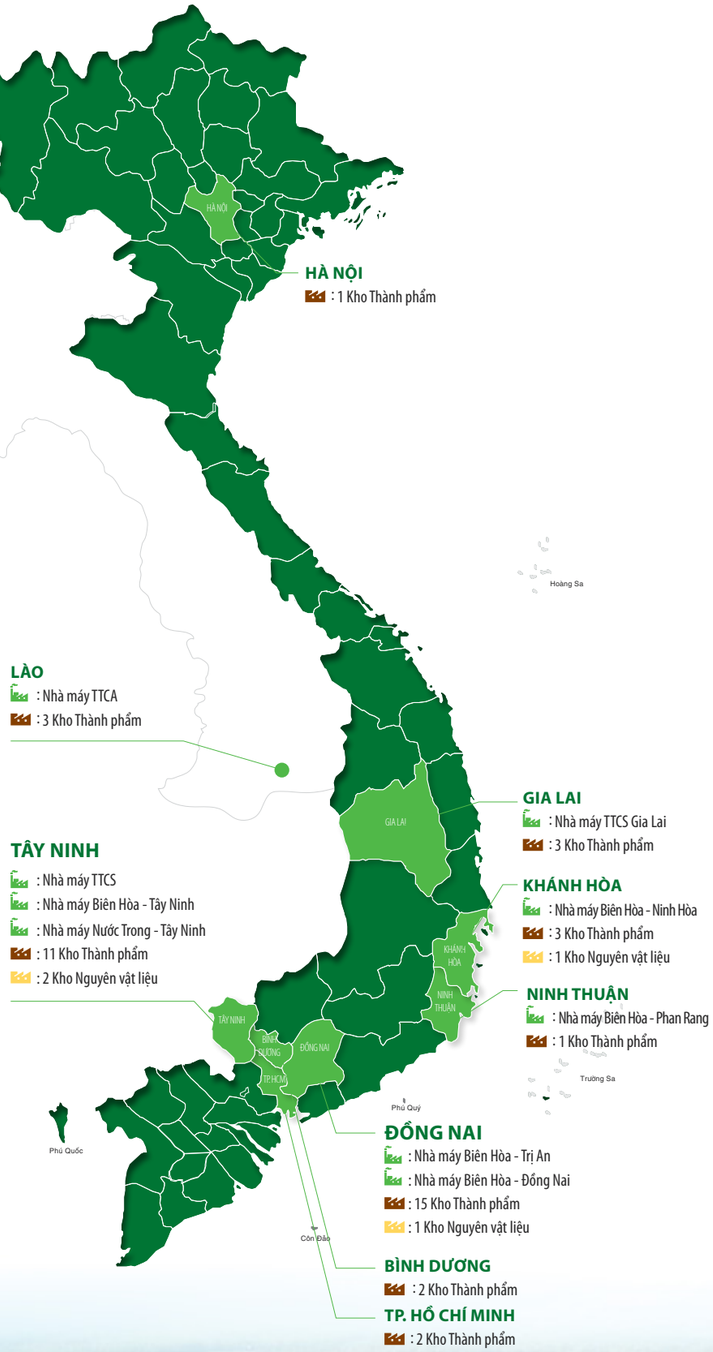
TỔNG CÔNG SUẤT SẢN XUẤT
4.250
TẤN ĐƯỜNG/NGÀY

41
KHO THÀNH PHẨM

4
KHO NGUYÊN VẬT LIỆU

TỔNG DIỆN TÍCH
141.000+
M^2

SỨC CHỨA
400.000
TẤN



MẠNG LƯỚI NHÀ MÁY

STT	Nhà máy	Vị trí	Khả năng luyện	Công suất sản xuất (Tấn Đườngngày)	Sản phẩm chính	Thời gian luyện	Cạnh Đường Sau Đường
1	TTCS	Tây Ninh	Đường thô và Mía	1.000	Đường RE	Thời vụ	Đồng phát điện
2	Biên Hòa - Ninh Hòa	Khánh Hòa		600	Đường RE		
3	Biên Hòa -Trị An	Đồng Nai		250	Đường RE		x
4	Biên Hòa - Đồng Nai	Đồng Nai	Đường thô	400	Đường RE	Quanh năm	x
5	TTCA	Lào	Mía	750	Đường RS, Đường Thô, Đường Vàng, Đường Organic	Theo vụ	Đồng phát điện
6	TTCS Gia Lai	Gia Lai		600	Đường RS, Đường Thô		
7	Biên Hòa - Tây Ninh	Tây Ninh		400	Đường Thô		
8	Biên Hòa - Phan Rang	Ninh Thuận		150	Đường RS, Đường Thô, Đường Vàng		x
9	Nước Trong - Tây Ninh*	Tây Ninh		100	Đường Organic		

**: Nhà máy Nước Trong - Tây Ninh được chuyển đổi sang sản xuất Đường Organic thay cho Đường RE*

MẠNG LƯỚI KHO

Loại hình Kho	Khu vực	Số lượng kho	Diện tích (m^2)	Sức chứa (tấn)
Kho Thành phẩm	Đồng Nai	15	46.200	83.800
	Tây Ninh	11	39.500	142.250
	Gia Lai	3	12.400	38.000
	Ninh Hòa	3	12.300	23.000
	Lào	3	8.500	19.000
	Bình Dương	2	9.200	25.000
	TP. HCM	2	400	400
	Phan Rang	1	1.600	4.000
	Hà Nội	1	100	50
Tổng cộng	**9 Địa điểm**	**41**	**130.200**	**335.500**
Kho Nguyên vật liệu	Tây Ninh	2	4.400	25.500
	Đồng Nai	1	4.500	27.000
	Ninh Hòa	1	2.000	12.000
Tổng cộng	**3 Địa điểm**	**4**	**10.900**	**64.500**

Nguồn: TTC Biên Hòa

DÀNH CHO KHÁCH HÀNG

4 MẠNG LƯỚI KÊNH PHÂN PHỐI CHÍNH

DOANH NGHIỆP B2B

730+
KHÁCH HÀNG

MNC - CÔNG NGHIỆP LỚN

30+
Khách hàng

57%
Thị phần

Campina, Coca - Cola, Neste, Nutifood, Pepsi, Red Bull, Tân Hiệp Phát, Trung Nguyên, Vinacafe, Vinamilk…

SME - TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP

700+
Khách hàng

15%
Thị phần

Nước giải khát:
Chương Dương, FES (Cà phê Phố), Highland Coffee, Jolibee, Tân Quang Minh (Nước Bidrico), Yến sào Khánh Hòa…

Thực phẩm: Asiafood, Cholimex, Thực phẩm Thiên Hương, Uniben (Mì 3 miền)…

Bánh kẹo: Bibica, Phạm Nguyên, Pan, New Choice...

Sữa kem: IDP, KIDO, Long Thành, Yakult VN…

Dược phẩm: Cửu Long, Domesco, Dược Hậu Giang, Mekophar, Sanofi…

THƯƠNG MẠI

72
KHÁCH HÀNG

22
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CẤP 1

Đầu tư TTC, Thương mại TTC, Thành Thành Phát, Toàn Phát…

~50
Đại lý cấp 2,3,4 trên toàn quốc

TIÊU DÙNG B2C

67.200+
KHÁCH HÀNG

KÊNH TRUYỀN THỐNG

10%
Thị phần

60.000
Cửa hàng bán lẻ

~100
Nhà phân phối và Đại lý

KÊNH HIỆN ĐẠI

70%
Thị phần

3.600
Siêu thị và Cửa hàng tiện lợi

KÊNH KA

4%
Thị phần

3.500
Điểm bán

XUẤT KHẨU

21
QUỐC GIA

BẮC MỸ

1
Quốc gia
Mỹ

CHÂU ÂU

6
Quốc gia
Bỉ, Bulgaria, Cộng hòa Czech, Malta, Pháp, Ý

CHÂU Á

8
Quốc gia
Campuchia, Hàn Quốc, Indonesia, Myanmar, Philippines, Singapore, Sri Lanka, Trung Quốc

CHÂU PHI

1
Quốc gia
Kenya

CÁC HÒN ĐẢO THÁI BÌNH DƯƠNG

5
Quốc gia
Nauru, Papua New Guinea, Samoa, Solomon, Tahiti

3 CỬA HÀNG GIỚI THIỆU SẢN PHẨM

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

512 Lý Thường Kiệt,
Quận Tân Bình, TP. HCM
028 36 36 82 98 - 0938 048 908

THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT

Khu Du lịch Thung Lũng Tình Yêu,
TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
0816 025 593

THÀNH PHỐ PHAN THIẾT

Khu Du lịch Tà Cú,
Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận
0947 311 123

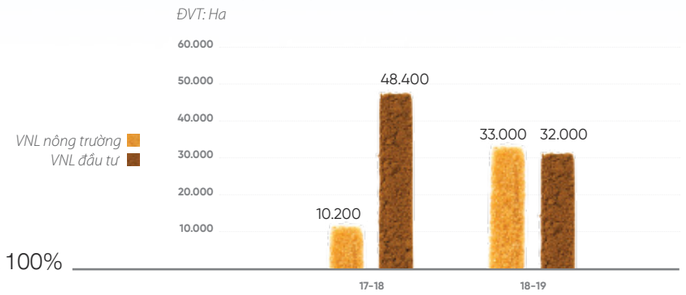
"Dưới ảnh hưởng chung của Ngành Đường thế giới, giá Đường giảm khá sâu đã tác động không nhỏ đến tình hình Mía nguyên liệu của Việt Nam. Giá Đường giảm kéo theo giá Mía giảm, làm ảnh hưởng đến thu nhập của Người Nông dân, một số trong họ đã quyết định chuyển đổi từ trồng Mía sang những loại cây trồng khác. Trước thực trạng đó, Công ty đã nỗ lực đưa ra nhiều giải pháp hỗ trợ Người Nông dân để giữ lại những cánh đồng Mía; đồng thời chủ động gia tăng Vùng nguyên liệu Nông trường thông qua việc tiếp quản thêm Vùng nguyên liệu Nông trường Kratie tại Campuchia giáp ranh Việt Nam, nhằm phát triển những cánh đồng mẫu lớn, giải quyết bài toán thiếu kiểm soát đối với Vùng nguyên liệu."

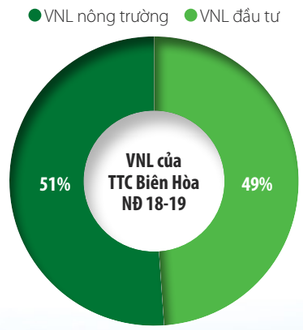
Kết thúc NĐ 18-19, tổng diện tích VNL của Công ty đạt 65.000 ha, tăng 11% so với NĐ 17-18, chiếm 27% VNL cả nước; trong đó VNL Đầu tư - VNL mà Công ty đầu tư cho Nông dân để cùng khai thác là 32.000 ha chiếm 49%, VNL Nông trường - VNL mà Công ty hiện đang sở hữu và tiếp quản đạt 33.000 ha chiếm 51%. Diện tích VNL này đang được phân bổ hợp lý trên cả 3 Nước Đông Dương bao gồm Việt Nam 38.680 ha (60%), Lào và Campuchia 26.320 ha (40%).

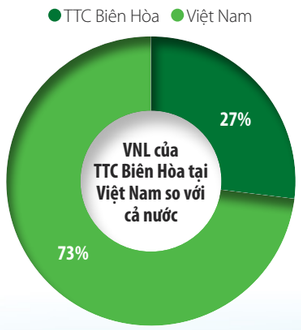
Cũng trong NĐ 18-19, Công ty đã thực hiện liên kết gộp thửa, áp dụng cơ giới hóa vào canh tác tại Gia Lai, Ninh Hòa và Tây Ninh với hơn 300 cánh đồng làm tăng diện tích lô thửa, đưa Cây Mía về các vùng sâu vùng xa có điều kiện kinh tế khó khăn tại các Khu vực, góp phần hỗ trợ kinh tế địa phương. Kết quả, đã có 14.000 ha VNL được cơ giới hóa 100%, với các kỹ thuật cày sâu, chăm sóc, phân tích đất, thực hiện bón phân theo nhu cầu của đất và cây trồng theo từng thời kỳ, thu hoạch bằng máy. Việc áp dụng cơ giới hóa đã giúp cho chất lượng đất được cải thiện tốt hơn, làm giảm chi phí canh tác và tăng hiệu quả hoạt động. Hiện nay, diện tích được cơ giới hóa chiếm khoảng 29% VNL của TTC Biên Hòa nếu không tính VNL Nông trường Kratie do mới chỉ tiếp quản vào đầu Quý 4 NĐ 18-19 và dự kiến đi vào khai thác trong NĐ 19-20. Những hỗ trợ từ phía TTC Biên Hòa không chỉ tạo điều kiện cho Người Nông dân được tiếp xúc với những kiến thức khoa học kỹ thuật mới mà còn hỗ trợ họ giảm được 50% hi phí thu hoạch, gia tăng nguồn thu nhập.

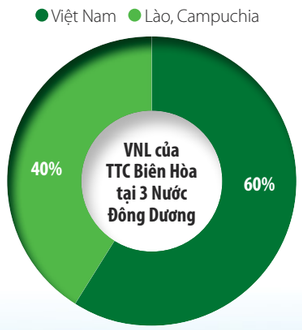
29%
VÙNG NGUYÊN LIỆU CƠ GIỚI HÓA 100%

Vùng nguyên liệu của TTC Biên Hòa Niên độ 17-18 và 18-19









Nguồn: TTC Biên Hòa

VÙNG NGUYÊN LIỆU XUYÊN BIÊN GIỚI

VỊ TRÍ	VÙNG NGUYÊN LIỆU ĐẦU TƯ (HA)	VÙNG NGUYÊN LIỆU NÔNG TRƯỜNG (HA)	ĐẶC ĐIỂM CỦA VÙNG NGUYÊN LIỆU	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NIÊN ĐỘ 19-20
TÂY NINH	**11.160**	**5.790**	» VNL tập trung, phù hợp với việc áp dụng cơ giới hóa từ khâu làm đất đến thu hoạch » Tỷ lệ cơ giới hóa trong khâu làm đất và bón phân chăm sóc đến nay gần như đạt 100% » Tỷ lệ thu hoạch bằng máy đạt gần 40% » Đây là vùng có lượng mưa khá, phù hợp với việc canh tác Mía, đặc biệt các giống Mía có năng suất cao như KK3, LK92-11 » Chính sách hỗ trợ cho Nông dân tại Khu vực trồng Mía trong NĐ 18-19: • Đầu tư không hoàn lại đối với Mía tơ 13 triệu đồng/ha cho Nông dân Khu vực Tây Ninh; 11 triệu đồng/ha cho Nông dân Campuchia - Khu vực giáp Tây Ninh • Đầu tư không hoàn lại đối với Mía gốc 2 trở lên 3,8 triệu/ha cho Nông dân Khu vực Tây Ninh; 2,9 triệu đồng/ha cho Nông dân Campuchia - Khu vực giáp Tây Ninh	» Tiếp tục thực hiện chính sách thuê đất để gộp thửa, tăng diện tích trồng nhằm tăng diện tích để thực hiện cơ giới hóa toàn bộ » Mục tiêu trong 3 năm tới, tỷ lệ thu hoạch bằng máy sẽ nâng lên 60% VNL
GIA LAI	**9.590**	**340**	» Đây là khu vực có VNL trồng Mía lớn nhất cả nước » Tỷ lệ áp dụng khoa học kỹ thuật và cơ giới hóa hiện nay chỉ sau Tây Ninh » Tỷ lệ thu hoạch bằng máy hiện nay đạt trên 20% » Chính sách hỗ trợ cho Nông dân tại khu vực trồng Mía trong NĐ 18-19: • Đầu tư không hoàn lại đối với Mía tơ 5 triệu - 7 triệu đồng/ha tùy theo quy mô • Đầu tư không hoàn lại đối với Mía gốc 2,4 triệu/ha • Ưu tiên tập trung đầu tư trợ giá cho phân hữu cơ để giúp tăng độ phì nhiêu của đất, hướng đến PTBV	» Áp dụng mô hình thành công của Tây Ninh, TTC Gia Lai sẽ triển khai thực hiện chính sách gộp thửa để tăng diện tích trồng nhằm tăng diện tích VNL được cơ giới hóa » Tỷ lệ thu hoạch cơ giới nâng lên 30% trong 3 năm tới » Tập trung chuyển đổi các loại giống có năng suất thấp sang giống có năng suất cao như KK3, K95-156 » Mục tiêu sẽ có 4 giống chủ lực chiếm 80% diện tích VNL trong 3 năm tới
KHÁNH HÒA	**9.330**	**670**	» VNL tập trung và độc canh Cây Mía là một lợi thế lớn » Chất lượng Mía tương đối cao là một lợi thế cho hoạt động sản xuất » Đang thực hiện chuyển đổi các giống có năng suất Đường cao, phù hợp với VNL » Chính sách hỗ trợ cho Nông dân tại khu vực trồng Mía trong NĐ 18-19: • Đầu tư không hoàn lại đối với Mía tơ 5,8 triệu đồng/ha • Đầu tư không hoàn lại đối với Mía gốc 3,4 triệu đồng/ha • Chính sách khuyến khích thu hoạch bằng máy 1 triệu đồng/ha nhằm tăng tỷ lệ thu hoạch cơ giới lên 20% trong 3 năm tới từ mức 8% hiện nay	» Áp dụng mô hình thành công của Tây Ninh, Nhà máy Biên Hòa - Ninh Hòa và Biên Hòa-Phan Rang sẽ triển khai thực hiện chính sách gộp thửa để tăng diện tích trồng nhằm tăng diện tích VNL được cơ giới hóa » Mục tiêu chuyển đổi 4 giống chủ lực chiếm trên 80% diện tích tại các khu vực Khánh Hòa và Ninh Thuận trong 3 năm tới
NINH THUẬN	**1.800**	**-**	» VNL có nhiều tiềm năng phát triển do gần hệ thống thủy lợi của Nhà nước » Có thể chủ động tăng năng suất, kéo dài được thời gian ép Mía (thời gian bình quân 140-150 ngày/vụ), cao hơn so với các nhà máy khác khoảng 20% » VNL tập trung gần Nhà máy giúp giảm chi phí vận chuyển » Chính sách hỗ trợ cho Nông dân tại khu vực trồng Mía trong NĐ 18-19: • Đầu tư ứng vốn với khoảng 26 triệu đồng/ha Mía tơ và 14 triệu đồng/ha Mía gốc • Đầu tư không hoàn lại 3,8-4,8 triệu/ha Mía tơ, 2,3 triệu/ha Mía gốc • Ưu tiên tập trung đầu tư trợ giá cho phân hữu cơ để giúp tăng độ phì nhiêu của đất, hướng đến PTBV	
LÀO	**120**	**26.200**	» VNL đặc trưng, rất phù hợp với việc canh tác và sản xuất Đường Organic » VNL tập trung diện tích lớn, giúp cho việc áp dụng cơ giới hóa từ khâu làm đất đến khâu chăm sóc là 100% » Riêng thu hoạch đạt tỷ lệ cơ giới 70% » Hệ thống VNL được bao bọc bởi các con sông lớn, giúp cho việc triển khai tưới được thuận lợi » Khác biệt về thời tiết làm cho chất lượng Mía vượt trội, cao hơn 20% so với mức bình quân chung của Việt Nam » Chính sách hỗ trợ cho Nông dân tại khu vực trồng Mía trong NĐ 18-19: • Hỗ trợ Nông dân trong công tác khai hoang, chuẩn bị đất trồng Mía • Cung cấp giống Mía cho Nông dân, hỗ trợ phân bón, công tác thu hoạch Mía	» Dự kiến diện tích trồng Mía Organic vụ thu hoạch 19-20 chiếm đến 50% tổng diện tích và sẽ được chuyển toàn bộ trong vòng 3 năm tới » Dự kiến tổng diện tích VNL Nông trường sẽ nâng lên gần 14.000 ha » Mục tiêu nâng diện tích VNL Đầu tư lên 1.000 ha
CAMPUCHIA (*)			» VNL được đánh giá là hoàn toàn phù hợp để sản xuất Đường Organic khi sở hữu quỹ đất sạch lớn, chưa bị ô nhiễm » Diện tích canh tác lớn và liền thửa, phù hợp cho việc xây dựng cánh đồng mẫu lớn » Nằm gần Khu vực Sông Mê Kông, thuận lợi cho việc tưới tiêu và canh tác	» Trong thời gian tới, sẽ triển khai trồng Mía Organic theo tiêu chuẩn Châu Âu » Bên cạnh VNL đang quản lý, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư mở rộng thuê đất vùng biên giới Campuchia, quy hoạch đồng ruộng hạ tầng, giao lại cho các nông dân có năng lực thực hiện trồng Mía.

(*) Tại Campuchia là VNL mà TTC Biên Hòa có quyền quản lý và khai thác

"Hòa cùng xu hướng phát triển của thế giới, việc áp dụng các công nghệ, trí thông minh nhân tạo vào canh tác đã và đang được Công ty triển khai phối hợp với một đối tác thay cho hình thức canh tác truyền thống chủ yếu dựa vào kinh nghiệm. Hiện nay, Công ty đã vận hành hệ thống Quản lý Nông nghiệp (Farmer Relationship Management - FRM) trên nền tảng Microsoft CRM với các tính năng Quản lý thông tin về Người Nông dân, hiện trạng và chất lượng đất, kiểm soát lịch thu hoạch và quản lý vốn đầu tư. Với những dữ liệu có được, Công ty sẽ tư vấn một cách chính xác hơn các quy trình, kỹ thuật canh tác cho bà con Nông dân trên từng Vùng nguyên liệu, phù hợp với điều kiện tự nhiên và đất đai hiện hữu.

Ngoài ra, trong Niên độ 18-19, Công ty cũng đã triển khai cùng với đối tác trong lĩnh vực công nghệ đến từ Đức để thử nghiệm sử dụng công nghệ vệ tinh và vi sóng vào việc quản lý đồng ruộng, giúp cho việc kiểm soát có trọng tâm và trọng điểm, quản lý thu hoạch được tốt hơn, tăng chất lượng Mía và giảm các chi phí vận hành, logistic. Dự kiến các công nghệ này sẽ được chính thức đưa vào áp dụng tại tất cả các nhà máy trong và ngoài nước của TTC Biên Hòa Niên độ 20-21, đóng góp vào xu hướng phát triển Nông nghiệp thông minh tại Việt Nam."

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN

"Trong tâm thế sẵn sàng cho việc hội nhập ATIGA cũng như phục vụ định hướng phát triển Chuỗi Nông nghiệp bền vững, TTC Biên Hòa đã tổ chức nghiên cứu, triển khai đầu tư và đưa ra nhiều giải pháp nhằm giảm giá thành sản xuất."

4 DỰ ÁN HOÀN THÀNH NIÊN ĐỘ 18-19

1 DỰ ÁN HOÀN THÀNH NIÊN ĐỘ 19-20

Đối với Ngành sản xuất Mía Đường, chi phí nguyên liệu Mía chiếm tỷ trọng rất cao trong chi phí chế biến, tỷ lệ này nằm trong khoảng 75% đến 80% giá thành. Vì thế, Công ty đã có những biện pháp nhằm tối thiểu hóa chi phí nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm đầu ra.

Đối với khâu trồng trọt, TTC Biên Hòa đã có những giải pháp về chính sách đầu tư, canh tác, thu hoạch để tiết giảm giá Mía. Đối với khâu sản xuất, trên cơ sở công nghệ hiện đại sẵn có và cải tiến từng NĐ, TTC Biên Hòa đã tiếp tục để ra những giải pháp và triển khai đầu tư để gia tăng sản lượng Đường, giảm chi phí chế biến trên cơ sở lượng Mía đầu vào có xu hướng giảm đi. NĐ 18-19, TTC Biên Hòa đã và đang triển khai đầu tư 5 dự án, trong đó 4 dự án đã hoàn thành, 1 dự án sẽ hoàn thành và đi vào sử dụng trong NĐ 19-20.

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÁC GIẢI PHÁP TIẾT KIỆM HƠI

Thời gian thực hiện: Tháng 5/2018 - Tháng 11/2018
Tiến độ hiện tại: Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng

Mục đích

» Giảm tỷ lệ tiêu hao hơi, tiết kiệm được Bã Mía phục vụ cho công tác luyện Đường ngoài vụ
» Nâng cao sản lượng luyện Đường từ Đường thô mà không phải sử dụng nhiên liệu đốt lò khác ngoài Bã Mía

Nội dung đầu tư

Tiến hành đầu tư một số thiết bị tiết kiệm hơi như:
» Gia nhiệt nước Mía trực tiếp: Truyền hơi nước nhiệt độ cao trực tiếp cho nước Mía trong quá trình luyện Đường
» Thay các cột tạo chân không Jet condenser (ngưng tụ kiểu phun) cho các nồi Đường và bốc hơi bằng cách sử dụng nước phun thay cho sử dụng hơi phun, để tiết kiệm hơi
» Đầu tư bổ sung diện tích truyền nhiệt cho hệ thống bốc hơi và điều chỉnh lại sơ đồ trích hơi trong công nghệ

Hiệu quả cải thiện

» Tiết kiệm lượng hơi nước cung cấp cho dây chuyền sản xuất Đường. Chỉ cần dùng 500.000 tấn hơi để ép 1 triệu tấn Mía so với 570.000 tấn hơi so với trước đây, tiết kiệm được 70.000 tấn hơi
» Giảm được một lượng bã đáng kể khi tạo ra hơi nước từ đốt Bã Mía, với ép 1 triệu tấn Mía sẽ tiết kiệm 33.300 tấn bã
» Tăng sản lượng Đường luyện và hiệu quả kinh tế phụ thuộc vào lượng Mía ép, Mía ép nhiều dư nhiều bã thì sẽ luyện thêm được nhiều Đường hơn
» Với các giải pháp tiết kiệm hơi, cuối NĐ 18-19, Công ty đã tiết kiệm được lượng bã là 82.000 tấn, có khả năng luyện thêm hơn 100.000 tấn Đường từ Đường thô mà không cần mua thêm nhiên liệu đốt lò hơi
» Kế hoạch tiếp tục giảm suất tiêu hao hơi xuống còn 42% Mía trong các NĐ tiếp theo:
  • Nếu ép được 1 triệu tấn Mía thì sẽ tiết kiệm được hơn 170.000 tấn bã sau khi kết thúc vụ ép
  • Lượng bã này sẽ dùng làm nhiên liệu đốt lò để sản xuất Đường từ Đường thô ngoài vụ
  • Có thể thực hiện việc sản xuất luyện Đường 300 ngày/năm mà không tốn chi phí mua thêm nhiên liệu.

DỰ ÁN ĐA DẠNG HÓA PHƯƠNG THỨC GIAO HÀNG BẰNG BAO BÌ BIG BAG

Thời gian thực hiện: Tháng 8/2018 - Tháng 11/2018
Tiến độ hiện tại: Đã đưa vào sử dụng sau 3 tháng thực hiện

Mục đích

» Đáp ứng nhu cầu của những Khách hàng Doanh nghiệp B2B Nestle, Ajinomoto… về việc thay đổi Phương thức giao hàng bằng bao Big bag
» Tiên phong và có cơ hội độc quyền trong phương thức giao hàng bằng bao 1 tấn

Nội dung đầu tư

» Đầu tư mới hệ thống xuất Đường Bigbag
» Chi tiết gồm: Hệ thống cân, chiết rót, băng tải bao Đường, máy in phun, pallet, nam châm

Hiệu quả cải thiện

» Thỏa mãn nhu cầu, làm hài lòng Khách hàng về sự tiện lợi trong phương thức giao hàng mới
» Tạo điều kiện thuận lợi cho Khách hàng Công nghiệp lớn MNC:
  • Khách hàng mua Đường về để sản xuất sản phẩm như Pepsico, Nestle, Vinamilk, Unilever, Friesland Campina, Redbull, URC, Perfetti…
  • Hỗ trợ Khách hàng trong việc giảm bớt chi phí bốc xếp, tạo thuận lợi cho Khách hàng dễ dàng áp dụng tự động hoá nếu cần
» Tăng ưu thế cho Công ty khi là nhà cung cấp với đa dạng các phương thức giao hàng
» Về lâu dài, Dự án sẽ có hiệu quả khi chi phí đầu tư được khấu hao hoàn toàn và dự kiến thời gian khấu hao tính cho thiết bị này là 10 năm.

DỰ ÁN HOÀN THIỆN ĐẦU TƯ HỆ THỐNG ROBOT TỰ ĐỘNG HÓA BỐC XẾP BAO 50 KG TẠI NHÀ MÁY BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI

Thời gian thực hiện: Tháng 1/2018 - Tháng 4/2019
Tiến độ hiện tại: Dự án đã hoàn thành và đi vào hoạt động

Mục đích

» Đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của Khách hàng
» Tăng sự tối ưu hóa trong quá trình vận chuyển và giảm chi phí nhân công

Nội dung đầu tư

Giai đoạn 1:
» Thay thế toàn bộ lao động bốc xếp thủ công tại khu vực ra các bao Đường 50 kg bằng hệ thống Robot xếp bao
» Các bao Đường 50 kg hoặc 25 kg sau khi ra khỏi khu vực đóng bao, trượt theo máng Inox sẽ dẫn đến khu vực có hệ thống Robot xếp bao
» Các Robot sẽ chất các bao Đường 50 kg lên Pallet và quấn màng co (có thể quấn hoặc không)
» Sau đó xe nâng sẽ chuyển các pallet lên xe tải trung chuyển sang kho chứa

Giai đoạn 2:
» Tiến hành đầu tư pallet, kho chứa phù hợp
» Tiến đến việc sử dụng hoàn toàn pallet trong sản xuất, lưu trữ và xuất hàng

Hiệu quả cải thiện

» Đáp ứng nhu cầu của Khách hàng Doanh nghiệp B2B về FSSC - Tiêu chuẩn Chứng nhận An toàn thực phẩm, tăng sự tối ưu trong quá trình vận chuyển, lưu kho bằng pallet
» Giảm tỷ lệ SPKPH trong quá trình lưu kho và vận chuyển, giảm thiểu rách vỡ bao do bốc xếp và giảm việc vận chuyển nhiều lần
» Giảm chi phí nhân công bốc xếp 14.000 đồng/tấn cho phía nhà máy và phía Khách hàng
» Giảm nguy cơ thiếu lao động phổ thông tại công đoạn xếp Đường vào kho cũng như giảm thiểu rủi ro do yếu tố con người đối với sản phẩm
» Giải phóng sức lao động và giảm áp lực tìm kiếm lao động thủ công phục vụ cho công tác bốc xếp
» Trở thành đơn vị đầu tiên trong Ngành Đường Việt Nam sử dụng Robot trong việc bốc xếp Đường và vận chuyển bằng Pallet
» Việc sử dụng hệ thống Robot tạo ấn tượng tốt cho các đối tác khi tham quan Nhà máy của TTC Biên Hòa
» Tạo lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ khác khi cung cấp cho Khách hàng Doanh nghiệp B2B.

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN

DỰ ÁN ĐIỆN MẶT TRỜI MÁI NHÀ TẠI 9 NHÀ MÁY



Thời gian thực hiện
Tháng 7/2018 - Tháng 5/2019

Tiến độ hiện tại
Đã hoàn tất đấu nối và phát điện lên lưới điện quốc gia

Mục đích

» Lắp hệ thống Điện Mặt trời trên mái các Nhà máy của Công ty để tận dụng nguồn Năng lượng sạch, đồng thời tiết kiệm chi phí hoạt động

» Hiện giá bán Điện Mặt trời Mái nhà đang được Nhà nước khuyến khích với giá mua điện 9,35 cents/kWh, tương đương 2.086 đồng/kWh

STT	NHÀ MÁY	CÔNG SUẤT LẮP ĐẶT (MWp)
1	Nhà máy Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai	1,5
2	Nhà máy Đường TTC Biên Hòa (TTCS)	0,999
3	Nhà máy Đường TTC Biên Hòa - Ninh Hòa	0,999
4	Nhà máy Đường TTC Gia Lai	0,999
5	Nhà máy Đường TTC Biên Hòa - Tây Ninh	0,7
6	Nhà máy Đường TTC Biên Hòa - Trị An	0,6
7	Nhà máy Đường Nước Trong	0,5
8	Nhà máy Đường TTC Biên Hòa - Phan Rang	0,5
9	Nhà máy Đường Attapeu Lào	0,44
	TỔNG CỘNG	7,23

Nội dung đầu tư

» Với rất nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực Điện Mặt trời, Tập đoàn TTC đã hỗ trợ Công ty trong việc lắp đặt hệ thống Điện Mặt trời Mái nhà

» Niên độ 18-19, Công ty đã tiến hành lắp đặt tại 9 Nhà máy với tổng công suất 7,23 MWp

Hiệu quả cải thiện

» Tận dụng diện tích mái nhà của các Nhà máy để lắp đặt hệ thống Điện Mặt trời nhằm tận dụng nguồn Năng lượng sạch để tự sản xuất điện phục vụ cho HĐKD, giảm phát thải khí nhà kính và giúp bảo vệ Môi trường

» Linh hoạt trong việc đấu nối: Điện Mặt trời Mái nhà sản xuất được sẽ đấu nối vào lưới điện của Nhà máy, phần sản lượng điện thừa sẽ bán lên lưới điện Quốc gia

» Hệ thống Điện Mặt trời đóng góp một lượng điện lên lưới quốc gia nhằm đáp ứng một phần nhu cầu điện cho phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực và cả nước.

DỰ ÁN SẤY BÃ MÍA CÔNG SUẤT 110 TẤN/H

Thời gian thực hiện
Tháng 11/2017

Tiến độ hiện tại

» Dự kiến đến Tháng 11/2019 sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng

» Theo kế hoạch ban đầu thì đến hết năm 2018 Hệ thống sấy bã hoàn thành và đi vào hoạt động. Tuy nhiên các thiết bị của Dự án này được nhập khẩu, đồng thời thiết bị cấp bã cần phải điều chỉnh cho phù hợp loại Bã Mía theo công nghệ trích ly Nước Mía kiểu khuếch tán nên Dự án có kéo dài hơn so với kế hoạch ban đầu. Hiện nay, Dự án đã xong công tác lắp đặt và chuẩn bị để chạy thử



Mục đích

» Tận dụng nhiệt thừa từ khói thải lò hơi để sấy Bã Mía

» Giảm độ ẩm của Bã Mía trước khi đưa vào lò hơi

Nội dung đầu tư

» Đầu tư hệ thống sấy bã với mục đích tận dụng nhiệt thừa từ khói thải lò hơi để đốt Bã Mía, giảm ẩm độ Bã Mía từ 52% xuống còn 40% trước khi cung cấp cho lò hơi

» Hệ thống bao gồm các thiết bị sau:

Thiết bị chính: Băng tải cấp bã vào thiết bị sấy, thiết bị sấy, băng tải chuyển bã từ thiết bị sấy đến lò hơi

Thiết bị phụ:

» Đường ống dẫn khói từ lò đến thiết bị sấy, khói sau khi ra khỏi thiết bị sấy phải có đường ống dẫn để ống khói

» Các van cấp bã cho thiết bị sấy và van lấy bã ra khỏi thiết bị sấy

» Khung sườn giá đỡ cho thiết bị, móng đỡ thiết bị, cáp điện để dẫn điện cấp cho thiết bị...

Hiệu quả cải thiện

» Với việc giảm độ ẩm Bã Mía, suất sinh hơi của 1 tấn bã tăng từ 2,1 lên 2,7 tấn hơi /tấn bã

» Lượng bã thừa sẽ tăng 2,2% so với sản lượng Mía ép (tính nhiệt trị và quy đổi về khối lượng)

» Sẽ không cần dùng nước để khử bụi cho khói lò, thay vào đó sử dụng bộ lọc bụi để khử bụi của khói lò hơi

» Việc thay thế này sẽ đảm bảo được khói từ lò hơi khi thải ra môi trường đáp ứng các chỉ tiêu của khói thải theo quy định của Pháp luật

» Tiết kiệm được một lượng Bã Mía so với trước khi đầu tư. Lượng Bã Mía dư này sẽ được sử dụng để làm nhiên liệu đốt lò cung cấp hơi cho sản xuất Đường. Do đó với cùng ép một lượng Mía như nhau thì sẽ được sản lượng Đường thô nhiều hơn

» Hiệu quả của Dự án chính là việc có thể sản xuất luyện thêm Đường thô ngoài vụ, tăng thêm sản lượng Đường sản xuất từ một sản lượng Mía nhất định

» Đây là công nghệ sấy bã lần đầu tiên được áp dụng tại Việt nam mà TTC Biên Hòa là đơn vị tiên phong sử dụng với mong muốn gia tăng giá trị sử dụng của Bã Mía

» Công nghệ mới cũng là một thách thức cho Ngành Đường TTC và nếu thành công sẽ đem lại lợi ích không nhỏ khi Mía ngày càng có xu hướng giảm.



NGƯỜI NÔNG DÂN TRÊN MỖI CHẶNG ĐƯỜNG



"Khi Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - ATIGA được áp dụng, Thuế Nhập khẩu trong ASEAN sẽ về mức 5%, Ngành Mía Đường Việt Nam phải trực tiếp cạnh tranh với sự xuất hiện của những sản phẩm từ các nước trong Khu vực ASEAN, đặc biệt là Thái Lan. Đi cùng thách thức là cơ hội, với vị trí dẫn đầu Ngành Mía Đường Việt Nam, TTC Biên Hòa đã chủ động lên kế hoạch cho hàng loạt những phương án nhằm tối ưu hóa nội lực sẵn có từ nhiều năm trước để đón đầu các cơ hội kinh doanh."

CHÍNH SÁCH CHO NGƯỜI NÔNG DÂN

Thu mua Mía

Hỗ trợ Vốn đầu tư

Hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình canh tác

Là mắt xích đầu tiên trong chuỗi sản xuất Ngành Đường, nguồn cung cấp Mía nguyên liệu có ý nghĩa rất quan trọng, mang tính sống còn không chỉ với Nông dân, nhà máy mà còn với đối với tất cả các bên tham gia trong chuỗi như các đơn vị cung cấp vật tư Nông nghiệp, cơ giới...

TTC Biên Hòa đã chủ động đầu tư vào việc phát triển VNL, trong đó bao gồm các nông trường quy mô lớn thuộc Công ty và ruộng Mía liên kết với Nông dân. Tính đến thời điểm hiện tại, tổng diện tích VNL bao gồm Nông trường và Đầu tư của TTC Biên Hòa đạt gần 65.000 ha, trải dài khắp 3 nước Đông Dương gồm Việt Nam, Lào và Campuchia.

Người Nông dân là lực lượng cung cấp Mía nguyên liệu quan trọng nhất cho hoạt động SXKD của Công ty. Việc đồng hành cùng Người Nông dân trồng Mía là ưu tiên hàng đầu để mang lại hiệu quả bền vững cho hoạt động sản xuất Mía Đường của TTC Biên Hòa. Nhằm duy trì tốt mối quan hệ cộng hưởng với Người Nông dân, giữ vững và mở rộng hơn nữa diện tích, quy mô VNL cũng như hỗ trợ Người Nông dân tiếp tục gắn bó với Cây Mía, TTC Biên Hòa đưa ra các chính sách hỗ trợ kịp thời để giảm bớt gánh nặng, tiết giảm chi phí sản xuất, từ đó đem lại mức thu nhập ổn định cho họ. Các nhóm chính sách quan trọng có thể kể đến gồm chính sách về giá thu mua Mía, hỗ trợ vốn và hoạt động hỗ trợ kỹ thuật, vật tư, dịch vụ Nông nghiệp.

ĐỐI VỚI CHÍNH SÁCH GIÁ THU MUA MÍA

Có thể nói đây là chính sách quan trọng nhất, ảnh hưởng trực tiếp nhất đến Người Nông dân. Vì vậy, trong khả năng cho phép, TTC Biên Hòa luôn cố gắng đưa ra mức giá thu mua tốt nhất theo từng thời điểm. Trong một số trường hợp, TTC Biên Hòa còn có các khoản hỗ trợ thêm để cùng Nông dân chia sẻ khó khăn vào thời điểm giá Mía xuống thấp.

Trong NĐ 18-19, các chính sách về đầu tư trợ giá không hoàn lại tăng từ 2 triệu đồng/ha đến 12 triệu đồng/ha. Cụ thể, Công ty đã trợ giá 3,8 triệu đồng/ha đối với Mía gốc 2 trở lên và 13 triệu đồng/ha đối với Mía tơ tại Khu vực Tây Ninh trong vụ trồng chăm sóc Đông Xuân và tiếp tục tăng lên 18 triệu đồng/ha trong vụ trồng Hè Thu. Ngoài ra, Công ty còn có các hình thức tài trợ không hoàn lại khác cho Nông dân như hỗ trợ dịch vụ cơ giới, phân bón, vận chuyển…bên cạnh việc nâng cao chính sách bảo hiểm cho Mía 10 CCS. Nhìn chung, dù có giai đoạn thị trường biến động nhưng giá thu mua Mía cùng với các chính sách hỗ trợ khác của TTC Biên Hòa dành cho Nông dân vẫn nỗ lực tốt hơn trung bình chung cả nước.

ĐỐI VỚI CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VỐN ĐẦU TƯ

Do đặc thù của hoạt động canh tác Nông nghiệp Việt Nam là diện tích nhỏ, quy mô mang tính hộ gia đình nên vấn đề thiếu vốn, thiếu khả năng áp dụng các biện pháp kỹ thuật hiện đại, cơ giới hóa thường xuyên xảy ra. Nhằm hỗ trợ Nông dân có vốn để tái đầu tư sản xuất, triển khai các quy trình canh tác mới, TTC Biên Hòa đã đưa ra nhiều chính sách vay ưu đãi với lãi suất hấp dẫn, thời gian giải ngân phù hợp với từng giai đoạn sinh trưởng của Cây Mía, tạo điều kiện để Nông dân trang trải chi phí nhưng vẫn đảm bảo khả năng thu hồi nợ của Công ty.

Nhu cầu vốn từ Nông dân là rất lớn, TTC Biên Hòa đã chủ động đứng ra bảo lãnh và làm đầu mối kết nối các tổ chức tài chính tham gia vào thị trường vay Nông nghiệp, nổi bật là việc ký kết hợp tác với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông - OCB cung cấp các giải pháp tín dụng với nhiều ưu đãi. Đối tượng vay sẽ là người từ 18-70 tuổi, có nhu cầu vay vốn để trồng, chăm sóc Mía và có ký hợp đồng cam kết bán Mía cho TTC Biên Hòa. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay trung dài hạn và được OCB cố định trong suốt thời gian cho vay, là mức lãi suất hấp dẫn trên thị trường. Nơi trồng Mía được hưởng chính sách trên là các Tỉnh Tây Ninh, Đồng Nai, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Gia Lai, Đak Lak, Bình Thuận và Campuchia. Số tiền vay tối đa lên đến 3 tỷ đồng, thời gian vay cao nhất 36 tháng, tương đương 2 vụ trồng Mía, gốc và lãi được trả vào cuối vụ thu hoạch. Chính sách hỗ trợ này là động lực mạnh mẽ giúp Người Nông dân yên tâm đầu tư, canh tác vì đã có sự hỗ trợ từ phía TTC Biên Hòa và OCB.

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ KỸ THUẬT TRONG QUÁ TRÌNH CANH TÁC

Nhờ lợi thế đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm, bên cạnh đó là Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng Mía Đường TTC với nhiều công trình khảo nghiệm mang tính ứng dụng cao, TTC Biên Hòa đã triển khai các chính sách hỗ trợ kỹ thuật, vật tư, Mía giống cho Nông dân. Thông qua đội ngũ cán bộ nông vụ rộng khắp các VNL, quy trình kỹ thuật canh tác hiện đại đã được hướng dẫn cho Nông dân, đi kèm là nguồn vật tư Nông nghiệp chất lượng cao với các ưu đãi hấp dẫn, trong đó gồm có nhiều gói ưu đãi không hoàn lại về phân bón và chế phẩm sinh học tùy từng địa phương, thời điểm cũng như hình trạng sinh trưởng của ruộng Mía từng hộ Nông dân. Tiêu biểu, thời gian qua, TTC Biên Hòa đã nghiên cứu thành công lai chọn, phục tráng 8 giống Mía; nuôi và thả thành công 365 triệu ong mắt đỏ để phòng trừ sâu bệnh thay vì sử dụng thuốc trừ sâu; qua đó giúp cải thiện chất lượng giống Mía, nâng cao năng suất thu hoạch.

TTC Biên Hòa còn cung cấp dịch vụ cơ giới toàn diện từ khâu làm đất, bón phân đến khâu thu hoạch. Việc này hỗ trợ Nông dân tiếp cận được nhiều kỹ thuật canh tác mới, hiệu quả cao nhưng tiết kiệm chi phí như cày ngầm, rạch hàng, cày kết hợp bón phân… mà không phải bỏ ra một khoản ngân sách lớn để đầu tư thiết bị máy móc. Đặc biệt, công tác thu hoạch bằng máy còn giải quyết được vấn về thiếu nhân công trong mùa cao điểm, từ đó giúp Cây Mía được thu hoạch đúng thời điểm, đảm bảo năng suất cũng như Chữ Đường.

So thu hoạch Mía bằng tay, chi phí cho mỗi nhân công chặt Mía tính đến nay dao động trong khoảng 170.000 - 250.000 đồng/ngày, năng suất chặt trung bình 1 - 1,2 tấn Mía/ngày. Trong khi đó, mỗi máy gặt có thể cho công suất tối đa lên đến 700 tấn Mía ngày ở đồng ruộng quy hoạch tốt, mỗi tấn Mía chỉ tốn 1 - 1,2 lít dầu diesel. Nhằm mở đường cho Nông dân tự đầu tư cơ giới hóa, TTC Biên Hòa đã liên kết với Thương hiệu Máy Nông nghiệp hàng đầu thế giới John Deere - Mỹ, phân phối các dòng máy kéo, máy gặt chất lượng cao thông qua Trung tâm 3S (Sales - Service - Spare parts) tại Tây Ninh, An Giang, Gia Lai, Ninh Hòa.

Niên vụ vừa qua, dù thị trường có nhiều biến động như giá Đường thế giới xuống thấp do chu kỳ suy thoái, Đường lậu ồ ạt đổ vào Việt Nam với quy mô lớn, Đường Lỏng với thuế suất 0% cạnh tranh gay gắt… khiến nhiều Nông dân không còn mặn mà với cây Mía, diện tích trồng trên cả nước giảm mạnh, dự báo từ 300.000 ha xuống còn hơn 220.000 ha NĐ 19-20. Tuy nhiên, nhờ nỗ lực triển khai đầy đủ các chính sách đồng hành cùng Người Nông dân, VNL của TTC Biên Hòa vẫn được giữ vững và không ngừng mở rộng tại khắp 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia, dự kiến lên đến 70.000 ha NĐ 19-20. Đặc biệt, tại Lào và Campuchia, TTC Biên Hòa định hướng phát triển diện tích Mía canh tác chuẩn Organic để cung cấp nguyên liệu cho các sản phẩm hữu cơ chất lượng cao, phục vụ thị trường Châu Âu. Bên cạnh việc phát triển các nông trường trực thuộc với quy mô lớn, TTC Biên Hòa luôn xem Người Nông dân là lực lượng cung cấp nguồn Mía nguyên liệu quan trọng nhất trong toàn bộ hoạt động sản xuất Mía Đường. Giúp Nông dân gắn bó với cây Mía cũng là giúp Doanh nghiệp củng cố nền tảng cho toàn bộ Chuỗi Sản xuất, gia tăng sức mạnh để cạnh tranh trong thời kỳ hội nhập.



GẮN KẾT CÙNG CỘNG ĐỒNG

3.759
VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

36.400 GIỜ ĐÀO TẠO
CÁN BỘ NHÂN VIÊN

32%
CÁN BỘ QUẢN LÝ NỮ

10 TỶ ĐỒNG
NGÂN SÁCH ĐÀO TẠO

2 TỶ ĐỒNG
CÁC HOẠT ĐỘNG THIỆN NGUYỆN

VỮNG BƯỚC ĐẾN TƯƠNG LAI

TTC Biên Hòa đặc biệt quan tâm đến các cam kết về Môi trường và Xã hội tại 3 Nước Đông Dương - nơi mà TTC Biên Hòa đang sở hữu lợi thế về Vùng nguyên liệu, nhằm rút ngắn khoảng cách giữa Ngành Đường Việt Nam và Khu vực, cũng là nền tảng để thu hút đầu tư từ các Đối tác chiến lược nước ngoài.

NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT DÀNH CHO CỘNG ĐỒNG - XÃ HỘI

THÁNG 8 / 2018

Chia sẻ khó khăn 1 tỷ đồng:
Người dân Attapeu - Lào

"Giải thưởng Doanh nghiệp vì Cộng đồng Châu Á" - CMO Asia - Singapore:
Ghi nhận, tôn vinh đóng góp tích cực, hiệu quả trong QTCT và PTBV

THÁNG 11 / 2018

"Top 100 Doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam" 2 năm liên tiếp - VCCI:
Nỗ lực tạo ra giá trị Kinh tế, Xã hội, Môi trường bền vững, toàn diện

THÁNG 1 / 2019

"Ngày hội Gia đình TTC năm 2018":
Tham gia các hoạt động dịp cuối năm cùng các Đơn vị Thành viên thuộc TTC

THÁNG 5 / 2019

Giải Việt dã "Đường sạch Biên Hòa, chạy vì sức khỏe Cộng đồng" - Tây Ninh:
Hưởng ứng tháng Công nhân 2019, kỷ niệm 129 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh

THÁNG 7 / 2018

Điện Mặt trời Mái nhà tại 9 Nhà máy - 134 tỷ đồng:
Nguồn Năng lượng sạch, giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ Môi trường

Tặng 500 kg Đường:
Gia đình chính sách Tỉnh Tây Ninh, ngày Thương binh - Liệt sĩ

THÁNG 9 / 2018

"Hội thảo Công nhân lao động Ngành Mía Đường Việt Nam" lần 7:
Thắt chặt tình đoàn kết, giao lưu, rèn luyện sức khỏe

Đưa vào sử dụng Hệ thống tiết kiệm hơi:
Tổng chi phí 14 tỷ đồng

THÁNG 12 / 2018

Tặng 570 kg Đường:
Gia đình chính sách Tỉnh Tây Ninh, Tết Nguyên Đán

THÁNG 4 / 2019

"Chương trình đào tạo nâng cao chất lượng lao động địa phương" lần 2:
Đào tạo chuyên sâu cho sinh viên chuẩn bị ra trường, Tỉnh Nam Lào, 460 triệu đồng



Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phạm Hồng Dương *(bìa trái)*

CAM KẾT PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CSI 100 DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG 2018

Với sứ mệnh của một Doanh nghiệp Mía Đường đầu Ngành, đồng thời đóng góp một phần nhỏ trong việc xây dựng Chuỗi giá trị Nông nghiệp của Việt Nam, TTC Biên Hòa luôn nỗ lực không ngừng trong các hoạt động liên quan đến trách nhiệm cho Cộng đồng và Xã hội, và hiệu quả mang lại chính là những giá trị cộng hưởng lẫn nhau giữa TTC Biên Hòa và các BLQ.

Không chỉ thông qua các cam kết được công bố, từng quy trình được ban hành, TTC Biên Hòa luôn hiện thực hóa bằng hoạt động. Các BLQ trọng yếu trong BCTN cũng như Báo cáo tóm tắt PTBV được chúng tôi phân loại gồm: CĐ, NĐT; Khách hàng, Người Nông dân và Cộng đồng Xã hội.

Theo tiêu chuẩn quốc tế GRI, chúng tôi đã thực hiện Báo cáo PTBV tóm tắt này với mong muốn chia sẻ tôn chỉ hoạt động của TTC Biên Hòa - cân bằng lợi ích của hiệu quả kinh tế, bảo vệ Môi trường, xây dựng Cộng đồng bền vững. Kinh doanh là sứ mệnh và chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh là tiêu chí bắt buộc, làm cơ sở cho tăng trưởng bền vững và phát triển trong dài hạn.

> "Thương hiệu và thành quả của TTC Biên Hòa ngày nay là kết quả của quá trình sáp nhập có quy mô lớn nhất Ngành Mía Đường Việt Nam, giữa Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh - SBT và Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - BHS."

NHỮNG CAM KẾT VÀ HÀNH ĐỘNG VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

CỔ ĐÔNG, CHỦ ĐẦU TƯ
- Tuân thủ nghiêm ngặt các chính sách, quy định của Nhà nước
- Đảm bảo sự minh bạch trong CBTT
- Bảo vệ quyền lợi và lợi ích của CĐ, đặc biệt là các CĐ thiểu số
- Hướng đến chuẩn mực quốc tế trong QTCT, đặc biệt:
  - Nâng cao nhận thức về bình đẳng giới
  - Chú trọng vai trò Lãnh đạo của phụ nữ trong nền kinh tế hiện đại

KHÁCH HÀNG
- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về An toàn Vệ sinh thực phẩm
- Bảo vệ tối đa và đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng
- Đẩy mạnh chiến lược đa dạng hóa sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm tự nhiên, Hữu cơ Organic
- Gia tăng giá trị cho Khách hàng sử dụng sản phẩm

NGƯỜI NÔNG DÂN
- Các chính sách hỗ trợ, đồng hành, đảm bảo nguồn thu nhập ổn định cho Nông dân
- Hỗ trợ tài chính cho Nông dân, đầu tư thiết bị máy móc hiện đại, tăng năng suất, giải phóng sức lao động
- Tạo việc làm, nâng cao kỹ năng, bồi dưỡng kiến thức cho lao động địa phương

CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI
- Trách nhiệm sẻ chia giá trị, chung tay hỗ trợ Cộng đồng, an sinh Xã hội
- Tiếp tục chiến lược sử dụng nguồn Năng lượng sạch và Năng lượng tái tạo
- Tuân thủ nghiêm ngặt quy định bảo vệ Môi trường xung quanh địa điểm hoạt động của Công ty
- Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện
- Xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp rõ ràng cho CBNV.

Chúng tôi cam kết cải thiện từng quy trình kinh doanh trên cơ sở kịp thời, hợp lý và sẽ tiếp tục công bố trong các Báo cáo tiếp theo. Chúng tôi sẵn sàng tiếp nhận mọi ý kiến và đề xuất từ các BLQ, chuyển đổi các cam kết thành hành động, để xứng đáng là một trong những đơn vị dẫn đầu Ngành Mía Đường Việt Nam.

Phạm Hồng Dương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TẦM NHÌN

Trở thành Công ty Nông nghiệp hàng đầu Việt Nam và Khu vực

SỨ MỆNH

Cung cấp sản phẩm Nông nghiệp sạch, xây dựng hệ thống sản xuất và phân phối bền vững

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Ngành Nông nghiệp TTC Biên Hòa là tiên phong của nền Nông nghiệp Việt Nam hiện đại, hài hòa quyền lợi của Nông dân, Nhà máy, Khách hàng và Địa phương, gắn bó LÂU DÀI với Nông dân, cung cấp sản phẩm SẠCH và mang lại GIÁ TRỊ cho Khách hàng, quản trị ĐƯỢC rủi ro, tăng trưởng CAO HƠN bình quân Ngành, và cung cấp Năng lượng TÁI TẠO cho đất nước.

17 MỤC TIÊU
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LIÊN HIỆP QUỐC

MỤC TIÊU	VIỆT NAM	TTC BIÊN HÒA
ĐẦU TƯ VÀO CON NGƯỜI		
1 XÓA NGHÈO	Xóa nghèo dưới mọi hình thức, ở mọi nơi	**3.759** việc làm cho người lao động
2 KHÔNG CÒN NẠN ĐÓI	Xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng, thúc đẩy phát triển Nông nghiệp bền vững	**8** giống Mía năng suất, chất lượng cao lai tạo, phục tráng thành công **2** tỷ đồng các hoạt động thiện nguyện
3 CUỘC SỐNG KHỎE MẠNH	Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh, tăng cường phúc lợi cho mọi người, mọi lứa tuổi	**200** trẻ em được tiêm chủng miễn phí **162** triệu đồng khám chữa bệnh miễn phí Cộng đồng địa phương tại TTCA **100%** nhân viên được chăm sóc sức khỏe định kỳ **50+** dòng sản phẩm Đường sạch đảm bảo sức khỏe người dùng **2** hội thao Cộng đồng
4 GIÁO DỤC CHẤT LƯỢNG	Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện, thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người	**36.400** giờ đào tạo **166** khoá đào tạo **9,7** giờ trung bình đào tạo/nhân viên/năm **10** tỷ đồng ngân sách đào tạo
ĐẢM BẢO KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG VỚI KHÍ HẬU VÀ MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG		
6 NƯỚC SẠCH & VỆ SINH	Đảm bảo đầy đủ, quản lý bền vững tài nguyên nước, hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người	**~1,8** triệu chai nước trong quá trình luyện Đường **100%** nước thải sau sản xuất xử lý giải nhiệt máy móc, tưới cây, nuôi cá **0,12** mg/l lượng COD phát thải ở mức thấp
14 TÀI NGUYÊN NƯỚC	Bảo tồn, sử dụng bền vững đại dương, biển, nguồn lợi biển để Phát triển bền vững	
7 NĂNG LƯỢNG SẠCH & BỀN VỮNG	Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn Năng lượng bền vững, đáng tin cậy, có khả năng chi trả cho tất cả mọi người	**134** tỷ đồng lắp đặt hệ thống Điện Mặt trời tại 9 Nhà máy **41** tỷ đồng Dự án Sấy Bã Mía gia tăng giá trị sử dụng của Bã Mía **14** tỷ đồng Dự án Turbine công nghệ mới cho các Trung tâm nhiệt điện **150+** triệu Kwh Điện thương phẩm
9 CÔNG NGHIỆP, ĐỔI MỚI & CƠ SỞ HẠ TẦNG	Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm, bền vững, tăng cường đổi mới	**8** hệ thống công nghệ thông tin tối ưu hóa hoạt động quản lý

MỤC TIÊU	VIỆT NAM	TTC BIÊN HÒA
11 ĐÔ THỊ & CỘNG ĐỒNG BỀN VỮNG	Phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống, làm việc an toàn; phân bổ hợp lý dân cư, lao động theo vùng	**10** chứng nhận quốc tế về chất lượng **5** giải thưởng trong nước và quốc tế về PTBV
12 TIÊU DÙNG & SẢN XUẤT CÓ TRÁCH NHIỆM	Đảm bảo sản xuất, tiêu dùng bền vững	
13 HÀNH ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu, thiên tai	**ISO 14001** Hệ thống Quản lý Môi trường trong hoạt động sản xuất
15 TÀI NGUYÊN ĐẤT	Bảo vệ, phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái, phục hồi tài nguyên đất	**75** tỷ đồng Nhà máy Phân vi sinh từ tro, bùn, bã mía
THỊNH VƯỢNG VÀ HỢP TÁC		
5 BÌNH ĐẲNG GIỚI	Đạt được bình đẳng giới; tăng quyền, tạo cơ hội cho phụ nữ, trẻ em gái	**100%** đảm bảo quyền lợi, chế độ dành cho lao động nữ **91%** phụ nữ trở lại làm việc sau khi nghỉ thai sản **34%** TV HĐQT là nữ **32%** lao động nữ là Quản lý cấp trung trở lên **"2x Challenge"** DEG - CĐ chiến lược chọn làm mô hình tiêu biểu
8 VIỆC LÀM ĐÀNG HOÀNG & TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ	Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất, việc làm tốt cho tất cả mọi người	**10.857** tỷ đồng DTT **422** tỷ đồng LNTT **461** tỷ đồng Thuế và khoản phải nộp cho Nhà nước NĐ 18-19
17 HỢP TÁC ĐỂ HIỆN THỰC HÓA CÁC MỤC TIÊU	Tăng cường phương thức thực hiện, thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự Phát triển bền vững	**28** triệu USD DEG - Đức mua cổ phần SBT **21** thị trường xuất khẩu **ED&F Man** bao tiêu Đường Organic xuất sang Châu Âu
THÚC ĐẨY CÔNG LÝ, HÒA BÌNH VÀ QUẢN TRỊ TOÀN DIỆN		
10 GIẢM BẤT BÌNH ĐẲNG	Giảm bất bình đẳng trong Xã hội	**4** lần tham gia Hội nghị Mía Đường Đông Nam Á **3** tháng/lần đối thoại định kỳ với người lao động **1** năm/1 lần Hội nghị người lao động **"Bộ Quy chế ứng xử"** - IFC tham vấn
16 HÒA BÌNH, CÔNG BẰNG & THỂ CHẾ VỮNG MẠNH	Thúc đẩy Xã hội hòa bình, dân chủ, công bằng, bình đẳng, văn minh vì sự Phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp	

BỘ QUY CHẾ ỨNG XỬ

Theo Báo cáo của Liên Hiệp Quốc năm 2018, thế giới mỗi năm ước tính mất khoảng 3,6 nghìn tỷ USD do tham nhũng. Riêng tại Việt Nam, trong bối cảnh Luật Phòng chống tham nhũng (sửa đổi) đã có hiệu lực vào tháng 7/2019, qua một nghiên cứu với sự tham gia khảo sát của 239 doanh nghiệp và 40 doanh nghiệp đồng ý thực hiện các cuộc phỏng vấn chuyên sâu, những con số thu được cho thấy một thực trạng đáng báo động:

» 27%-38% doanh nghiệp cho biết họ có biết các hoạt động như thực hiện không đầy đủ các khoản phải nộp cho người lao động, chưa tuân thủ Pháp luật về lao động trong ký kết và thực hiện hợp đồng, tuyển dụng dựa phần lớn vào quen biết, quan hệ hơn là năng lực;

» 24%-34% doanh nghiệp trả lời phiếu khảo sát nhận ra các bất thường trong hoạt động bán hàng như lập hóa đơn sai, bán hàng không theo đúng chính sách của doanh nghiệp, giao hàng không đúng như cam kết trong hợp đồng;

» 33% số doanh nghiệp không bao giờ áp dụng phương thức đấu thầu mua sắm cạnh tranh;

» 25%-30% chi phí không chính thức được ngụy trang dưới nhiều hình thức khác nhau trong các giao dịch kinh doanh của doanh nghiệp;

» 10% hoạt động mua sắm của các doanh nghiệp có tình trạng đặt hàng không theo nhu cầu, đặt hàng không đúng chất lượng, hồ sơ báo giá bị can thiệp làm mất tính khách quan.

Trước tình hình đó, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI đã phối hợp với Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam - UNDP Việt Nam tổ chức Hội thảo *"Áp dụng cơ chế Kiểm soát nội bộ và Bộ Quy tắc Ứng xử tại các doanh nghiệp Việt Nam: Thực trạng và một số khuyến nghị"* tại 2 Thành phố lớn là Hà Nội và TP. HCM vào tháng 3 và tháng 7/2019 với sự tham gia của Cơ quan Nhà nước, chuyên gia, hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế. Các chuyên gia đã khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam nên tích cực hơn trong việc triển khai áp dụng cơ chế KSNB và Bộ QCƯX vào thực tế hoạt động của Công ty nhằm phòng ngừa tham nhũng và xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh. Đây cũng được xem là một trong những công cụ giúp doanh nghiệp hoàn thiện khung QTCT, nâng cao năng lực QLRR, tạo ra cơ chế cơ chế vận hành, QTDN minh bạch và hiệu quả; qua đó góp phần vào việc cải thiện uy tín và hình ảnh của Công ty.

> "Đặt vào bối cảnh hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng hiện nay, lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp không chỉ là sản phẩm, thương hiệu, hiệu quả kinh doanh… mà đầu tiên và cốt lõi nhất chính là Văn hóa doanh nghiệp. Chính vì thế, trong Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty tốt nhất dành cho các doanh nghiệp đại chúng tại Việt Nam, nội dung về Bộ Quy chế ứng xử đã được đề cập thành một nguyên tắc hoàn toàn riêng biệt cho thấy tầm quan trọng theo thông lệ Quản trị Công ty hiện đại."

Đầu NĐ 18-19, với sự tham vấn của Tổ chức Tài chính quốc tế IFC - TV của Ngân hàng thế giới, HĐQT TTC Biên Hòa đã chính thức ban hành Bộ QCƯX và triển khai áp dụng cho toàn thể CBNV Công ty dưới sự kiểm soát thực hiện và tuân thủ của Phòng Nhân sự và KTNB. Đây cũng là một nội dung bắt buộc trong chương trình Đào tạo hội nhập cho nhân viên mới, được đưa vào hệ thống văn bản lập quy và công bố công khai cho toàn thể CBNV, CĐ và các BLQ trên trang Web của Công ty nhằm hướng đến mục tiêu xây dựng văn hóa ứng xử kinh doanh văn minh, chuẩn mực. Bộ Quy tắc này vừa là khuôn khổ chuẩn mực, vừa là đường lối cho các hành động của CBNV không chỉ trong những ứng xử thường nhật với nhau mà còn là khi đại diện cho Công ty thực hiện tương tác với CĐ/NĐT, Nông dân/Nhà cung cấp, Khách hàng, Cơ quan nhà nước/Cộng đồng Xã hội.



CAM KẾT CỦA CÔNG TY VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

CỔ ĐÔNG/ NHÀ ĐẦU TƯ	» Công bằng, minh bạch, trung thực trong CBTT » Đặt lợi ích của CĐ lên trên hết » Công khai quy trình lựa chọn NĐT » Bảo mật thông tin
NÔNG DÂN/ NHÀ CUNG CẤP	» Cam kết tuân thủ các quy định Pháp luật có liên quan đến các giao dịch với nhà cung cấp » Cam kết giao dịch trên nguyên tắc công bằng, trung thực, khách quan và hài hòa lợi ích » Ủng hộ cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng » Mong muốn sự tôn trọng những nguyên tắc trong QCƯX, đạo đức kinh doanh, tuân thủ pháp luật từ nhà cung cấp » Hợp tác chân thành, hướng đến lợi ích cao nhất của các Bên » Bảo mật thông tin
KHÁCH HÀNG	» Khách hàng là đối tác kinh doanh trên cơ sở đôi bên cùng có lợi » Mọi hành động của Công ty với mọi khách hàng đều nhất quán dựa trên nền tảng kinh doanh » Đảm bảo chất lượng, an toàn sản phẩm » Giá cả hợp lý » Quảng cáo trung thực » Thỏa mãn nhu cầu người tiêu dùng » Bảo mật thông tin người tiêu dùng
CƠ QUAN NHÀ NƯỚC/ CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI	» Tuân thủ pháp luật về Môi trường, Luật Lao động, Luật Cạnh tranh, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Bảo vệ người tiêu dùng, Luật Chứng khoán và các quy định khác của Pháp luật Việt Nam » Chính trực trong tất cả các mối quan hệ với Cơ quan Nhà nước » Chủ trương *"Vì Cộng đồng phát triển địa phương"*
CÁN BỘ NHÂN VIÊN	» Bảo vệ tối đa quyền con người » Tôn trọng quyền lợi hợp pháp của CBNV » Cam kết công bằng và bình đẳng với CBNV » Xây dựng môi trường làm việc an toàn, an ninh, lành mạnh, cởi mở, đoàn kết và chia sẻ

> "Mỗi doanh nghiệp đều có một văn hóa riêng, tại TTC Biên Hòa, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành luôn khuyến khích Cán bộ nhân viên liên tục phát triển, nâng cao giá trị bản thân thông qua hiệu quả công việc đồng thời nỗ lực gìn giữ sự chuẩn mực trong từng hành vi ứng xử."

Mọi nhân viên khi phát hiện bất kỳ hành vi nào đi ngược lại với Bộ QCƯX đều có nghĩa vụ phải báo cáo cho cấp quản lý trực tiếp hoặc Phòng KTNB. Công ty cam kết đảm bảo bí mật, danh tính của CBNV báo cáo hành vi/ dấu hiệu sai trái và nghiêm cấm mọi hành vi trả đũa đối với người báo cáo. Trong NĐ 19-20, để hoàn thiện hơn Bộ QCƯX, Công ty sẽ tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung thêm các cơ chế, hướng dẫn về việc tố cáo, khiếu nại các vấn đề vi phạm một cách cụ thể và chi tiết hơn nhằm nâng cao hiệu quả tuân thủ, thúc đẩy Công ty hướng đến và đạt được các mục tiêu bền vững đã đề ra.

Chi tiết về Bộ Quy chế Ứng xử, các Bên liên quan vui lòng tham khảo tại trang Web theo đường dẫn:

http://www.ttcsugar.com.vn/quan-he-co-dong-ct/bo-quy-che-ung-xu/2233.aspx

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT



TTC Biên Hòa hoạt động trong lĩnh vực Nông nghiệp từ năm 1995 với Chuỗi Giá trị xuyên suốt

Nguyên liệu **Sản xuất** **Tiêu thụ**

Từ trồng trọt, thu mua nguyên liệu đến sản xuất thành phẩm và kinh doanh, tiêu thụ đã tạo ra một khối liên kết với nhiều thành phần tham gia như Chính quyền, Người Nông dân, Nhà cung cấp, Khách hàng, Cổ đông, Nhà đầu tư… Để quản lý tốt những mối quan hệ Xã hội giữa Công ty và các Bên liên quan này, Công ty phải tuyệt đối nắm vững và tuân thủ các yêu cầu về Pháp luật.

TUÂN THỦ VÀ THI HÀNH PHÁP LUẬT

Công ty luôn tự giác, chủ động thực hiện các nghĩa vụ mà Pháp luật quy định; đồng thời loại bỏ hoặc hạn chế tối đa việc thực hiện các hành vi mà Pháp luật không cho phép thực hiện. Công ty luôn nói "Không" với các hành động làm ảnh hưởng hoặc tác động tiêu cực đến lợi ích của Nhà nước và Xã hội, cũng như của các BLQ khác.

SỬ DỤNG VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT

Công ty sẽ vận dụng tối đa các quy định Pháp luật nhằm đem lại lợi ích hoặc tự tạo ưu thế cạnh tranh như các chính sách miễn, giảm thuế, thúc đẩy đầu tư, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, ưu đãi theo các điều ước quốc tế… Bên cạnh đó, việc hiểu biết các quy định luật pháp liên quan sẽ gia tăng những cơ hội và triển vọng Công ty.

Công ty hiểu rằng tuân thủ các yêu cầu Pháp luật luôn là vấn đề cốt lõi của doanh nghiệp, bởi vì đây là nền tảng, là cơ sở để hỗ trợ Công ty trong việc:

1. Ngăn ngừa, giảm thiểu được các rủi ro trong hoạt động SXKD và đầu tư;
2. Tiết kiệm chi phí, nguồn lực để giải quyết các vấn đề phát sinh do sự không tuân thủ;
3. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp;
4. Xây dựng hình ảnh và mối quan hệ bền vững của Công ty đối với các BLQ;
5. Giảm thiểu chi phí rủi ro pháp lý, loại bỏ các yếu tố gây tốn kém, cản trở các cơ hội đầu tư, hạn chế năng lực cạnh tranh.

CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CHÍNH TÁC ĐỘNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA TTC BIÊN HÒA TRONG NIÊN ĐỘ 18-19

Nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích mới được ban hành từ phía Nhà Nước đối với Ngành Nông nghiệp trong NĐ 18-19, từ đó mang lại nhiều lợi thế cộng hưởng cho hoạt động của Công ty.

Thời gian	Loại hình văn bản	Địa chỉ
17/4/2018	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào Nông nghiệp, nông thôn (được hướng dẫn bởi Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành ngày 6/12/2018)	» Doanh nghiệp thực hiện dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư trong Nông nghiệp sẽ được hưởng các chính sách ưu đãi và hỗ trợ như miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước; Hỗ trợ tập trung đất đai; Tiếp cận hỗ trợ tín dụng; Hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng Nông nghiệp công nghệ cao; Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường; Nguồn tài chính hỗ trợ được huy động chính từ ngân sách Nhà nước » Nghị định cũng nêu rõ là ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng VNL có hợp đồng liên kết với Nông dân. Đối chiếu với hoạt động hiện tại của Công ty, các dự án mà Công ty đã, đang và chuẩn bị triển khai đa số thuộc trường hợp đầu tư, phát triển VNL tập trung cho công nghiệp chế biến; Xây dựng cánh đồng lớn và chế biến nông sản. Đây vốn là các ngành nghề ưu đãi đầu tư quy định tại Phụ lục I của Nghị định này
5/7/2018	Nghị định 98/2018/NĐ-CP quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Nông nghiệp	» Hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm Nông nghiệp (liên kết) là việc thỏa thuận, tự nguyện cùng đầu tư, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Nông nghiệp của Nông dân, cá nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm Nông nghiệp » Nghị định nêu rõ, chủ trì liên kết được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch SXKD, phát triển thị trường
29/8/2018	Nghị định số 109/2018/NĐ-CP Quy định về Nông nghiệp hữu cơ	» Những đơn vị, cá nhân SXKD sản phẩm Nông nghiệp hữu cơ, ngoài việc được hưởng tất cả các chính sách mà Chính phủ đã ban hành khuyến khích phát triển Nông nghiệp, nông thôn; sẽ được hỗ trợ thêm 100% kinh phí cho quy hoạch xác định vùng sản xuất Nông nghiệp hữu cơ phù hợp với tiêu chuẩn sản xuất Nông nghiệp hữu cơ và 100% kinh phí để hỗ trợ cho chứng nhận lần đầu.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VIỆC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA PHÁP LUẬT TRONG NIÊN ĐỘ 18-19

Việc Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích mới nêu trên có thể xem là cú hích lớn đối với định hướng phát triển nền Nông nghiệp hữu cơ và công nghệ cao mà Công ty đang theo đuổi và hiện thực hóa. Đồng thời tạo ra hành lang pháp lý thuận lợi cho việc triển khai các dự án, tạo ra động lực hình thành các mô hình liên kết PTBV giữa Công ty, Người Nông dân, Hợp tác xã và Nhà nước. Điều này được minh chứng trong thực tế qua việc Công ty đã và đang triển khai thành công các mô hình cánh đồng mẫu lớn áp dụng sản xuất Nông nghiệp công nghệ cao tại Khu vực Gia Lai, Tây Ninh, Ninh Hòa. Mô hình này sẽ được Công ty tiếp tục nhân rộng tại các VNL khác.

Trong những năm qua, kể cả NĐ 18-19, Ngành Đường trong nước nói chung và Công ty nói riêng phải đối mặt với nhiều khó khăn đến từ việc mở cửa thị trường theo ATIGA, vấn nạn Đường lậu, gian lận thương mại… đặt biệt là thách thức cạnh tranh từ Đường Lỏng (HFCS) và Đường giá rẻ đến từ Thái Lan. Trong bối cảnh đó, Luật Quản lý Ngoại thương có hiệu lực từ ngày 1/1/2018 và, theo đó, ngày 15/5/2018 Chính phủ đã ban hành Nghị định 69/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý Ngoại thương đã giúp chuẩn hóa các điều khoản cho hoạt động thương mại nước ngoài và cơ chế tập trung cho các biện pháp chống phá giá, biện pháp tự vệ phù hợp với các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Việc Chính phủ ban hành Luật Quản lý Ngoại thương đã phần nào giúp giải quyết các vấn đề nêu trên; đặc biệt là tạo ra cơ sở, hành lang pháp lý để Công ty tiến hành các thủ tục yêu cầu áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại thích hợp nhằm tạo ra Môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch.

Về hoạt động QTCT, từ NĐ 17-18, cho mục đích kiện toàn mô hình QTCT theo tiêu chuẩn quốc tế và thông lệ tốt trên thị trường với đồng hành tư vấn của IFC - trực thuộc Ngân hàng Thế giới, Công ty đã ban hành và áp dụng Quy chế nội bộ về QTCT theo quy định của Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ về QTCT áp dụng đối với Công ty đại chúng; các nguyên tắc QTCT của OECD; tiêu chuẩn CBTT theo Thẻ điểm QTCT Khu vực Asean - Asean Scorecard. Ngoài ra, Công ty cũng đang thực hiện rà soát, hiệu chỉnh Quy chế nội bộ về QTCT phù hợp với Bộ nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất dành cho các công ty đại chúng tại Việt Nam được UBCKNN phối hợp với IFC ban hành ngày 13/8/2019 nhằm cải thiện, nâng cao các tiêu chí *(1) Trách nhiệm của HĐQT (2) Môi trường kiểm soát (3) CBTT và minh bạch (4) Các quyền của CĐ (5) Quan hệ của các Bên có quyền lợi liên quan.*

DANH SÁCH NHỮNG TIÊU CHUẨN PHÁP LUẬT KHÁC TRONG NIÊN ĐỘ 19-20 CẦN LƯU Ý

VỀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Tính đến tháng 7/2019, Việt Nam đã tham gia rất nhiều Hiệp định Thương mại Tự do - FTA song phương và đa phương, cùng với cam kết của Việt Nam đối với Tổ chức Thương mại Thế giới - WTO, cụ thể:

» Các FTA ký kết với tư cách là TV ASEAN: Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN - AFTA, 5 FTA giữa ASEAN và các Đối tác: Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Úc và New Zealand

» Các FTA đàm phán với tư cách là 1 Bên độc lập: FTA với các Đối tác Chile, Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên minh Kinh tế Á Âu, Liên Minh Châu Âu, Lào và đặc biệt là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương - CPTPP vừa mới ký kết.



QUỐC GIA	VĂN BẢN	MÃ HS	THUẾ SUẤT		LỘ TRÌNH CẮT GIẢM
			TRONG HẠN NGẠCH (%)	NGOÀI HẠN NGẠCH (%)	
NEW ZEALAND	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương - CPTPP, ký ngày 9/3/2019	Đường đã pha thêm hương hiệu hoặc chất màu	0	Không áp dụng hạn ngạch	Kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực với New Zealand
		Fructoza và xiro fructoza chứa hàm lượng fructoza trên 50% tính theo trọng lượng ở thể khô, trừ Đường nghịch chuyển	0		
	Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Australia/New Zealand - AANZFTA, ký ngày 27/2/2009, hiệu lực 1/1/2010	Đường Mía	0		
		Đường đã pha thêm hương hiệu hoặc chất màu	0		
		Loại khác	0		
		Fructoza và xiro fructoza chứa hàm lượng fructoza trên 50% tính theo trọng lượng ở thể khô, trừ Đường nghịch chuyển	0		
HÀN QUỐC	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam, Hàn Quốc - VKFTA, ký ngày 5/5/2015, hiệu lực ngày 20/12/2015	Đã pha thêm hương liệu hoặc chất màu	30	Không áp dụng hạn ngạch	» Hàng hóa duy trì mức thuế cơ sở đến trước 1/1/2016 và sẽ giảm không ít hơn 20% mức thuế MFN - Thuế Tối Huệ quốc được Hàn Quốc áp dụng từ 1/1/2015, được áp dụng theo VKFTA không muộn hơn 1/1/2016 » Nếu mức thuế giảm theo mục này cao hơn mức thuế cơ sở thì sẽ áp dụng mức thuế cơ sở
		Loại khác	30		
		Fructoza	8		Sẽ được xoá bỏ thuế quan dần đều trong 3 năm kể từ thuế suất cơ sở, bắt đầu từ ngày Hiệp định có hiệu lực, và sẽ không chịu thuế hải quan từ ngày 1/1 của năm thứ 3
		Xiro Fructose	0		
NHẬT BẢN	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương - CPTPP, ký ngày 9/3/2019	Đã pha thêm hương liệu hoặc chất màu	0	Trên 500 tấn: 106,20 yen/kg	» Được miễn thuế nếu nhập khẩu trong hạn ngạch (500 tấn) đối với năm đầu tiên; đối với năm thứ 2 và mỗi năm tiếp theo, hạn ngạch vẫn duy trì ở mức 500 tấn; và phải có giấy chứng nhận kiểm tra và phát triển sản phẩm theo đó chứng nhận hàng hóa đáp ứng các tiêu chí và quy định theo Pháp luật Nhật Bản » Nếu vượt quá hạn ngạch nêu trên, thuế nhập khẩu sẽ được xác định theo danh mục MFN tại thời điểm nhập khẩu
		Fructoza đã pha thêm hương liệu hoặc chất màu (trong đó chứa hàm lượng fructoza trên 50% tính theo trọng lượng ở thể khô, trừ Đường nghịch chuyển)	29,8% hoặc 23 yen/kg (tùy mức nào cao hơn)	Không áp dụng hạn ngạch	Sẽ xóa bỏ thuế quan trong giai đoạn 11 năm bắt đầu từ ngày Hiệp định này có hiệu lực với Nhật Bản; và sẽ được miễn thuế kể từ ngày 1/4 năm thứ 11
		Fructoza đã pha thêm Đường (trong đó chứa hàm lượng fructoza trên 50% tính theo trọng lượng ở thể khô, trừ Đường nghịch chuyển)	85,7% hoặc 60,90 yen/kg (tùy mức nào cao hơn)		Kể từ ngày 1/1/2010

QUỐC GIA	VĂN BẢN	MÃ HS	THUẾ SUẤT		LỘ TRÌNH CẮT GIẢM
			TRONG HẠN NGẠCH (%)	NGOÀI HẠN NGẠCH (%)	
TRUNG QUỐC	Hiệp định về Thương mại Hàng hóa ASEAN, Trung Quốc - ACFTA, ký Tháng 11/2004, hiệu lực tháng 7/2005	Đường	15	1,95 triệu tấn/năm	-
			95		22/5/2017 - 31/12/2017
			90	>1,95 triệu tấn/năm	2018
			85		2019
CANADA	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương - CPTPP, ký ngày 9/3/2019	Loại khác	30,86 USD/tấn	Không áp dụng hạn ngạch	Sẽ được xóa bỏ sau 6 năm, hàng hóa sẽ được miễn thuế kể từ ngày 1/1 năm thứ 6
			30,86 USD/tấn		
		Fructoza và Xiro Fructoza khác chứa hàm lượng fructoza trên 50% tính theo trọng lượng ở thể khô, trừ Đường nghịch chuyển	3,5%		Sẽ được xóa bỏ sau 11 năm, hàng hóa sẽ được miễn thuế kể từ ngày 1/1 năm thứ 11
ÚC	Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN, Australia/New Zealand - AANZFTA, ký ngày 27/2/2009, hiệu lực 1/1/2010	Đường Mía thô	0%	Không áp dụng hạn ngạch	Hàng hóa sẽ được miễn thuế kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực đối với Úc
		Đường khác có pha thêm hương liệu hoặc chất màu			
		Fructoza, Xiro Fructoza có hàm lượng fructoza trên 50% tính theo trọng lượng ở thể khô, trừ Đường nghịch chuyển			
	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương - CPTPP, ký ngày 9/3/2019	Đường Mía thô	0%		Kể từ năm thứ nhất trở đi: 0%
		Đường khác có pha thêm hương hiệu hoặc chất màu			
		Fructoza, Xiro Fructoza có hàm lượng fructoza trên 50% tính theo trọng lượng ở thể khô, trừ Đường nghịch chuyển	5%		

"Việc nắm vững nội dung các FTA không những giúp Công ty nắm bắt và đưa ra các quyết sách phù hợp trong bối cảnh mở cửa, mà còn vận dụng tối đa các ưu đãi trong việc Xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng của các nước Thành viên FTA. Ngoài ra, thị trường mục tiêu mà Công ty hướng đến là Trung Quốc, Kenya và Hoa Kỳ. Trong đó chỉ có Trung Quốc là có Hiệp định về Thương mại Hàng hóa ASEAN, Trung Quốc - ACFTA. Theo đó, Trung Quốc cam kết sẽ áp dụng thuế suất 50% đối với Đường nhập khẩu ngoài hạn ngạch và 15% đối với Đường trong hạn ngạch dành cho hàng hóa có xuất xứ ASEAN."

VỀ CÁC TIÊU CHUẨN PHÁP LUẬT TRONG NƯỚC

Công ty vẫn tập trung tuân thủ đúng theo các quy định của Pháp luật và các tiêu chuẩn Pháp luật ảnh hưởng đến Công ty trong NĐ 18-19 vẫn sẽ tác động đến trong thời gian sắp tới. Ngoài ra, Công ty vẫn đang kỳ vọng quy định mới về điều chỉnh giá bán sinh khối của các dự án đồng phát Nhiệt điện sử dụng Bã Mía của nhà máy Đường sẽ tăng trên 7 cents/Kwh theo nội dung thông báo số 343/TB-VPCP ngày 10/9/2018 của Văn phòng Chính phủ.



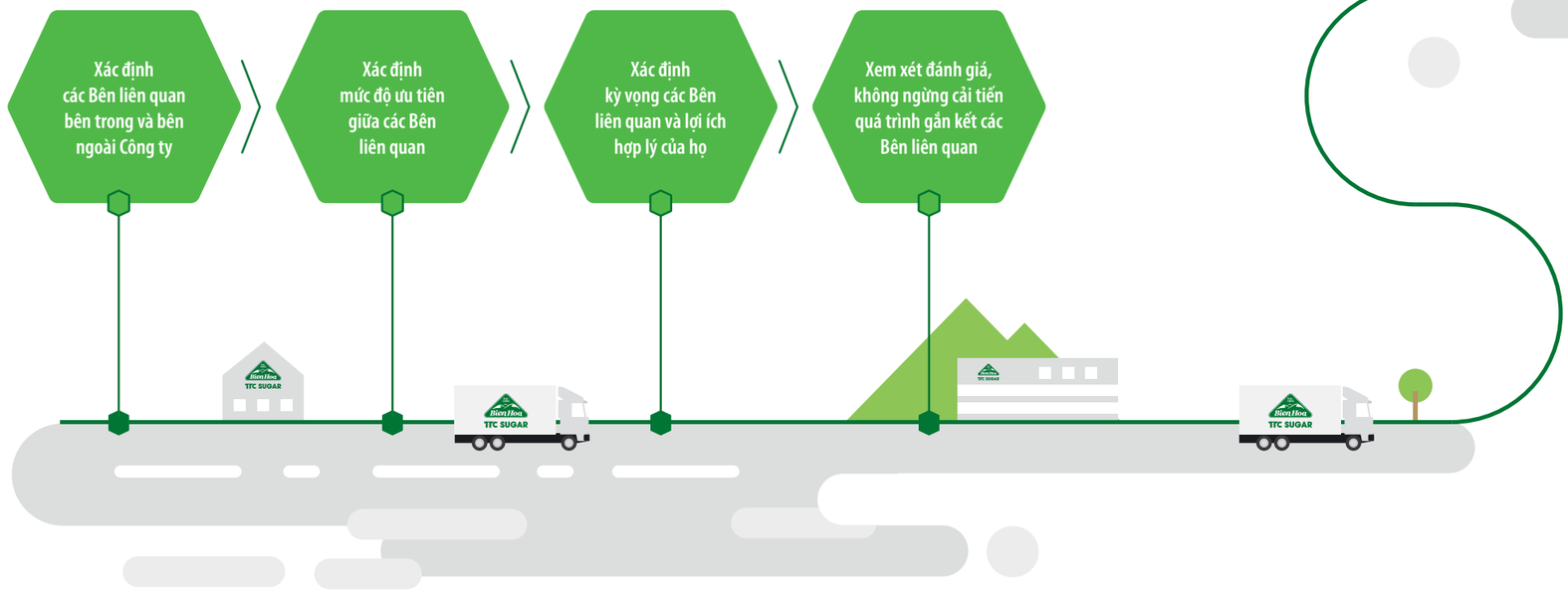
TIÊU CHUẨN THỰC HIỆN BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

"Niên độ 18-19, SBT tiếp tục thực hiện tích hợp các nội dung Báo cáo Phát triển bền vững tóm tắt vào Báo cáo Thường niên, dựa trên Tiêu chuẩn GRI. Báo cáo này cũng được sự hỗ trợ từ Chương trình Thương mại Cạnh tranh - CSRCB do GRI cung cấp trực tiếp để cải thiện khả năng cạnh tranh và chất lượng Báo cáo của các doanh nghiệp Việt Nam, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia mạnh mẽ vào Chuỗi Giá trị toàn cầu."

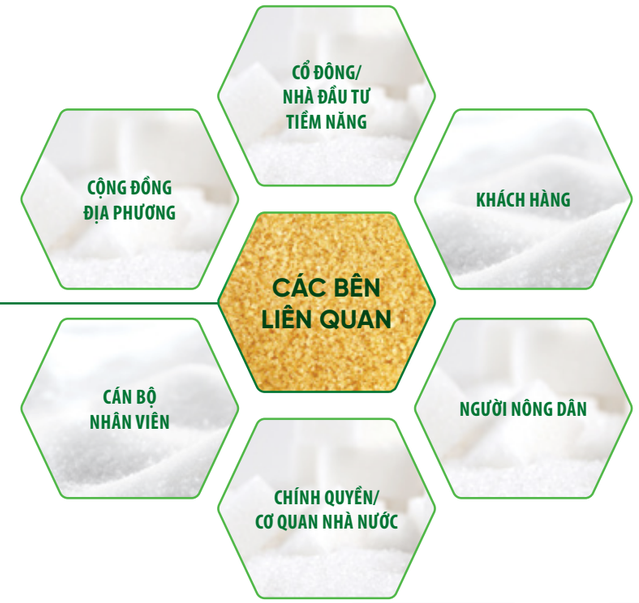
Tháng 6/2019, SBT đã phối hợp cùng tổ chức GRI Việt Nam để thực hiện đào tạo cho CBNV thuộc các Khối/Phòng ban liên quan về việc lập và báo cáo các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực Tài chính - Nhân sự - Môi trường - Cộng đồng nhằm nâng cao chất lượng nội dung Báo cáo, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Báo cáo hiện tóm tắt các hoạt động có liên quan tạo nên chuỗi kinh doanh bền vững của Công ty trong đó trọng tâm là lĩnh vực sản xuất Mía Đường và các sản phẩm Cạnh Đường - Sau Đường.

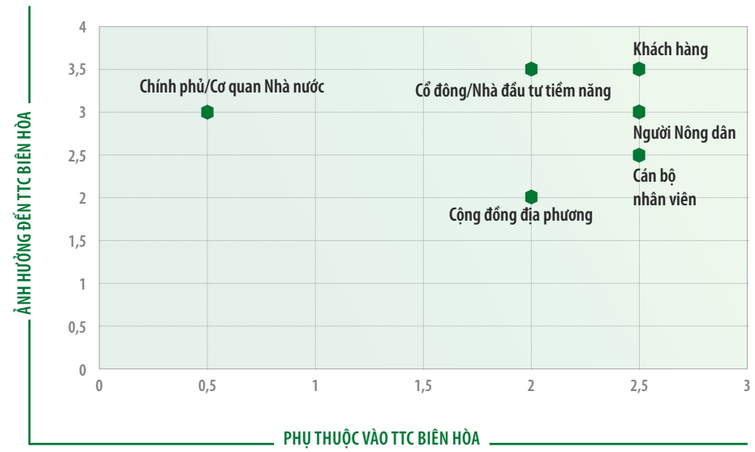
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH VÀ GẮN KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN



Đối với sự phát triển ổn định của Công ty thuộc lĩnh vực Mía Đường, TTC Biên Hòa có rất nhiều Các Bên liên quan khác nhau, tuy nhiên Công ty chỉ chọn ra 6 Bên liên quan trọng yếu để phân tích chi tiết.



Danh sách các BLQ đến hoạt động PTBV được xác định dựa trên đánh giá của Ban TGĐ và Trưởng các Phòng Ban có liên quan về BLQ đó dựa trên mức độ tương tác của họ với Công ty để cộng hưởng thành chuỗi HĐKD. Họ là những người có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến Công ty, hoặc ngược lại, nhưng đều có tầm quan trọng nhất định.



Nguồn: TTC Biên Hòa

TTC SUGAR

GẮN KẾT BÊN LIÊN QUAN

BÊN LIÊN QUAN	PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN	MỐI QUAN TÂM	HÀNH ĐỘNG CHÍNH CỦA CÔNG TY	THÀNH QUẢ
CỔ ĐÔNG/NHÀ ĐẦU TƯ TIỀM NĂNG	» Gặp gỡ, tham vấn trực tiếp, gián tiếp thông qua họp ĐHĐCĐ, LYKCĐ bằng văn bản » Chương trình gặp gỡ NĐT tiềm năng, CĐ VIP, chuyên gia phân tích, các sự kiện, Roadshow trong, ngoài nước » Tham gia các diễn đàn, sự kiện gặp mặt NĐT do CTCK, Quỹ Đầu tư, Định chế tài chính lớn trong, ngoài nước tổ chức » Tiếp nhận, cung cấp, phản hồi thông tin qua điện thoại, email, BCTN, Báo cáo PTBV, Thông cáo báo chí, Bản tin NĐT, Diễn giải BCTC, cập nhật thông tin về HĐKD, cổ phiếu, thị trường vốn…	» Các vấn đề về QTCT » Năng lực Quản trị, Điều hành của BLĐ » Chiến lược phát triển trung, dài hạn phù hợp với kinh tế vĩ mô, nội lực, tiềm năng của Công ty » Kết quả HĐKD ổn định, tăng trưởng » Tiềm năng phát triển của Công ty trong tương lai » Giá trị nội tại của Công ty, giá thị trường cổ phiếu » Tính tuân thủ, sự minh bạch trong CBTT, thực hiện các giao dịch » Bảo vệ quyền lợi, sự công bằng của CĐ » Thu hút CĐ chiến lược mới, đặc biệt là nước ngoài » Duy trì vị thế trong VN 30 cũng như các Quỹ ETF quan trọng trên thị trường	» Công bố và phản hồi thông tin đầy đủ, kịp thời: • Tuân thủ Thông tư 155, yêu cầu của Luật Việt Nam • Thực hiện theo thông lệ tốt nhất trên thị trường • Hướng đến chuẩn mực cao hơn của cộng đồng tài chính quốc tế » Cập nhật, cải tiến hiệu quả hoạt động QTCT theo thông lệ tốt của quốc tế: OECD, Asean Scorecard, IFC, Bộ nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất dành cho Công ty đại chúng tại Việt Nam » Cập nhật thông tin về Ngành, hoạt động Công ty đến CĐ, NĐT tiềm năng như các Phương pháp tiếp cận đã nêu » Chủ động tìm kiếm, chốt cơ hội hợp tác với NĐT chiến lược DEG đến từ Châu Âu » Chủ động xử lý khủng hoảng thông tin, tránh làm hoang mang thị trường cổ phiếu	» Tăng trưởng sản lượng bán hàng, DT trong bối cảnh vĩ mô Ngành gặp nhiều khó khăn » Hoàn thành cam kết chi trả cổ tức cho CĐ bằng tiền mặt, cổ phiếu » Không có vi phạm về CBTT trong NĐ 18-19 » CĐ được cập nhật thông tin về Ngành, hoạt động Công ty kịp thời, đầy đủ » Chốt thành công thương vụ DEG mua 28 triệu USD CPƯĐ » 9 Quỹ ETF và Index uy tín đang sở hữu 3,62% cổ phần SBT » Duy trì sự có mặt trong Rổ Chỉ số VN30 và Rổ Chỉ số PTBV VNSI 20 » Top 10 BCTN tốt nhất năm 2018 "Chắc nền tảng, vững tương lai" » Top 50 BCTN xuất sắc nhất Thế giới 2018 "Phát triển bền vững cùng Cây Mía Việt Nam"
NGƯỜI NÔNG DÂN	» Cán bộ nông vụ thường xuyên khảo sát, tiếp nhận và phản hồi thông tin 2 chiều » Người Nông dân có thể trực tiếp trao đổi với Ban TGĐ/ Quản lý tại các Trạm nông vụ, Phòng Phát triển nguyên liệu, các Nhà máy của Công ty » Các chương trình hội thảo, đào tạo, hướng dẫn cho Người Nông dân » Thực hiện các hội nghị tổng kết cuối mùa vụ	» Bao tiêu sản lượng đầu ra » Chính sách thu mua ổn định » Cam kết giá mua Mía tối thiểu » Tuân thủ các quy định của hợp đồng giao dịch » Hướng dẫn những phương thức canh tác, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ cơ giới hóa » Hỗ trợ, tiếp cận với những thông tin và xu hướng mới nhất của Ngành Đường Việt Nam và thế giới	» Lắng nghe, tiếp nhận những phản hồi từ phía Nông dân » Xây dựng các chính sách bao tiêu đầu ra, phù hợp với từng thời kỳ, đảm bảo cho Nông dân có thu nhập ổn định » Liên tục nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm các giống Mía mới » Hỗ trợ giống Mía, phân bón phù hợp với từng vùng thổ nhưỡng cho Nông dân » Thực hiện các chính sách trợ giá nhằm khuyến khích các cánh đồng Mía lớn » Ký kết hợp tác với các ngân hàng lớn để hỗ trợ nhu cầu vốn vay cho Nông dân » Đào tạo, hướng dẫn chuyển giao công nghệ, máy móc, kỹ thuật canh tác, thu hoạch cho Người Nông dân » Thực hiện các hội thảo/hội nghị, chia sẻ các thông tin, kiến thức, xu hướng mới của Ngành Đường Việt Nam, thế giới » Đánh giá kết quả công tác nguyên liệu cuối mỗi mùa vụ, cải thiện hiệu quả, nâng cao năng suất trồng trọt cho Nông dân	» Giá thu mua Mía cùng với các chính sách hỗ trợ khác dành cho Nông dân tiếp tục nỗ lực tốt hơn trung bình chung cả nước » Hợp tác với OCB để thực hiện các chương trình hỗ trợ vốn đầu tư với lãi suất thấp » Người Nông dân được hỗ trợ giống Mía tốt, phân bón, máy móc thiết bị..., chi phí giá rẻ » Cung cấp dịch vụ cơ giới toàn diện từ khâu làm đất, bón phân đến thu hoạch » Hỗ trợ Nông dân tiếp cận những kiến thức mới, nâng cao kỹ năng, trình độ để ứng dụng các phương pháp khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới vào thực tế » Nghiên cứu, chuyển giao các ứng dụng nghiên cứu khoa học về Cây Mía cho Nông dân tại các Trung tâm nghiên cứu ứng dụng Mía Đường » Hỗ trợ cung cấp, sửa chữa máy móc thiết bị cơ giới thương hiệu John Deere của Mỹ thông qua các Trung tâm 3S
KHÁCH HÀNG	» Gặp gỡ, trao đổi thông tin trực tiếp với Khách hàng » Thu thập thông tin từ nhân viên bán hàng, nhà phân phối » Đồng hành Khách hàng trong hoạt động R&D » Hội thảo, chương trình đào tạo, phối hợp với Khách hàng là các công ty hàng đầu về chất lượng » Khảo sát thị hiếu từ các tổ chức chuyên gia » Khảo sát, đánh giá sự thoả mãn Khách hàng » Tiếp nhận phản hồi của Khách hàng qua email, điện thoại » Các chương trình hội thảo về An toàn thực phẩm cho Khách hàng	» Sản phẩm chất lượng tốt, an toàn cho sức khỏe người tiêu dùng » Giá thành hợp lý, cạnh tranh » Danh mục sản phẩm đa dạng, đáp ứng sở thích, nhu cầu, xu hướng của nhóm đối tượng Khách hàng khác nhau » Thương hiệu uy tín » Chính sách bán hàng ưu đãi » Dịch vụ chăm sóc Khách hàng, hậu mãi tốt	» Thực hiện các chương trình khảo sát thị hiếu, đánh giá sự hài lòng của Khách hàng cho 4 Kênh phân phối » Nghiên cứu, phát triển sản phẩm để đa dạng hóa danh mục, nâng cao chất lượng, sáng kiến nhiều quy cách đóng gói » Cập nhật những thông tin mới về sản phẩm trên trang Web, Bản tin NĐT, Thông cáo báo chí…, hỗ trợ Khách hàng trong việc tiếp cận thông tin sản phẩm » Cải tiến dây chuyền sản xuất, kiểm soát tạp chất ngoại lai trong quá trình sản xuất » Kiểm soát chặt chẽ vấn đề liên quan đến chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, tuân thủ cao các yêu cầu trong sản xuất Ngành Đường » Áp dụng các công cụ cải tiến SPC, Giản đồ xu hướng… để theo dõi, đánh giá xu hướng chất lượng nguyên vật liệu, sản phẩm, kịp thời đưa ra các giải pháp cải tiến » Xây dựng chính sách bán hàng, duy trì mối quan hệ gắn bó lâu dài với các nhà phân phối, Khách hàng lớn » Phát triển hệ thống kênh phân phối, thực hiện các chiến lược quảng bá, khuyến mãi bán hàng, tăng độ phủ của sản phẩm, đưa Đường sạch đến tay người tiêu dùng	» Thị phần nội địa tiếp tục tăng, đạt 42% cho NĐ 18-19, mở rộng 21 thị trường xuất khẩu toàn cầu » Ký kết hợp tác với ED&F Man Sugar - 1 trong 3 Công ty Đường lớn nhất thế giới để xuất khẩu Đường Organic sang Châu Âu » Doanh nghiệp Đường Việt Nam đầu tiên xuất khẩu sang Mỹ và Châu Âu » Danh mục sản phẩm đa dạng với hơn 50^{+} Dòng sản phẩm Đường khác nhau » Kênh phân phối rộng khắp, 1 trong số ít những Doanh nghiệp Việt Nam sở hữu hệ thống phân phối hoàn chỉnh » Nhiều chứng nhận liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm quốc tế » Vinh danh ở nhiều hạng mục giải thưởng liên quan đến chất lượng sản phẩm trong lĩnh vực Thực phẩm và Đồ uống trong nước và Châu Á.

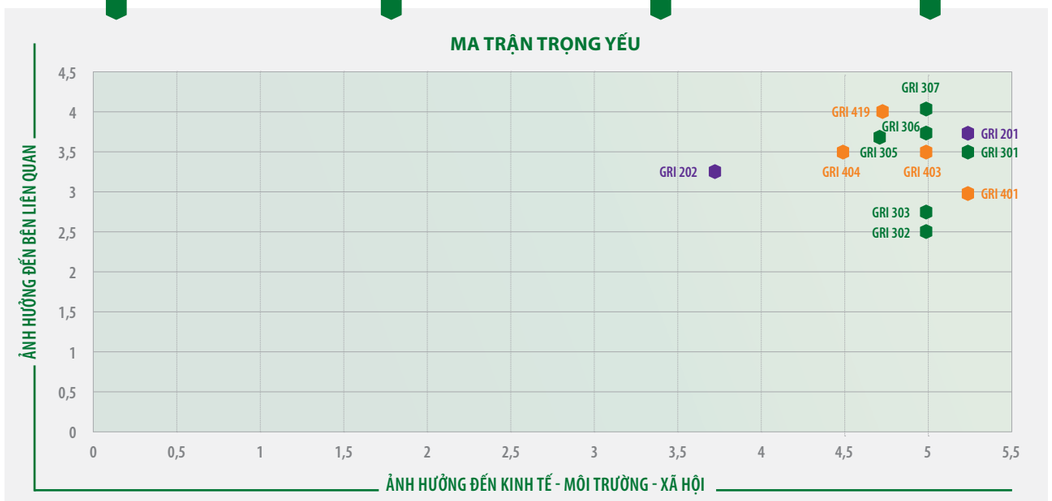
GẮN KẾT BÊN LIÊN QUAN

BÊN LIÊN QUAN	PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN	MỐI QUAN TÂM	HÀNH ĐỘNG CHÍNH CỦA CÔNG TY	THÀNH QUẢ
CHÍNH QUYỀN/ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC	» Tham gia các hội nghị, hội thảo về Nông nghiệp, Mía Đường do Nhà nước tổ chức » Góp ý các dự thảo văn bản Pháp luật có liên quan đến hoạt động Công ty, Ngành Nông nghiệp, hoạt động có liên quan khác » Tương tác với Cơ quan Nhà nước để đối thoại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của Doanh nghiệp	» Thượng tôn pháp luật » Kinh doanh có trách nhiệm đối với sức khỏe người tiêu dùng, Môi trường và Xã hội » Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước » Ủng hộ các chính sách và kêu gọi của các Cơ quan Nhà nước	» Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ như an toàn vệ sinh thực phẩm, thuế, an toàn sức khỏe lao động, bảo hiểm… » Tương tác với Chính phủ, Cơ quan Nhà nước, Hiệp hội Mía Đường để đối thoại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thể hiện vị thế, trách nhiệm của Doanh nghiệp đầu Ngành » Chủ động cập nhật các thay đổi về quy định, chính sách, pháp luật do Nhà nước ban hành liên quan đến hoạt động Nông nghiệp, sản xuất, xuất khẩu Đường, chuẩn bị tốt nhất khi có sự thay đổi Pháp luật » Tích cực tham gia các phong trào được phát động của Cơ quan Nhà nước » Hỗ trợ cải thiện kinh tế địa phương » QTDN hướng tới PTBV	» Không có những vi phạm liên quan đến Pháp luật, bảo vệ Môi trường, cam kết Xã hội » Đóng góp cho các hoạt động xây dựng chính sách Ngành, chống buôn lậu Mía Đường, chiến lược phát triển Ngành Đường Việt Nam… » Chủ động thực thi các chính sách PTBV » Tạo ra hàng nghìn việc làm cho lao động địa phương, cải thiện kinh tế của khu vực nơi Công ty hoạt động » Đóng góp gần 158 tỷ đồng thuế Thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước
CÁN BỘ NHÂN VIÊN	» Khảo sát toàn bộ nhân viên về Môi trường làm việc: Lương, thưởng, phúc lợi, công việc, cấp trên, đồng nghiệp, các chương trình đào tạo và phát triển nhân viên » Thông báo nội bộ » Truyền thông nội bộ » Chương trình đào tạo » Họp tổng kết hàng Quý » Hội nghị thường niên » Các kênh nhận ý kiến phản hồi của CBNV qua điện thoại, email, mạng xã hội… » Bộ QCƯX	» Môi trường làm việc an toàn, tự do, không phân biệt đối xử » Chính sách phúc lợi, lương thưởng cạnh tranh, chế độ làm việc tốt » Cơ hội đào tạo, nâng cao kỹ năng tay nghề » Cơ hội thăng tiến » Đảm bảo sức khỏe, an toàn lao động » Thành tựu, đóng góp được ghi nhận » Thương hiệu cá nhân	» Các chương trình Đào tạo hội nhập cho CBNV mới » Tổ chức, xây dựng, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, giúp CBNV tiếp cận kiến thức, kỹ năng mới » Duy trì, xây dựng các chương trình đào tạo đội ngũ kế thừa » Triển khai chương trình GĐ lưu động để CBNV tiếm năng tiếp cận với việc QTDN thực tế, hiệu quả » Ban hành, cập nhật chính sách lương thưởng, phúc lợi, nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần » Cập nhật quy trình sản xuất, quản lý hóa chất, trang bị đầy đủ thiết bị/ dụng cụ bảo hộ cho CBNV, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động » Ban hành Bộ QCƯX, xây dựng Môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp, công bằng, nhân văn cho CBNV » Khảo sát sự hài lòng của CBNV, tạo ra một Môi trường làm việc thân thiện, văn minh, tôn trọng nhân tài	» Ban hành, cập nhật Quy chế tiền lương, Quy định chế độ phúc lợi dành cho người lao động, Quy chế thi đua khen thưởng… rõ ràng, đảm bảo cuộc sống ổn định » CBNV có cơ hội được trau dồi, nâng cao các kiến thức và kỹ năng chuyên môn với 166 khóa học. Tổng kinh phí đào tạo NĐ 18-19 là gần 10 tỷ đồng » Nhân viên được xác định lộ trình phát triển, thăng tiến rõ ràng. Trong NĐ 18-19 có 448 nhân viên được đề bạt, thăng tiến » Môi trường làm việc an toàn, tỷ lệ bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động được kiểm soát, giảm thiểu. NĐ 18-19 không xảy ra vi phạm nào liên quan đến an toàn vệ sinh sức khỏe, nghề nghiệp
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	» Sự kiện được tổ chức tại nhiều Tỉnh Thành trên cả nước liên quan đến các hoạt động phát triển địa phương, sức khỏe Cộng đồng, an sinh Xã hội… » Các chương trình làm việc, các buổi trao đổi với chính quyền địa phương	» Phát triển kinh tế địa phương » Tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động địa phương » Hoạt động vì sự phát triển của Cộng đồng » Những ảnh hưởng đến Môi trường tự nhiên, Môi trường sống của Cộng đồng	» Nghiên cứu, phát triển các sản phẩm chất lượng cao, đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng, khẳng định thương hiệu Việt » Tạo cơ hội việc làm cho lao động địa phương, giúp ổn định cuộc sống, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần người lao động » Thực hiên chương trình bảo vệ Môi trường, phát triển Cộng đồng, giáo dục, sức khỏe, An sinh Xã hội » Tham gia các hoạt động tài trợ cho Xã hội và Cộng đồng, đóng góp cho các chương trình thiện nguyện tại địa phương » Đào tạo, hướng dẫn nâng cao kiến thức, kỹ năng, tay nghề cho lao động địa phương » Triển khai lộ trình cơ giới hóa, kết hợp hỗ trợ máy móc thiết bị cho Người Nông dân	» Top 100 Doanh nghiệp bền vững Việt Nam 2018 » Top 20 Doanh nghiệp niêm yết trong Chỉ số VNSI 20 - HOSE » Giải thưởng Doanh nghiệp Hoạt động vì Cộng đồng tốt nhất châu Á » Hỗ trợ 2 tỷ đồng cho các hoạt động thiện nguyện » Tạo ra 3.759 việc làm cho lao động địa phương

XÁC ĐỊNH CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

"Từ các mối quan tâm của các Bên liên quan đã ghi nhận, căn cứ theo chiến lược Phát triển bền vững của Công ty dựa trên các mục tiêu và tiêu chí cụ thể, Ban Lãnh đạo sẽ xác định và phân nhóm các lĩnh vực trọng yếu liên quan. Trên cơ sở đó, Công ty sẽ cẩn trọng đánh giá và xem xét kỹ lưỡng tác động của từng lĩnh vực này đến hoạt động của TTC Biên Hòa để xác định mức độ trọng yếu của các lĩnh vực dựa trên kỳ vọng và lợi ích hợp lý của các Bên liên quan. Kết quả này sẽ liên tục được rà soát, đánh giá lại hàng năm để ghi nhận những thành tựu đạt được cũng như những mặt hạn chế cần cải tiến trong những năm tiếp theo."

Xác định các lĩnh vực liên quan → Đánh giá ưu tiên → Thẩm tra phê duyệt → Rà soát đánh giá



CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

KINH TẾ

GRI 201: Hiệu quả kinh tế
GRI 202: Sự hiện diện trên Thị trường

MÔI TRƯỜNG

GRI 301: Vật liệu
GRI 302: Năng lượng
GRI 303: Nước
GRI 305: Phát thải
GRI 306: Nước thải và Chất thải
GRI 307: Tuân thủ Môi trường

XÃ HỘI

GRI 401: Việc làm
GRI 403: An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp
GRI 404: Giáo dục và Đào tạo
GRI 419: Tuân thủ về Kinh tế - Xã hội



Kinh tế
GRI 201

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU VÀ GIỚI HẠN PHẠM VI CHỦ ĐỀ

Những mục tiêu trọng yếu liên quan đến Hiệu quả hoạt động kinh tế mà TTC Biên Hòa tiên quyết thực hiện trong NĐ 18-19 cũng như định hướng cho những năm tiếp theo bao gồm:

1. Cung cấp sản phẩm sạch, mang lại giá trị gia tăng cho Khách hàng cùng với tăng trưởng Biên LN cho Công ty
2. Tiết giảm chi phí để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động
3. Đảm bảo đầy đủ nghĩa vụ kinh tế với Nhà nước
4. Quản trị được rủi ro, tăng khả năng sinh lợi cho Công ty, CĐ và NĐT
5. Chi trả cho CBNV cao hơn mức lương tối thiểu Vùng và có tính cạnh tranh trên thị trường Nhân sự, góp phần ổn định cuộc sống

Hiệu quả hoạt động kinh tế góp phần hỗ trợ Công ty hiện thực hóa cam kết với các BLQ, đồng thời gia tăng sự hiện diện của thương hiệu TTC Biên Hòa trên thị trường.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

> Niên độ vừa qua, Công ty tập trung quản lý trên các khía cạnh *Giá trị kinh tế trực tiếp tạo ra và phân bổ, Ảnh hưởng về kết quả tài chính và các rủi ro/cơ hội do biến đổi khí hậu, Hỗ trợ tài chính nhận được từ Chính phủ.* Công ty kiểm soát các Chỉ số tài chính thông qua các Hệ thống quản lý thông tin dữ liệu như Oracle, Microsoft Dynamic AX.



Kết quả được ghi nhận, phân tích và cập nhật liên tục để BLĐ có thể kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động và đưa ra những kế hoạch kinh doanh phù hợp. Với chủ trương "Tinh gọn - Chủ động - Tiết kiệm", Công ty đã thực hiện tinh gọn bộ máy và các quy trình quy chế, tiết kiệm và tối ưu hóa chi phí, kiểm soát hiệu quả các dự án đầu tư, cũng như tập trung nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

Đánh giá tình hình thực hiện kết quả HĐKD NĐ 18-19, mặc dù các chỉ tiêu về LN chưa đạt được như kỳ vọng của BLĐ tuy nhiên Công ty đạt được những thành công nhất định về gia tăng thị phần, mở rộng quy mô, đa dạng hóa danh mục sản phẩm, tăng cường sự hiện diện và độ nhận biết trên thị trường. Đặc biệt, TTC Biên Hòa đã có quá trình đàm phán tích cực với NĐT chiến lược DEG nhằm hướng tới việc đồng hành và hợp tác trong chặng đường phát triển dài hạn sắp tới. Đây là lần đầu tiên một Công ty Mía Đường Việt Nam thực hiện một thương vụ huy động vốn chiến lược mang tầm quốc tế khi cái bắt tay hợp tác này không chỉ có ý nghĩa cho sự PTBV của TTC Biên Hòa nói riêng mà còn là của Ngành Mía Đường Việt Nam nói chung.

NỘI DUNG BÁO CÁO

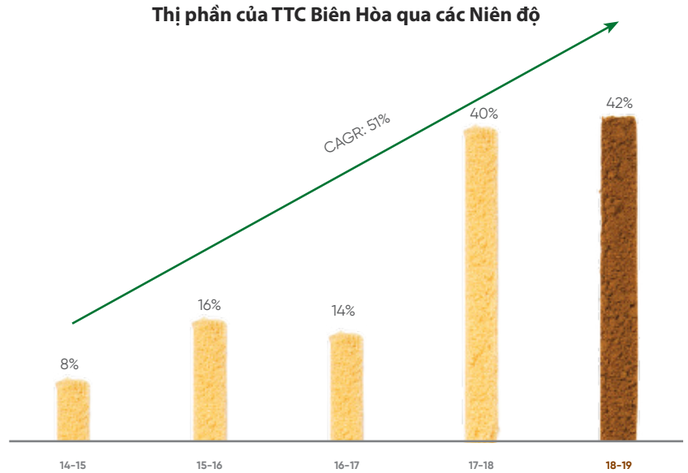
GRI 201-1 GIÁ TRỊ KINH TẾ TRỰC TIẾP ĐƯỢC TẠO RA VÀ PHÂN PHỐI

DOANH THU

Mặc dù Ngành Mía Đường đang trong giai đoạn khó khăn khi phải đối mặt với hàng loạt thách thức như thực trạng bão hòa, lượng Đường tồn kho trong nước lớn, sức ép từ Đường lậu Thái Lan và áp lực của Hiệp định ATIGA.

Tuy nhiên TTC Biên Hòa vẫn nỗ lực phát huy nội lực đã tích lũy, tiếp tục là Doanh nghiệp Đường số 1 Việt Nam với 42% thị phần, từng bước tiến gần hơn đến với mục tiêu chiếm lĩnh 50% thị phần cả nước NĐ 20-21. DTT tiếp tục duy trì đà tăng với 6% so với cùng kỳ, đạt 10.857 tỷ đồng. Mức tăng trưởng kép CAGR của DTT trong vòng 5 năm đạt 51% và dự kiến sẽ tiếp tục được duy trì trong các năm tiếp theo nhờ vào sự đa dạng DT thông qua việc đẩy mạnh nghiên cứu phát triển các sản phẩm Đường, Cạnh Đường - Sau Đường tạo nên Chuỗi Giá trị Ngành Đường hoàn hảo xuất phát từ Cây Mía. Đặc biệt là đón nhận những nguồn thu mới từ việc phát triển các sản phẩm ngoài Đường trong NĐ tiếp theo như cơ giới Nông nghiệp, cho thuê khu công nghiệp, hậu cần và chuỗi sản phẩm Nông nghiệp. Hiện tại, TTC Biên Hòa đang trong quá trình đàm phán để thực hiện liên kết và hợp tác với một số Tập đoàn lớn trong Khu vực Châu Á về lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi nhằm tận dụng lợi thế sẵn có các bên để gia tăng LN cho Công ty.

Thị phần của TTC Biên Hòa qua các Niên độ



Nguồn: TTC Biên Hòa tổng hợp

DOANH THU THUẦN

51%

TĂNG TRƯỞNG KÉP CAGR 5 NĂM

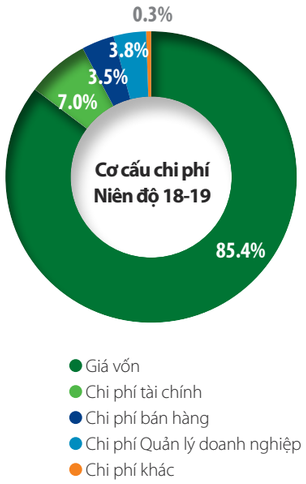
THỊ PHẦN

51%

TĂNG TRƯỞNG KÉP CAGR 5 NĂM

Đường vẫn là sản phẩm chính đóng góp lớn vào tỷ trọng DT, chiếm 87%, tương đương 9.471 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ. Đáng chú ý, DT từ Điện đạt 181 tỷ đồng, tăng 106% nhờ vào sự đóng góp của hệ thống sản xuất Điện từ Bã Mía 152 MW và hệ thống Điện Mặt trời Áp mái công suất 7,2 Mwp vừa được lắp đặt tại 9 Nhà máy của Công ty trong NĐ vừa qua. Với việc tự sản xuất Điện, TTC Biên Hòa đã góp phần bù đắp nguồn Năng lượng khi thấp điểm đặc biệt là mùa khô thiếu nước Thủy điện, tiết kiệm Năng lượng mua ngoài và đảm bảo an ninh Năng lượng quốc gia. Đối với Công ty là đa dạng hóa nguồn DT, giảm bớt chi phí hoạt động và tăng khả năng cạnh tranh trong Ngành.

CHI PHÍ VẬN HÀNH



Nguồn: BCTC Kiểm toán hợp nhất NĐ 18-19

Giá vốn hàng bán NĐ 18-19 đạt 9.985 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ, chủ yếu là do lượng Đường tồn kho NĐ trước với giá vốn cao vẫn còn và được chuyển qua NĐ này.

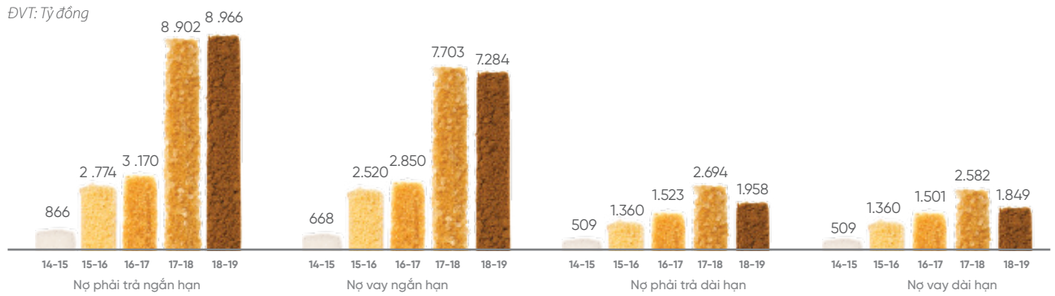
Tuy nhiên, nhờ vào việc đẩy mạnh bán hàng với sản lượng tiêu thụ tăng 31%, Công ty đã giải phóng được lượng lớn HTK giá cao khi HTK ghi nhận giảm 30% so với đầu NĐ. Bên cạnh đó, Công ty cũng tích cực cải tiến năng suất hoạt động các Nhà máy, đầu tư thêm nhiều dự án để tiết giảm chi phí giá thành sản phẩm, gia tăng hiệu quả sản xuất. Đây sẽ là những điều kiện cần và đủ để Công ty tăng trưởng tốt hơn khi Ngành Đường phục hồi.

Xác định rõ mục tiêu của giai đoạn hiện tại là gia tăng thị phần, Công ty đã đầu tư mạnh vào hệ thống kênh phân phối để gia tăng độ phủ của sản phẩm trên thị trường, theo đó thúc đẩy tăng trưởng Kênh Tiêu dùng B2C và Kênh Tiểu thủ Công nghiệp SME - là những Kênh còn nhiều dư địa để phát triển - nhằm đảm bảo tính ổn định và bền vững trong trung và dài hạn. Ngoài ra, Công ty cũng đã ký kết hợp tác chiến lược với ED&F Man để đẩy mạnh kênh Xuất khẩu, đưa sản phẩm đến với các thị trường khó tính như Mỹ và Châu Âu. Vì vậy, Chi phí bán hàng bước đầu sẽ phải gia tăng, với tỷ lệ tăng 26% so với cùng kỳ, tuy nhiên sẽ được bù đắp xứng đáng khi sản lượng và thị phần tăng trưởng như định hướng. Chi phí Quản lý doanh nghiệp chỉ tăng nhẹ 2% nhờ vào với việc áp dụng Hệ thống Quản lý doanh nghiệp ERP đã hỗ trợ Công ty quản lý tổng thể hoạt động từ đó tiết kiệm thời gian, tăng hiệu quả công việc.

CÁC KHOẢN THANH TOÁN CHO NHÀ CUNG CẤP VỐN

Trong NĐ 18-19, các khoản Nợ của Công ty đều giảm xuống theo chiều hướng tích cực. Đối với các loại hình phát hành liên quan đến Nợ, các BLQ sẽ là Ngân hàng, Định chế tài chính. Nợ vay ngắn hạn giảm 5% và Nợ vay dài hạn giảm 28% so với NĐ 17-18, xuất phát từ chiến lược tái cấu trúc nguồn vốn, giảm bớt đòn bẩy tài chính, tiết giảm chi phí lãi vay, phù hợp với mục tiêu phát triển trong dài hạn, theo đúng chủ trương đưa ra từ đầu NĐ.

Tình hình Nợ phải trả của TTC Biên Hòa qua các Niên độ



Nguồn: BCTC Kiểm toán hợp nhất từ NĐ 14-15 đến 18-19

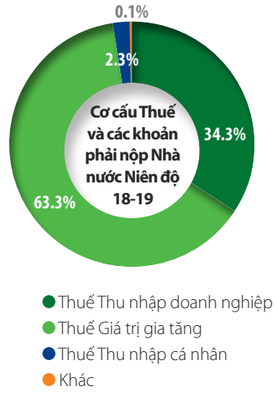
CỔ TỨC TIỀN MẶT

8 LẦN TRONG 11 NĂM

Đối với các loại hình phát hành liên quan đến Vốn cổ phần, các BLQ sẽ là CĐ và NĐT chiến lược. Công ty đã hoàn thành việc chia cổ tức bằng tiền mặt khoảng 408 tỷ đồng, tương đương 8% mệnh giá cho NĐ 17-18 và chia cổ tức bằng cổ phiếu 297 tỷ đồng tương đương 29,7 triệu cổ phiếu, với tỷ lệ 6% cho NĐ 16-17, từ nguồn LNST chưa phân phối NĐ 17-18. Để đảm bảo quyền lợi CĐ trong bất kỳ hoàn cảnh nào của Ngành, HĐQT dự kiến trình ĐHĐCĐ vào tháng 10/2019 để xuất chia cổ tức với tỷ lệ 4% - 6% tiền mặt hoặc/và cổ phiếu cho NĐ 18-19, tương đương hơn 293 tỷ đồng. Trong 11 năm qua, Công ty luôn chi trả cổ tức đều đặn cho CĐ thông qua các hình thức đa dạng tiền mặt và cổ phiếu trong đó cổ tức tiền mặt chiếm đa số với 8/11 lần. Đối với CPUĐ, CĐ sẽ được ưu đãi cổ tức trong vòng 6,5 năm, với mức cổ tức cố định là 5,5%/năm trong 1,5 năm đầu tiên và các năm tiếp theo sẽ theo thỏa thuận giữa Công ty và DEG.

CÁC KHOẢN PHẢI NỘP CHO CHÍNH PHỦ

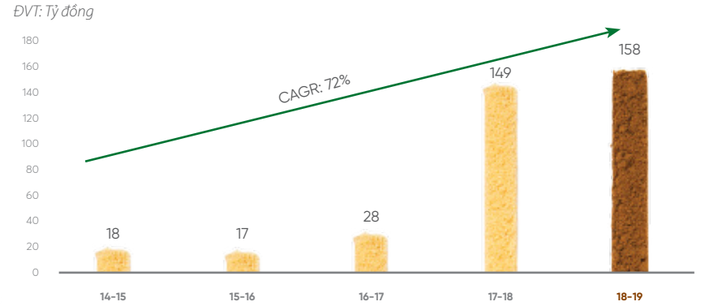
461 TỶ ĐỒNG
THUẾ VÀ KHOẢN PHẢI NỘP CHO NHÀ NƯỚC PHÁT SINH NIÊN ĐỘ 18-19



Nguồn: BCTC Kiểm toán hợp nhất từ NĐ 14-15 đến 18-19

Đóng thuế là quyền và nghĩa vụ của Công ty, không đơn thuần là trách nhiệm tuân thủ mà còn có ý nghĩa cho sự đóng góp phát triển của Đất nước trong đó có Ngành Nông nghiệp. Cùng với sự phát triển không ngừng của quy mô Công ty, các khoản Thuế phải nộp của TTC Biên Hòa cũng theo đó tăng lên. Trong NĐ 18-19, chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành ghi nhận 158 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng trưởng kép 72% trong giai đoạn NĐ 14-15 đến 18-19, phù hợp với tỷ lệ tăng trưởng DT trong quá trình mở rộng hoạt động SXKD. Tổng giá trị Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước phát sinh trong NĐ 18-19 là 461 tỷ đồng.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành



GRI 201-2 **ẢNH HƯỞNG VỀ KẾT QUẢ TÀI CHÍNH VÀ CÁC RỦI RO/CƠ HỘI DO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

Hoạt động trong lĩnh vực Nông nghiệp, là một trong những Ngành chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu, TTC Biên Hòa luôn chủ động kiểm soát và có kế hoạch quản lý nhằm hạn chế tối đa những ảnh hưởng của thời tiết đến hoạt động. NĐ 18-19, Công ty đã ban hành Quy trình chuẩn bị và ứng phó với các tình huống khẩn cấp, trong đó bao gồm các sự cố liên quan đến Môi trường, ngập lụt, thiên tai, dịch bệnh…

	Tên gọi	Các tác động đến kinh tế do rủi ro/ cơ hội mang lại	Ảnh hưởng về mặt tài chính trước khi áp dụng biện pháp quản lý	Biện pháp Quản lý rủi ro/cơ hội
Rủi ro	Gió bão	Làm Mía đổ ngã, giảm chất lượng và tăng chi phí thu hoạch Mía, tỷ lệ thất thoát Mía cao	Mía đổ ngã làm giảm Chữ Đường ít nhất 0,5 CCS, chi phí thu hoạch tăng 10-20%	» Trồng Mía với độ sâu đảm bảo giảm tỷ lệ đổ ngã » Chọn giống chống chịu đổ ngã cho vùng bị gió bão nhiều
	Ngập úng	Mía chết, giảm năng suất	Năng suất giảm 10 - 20% đối với các diện tích bị ngập nặng	» Trồng Mía vun mô/vun luống » Chọn giống chịu úng cho vùng đất thấp thường xuyên bị ngập trong mùa mưa
	Hạn hán (Elnino)	Mía giảm năng suất	Năng suất giảm 30 - 50%, đặc biệt Vùng Duyên hải Miền Trung Việt Nam	» Chọn giống chống hạn cho vùng đất cao, Miền Trung » Cày sâu chống hạn cho Mía
Cơ hội	Ngập úng và hạn hán	Canh tranh giữa Cây Mía và cây trồng khác	Cây Mía có sức chịu đựng tốt hơn so với các cây trồng ngắn ngày khác đối với điều kiện ngập úng và hạn hán. Do đó, các vùng đất hay bị ngập úng và hạn hán thì Cây Mía có lợi thế cạnh tranh nên phát triển diện tích VNL tốt	» Tập trung đầu tư các vùng đất khó khăn kèm theo giải pháp như đã đề cập ở phần rủi ro để ổn định VNL » Các vùng đất thuận lợi ít bị ảnh hưởng bởi thời tiết thì tăng đầu tư thâm canh tăng năng suất, từ đó giúp tối đa LN cho Người Nông dân.

GRI 201-4 HỖ TRỢ TÀI CHÍNH NHẬN ĐƯỢC TỪ CHÍNH PHỦ

Với định hướng chiến lược về phát triển Nông nghiệp từ Chính phủ, TTC Biên Hòa được hưởng ưu đãi Thuế Thu nhập doanh nghiệp 10% đối với DT từ hoạt động sản xuất kinh doanh Đường từ Mía theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 22/6/2015. Hệ thống các Công ty Con cũng chỉ có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 10% đến mức thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế. Các Công ty Con này cũng được hưởng miễn giảm Thuế Thu nhập doanh nghiệp theo các giấy phép đăng ký kinh doanh tương ứng và các luật Thuế hiện hành. Đây được xem là hỗ trợ rất tích cực từ Chính phủ cho các doanh nghiệp Ngành Mía Đường của Việt Nam trước sự cạnh tranh của Đường Thái Lan.

Kinh tế
GRI 202

SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG

CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU VÀ PHẠM VI BÁO CÁO

Mọi chính sách lương thưởng, phúc lợi dành do Nhân viên tại TTC Biên Hòa đều được xây dựng đảm bảo tính cạnh tranh và công bằng, tiên quyết loại bỏ sự bất bình đẳng giữa thu nhập giữa nam và nữ. Mức lương khởi điểm cho Nhân viên Công ty luôn cao hơn so với mức tối thiểu của Vùng, hỗ trợ người lao động có thu nhập ổn định, đồng thời đóng góp vào sự phát triển an sinh Xã hội của Địa phương và tác động tích cực đến mặt bằng tiền lương chung của thị trường lao động.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

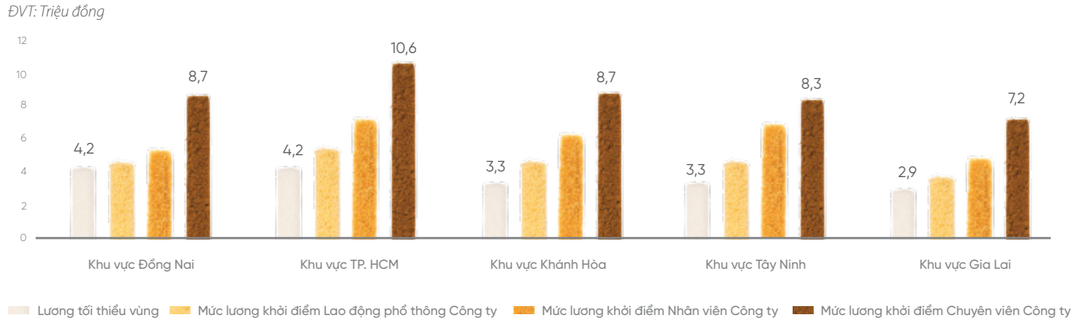
Công ty áp dụng và duy trì chính sách trả lương đảm bảo cân đối, hợp lý, phù hợp với từng vị trí, trình độ học vấn, kinh nghiệm và mức độ đóng góp của cá nhân cho Công ty. Những chính sách này luôn chú trọng đến việc gia tăng tính cạnh tranh về tổng thu nhập trên thị trường và sẽ lập tức điều chỉnh ngay khi có những thay đổi của Chính phủ. Định kỳ hàng năm Công ty sẽ xem xét, đánh giá nâng lương cho người lao động căn cứ vào kết quả kinh doanh của Công ty và hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân. Hình thức này sẽ tạo động lực làm việc, tăng mức độ gắn bó với Công ty và thúc đẩy năng suất lao động của người lao động, qua đó góp phần giúp doanh nghiệp gia tăng hiệu quả kinh doanh, lớn mạnh về chất và lượng, cũng như trở thành thương hiệu tuyển dụng hấp dẫn để khẳng định sự hiện diện của mình trên thị trường.



GRI 202-2 TỶ LỆ MỨC LƯƠNG KHỞI ĐIỂM SO VỚI MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU CỦA VÙNG

Với phương châm "Vì Cộng đồng - phát triển Địa phương", Công ty chủ trương tạo công ăn việc làm ổn định cho lao động Địa phương là điều kiện tiên quyết. Mức lương khởi điểm của CBNV từ Lao động phổ thông đến cấp Chuyên viên đều cao hơn mức lương tối thiểu của Vùng, góp phần đảm bảo một phần chi phí cuộc sống cho CBNV. Tỷ lệ chênh lệch giữa mức thu nhập CBNV TTC Biên Hòa với mức lương tối thiểu Vùng giao động cao hơn từ 12% đến 169% tùy theo vị trí và khu vực.

Mức lương tối thiểu Vùng và mức lương khởi điểm của Cán bộ nhân viên TTC Biên Hòa



Vùng	Khu vực	Mức lương tối thiểu vùng (VND)	Chênh lệch thu nhập Cán bộ nhân viên TTC Biên Hòa với mức lương tối thiểu Vùng (%)		
			Lao động phổ thông	Nhân viên	Chuyên viên
I	Khu vực Đồng Nai	4.180.000	12%	30%	108%
I	Khu vực TP. HCM	4.180.000	30%	72%	154%
III	Khu vực Khánh Hòa	3.250.000	38%	91%	168%
IV	Khu vực Tây Ninh	3.250.000	48%	114%	155%
V	Khu vực Gia Lai	2.920.000	25%	66%	147%

Lưu ý: Mức thu nhập trên đây chưa bao gồm các khoản phúc lợi không bằng tiền khác như du lịch giải trí, hoạt động tập thể, tiệc Công ty, quà tặng…

Nguồn: TTC Biên Hòa

CHỦ ĐỀ XÃ HỘI

"Xã hội bình ổn là điều kiện tiên quyết để phát triển kinh tế, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và xuất khẩu. Các chỉ tiêu về Việc làm, An toàn sức khỏe nghề nghiệp, Đào tạo là những vấn đề trọng yếu được các Bên liên quan quan tâm trong Niên độ vừa qua tại TTC Biên Hòa bởi những tác động trực tiếp và gián tiếp đến sự phát triển của Công ty cũng như Cộng đồng - Xã hội. TTC Biên Hòa trong nhiều năm qua vẫn luôn nỗ lực để xây dựng các chính sách nhất quán và dài hạn để tạo ra những ảnh hưởng tích cực cho Xã hội."



Xã hội

GRI 401

VIỆC LÀM

CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU VÀ GIỚI HẠN PHẠM VI CHỦ ĐỀ

"Hoạt động sản xuất kinh doanh của TTC Biên Hòa không chỉ mang lại những giá trị và lợi ích cho Cổ đông mà còn đem lại giá trị vật chất, tinh thần cho người lao động trực tiếp và gián tiếp trong Chuỗi cung ứng."

Trong bối cảnh Ngành Nông nghiệp Sản xuất Đường đòi hỏi nhiều lao động, Công ty chủ trương xây dựng các chính sách nhằm gắn kết lợi ích của người lao động với Công ty, xem đó là một trong những chiến lược trọng yếu về Nhân sự trong quá trình phát triển. Thị trường lao động ngày càng cạnh tranh gay gắt, việc thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao thật sự là một vấn đề nan giải vì sự ảnh hưởng thành công thương hiệu và tạo lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp. TTC Biên Hòa đặc biệt chú trọng đến vấn đề Nhân sự thông qua:

- Tạo cơ hội việc làm trong thị trường lao động và các địa phương nơi Công ty hoạt động;
- Tuyển dụng Nhân sự, thu hút nhân tài;
- Xây dựng môi trường làm viện thân thiện và chuyên nghiệp;
- Xây dựng chính sách lương thưởng và phúc lợi cạnh tranh cho CBNV;
- Xây dựng chính sách làm việc bình đẳng, công bằng, không phân biệt tôn giáo, quốc tịch, giới tính, khu vực;
- Đảm bảo an toàn sức khỏe lao động cho CBNV;
- Tạo điều kiện cho CBNV được đào tạo, nâng cao kỹ năng và trình độ chuyên môn.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Các chính sách được xây dựng trên cơ sở đảm bảo mọi hoạt động Nhân sự tuân thủ theo Luật Lao động và các Tiêu chuẩn Lao động quốc tế - ILO. Tất cả CBNV tại TTC Biên Hòa đều được ghi nhận đóng góp thông qua việc đánh giá hiệu quả làm việc và khen thưởng theo năng lực. Việc quản lý Nhân sự được thực hiện thông qua hệ thống E-Office nhằm giảm tải các thủ tục hành chính và khối lượng công việc của cấp Quản lý; đồng thời là minh bạch hóa các vấn đề về lương, thưởng, chế độ phụ cấp và phúc lợi cho CBNV. Mọi thay đổi về mặt chính sách Nhân sự đều được Công ty cập nhật theo đúng các quy định Pháp luật, đồng thời điều chỉnh các chính sách Nhân sự nội bộ dưới dạng các văn bản lập quy chính thức để đảm bảo tối đa lợi ích của người lao động.

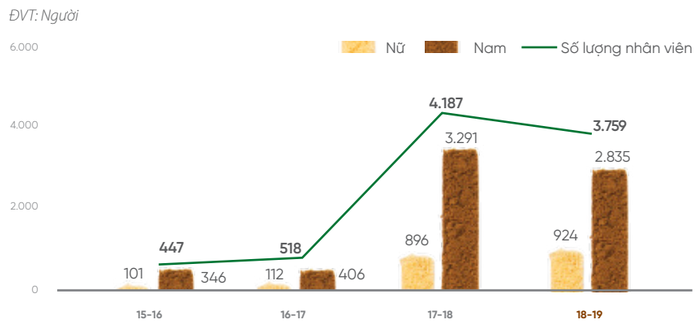
Với phương pháp Quản trị Nhân sự hiện tại, TTC Biên Hòa đã xây dựng được đội ngũ Nhân sự có năng lực và chuyên môn phù hợp với định hướng phát triển. Công ty đang tiếp tục hoàn thiện các chính sách phúc lợi và đào tạo để gia tăng sự hài lòng của CBNV; qua đó giúp người lao động gắn bó lâu dài cũng như tạo thuận lợi cho Công ty trong việc xây dựng đội ngũ Nhân sự kế thừa.

NỘI DUNG BÁO CÁO



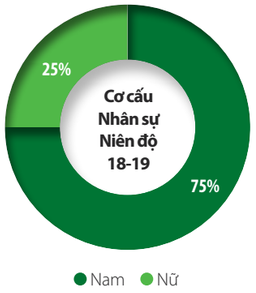
Niên độ 18-19 đánh dấu việc mở rộng quy mô hoạt động của Công ty trên toàn Khu vực Đông Dương; do đó quản lý hiệu quả nguồn nhân lực là một vấn đề cấp bách. Nhằm tối ưu hóa hoạt động, Công ty đã tiến hành sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy để nâng cao hiệu quả làm việc của CBNV và tăng cường khả năng quản lý. Kết thúc NĐ 18-19, tổng số lao động của Công ty là 3.759 người, trong đó 90% là nhân viên chính thức và 10% là nhân viên thời vụ, ghi nhận mức tăng trưởng kép 103% trong giai đoạn từ NĐ 15-16 đến 18-19.

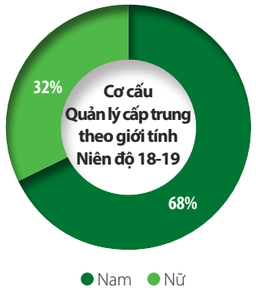
Tổng số Nhân sự qua các Niên độ

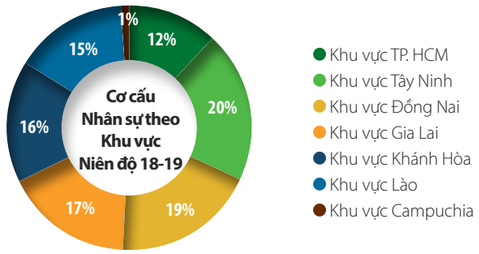


Nguồn: TTC Biên Hòa

GRI 401: VIỆC LÀM (TIẾP THEO)





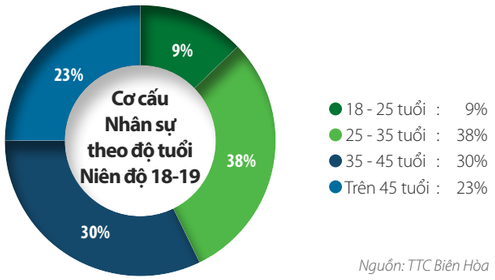


Nguồn: TTC Biên Hòa

Do đặc thù là Công ty hoạt động trong lĩnh vực Sản xuất Nông nghiệp nên lực lượng lao động đa phần là nam giới với 2.835 người chiếm 75%, trong khi số lượng nhân viên nữ là 924 người chiếm 25%. Mặc dù tỷ lệ nhân viên nữ của NĐ này chỉ chiếm ¼ nhưng tỷ lệ đã được cải thiện so với mức 21% của NĐ trước cho thấy nỗ lực của Công ty trong việc thực hiện bình đẳng giới. Công ty cũng khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho nữ giới phát huy năng lực khi tỷ lệ nữ cấp Quản lý chiếm đến 32% trong tổng số các cán bộ Quản lý cấp trung trở lên.

Với VNL trải rộng trên cả 3 Nước Đông Dương, Nhân sự của Công ty cũng có sự phân bổ rộng khắp, trong đó 84% là lao động tại Việt Nam, 15% ở Lào và 1% Campuchia. Riêng tại Việt Nam, tỷ lệ Nhân sự ở Khu vực Tây Ninh - nơi có VNL lớn nhất chiếm 27% trên tổng số Nhân sự toàn Công ty, tiếp theo là các Khu vực Khánh Hòa, TP. HCM, Đồng Nai và Gia Lai.

Trình độ Nhân sự	Tỷ lệ (%)			
	15-16	16-17	17-18	18-19
Trên Đại học	2%	3%	1%	2%
Đại học	37%	37%	25%	23%
Cao đẳng	5%	6%	9%	11%
Trung cấp	17%	16%	19%	14%
Sơ cấp	16%	16%	8%	11%
Lao động phổ thông	23%	22%	38%	39%



Nguồn: TTC Biên Hòa

Với cơ cấu Nhân sự khoảng 47% CBNV dưới 35 tuổi, 30% trong độ tuổi từ 35-45 tuổi và chỉ có 23% trên 45 tuổi, đội ngũ Nhân sự của TTC Biên Hòa được đánh giá trẻ, năng động, học hỏi nhanh và tính thích nghi cao. Công ty tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em dưới 18 tuổi. Tại TTC Biên Hòa, trình độ chuyên môn của CBNV là một trong những vấn đề rất được chú trọng nhằm đáp ứng tiêu chuẩn ngày càng cao trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt như hiện nay. Do đặc thù Ngành nên tỷ lệ Lao động phổ thông và sơ cấp tại Công ty vẫn chiếm đa số 50%. Tuy nhiên, lực lượng này đa phần nằm trong độ tuổi dưới 35 tuổi nhiều nhiệt huyết, có chuyên môn và khả năng tiếp cận nhanh với công nghệ sẽ góp phần vào sự phát triển của Công ty. Bên cạnh đó, tỷ lệ Nhân sự có trình độ cao từ Cao đẳng - Đại học trở lên trong NĐ 18-19 tăng nhẹ lên 36%, chiếm hơn 1/3 tổng lực lượng lao động của toàn Công ty.

GRI 401-1 SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN THUÊ MỚI VÀ TỶ LỆ THÔI VIỆC

Kinh tế ngày càng phát triển, người lao động ngày càng có nhiều sự lựa chọn trong việc tìm môi trường tốt với phúc lợi cao hơn. Đây là bài toán khó cho các doanh nghiệp trong việc giữ chân người lao động, đặc biệt đối với các Công ty sản xuất luôn cần phải duy trì số lượng lao động phù hợp nhằm đảm bảo hoạt động liên tục.

Thu hút và giữ chân nhân tài, sàng lọc những Nhân sự chưa đáp ứng đủ yêu cầu nhằm gia tăng hiệu quả công việc, tránh lãng phí, tối ưu hóa LN là phương châm mà Ban Lãnh đạo TTC Biên Hòa đưa ra trong Niên độ vừa qua.

> “Công ty đã thực hiện tái cấu trúc mạnh mẽ bộ máy Nhân sự nhằm xây dựng đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn cao và năng lực phù hợp. Trong Niên độ vừa qua, Công ty đã tuyển mới 904 người; trong đó tỷ lệ nhân viên nữ được tuyển dụng mới là hơn 29% và hơn 49% dưới 30 tuổi. Điều này cho thấy cơ cấu nguồn nhân lực của Công ty ngày càng được trẻ hóa với trình độ chuyên môn ngày càng cao.”

Tổng số lượng và tỷ lệ nhân viên nghỉ việc và tuyển mới theo nhóm tuổi và giới tính Niên độ 18-19

	Nhân sự tuyển dụng mới					
	Nam giới			Nữ giới		
	<30	30-50	>50	<30	30-50	>50
Tổng theo độ tuổi	288	320	30	152	108	6
Tổng theo giới tính		638			266	
Tổng cộng			**904**			

Nguồn: TTC Biên Hòa

GRI 401-2 PHÚC LỢI CUNG CẤP CHO NHÂN VIÊN TOÀN THỜI GIAN

Ngoài chính sách lương cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng Ngành và Địa phương, Công ty rất chú trọng trong việc thực hiện các chính sách đãi ngộ cho Nhân viên, tạo môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp cũng như đảm bảo chăm lo đời sống. Tổng chi phí phúc lợi cho CBNV NĐ 18-19 là 138 tỷ đồng, chiếm 1,4% trên DTT, trong đó tổng chi phí cho các khoản bảo hiểm là 39 tỷ đồng.

CHI PHÍ PHÚC LỢI CHO CÁN BỘ NHÂN VIÊN

138 TỶ ĐỒNG NIÊN ĐỘ 18-19

Phúc lợi cho Nhân viên Niên độ 18-19				
Tên phúc lợi	Toàn thời gian	Hợp đồng/ Bán thời gian	Chi phí (Triệu đồng)	Tỷ lệ
Bảo hiểm Xã hội	x	x	30.277	*22%*
Bảo hiểm Y tế	x	x	3.796	*3%*
Bảo hiểm Thất nghiệp	x	x	2.169	*2%*
Bảo hiểm Tai nạn	x	x	379	*0%*
Bảo hiểm Sức khỏe	x		2.086	*2%*
Công đoàn	x		1.828	*1%*
Quyền sở hữu cổ phiếu	x			
Khác	x		97.611	*70%*
Tổng cộng			**138.146**	***100%***

Nguồn: TTC Biên Hòa

GRI 401: VIỆC LÀM (TIẾP THEO)

Bên cạnh việc đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho CBNV theo đúng quy định của Pháp luật như chi phí Bảo hiểm bắt buộc chiếm tỷ trọng 29%, Công ty còn chú trọng quan tâm đến các chế độ phúc lợi khác ngoài lương thể hiện qua các giá trị vật chất lẫn tinh thần

Loại chính sách	Chi tiết
Chính sách phúc lợi dành cho Nhân viên chính thức	» Xe đưa rước cho CBNV làm việc tại các nhà máy » Khám sức khỏe định kỳ » Gói bảo hiểm Bảo Việt Healthcare - chăm sóc sức khỏe toàn diện cho các Cán bộ cấp trung và cấp cao » Du lịch nghỉ mát định kỳ » Quà tặng các dịp Lễ/Tết và các dịp đặc biệt » Các khoản phụ cấp gồm cơm trưa, tăng ca, chi phí điện thoại, phụ cấp độc hại cho CBNV
Chế độ làm việc xa xứ	» Phụ cấp thêm từ 3 - 5 triệu đồng/người » Được quyền đưa vợ/chồng, con đến địa phương nơi làm việc để cùng sinh sống: Công ty đài thọ 50% học phí chính quy cho 2 con hợp pháp dưới 18 tuổi tại các trường học trong địa bàn làm việc » Được về thăm nhà từ 6-9 lần/năm và được Công ty đài thọ chi phí đi lại
Chính sách, phúc lợi đối với lao động nữ	» Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Pháp luật trong tuyển dụng và sử dụng lao động nữ » Chú trọng đến bình đẳng giới trong các vấn đề: Tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, tiền lương, khen thưởng, thăng tiến, trả công, điều kiện lao động, an toàn lao động, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, các chế độ phúc lợi khác về vật chất và tinh thần » Chế độ nghỉ thai sản theo luật » Bảo đảm việc làm cho lao động nữ sau nghỉ thai sản
Thu nhập khác	» Lương tháng 13 » Thưởng hiệu quả công việc cuối năm » Thưởng thâm niên » Thưởng cổ phiếu ưu đãi - ESOP

GRI 401-3 NGHỈ THAI SẢN

Bên cạnh việc được khám sức khỏe định kỳ hàng năm, lao động nữ tại TTC Biên Hòa được đảm bảo hưởng đầy đủ các chế độ liên quan đến thai sản theo đúng quy định của Luật Lao động. Theo đó, lao động nữ được quyền nghỉ khám thai 5 lần/thai kỳ, mỗi lần nghỉ 1 ngày làm việc hoặc 2 ngày đối với những trường hợp người mang thai có bệnh lý không bình thường hoặc ở xa cơ sở y tế. CBNV nữ sẽ được nghỉ thai sản trong thời gian 6 tháng trước và sau khi sinh con. Lao động nam khi vợ sinh con sẽ được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo quy định Pháp luật.

Nghỉ thai sản Niên độ 18-19	Nữ
Nhân viên được hưởng nghỉ thai sản	43
Nhân viên đã nghỉ thai sản	43
Nhân viên đã quay lại làm việc và được giữ lại, trong vòng 12 tháng, sau khi kết thúc nghỉ thai sản	39
Tỷ lệ quay lại làm việc và được giữ lại của nhân viên đã nghỉ thai sản	91%

Nguồn: TTC Biên Hòa

Theo Nội quy lao động của Công ty, nhân viên nữ đang trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi sẽ được nghỉ mỗi ngày 1 giờ trong thời gian làm việc mà vẫn hưởng đủ lương. Trong giai đoạn mang thai hoặc nuôi con dưới 12 tháng tuổi, trường hợp nếu lao động nữ đang làm các công việc nặng nhọc sẽ được điều chuyển sang công việc nhẹ hơn và không bị buộc làm thêm giờ. Công ty không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ vì lý do kết hôn, có thai, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 12 tháng tuổi trừ trường hợp hết thời hạn Hợp đồng lao động hoặc Công ty chấm dứt hoạt động. Trong NĐ 18-19, về phía nữ giới đã có 43 trường hợp nghỉ và được hưởng chế độ thai sản, trong đó 39 người quay trở lại làm việc và được giữ lại trong vòng 12 tháng kể từ khi kết thúc thai sản, đạt tỷ lệ 91%.

Xã hội
GRI 403

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU VÀ GIỚI HẠN PHẠM VI CHỦ ĐỀ

An toàn sức khỏe nghề nghiệp được ưu tiên hàng đầu tại Công ty bởi TTC Biên Hòa là Công ty sản xuất. Đây là nghĩa vụ của Công ty trong vấn đề đảm bảo sức khỏe của người lao động; đồng thời cũng đem lại lợi ích kinh tế khi góp phần gia tăng hiệu quả sản xuất, năng suất người lao động, giảm các chi phí khám chữa bệnh và chi phí thiệt hại do tai nạn lao động.



PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Từ năm 2017, Phòng Chất lượng - Sức khỏe - An toàn - Môi trường (QHSE) được thành lập, phối hợp cùng Bộ phận Hành chính - Nhân sự để kiểm soát các vấn đề về An toàn và sức khỏe nghề nghiệp, đảm bảo cập nhật kịp thời những thay đổi liên quan của Pháp luật. Định kỳ hàng năm, Công ty thực hiện các Báo cáo Quan trắc Môi trường lao động, An toàn vệ sinh lao động, Tai nạn lao động, Quản lý thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt An toàn lao động… gửi cho các Cơ quan Chức năng. Bên cạnh đó, tất cả các hướng dẫn/quy định/quy trình đều được Công ty hệ thống hóa thành các văn bản lập quy để đưa vào áp dụng trong thực tế hoạt động của Công ty:

» Hướng dẫn kiểm soát vệ sinh cá nhân và sức khỏe người lao động;

» Quy trình xử lý, khai báo, điều tra và báo cáo tai nạn lao động;

» Hướng dẫn an toàn trong quản lý và sử dụng hóa chất;

» Quy trình cấp giấy phép làm việc có rủi ro cao;

» Quy trình chuẩn bị và ứng phó tình huống khẩn cấp;

» Quy trình quản lý thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn lao động.

Với các phương pháp Quản trị đề ra, trong năm 2018, TTC Biên Hòa ghi nhận không có vụ việc vi phạm an toàn và sức khỏe của người lao động.

NỘI DUNG BÁO CÁO

Theo thống kê của Liên đoàn Lao động, năm 2018, toàn quốc đã xảy ra gần 8.000 vụ tai nạn lao động, làm hơn 8.200 bị nạn, trong đó có 1.039 người chết, tăng 12% so với năm 2017. Con số này cho thấy công tác về an toàn vệ sinh lao động ở nước ta vẫn chưa được kiểm soát đúng mực. Hướng đến các tiêu chuẩn lao động quốc tế của ILO, công tác đảm bảo An toàn sức khỏe lao động của TTC Biên Hòa tập trung chủ yếu vào các hoạt động sau:

» Nâng cấp cơ sở hạ tầng, thiết bị để đảm bảo an toàn trong sản xuất;
» An toàn trong quản lý và sử dụng hóa chất;
» Trang bị bảo hộ lao động, công cụ làm việc an toàn;
» Đào tạo và nâng cao nhận thức của CBNV về an toàn, diễn tập các tình huống khẩn cấp, phòng cháy chữa cháy;
» Định kỳ đánh giá các mối nguy và kiểm soát rủi ro, đưa ra biện pháp phòng ngừa trong sản xuất;
» Định kỳ kiểm tra và bảo trì các thiết bị có yêu cầu an toàn nghiêm ngặt.

GRI 403: AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (TIẾP THEO)

GRI 403-2 LOẠI THƯƠNG TÍCH VÀ TỶ LỆ THƯƠNG TÍCH, BỆNH NGHỀ NGHIỆP, NGÀY CÔNG BỊ MẤT, TÌNH TRẠNG VẮNG MẶT VÀ SỐ VỤ TỬ VONG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG VIỆC

Không ngừng nâng cấp cơ sở hạ tầng, cải tiến máy móc thiết bị, trong NĐ 18-19, Công ty ghi nhận không có tai nạn lao động đáng tiếc nào xảy ra. Định kỳ hàng năm, Công ty đều phối hợp với Cơ quan Chức năng để tiến hành quan trắc Môi trường làm việc, kiểm tra nồng độ bụi, tiếng ồn, độ rung… để có cơ sở đưa ra những giải pháp cải thiện, bổ sung thêm trang bị bảo hộ lao động cho Nhân viên nhằm hạn chế những tác động của Môi trường đến sức khỏe của người lao động.



"Phòng bệnh hơn chữa bệnh", Công ty luôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền và đào tạo nhằm nâng cao nhận thức của CBNV về An toàn sức khỏe nghề nghiệp. Trong NĐ vừa qua, Công ty đã thực hiện 9 chương trình đào tạo về An toàn Vệ sinh lao động cho các nhóm I, II, III, IV, V, VI với tổng chi phí là 123 triệu đồng và chi phí dự kiến cho NĐ 19-20 là 300 triệu đồng.

Công ty cũng tổ chức cho Nhân viên tham gia các chương trình khám sức khỏe định kỳ, thực hiện theo dõi kết quả khám chữa bệnh thường xuyên, đặc biệt là đối với các Nhân viên làm việc trong khu vực có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp cao. Cụ thể, đối với Nhân viên làm việc ở khu vực có điều kiện bình thường, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm; đối với Nhân viên làm việc tại các vị trí nặng nhọc, độc hại và các vị trí có kết quả giám định Môi trường vượt ngưỡng theo QCVN, Công ty sẽ tổ chức khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm và khám phát hiện bệnh nghề nghiệp theo quy định của luật An toàn vệ sinh lao động.

Đối với các trường hợp phát hiện Nhân viên bị mắc bệnh nghề nghiệp, Công ty sẽ theo dõi và có kế hoạch tái khám định kỳ theo tần suất được quy định. Kết quả khám bệnh nghề nghiệp tại TTC Biên Hòa NĐ 18-19 là không phát hiện bất cứ loại bệnh nghề nghề nghiệp, thương tích (có khả năng) mắc phải trong khu vực Sản xuất cũng như Văn phòng. Kết quả giám sát Môi trường xung quanh Khu vực Cộng đồng đạt theo ngưỡng quy định của Quy chuẩn Việt Nam về Môi trường lao động:

STT	Thông số giám sát	Đơn vị tính	Chuẩn chấp nhận	Tiêu chuẩn áp dụng	Kết quả giám sát
1	Độ ồn	dBA	QCVN 26:2010/BTNMT, IFC	70	Đạt
2	Bụi PM10	µg/ m^3	QCVN 05: 2013/BTNMT, IFC	150	
3	Bụi PM2,5	µg/ m^3		50	
4	SO_2	µg/ m^3		125	
5	NO_2	µg/ m^3		200	
6	CO	µg/ m^3		30000	
7	CH	µg/ m^3	QCVN 06: 2009/BTNMT	5000	
8	H_2S	µg/ m^3		42	
9	Ozone	µg/ m^3	QCVN 05: 2013/BTNMT, IFC	120	

Nguồn: TTC Biên Hòa

Xã hội

GRI 404

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU VÀ GIỚI HẠN PHẠM VI CHỦ ĐỀ

Hoạt động nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, xây dựng đội ngũ kế thừa sẽ là nền tảng để CBNV thích ứng được với những thay đổi của môi trường và tạo ra lợi thế cạnh tranh cho Công ty. "*Được đào tạo*" là nhu cầu cơ bản của mỗi CBNV; khi nhu cầu được thỏa mãn, Nhân viên sẽ có xu hướng gắn bó lâu dài với Công ty, nỗ lực cống hiến, đóng góp vào sự phát triển của tổ chức, giúp tiết kiệm chi phí, gia tăng DT và LN.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Hàng năm Công ty đều lập kế hoạch đào tạo cho CBNV từ Nhân viên cho đến các cấp Quản lý và triển khai đến từng Phòng ban/Nhà máy. CBNV phải tham gia đầy đủ các khóa đào tạo bắt buộc của Công ty. Sau mỗi khóa đào tạo, Nhân viên sẽ được yêu cầu thực hiện các bài kiểm tra và được cấp chứng chỉ sau mỗi khóa học. Mỗi Phòng ban đều có một lộ trình đào tạo cụ thể để có thể phát triển năng lực bản thân một cách tốt nhất. Mỗi Nhân viên luôn được tạo điều kiện thuận lợi để tham gia các chương trình đào tạo cũng như khuyến khích văn hóa học tập không ngừng. Hoạt động giáo dục và đào tạo tại TTC Biên Hòa đã đem lại những kết quả tích cực khi CBNV được phát triển toàn diện cả về chuyên môn nghiệp vụ lẫn kỹ năng mềm.

NỘI DUNG BÁO CÁO

GRI 404-1 SỐ GIỜ ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH MỖI NĂM CHO MỖI NHÂN VIÊN

Trong NĐ 18-19, Công ty đã tổ chức 166 khóa học với 36.400 giờ đào tạo cho người lao động các cấp. Tổng chi phí đào tạo trong NĐ ghi nhận 10 tỷ đồng.

10 TỶ ĐỒNG TỔNG CHI PHÍ ĐÀO TẠO

10 GIỜ/NGƯỜI/NĂM

Chỉ tiêu	Cấp cao	Cấp trung	Nhân viên	Tổng số
Tổng số giờ đào tạo *(Giờ)*	80	1.336	34.984	**36.400**
Tổng số nhân viên *(Người)*	6	146	3.607	**3.759**
Số giờ đào tạo bình quân *(Giờ/người)*	13,3	9,2	9,7	**9,7**

Nguồn: TTC Biên Hòa

GRI 404-2 CÁC CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO KỸ NĂNG CHO NHÂN VIÊN

Công ty đã triển khai 166 chương trình đào tạo, trong đó 57% là đào tạo nội bộ, 43% là đào tạo bên ngoài trong NĐ. Các chương trình đào tạo được phân ra thành 4 nhóm chính (1) Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ (83%) (2) Đào tạo hội nhập (9%) (3) Đào tạo kỹ năng Lãnh đạo (6%) và (4) Đào tạo Kỹ năng mềm 2%.

Đào tạo theo nhóm chương trình

Nhóm	Số lượng Chương trình	Số giờ đào tạo				
		Nhân viên	Quản lý sơ cấp	Quản lý cấp trung	Quản lý cao cấp	Tổng cộng
Chuyên môn, Nghiệp vụ	138	27.471	3.932	2.315	80	**33.798**
Đào tạo Hội nhập	15	328	26	46	-	**400**
Kỹ năng Lãnh đạo	9	32	72	954	-	**1.058**
Kỹ năng mềm	4	560	488	96	-	**1.144**
Tổng	**166**	**28.391**	**4.518**	**3.411**	**80**	**36.400**

Biến đổi khí hậu hiện đang là một thách thức đối với toàn cầu khi sự nóng lên của trái đất sẽ kéo theo nguy cơ hạn hán, cháy rừng, băng tan, mực nước biển dâng cao, lũ lụt nghiêm trọng… cùng với sự tuyệt chủng của các loài động vật hoang dã và sinh vật dưới đại dương.

Theo báo cáo mới nhất của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) vào đầu tháng 7/2019, hiện tượng nóng lên còn dẫn đến "stress nhiệt", gây nguy cơ đến sức khỏe nghề nghiệp, hạn chế hoạt động thể chất cũng như khả năng làm việc của người lao động. Đến năm 2030, do nhiệt độ cao hơn, tổng số giờ làm việc trên toàn thế giới sẽ giảm 2,2%, tương đương với 80 triệu việc làm toàn thời gian. Mức suy giảm này tương đương với thiệt hại kinh tế toàn cầu ở mức 2.400 tỷ USD. Ngành được dự báo sẽ bị ảnh hưởng nặng nề nhất là lĩnh vực Nông nghiệp. Là Quốc gia đang phát triển với đặc thù là kinh tế Nông nghiệp, Việt Nam sẽ là một trong những nước dễ chịu tổn thương bởi biến đổi khí hậu. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu ở nước ta vì thế là vấn đề quan trọng và cấp thiết.

"Thực tế, ứng phó với biến đổi khí hậu không chỉ là trách nhiệm của 1 quốc gia, 1 cơ quan, đơn vị mà là sự chung tay của cả Xã hội - Cộng đồng. Các doanh nghiệp cần phải tìm ra lời giải cho bài toán sử dụng hiệu quả nguồn nguyên vật liệu, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh để tiết kiệm sử dụng nguyên liệu, định hướng thói quen sử dụng các sản phẩm "Chất lượng - Xanh - Sạch - Thân thiện với Môi trường" của Khách hàng."



Môi trường
GRI 301

VẬT LIỆU

CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU VÀ GIỚI HẠN PHẠM VI CHỦ ĐỀ

Là doanh nghiệp tiêu biểu trong lĩnh vực sản xuất, TTC Biên Hòa hoàn toàn ý thức được các tác động của quá trình sản xuất đến Môi trường thông qua việc tiêu hao Nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm. Đặc thù của TTC Biên Hòa là sản xuất sản phẩm Đường và Cạnh Đường - Sau Đường nên nhu cầu về Mía và Đường thô nguyên liệu rất cao và liên tục.

Do đó, quản trị và quản lý hiệu quả Nguyên vật liệu đầu vào sẽ đảm bảo được năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, hạn chế tối đa sự gián đoạn trong sản xuất, qua đó giúp kiểm soát được giá thành.

"Quá trình sản xuất thành phẩm Đường đồng thời cũng tạo ra Phụ phẩm là Bã Mía. Công ty đã tái sử dụng nguồn Phụ phẩm này để chuyển đổi thành Nguyên vật liệu chính của quá trình sản xuất ra Điện thương phẩm - nguồn nguyên liệu Sinh khối để đưa vào sử dụng trong sản xuất nội bộ hoặc bán lên lưới điện quốc gia, giúp đa dạng hóa các nguồn giá trị gia tăng cho doanh nghiệp nói riêng và Ngành nói chung."

Ngoại trừ Mía và Đường thô là những Nguyên vật liệu chính thì quá trình sản xuất để tạo ra thành phẩm Đường còn cần thêm một số Nguyên phụ liệu khác tuy nhiên tỷ trọng chiếm không đáng kể nên không được đề cập trong Báo cáo này.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Hệ thống Quản trị Nguyên vật liệu của TTC Biên Hòa được xây dựng trên phần mềm Smartlab - đây là kênh thông tin online sản xuất hiệu quả, cho phép người truy cập dữ liệu ở bất cứ nơi đâu giúp cho việc giám sát và điều hành sản xuất thuận tiện và suôn sẻ. Bên cạnh đó, các thông tin và số liệu về Nguyên vật liệu sử dụng cũng thường xuyên được cập nhật đến BLĐ thông qua (1) Báo cáo hàng ngày (2) Họp sản xuất ở nhà máy hàng tuần (3) Họp điều độ kế hoạch sản xuất phạm vi Tổng Công ty được tổ chức hàng tháng nhằm tối ưu hóa tồn kho Nguyên vật liệu, năng lực sản xuất và nhất là đảm bảo tính kịp thời cung cấp Nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất.

Với các phương pháp Quản trị được đưa ra, TTC Biên Hòa đã kiểm soát được chất lượng và nguồn cung Nguyên vật liệu, đảm bảo sự điều phối hợp lý theo kế hoạch sản xuất.

NĐ 18-19, thu hồi Đường từ Mía 10CCS và tỷ lệ Điện thương phẩm tấn Mía đều đạt kế hoạch lần lượt ghi nhận 101% và 106% so với kế hoạch. Các chỉ tiêu về tỷ lệ SPKPH trong sản xuất, lưu và xuất kho, do khiếu nại Khách hàng lần lượt là 0,31%, 0,08% và 0,13%; thấp hơn so với định mức mục tiêu đề ra vào đầu năm là 0,31%, 0,16% và 0,19%.

GRI 301: VẬT LIỆU (TIẾP THEO)

NỘI DUNG BÁO CÁO

GRI 301-1 **VẬT LIỆU ĐƯỢC SỬ DỤNG THEO TRỌNG LƯỢNG**

> "TTC Biên Hòa là số ít Doanh nghiệp Đường Việt Nam có khả năng luyện Đường từ cả Mía và Đường thô nguyên liệu."

TTC Biên Hòa hiện đang sở hữu 9 Nhà máy luyện Đường với tổng công suất sản xuất là 620.000 tấn Đường, trong đó có 4 Nhà máy có khả năng sản xuất từ Đường thô là TTCS, Biên Hòa - Ninh Hòa, Biên Hòa - Trị An và Biên Hòa Đồng Nai. Đặc biệt Biên Hòa - Đồng Nai là Nhà máy duy nhất có khả năng luyện Đường quanh năm với công suất 400 tấn Đường/ngày. Nhờ vậy, Công ty có thể tự chủ tốt hơn về nguồn Nguyên liệu đầu vào, tăng thời gian chế luyện cũng như tối đa hóa năng suất hoạt động của các Nhà máy.

Hiệu quả sử dụng Nguyên vật liệu đầu vào đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ giữa các Phòng Ban chức năng và sự tuân thủ cao theo các quy trình và quy định liên quan đến quản lý Nguyên vật liệu bao gồm cả Mía và Đường thô, đảm bảo Nguyên vật liệu đạt tiêu chuẩn chất lượng đồng thời luôn được duy trì ở mức hợp lý, tránh các tình trạng thừa hoặc thiếu Nguyên vật liệu gây ảnh hưởng đến tiến trình sản xuất, tăng chi phí sản xuất hoặc làm giảm chất lượng sản phẩm do tồn kho quá lâu ngày.

MÍA NGUYÊN LIỆU	ĐƯỜNG THÔ
Trong bối cảnh Ngành Đường thế giới gặp nhiều bất lợi ảnh hưởng không tích cực đến giá Mía, VNL Mía trên địa bàn cả nước có xu hướng bị thu hẹp. Tuy nhiên, TTC Biên Hòa vẫn nỗ lực giữ ổn định và gia tăng diện tích VNL nhằm đảm bảo lượng Mía cung cấp cho các các Nhà máy theo kế hoạch sản xuất; nhờ vào các chính sách hỗ trợ cho Người Nông dân, đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ vào kỹ thuật canh tác giúp nâng cao năng suất thu hoạch Mía	Nguồn Đường thô từ việc đấu thầu nhập khẩu theo quota với sự hỗ trợ của Khối Kinh doanh và Khối Cung ứng
Khối Nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý và kiểm soát VNL, tương tác với người Nông dân nhằm đảm bảo các vấn đề về sản lượng và chất lượng của Mía nguyên liệu, đáp ứng kế hoạch SXKD	Quá trình mua hàng phải đảm bảo tuân thủ các chính sách và quy trình từ khâu mua hàng đến nhập kho sản xuất, đồng thời đáp ứng: Hướng dẫn phân tích Đường thô, Quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật Đường thô Nguyên liệu…
Tất cả các khâu bao gồm từ trồng trọt, canh tác đến thu hoạch đều được kiểm soát chặt chẽ thông qua hệ thống văn bản lập quy với các quy trình/hướng dẫn cụ thể: Cẩm nang canh tác Mía, Sổ tay canh tác Mía hữu cơ, Hướng dẫn đánh giá sinh trưởng, Hướng dẫn kiểm tra sau thu hoạch Mía….	

Niên độ 18-19 là 1 năm khó khăn đối với Ngành Đường Việt Nam và cả thế giới khi xu hướng chung tất cả các Doanh nghiệp Đường đều điều tiết sản lượng để phù hợp với tình hình thặng dư sản xuất dẫn đến sản lượng Mía ép và Đường thô Nguyên liệu sử dụng giảm nhẹ so với cùng kỳ. Tuy nhiên, theo dự báo của các chuyên gia, chu kỳ phục hồi của Ngành Đường sẽ trở lại khi tình trạng thặng dư hiện tại sẽ chuyển dần sang thâm hụt bắt đầu từ NĐ 19-20. Chủ động nắm bắt cơ hội khi thị trường phục hồi, TTC Biên Hòa đã có những bước chuẩn bị hợp lý khi mở rộng VNL để gia tăng năng lực sản xuất, đẩy mạnh tiêu thụ; mở đầu cho việc phát triển HĐKD trong nhiều NĐ tiếp theo.



GRI 301-2 **VẬT LIỆU TÁI CHẾ ĐÃ ĐƯỢC SỬ DỤNG**

Mô hình tái sử dụng chất thải trong quá trình sản xuất Đường tại TTC Biên Hòa



ĐƯỜNG TINH LUYỆN

SẢN PHẨM

MẬT



SẢN PHẨM



SẢN PHẨM

NƯỚC HƯƠNG MÍA



CHẤT THẢI

CO_2 từ Khí	Bã Mía	Bã bùn	Tro lò	Nước thải
Làm sạch Siro	Điện	Phân hữu cơ		Tạo chân không

GRI 301: VẬT LIỆU
NỘI DUNG BÁO CÁO (TIẾP THEO)

Các Sản phẩm được sản xuất từ Phụ phẩm và chất thải Ngành Đường đến Niên độ 18-19

NƯỚC UỐNG TỪ MÍA	Nước uống Miaqua là sản phẩm được sản xuất đặc biệt, được chiết xuất trong quá trình ngưng tụ và chưng cất Đường Mía, vì thế giữ được trọn vẹn hương Mía dịu ngọt	NĐ 18-19, Công ty đã sản xuất được hơn 73.000 thùng nước Miaqua, vượt 3% so với kế hoạch
BÃ MÍA	Bã Mía là sản phẩm phụ được thải ra trong quá trình sản xuất Đường, sau khi Cây Mía đã bị ép kiệt nước Mía. Đây là nguồn nhiên liệu đốt cung cấp nhiệt cho lò hơi và có thể nghiên cứu để tận dụng sản xuất ra nấm, làm giấy, phân bón hữu cơ, thức ăn gia súc...	NĐ 18-19, Công ty đã thu hồi về hơn 1 triệu tấn Bã Mía để đưa vào tái sản xuất, giảm thiểu tối đa chất thải ra Môi trường
ĐIỆN SINH KHỐI	Nhằm tối đa hóa Chuỗi Giá trị Cây Mía, lượng Bã Mía sau khi thải ra chủ yếu được thu gom đưa về lò hơi. Tại đây, Bã Mía sẽ được đốt tạo ra nguồn nhiệt lượng phục vụ cho việc sản xuất Đường, phát điện dùng cho nhà máy hoặc bán lên lưới điện quốc gia	NĐ 18-19, tổng sản lượng Điện thương phẩm của Công ty đạt hơn 150 triệu Kwh, tăng 7% so với cùng kỳ
MẬT RỈ	Mật rỉ là một Phụ phẩm của Ngành sản xuất Đường. Quá trình sản xuất sẽ tạo ra các tinh thể Đường và Mật Mía. Các tinh thể Đường được tách ra và phần Mật Mía tiếp tục được cô đặc. Sau khoảng 3 lần cô đặc, hầu như không thể tạo thêm các tinh thể Đường bằng các biện pháp thông thường, chất lỏng còn lại chính là Mật rỉ	Tỷ lệ Mật rỉ/Tấn Mía của NĐ 18-19 vẫn duy trì ở mức tốt, xấp xỉ NĐ trước, góp phần tăng hiệu suất thu hồi Đường tốt hơn
PHÂN HỮU CƠ VI SINH	Phân hữu cơ vi sinh được sản xuất từ phế phẩm sản xuất Đường (tro lò, bã bùn luyện, bã bùn thô), ứng dụng công nghệ vi sinh để chuyển hóa các thành phần hữu cơ có trong bùn Mía thành mùn do vi sinh vật trong chế phẩm Trichoderma thực hiện. Sản phẩm được bổ sung vi lượng (Bo, Mg, Zn...) nhằm tăng chất lượng phục vụ cây trồng	Năm 2018, Công ty đã hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động Nhà máy Phân hữu cơ vi sinh với công suất 50.000 tấn. Sản phẩm hiện tại đã được bán ra thị trường với chất lượng vượt yêu cầu đề ra.



150+
TRIỆU KWH
ĐIỆN THƯƠNG PHẨM NIÊN ĐỘ 18 - 19,
TĂNG 7% SO VỚI NIÊN ĐỘ TRƯỚC

Môi trường
GRI 302

NĂNG LƯỢNG

CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU VÀ GIỚI HẠN PHẠM VI CHỦ ĐỀ

Nhu cầu về Năng lượng sử dụng cho hoạt động SXKD là rất lớn. Trước những thách thức của biến đổi khí hậu và thực trạng nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng trở nên khan hiếm, việc kiểm soát hiệu quả nguồn Năng lượng sử dụng là vấn đề cần được các doanh nghiệp chú ý quan tâm bởi những tác động tiêu cực của nó gây ra không chỉ ảnh hưởng đến hiện tại mà còn thế hệ tương lai. BLĐ Công ty luôn chú trọng lựa chọn những Nguyên liệu đốt thông minh, hiệu quả, an toàn nhằm giảm thiểu cường độ phát thải nhà kính và các tác động đến Môi trường.

> TTC Biên Hòa chọn giải pháp sử dụng ngay chính chất thải của quá trình sản xuất Đường là Bã Mía để làm nguyên liệu đốt, cung cấp hơi cho quá trình sản xuất, đồng thời tạo ra điện sạch cung cấp cho hoạt động Nhà máy và hòa vào lưới điện quốc gia. Những nỗ lực trong việc thay đổi, cân đối các Nguồn năng lượng do doanh nghiệp trực tiếp hoặc gián tiếp tiêu thụ không chỉ giúp Công ty tiết giảm chi phí mà còn góp phần giảm tác động của việc tiêu thụ Năng lượng quá mức.



PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

TTC Biên Hòa quản trị các vấn đề sử dụng Năng lượng thông qua hệ thống Phần mềm tích hợp ERP. Để đảm bảo mọi thông tin được cập nhật đến BLĐ một cách thường xuyên, bên cạnh các báo cáo định kỳ (hàng ngày, tuần, tháng, vụ mùa) và các cuộc họp trực tiếp (hàng tuần, tháng, quý…), việc ứng dụng phần mềm Smartlab cho phép thông tin được truy cập một cách nhanh chóng, chính xác và kịp thời. Ngoài ra, các hoạt động truyền thông nội bộ nhằm nâng cao ý thức bảo vệ Môi trường của CBNV bằng cách tiết kiệm điện cũng được Công ty quan tâm thực hiện.

Phòng Kỹ thuật Sản xuất sẽ định kỳ kiểm tra, đánh giá số liệu thực hiện của NĐ trước và đưa ra các phương pháp cải tiến dựa theo từng mùa vụ và nhu cầu sản xuất thực tế của NĐ. Kết quả thực hiện NĐ 18-19 cho thấy tiêu thụ điện năng tại Công ty giảm đáng kể so với cùng kỳ.

GRI 302 - NĂNG LƯỢNG (TIẾP THEO)

NỘI DUNG BÁO CÁO

GRI 302-1 NĂNG LƯỢNG TIÊU HAO TRONG TỔ CHỨC

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gắn liền với hàng loạt nguồn Năng lượng đa dạng, bao gồm cả các nguồn Năng lượng tái tạo và không tái tạo. Bên cạnh đó, mặc dù Công ty giảm 7% tiêu thụ lượng điện năng do tổ chức tạo ra để tự sử dụng nhưng cũng gia tăng 12% sản lượng điện bán ra nên dẫn đến sản lượng tiêu thụ thực tế giảm 10% so với NĐ 17-18.

> "Trong Niên độ 18-19, Công ty giảm tiêu thụ Năng lượng từ lưới điện quốc gia tương đương 24% so với cùng kỳ"

	CHỈ TIÊU	Tăng giảm NĐ 18-19/17-18 (%)
1	Tổng tiêu thu Năng lượng từ việc sử dụng nhiên liệu có nguồn gốc không tái tạo (dầu mỏ, khí đốt, than đá…)	-0,4
2	Tổng tiêu thụ Năng lượng điện từ nguồn cấp lưới điện quốc gia	-24,0
3	Tổng tiêu thụ Năng lượng do tổ chức tạo ra để dùng (bao gồm Năng lượng Mặt trời, Gió…)	-7,2
4	**Tổng lượng tiêu thụ Năng lượng**	**-10**
5	**Tổng Năng lượng tổ chức bán ra**	**12**

Nguồn: TTC Biên Hòa



GRI 302-4 GIẢM TIÊU HAO NĂNG LƯỢNG



> "Năng lượng tái tạo đang là xu hướng của toàn cầu; với vị thế là một trong những Doanh nghiệp Đường đầu Ngành, TTC Biên Hòa đã nhanh chóng bắt xu hướng."

Sau quá trình nghiên cứu khả thi, trong NĐ 18-19, Công ty đã chi 134 tỷ đồng để thực hiện lắp hệ thống Điện Mặt trời trên mái của 9 Nhà máy để tận dụng nguồn Năng lượng sạch, đồng thời tiết kiệm chi phí hoạt động. Công ty ước tính đã tiết kiệm được 10,6 triệu KWh điện, tương đương với số tiền khoảng 24 tỷ đồng. Mục tiêu trong những NĐ sắp tới, Công ty sẽ tiếp tục gia tăng tỷ trọng của nguồn Năng lượng này nhằm tiết giảm giá thành sản xuất, gia tăng năng lực cạnh tranh.

Trong NĐ, bên cạnh việc lắp hệ thống Điện Mặt trời, Công ty còn triển khai các dự án Sấy Bã Mía, Tiết kiệm hơi, Cải tạo hệ thống Carbonate hóa để giảm tiêu thụ Năng lượng. Tại Nhà máy TTCS, việc sử dụng hơi cao áp đều được thay thế bằng cột nghiêng ngưng tụ kiểu phun. Kết quả tiêu hao hơi trong giai đoạn ép Mía đã giảm từ 0,57 tấn hơi/tấn Mía xuống còn 0,50 tấn hơi/tấn Mía; tiêu hao hơi trong giai đoạn luyện Đường giảm từ 2,0 tấn hơi/tấn Đường xuống còn 1,8 tấn hơi/tấn Đường. Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu cải tiến và lắp đặt thêm một số thiết bị trong dây chuyền sản xuất để giảm tiêu thụ hơi ở Nhà máy TTCS từ 0,50 tấn hơi/tấn Mía xuống còn 0,45 tấn hơi/tấn Mía trong NĐ 19-20 và tiếp tục giảm xuống còn 0,42 tấn hơi/tấn Mía vào NĐ 20-21. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện cải tạo hệ thống phân phối khí CO_2 tại Nhà máy TTCS để tăng cường hiệu quả hoạt động Carbonate. Lượng Điện tiêu thụ giảm từ 10.200 kWh/ngày xuống còn 6.720 kWh/ngày, giảm 3.480 kWh/ngày so với NĐ 17-18, tương đương với 762.120 kWh/năm và 1,1 tỷ đồng chi phí Điện.

Suất tiêu hao Điện năng và tiêu hao hơi tại Nhà máy TTCS



Nguồn: TTC Biên Hòa

Môi trường
GRI 303

NƯỚC

CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU VÀ GIỚI HẠN PHẠM VI CHỦ ĐỀ

"Nước là một trong những nguồn tài nguyên hữu hạn trong tự nhiên. Trong bối cảnh quy mô sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng mở rộng, nhu cầu về Nước của TTC Biên Hòa ngày càng tăng. Là một Công ty hoạt động trong lĩnh vực Sản xuất Nông nghiệp, mức độ phụ thuộc vào nguồn Nước là không nhỏ. Việc kiểm soát và tiết kiệm nước, tuần hoàn tái sử dụng Nước cũng như đảm bảo chất lượng chất thải đầu ra là vấn đề cấp thiết rất được Ban Lãnh đạo chú trọng nhằm hạn chế những tác động tiêu cực đến Môi trường do chính hoạt động của Công ty gây ra."



PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

TTC Biên Hòa quản trị vấn đề Nước và Nước thải thông qua việc phân tách riêng biệt các loại Nước theo mục đích sử dụng:

STT	Mô tả	Nguồn sử dụng
1	Nước tạo chân không cho quá trình sản xuất	Nước mặt kênh, sông, suối, nước giếng, nước sạch sau hệ thống xử lý nước thải
2	Nước sử dụng cho công nghệ	Nước trích từ Mía
3	Nước vệ sinh nhà xưởng, thiết bị	Nước mặt kênh, sông, suối, nước giếng, nước sạch sau hệ thống xử lý nước thải
4	Tưới cây	
5	Sinh hoạt	Nước thủy cục, nước giếng

Công ty xây dựng các thông số kiểm soát cho từng loại Nước, xây dựng hệ thống thu gom Nước thải, Nước mưa tách biệt. Nước thải được thu gom về hệ thống xử lý trước khi đưa ra Môi trường hoặc tái sử dụng lại. Các thông tin liên quan sẽ được cập nhật đến BLĐ thường xuyên thông qua số liệu báo cáo trên ứng dụng Smartlab, các cuộc họp giao ban hàng tuần và các báo cáo định kỳ của các nhà máy (tuần, tháng, quý…). Tại TTC Biên Hòa, các vấn đề phát sinh từ Nước cấp thủy và Nước thải sẽ được đánh giá định kỳ:

- Đối với Nước thủy cục, Nước giếng và Nước sông: Được đánh giá hàng tháng qua số liệu ghi nhận
- Đối với Nước thải: Được đánh giá hàng ngày thông qua số liệu đo đạc

Trong NĐ vừa qua, việc kiểm soát sử dụng Nước, tuần hoàn tái sử dụng Nước đều được thực hiện tốt và không có bất kỳ vi phạm nào được phát hiện.

NỘI DUNG BÁO CÁO

GRI 303 -1 LƯỢNG NƯỚC ĐẦU VÀO THEO NGUỒN

Các vấn đề về An toàn sức khỏe luôn được đặt lên hàng đầu, chính vì thế kiểm soát chất lượng Nước trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm là cực kỳ quan trọng. Công ty đã ban hành Hướng dẫn kiểm soát nguồn Nước để kiểm soát đối với nguồn Nước sử dụng, hệ thống phân phối, lưu trữ và đề ra các biện pháp kiểm soát, xử lý khi phát hiện nguồn Nước không đạt yêu cầu sử dụng. Nước tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm yêu cầu đạt quy chuẩn Nước ăn uống theo quy định của QCVN 1-2019/BYT. Các thiết bị lọc, thùng chứa, đường ống, van nước tại các phân xưởng sản xuất phải thường xuyên được kiểm tra, vệ sinh và khắc phục ngay nếu có sự cố. Trong NĐ 18-19, tổng lượng Nước tiêu thụ của Công ty là hơn 3,8 triệu m^3, giảm 18% so với cùng kỳ nhờ vào việc kiểm soát tốt nguồn Nước sử dụng.

Tổng lượng Nước đầu vào theo nguồn

Mô tả	17-18		18-19		Chênh lệch 18-19/17-18	
	Lượng nước (m^3)	%	Lượng nước (m^3)	%	Lượng nước (m^3)	%
Nước bề mặt (sông, suối, ao, hồ…)	2.504.306	*54*	2.157.371	*56*	-346.935	*-14*
Nước ngầm	179.275	*4*	151.148	*4*	-28.127	*-16*
Nước cấp đô thị	348.195	*8*	311.326	*8*	-36.869	*-11*
Nước thủy cục	1.630.003	*34*	1.206.260	*32*	-423.743	*-26*
Tổng cộng	**4.661.779**	***100***	**3.826.105**	***100***	**-835.674**	***-18***

Nguồn: TTC Biên Hòa

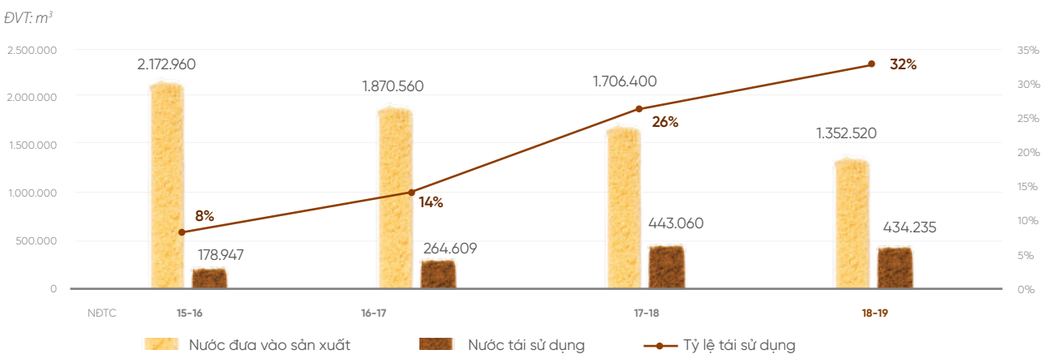
Lưu ý: Số liệu được thu thập từ chỉ số đồng hồ đo lưu lượng hàng tháng tại Công ty. Các dữ liệu dưới đây được thống kê từ các Nhà máy: TTCS, TTC Gia Lai, TTCA, Biên Hòa - Đồng Nai, Biên Hòa - Ninh Hòa, Biên Hòa - Tây Ninh, Biên Hòa - Phan Rang, Biên Hòa - Trị An, Nước Trong. Riêng NĐ 17-18, TTCA chưa có số liệu thống kê nước sử dụng do chưa được sáp nhập về TTC Biên Hòa.

GRI 303 -3 TUẦN HOÀN VÀ TÁI SỬ DỤNG NƯỚC

Quá trình sản xuất Đường cần một lượng Nước không nhỏ để sử dụng cho hệ thống giải nhiệt; tuy nhiên lượng Nước này sau quá trình giải nhiệt sẽ có nhiệt độ cao, không còn sử dụng được và phải xả bỏ ra ngoài. Để tiết kiệm Nước, tái sử dụng lượng Nước từ hệ thống giải nhiệt, Công ty đã đầu tư hệ thống Cooling Tower, nhằm tuần hoàn Nước sử dụng sau quá trình giải nhiệt để cắt giảm lượng Nước mua ngoài, tiết kiệm chi phí.

Điển hình như tại Nhà máy TTCS, với việc đầu tư cho hệ thống xử lý Nước thải và hệ thống Cooling Tower đã đảm bảo cho Nước thải trong quá trình sản xuất được xử lý đạt chất lượng cột A theo QCVN 40:2011/BTNMT. Lượng Nước thải sau khi được xử lý sẽ được tái sử dụng 100%, giúp tiết kiệm hơn 1.000 m^3 Nước sạch/ngày tương 3 tỷ đồng/năm, góp phần đáng kể trong việc hạ giá thành sản phẩm.

Thống kê lượng Nước sử dụng và tái sử dụng tại Nhà máy TTCS



Nguồn: TTC Biên Hòa

Môi trường
GRI 305

PHÁT THẢI

CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU VÀ GIỚI HẠN PHẠM VI CHỦ ĐỀ



"Biến đổi khí hậu đang diễn ra mạnh mẽ, trái đất đang phải đối mặt với các nguy cơ đến từ hiệu ứng khí nhà kính, băng tan, mực nước biển dâng lên…, các Bên liên quan hơn bao giờ hết có nhu cầu thiết yếu về việc yêu cầu các doanh nghiệp giải trình về trách nhiệm của mình trong những vấn đề này. TTC Biên Hòa là Doanh nghiệp sản xuất nên trách nhiệm trong việc tạo nên hiệu ứng nhà kính thể hiện rõ nhất qua vấn đề phát thải. TTC Biên Hòa hiện nay đang kiểm soát chặt chẽ việc phát thải để đảm bảo một quy trình sản xuất thân thiện với Môi trường và Cộng đồng."

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Vấn đề phát khí thải được quản lý thông qua hệ thống Phần mềm tích hợp ERP và liên tục được cập nhật trên phần mềm online Smartlab. Các Nhà máy Đường của Công ty đều được xây dựng hệ thống xử lý khói, giảm nhiệt, đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo Quy chuẩn Việt Nam 19:2009/BTNMT và các quy định khác theo Luật Môi trường. Đồng thời, nhằm giám sát chất lượng khí thải, các Nhà máy được trang bị hệ thống quan trắc khói theo đúng quy định của Thông tư 24:2017/BTNMT Quy định kỹ thuật quan trắc Môi trường. Dữ liệu quan trắc được gửi trực tiếp đến Sở Tài nguyên Môi trường của từng địa phương. Trong NĐ 18-19, Công ty đã quản lý tốt phát thải trong quá trình sản xuất, không có vi phạm nào được phát hiện trong năm.

NỘI DUNG BÁO CÁO

GRI 305 -1 PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH TRỰC TIẾP

Lò hơi của các Nhà máy chủ yếu sử dụng nhiên liệu Sinh khối từ Bã Mía thay cho Than đá, nhờ vậy hạn chế được đáng kể Phát thải nhà kính. Mặt khác, công nghệ sản xuất Đường RE của Công ty áp dụng công nghệ Cacbonat hóa, nghĩa là sử dụng CO_2 và vôi trong quy trình sản xuất nhằm loại bỏ tạp chất. Do đó, lượng khí CO_2 sinh ra trong quá trình đốt lò hơi sẽ được trích thu về và tái sử dụng vào sản xuất. Ước tính tỷ lệ trích thu này khoảng 25% tổng lượng CO_2 phát thải ra ngoài Môi trường.

Trong NĐ 18-19, Nhà máy TTCS đã triển khai hệ thống sấy Bã Mía nhằm mục đích giảm hàm lượng nước trong bã từ 52% xuống còn 42%, qua đó nâng cao nhiệt trị Bã Mía làm cho hiệu suất lò hơi tăng 10%; đồng nghĩa với việc Bã Mía tiêu thụ để sản xuất 1 tấn hơi giảm, từ đó tiết kiệm Bã. Lượng Bã thừa được lưu trữ để làm nguồn nhiên liệu sản xuất ngoài vụ Mía. Ngoài việc mang lại hiệu quả về mặt kinh tế, do nhiệt độ lò hơi đốt cao hơn, bã khô và cháy triệt để hơn nên hệ thống sấy Bã còn mang lại hiệu quả về khía cạnh bảo vệ Môi trường vì hàm lượng bụi trong khói lò sau khi đi qua hệ thống sấy Bã sẽ giảm đáng kể.

Môi trường
GRI 306

NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI

CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU VÀ GIỚI HẠN PHẠM VI CHỦ ĐỀ

"Chất thải công nghiệp là một vấn đề lớn của Ngành Đường nếu không được quản lý tốt, tỷ lệ chất thải và sản phẩm phụ trong quá trình sản xuất chiếm đến 35% tổng lượng Mía. Tuy nhiên, nếu được khai thác hợp lý, chất thải từ công nghệ sản xuất Mía Đường sẽ là tài sản lớn, tạo ra giá trị gia tăng và giảm giá thành sản phẩm."

Nhằm tối đa hóa Chuỗi Giá trị Cây Mía cũng như góp phần vào bảo vệ Môi trường tự nhiên, TTC Biên Hòa đã thiết lập chính sách "không chất thải" với định hướng tái sử dụng tối đa những chất thải từ quá trình sản xuất, cụ thể là Bã bùn thải ra từ các công đoạn sản xuất được ủ để làm chất cải tạo đất, nước. Điều này chứng tỏ cam kết cao của Công ty đối với Môi trường, đồng thời đây cũng là minh chứng cho việc Công ty có thể tuân theo các nguyên tắc Môi trường toàn cầu để ngăn chặn suy thoái Môi trường cho các thế hệ tương lai.



PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Đối với Nước thải

Hệ thống vận hành xử lý Nước thải đạt theo yêu cầu Pháp luật hiện hành theo QCVN 40:2011/BTNMT.

Đối với Chất thải

Công ty quản trị vấn đề Chất thải thông qua hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001: 2015, đảm bảo Chất thải khi đưa vào Môi trường phải đạt quy chuẩn Môi trường đã cam kết.

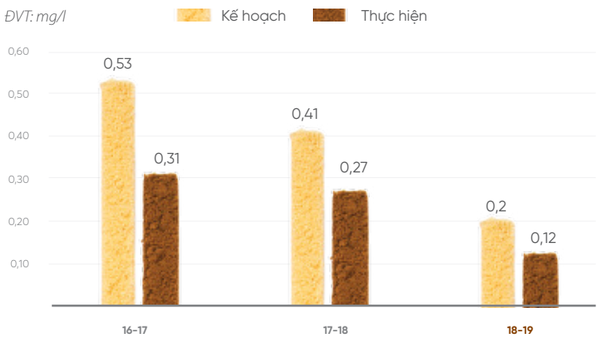
Công ty đề ra các KPI về quản lý chất thải và thực hiện đánh giá nội bộ 1 lần/năm. Trong NĐ vừa qua, không có vi phạm nào về việc quản lý Chất thải và Nước thải được phát hiện.

NỘI DUNG BÁO CÁO

GRI 306 -1 TỔNG NƯỚC THẢI THEO CHẤT LƯỢNG VÀ ĐỊA ĐIỂM THẢI

Hệ thống vận hành xử lý Nước thải đạt theo yêu cầu pháp luật hiện hành theo QCVN 40:2011/BTNMT. Nước thải sau khi đi qua hệ thống xử lý được tái sử dụng, giúp tiết kiệm chi phí cho Công ty. Định kỳ hàng năm, Công ty đều đặt ra mục tiêu kiểm soát COD (Chemical Oxygen Demand - Nhu cầu ôxy hóa học). Lượng COD phát thải thấp sẽ giúp hệ thống xử lý Nước thải xử lý dễ dàng hơn, ít tốn hóa chất hơn. Với việc thường xuyên thực hiện kiểm tra và sửa chữa hệ thống Nước thải, thay thế và khắc phục các đường ống dẫn nước, trong các NĐ gần đây, chỉ số COD thực hiện đều giảm so với NĐ trước và thấp hơn đáng kể so với mục tiêu đề ra.

Tải lượng COD



Nguồn: TTC Biên Hòa

Công ty đã ban hành nhiều văn bản lập quy như Hướng dẫn quản lý Chất thải, Quy trình xử lý Nước thải, Quy trình xử lý tình huống khẩn cấp để quản lý và xử lý Nước thải, đặc biệt là trong những trường hợp có sự cố để hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến hệ sinh thái và Môi trường sống của Cộng đồng xung quanh khu vực các Nhà máy nơi Công ty hoạt động. Trường hợp xảy ra khiếu nại từ Cộng đồng địa phương, Phòng QHSE và Hành chính Nhân sự sẽ là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc tiếp nhận và giải quyết các vấn đề phát sinh theo đúng Quy trình xử lý khiếu nại Cộng đồng.

Tổng lượng Nước thải theo chất lượng và địa điểm tiếp nhận Nước thải Niên độ 18-19

Địa điểm xả thải	Lượng nước thải (m^3)			Phương pháp xử lý	Chất lượng nước thải đầu ra	Nước thải sử dụng lại bởi tổ chức khác
	NĐ 17-18	NĐ 18-19	%			
TTCS: Tây Ninh	443.060	434.235	-2	Phương pháp sinh học kết hợp hóa lý	Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT	» Tái sử dụng Nước thải sau xử lý cho hệ thống Nước tạo chân không trong Nhà máy » Nhà máy tái sử dụng
Phan Rang: Ninh Thuận	363.350	214.080	-41		Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT	
Ninh Hòa: Khánh Hòa	256.290	191.718	-25		Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT	
Attapeu: Tưới Mía Khu vực Nông trường cạnh Nhà máy	Không thống kê	178.848	-		Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT	
Biên Hòa Đồng Nai: Đồng Nai	106.480	78.511	-26		Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT	
Biên Hòa Trị An: Đồng Nai	135.784	34.312	-75		Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT	Nước thải sau khi được xử lý sẽ được thải ra ngoài
Gia Lai: Gia Lai	48.957	28.272	-42		Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT	» Tái sử dụng Nước thải sau xử lý cho hệ thống Nước tạo chân không trong Nhà máy » Nhà máy tái sử dụng
Biên hòa Tây Ninh: Tây Ninh	25.200	17.400	-31		Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT	Nước thải sau khi được xử lý sẽ được thải ra ngoài
Nước Trong: Không xả thải ra Môi trường, tái sử dụng lại trong Nhà máy tại Tây Ninh	16.358	9.111	-44		Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT	Tái sử dụng

Lưu ý: Lưu lượng Nước thải được lấy thông qua chỉ số đồng hồ đo lưu lượng Nước thải vào và ra của Hệ thống xử lý Nước thải.

Nguồn: TTC Biên Hòa

GRI 306 -2 TỔNG LƯỢNG CHẤT THẢI THEO LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ

Mọi hoạt động xử lý Chất thải của Công ty đều tuân theo Quy trình quản lý Chất thải cam kết tuân thủ 100% theo quy định của Pháp luật. Chất thải được Công ty thu gom và phân loại tại nguồn, định kỳ sẽ thuê các đơn vị chức năng để xử lý đối với Chất thải nguy hại và rác thải sinh hoạt. Riêng các Chất thải thông thường khác trong quá trình sản xuất như Bã Mía, Bã Bùn, Tro Lò sẽ được tận dụng để làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất khác theo đúng tinh thần của chính sách "Không Chất thải".

Bã Mía sẽ được tận dụng triệt để làm nguyên liệu đốt lò hơi, cấp hơi và điện cho hoạt động sản xuất của Nhà máy, hòa bán vào lưới điện quốc gia, mang về nguồn LN cho Công ty. Lò hơi sử dụng nguyên liệu Sinh khối từ Bã Mía giúp giảm thiểu phát sinh khí CO_2 và các khí khác gây hại Môi trường. Ngoài ra, khí CO_2 từ lò hơi, qua hệ thống xử lý khí thải được trích thu sử dụng để loại bỏ tạp chất của Đường, vừa tiết kiệm chi phí, vừa bảo vệ Môi trường. Tro Lò, Bã Bùn được dùng để cung cấp thêm Men vi sinh, làm Phân bón cải tạo đất Nông trường, tăng độ phì nhiêu của đất, tăng năng suất cho Cây Mía.

Phân loại Chất thải theo phương pháp xử lý

Chỉ tiêu	2017		2018		Chênh lệch	
	Chất thải nguy hại (tấn)	Chất thải thông thường (tấn)	Chất thải nguy hại (tấn)	Chất thải thông thường (tấn)	Chất thải nguy hại	Chất thải thông thường
Ủ phân *(tấn)*	-	12.251.142	**-**	**6.768.077**	-	*-45%*
Đốt (đốt khối lượng lớn) *(tấn)*	-	937.145	**-**	**837.525**	-	*-11%*
Thuê đơn vị chức năng xử lý	23	516	**12**	**437**	*-48%*	*-15%*

Lưu ý: Số liệu trên được lập theo năm báo cáo 2017 và 2018 cho Cơ quan Chức năng

Nguồn: TTC Biên Hòa



Môi trường
GRI 307
GRI 419

TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG, KINH TẾ, XÃ HỘI

CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU VÀ GIỚI HẠN PHẠM VI CHỦ ĐỀ

"TTC Biên Hòa rất quan tâm đến các vấn đề Tuân thủ về Môi trường, Kinh tế và Xã hội. Đây không chỉ là trách nhiệm cơ bản của một doanh nghiệp mà còn là lời cam kết tuân thủ ở mức độ cao nhất của tập thể Ban Điều hành và Cán bộ nhân viên nhằm khẳng định vai trò của Doanh nghiệp Mía Đường điển hình, từng bước đưa Công ty bước ra đấu trường quốc tế, rút ngắn khoảng cách giữa Ngành Đường Việt Nam và Khu vực, tiếp tục thu hút đầu tư từ các Đối tác chiến lược nước ngoài."

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Các vấn đề về hạn chế tác động đến Môi trường, phát triển Kinh tế, ảnh hưởng tích cực đến Cộng đồng - Xã hội luôn được Công ty chú trọng ngay từ những ngày đầu thành lập, xây dựng Nhà máy. Sau nhiều lần hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bắt đầu từ Phòng Quản lý chất lượng, chuyển đổi sang Phòng Quản lý Hệ thống, đến năm 2017 Phòng QHSE (Quality - Health - Safety - Enviroment) đã chính thức được thành lập để quản lý các vấn đề liên quan đến Môi trường - Kinh tế - Xã hội, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty đều tuân thủ theo các quy định Luật bảo vệ Môi trường tại địa phương và hệ thống Pháp luật Việt Nam. Định kỳ, Công ty sẽ thực hiện các báo cáo giám sát cho Cơ quan Chức năng theo đúng quy định:

- **Đánh giá 1 lần khi triển khai thực hiện dự án hoặc khi nâng công suất hay thay đổi loại hình hoạt động:** Báo cáo đánh giá tác động Môi trường;
- **Báo cáo 2 lần/năm:** Báo cáo giám sát chất lượng Môi trường;
- **Báo cáo 1 lần/năm:** Báo cáo An toàn Vệ sinh lao động, Báo cáo Tai nạn lao động, Báo cáo Tình hình khai thác nước dưới đất, Báo cáo Tình hình khai thác nước mặt, Báo cáo Quản lý chất thải nguy hại, Báo cáo xả thải, Báo cáo Quản lý thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt an toàn lao động…



Phòng QHSE và Phòng Hành chính Nhân sự sẽ cập nhật thông tin, đánh giá liên tục những thay đổi liên quan đến các vấn đề Môi trường, Nhân sự, Xã hội bằng các phương pháp đánh giá nội bộ, đánh giá thẩm tra, đánh giá nghĩa vụ tuân thủ. Trong NĐ 18-19, Công ty không phát hiện bất cứ vi phạm luật định nào từ khía cạnh Kinh tế, Môi trường, Xã hội. Chúng tôi vẫn luôn và sẽ tiếp tục nỗ lực hết mình trong việc kiểm soát tuân thủ của mình để xây dựng một hình ảnh doanh nghiệp uy tín và có trách nhiệm.

NỘI DUNG BÁO CÁO

"Tinh thần trách nhiệm và những nỗ lực tuân thủ về Môi trường - Kinh tế - Xã hội của TTC Biên Hòa được ghi nhận thông qua việc Công ty liên tục được vinh danh trong nhiều hạng mục liên quan đến Phát triển bền vững và hoạt động Cộng đồng Xã hội trong Niên độ 18-19."



Doanh nghiệp Hoạt động vì Cộng đồng TỐT NHẤT CHÂU Á
Asia Best CSR Practices Awards

TOP 100 DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG

TOP 20 DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT THUỘC RỔ CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG - VNSI

CMO Asia
Tháng 8/2018

Đây là giải thưởng mang tầm quốc tế nhằm tôn vinh các doanh nghiệp có nhiều ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ hiện đại, tạo ra những sản phẩm xanh - sạch - thân thiện với Môi trường

Doanh nghiệp tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện, thể hiện trách nhiệm với Cộng đồng - Xã hội

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI
Tháng 11/2018

Lần thứ 2 liên tiếp có tên trong danh sách nhờ những nỗ lực trong việc tạo ra các giá trị về Kinh tế, Xã hội và Môi trường một cách bền vững, phát triển toàn diện

Kết quả đánh giá được dựa trên Bộ chỉ số Doanh nghiệp bền vững (CSI), với các tiêu chí mang tính tiệm cận Bộ tiêu chuẩn GRI Standard của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu cũng như phù hợp với luật pháp Việt Nam và thông lệ quốc tế

Đây chính là thước đo để đánh giá mức độ PTBV của các doanh nghiệp tham gia

HOSE
Định kỳ đánh giá vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm

Tiếp tục duy trì sự hiện diện trong Top 20 doanh nghiệp niêm yết thuộc rổ chỉ số PTBV (VNSI) của HOSE kể từ kỳ đánh giá đầu tiên vào tháng 7/2017

Để được lựa chọn vào Rổ chỉ số VNSI, các doanh nghiệp phải đạt được các đánh giá tốt về mặt Môi trường, Xã hội và Quản trị với tiêu chí đánh giá dựa trên Bộ tiêu chuẩn GRI, Bộ nguyên tắc QTCT của OECD và quy định Pháp luật chứng khoán hiện hành.

THÔNG TIN LIÊN HỆ CÁC BÊN LIÊN QUAN

THÔNG TIN CHUNG

TRỤ SỞ CHÍNH
Địa chỉ : Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
Điện thoại : (0276) 37 53 250
Email : *ttcs@ttcsugar.com.vn*

VĂN PHÒNG THƯƠNG MẠI
Địa chỉ : Tầng 11, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM
Điện thoại : (028) 39 99 88 11
Email : *ttcs@ttcsugar.com.vn*

ĐƯỜNG DÂY NÓNG VỀ QUY CHẾ ỨNG XỬ
Địa chỉ : Tầng 11, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM
Người liên hệ : Ông Huỳnh Thành Nhân
Trưởng Ban Kiểm toán Nội bộ
Điện thoại : 0901 233 790 (24/7)
Email : *ia.mgr@ttcsugar.com.vn*



THÔNG TIN HỖ TRỢ CÁC BÊN LIÊN QUAN TRỌNG YẾU CỦA BÁO CÁO

PHÒNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ
Địa chỉ : Tầng 11, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM
Người liên hệ : Bà **Vũ Thị Lệ Giang**
Trưởng Phòng
Điện thoại : (028) 39 99 88 11 - 3402
Email : *ir.dir@ttcsugar.com.vn*

PHÒNG KINH DOANH
Địa chỉ : Tầng 11, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM
Người liên hệ : Bà **Dương Thị Tô Châu**
Phó TGĐ phụ trách Kinh doanh
Điện thoại : (028) 62 92 69 18 - (028) 62 92 69 19
Email : *cd.dep-ceo@ttcsugar.com.vn*

PHÒNG NÔNG NGHIỆP
Địa chỉ : Tầng 11, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM
Người liên hệ : Ông **Nguyễn Bá Chủ**
Phó TGĐ phụ trách Nông nghiệp
Điện thoại : 0898 777 579
Email : *dep-ceo@ttcsugar.com.vn*

PHÒNG CUNG ỨNG
Địa chỉ : Tầng 11, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM
Người liên hệ : Bà **Trần Thị Anh Thư**
Trưởng phòng Cung ứng
Điện thoại : (028) 39 99 88 11 - 4204
Email : *ad.pur.mgr@ttcsugar.com.vn*

PHÒNG MARKETING
Địa chỉ : Tầng 11, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM
Người liên hệ : Ông **Võ Thành Luân**
Trưởng phòng Marketing
Điện thoại : (028) 39 99 88 11 - 1706
Email : *mkt.mgr@ttcsugar.com.vn*

PHÒNG NHÂN SỰ
Địa chỉ : Tầng 11, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM
Người liên hệ : Bà **Lê Hà Thị Mai Thảo**
Giám đốc Nhân sự
Điện thoại : (028) 39 97 77 27 - 1710
Email : *cpo@ttcgroup.vn*



Nhằm góp phần bảo vệ Môi trường, Báo cáo thường niên Niên độ 18 -19 của TTC Biên Hòa được in với số lượng có hạn và sử dụng loại giấy thân thiện với Môi trường. Khi không còn nhu cầu sử dụng, Quý vị vui lòng chuyển cho những người có quan tâm.

Báo cáo thường niên Niên độ 18 -19 của TTC Biên Hòa còn được công bố bằng phiên bản điện tử cho cả 2 ngôn ngữ Việt - Anh, Quý vị quan tâm vui lòng truy cập Trang Web của Công ty: **www.ttcsugar.com.vn**